

A. MAUROIS

NHỮNG TÁC PHẨM
KINH ĐIỂN THẾ GIỚI

Flora từng mùa



ISBN

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Hoa Tùng Mùa

Andre Maurois

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

<u>Dừng cánh</u>	
<u>Những con kiến</u>	
<u>Chúc thư</u>	
<u>“Chị Ariane của tôi”</u>	
<u>Irène</u>	
<u>Cô là một nghệ sĩ lớn</u>	
<u>Hoa vi-ô-lét ngày thứ Tư</u>	
<u>Bức tranh Nhà thờ lớn</u>	
<u>Một sự nghiệp</u>	
<u>Hoa từng mùa</u>	
<u>Myrrhine</u>	
<u>Danh dự</u>	
<u>Hội chợ Neuilly</u>	
<u>Khi người tù trở về</u>	
<u>Tai họa của vàng</u>	
<u>Khách sạn Thanatos</u>	

Hoa từng mùa

André Maurois

*Nguyễn Sinh
Đào Quang Bính
dịch*

Nhà xuất bản Hội nhà văn 2007

Dừng cánh

- Câu chuyện kì lạ nhất của đời tôi à? – Bà nói. – Khó đấy. Trong suốt cuộc đời tôi, biết bao chuyện đã xảy ra.
- Tôi nghĩ là vẫn có.
- Ồ, không. Tôi đã già đi; tôi đã khôn ngoan thêm. Đó là một cách khác để nói là tôi cần phải nghỉ ngơi... Giờ đây, tôi thật hài lòng khi được ngồi một mình, vào buổi tối, đọc lại những bức thư thời xa xưa, hay nghe một đĩa hát.
- Không thể có chuyện người ta không tiếp tục tán tỉnh bà. Bà vẫn còn giữ được tất cả những nét duyên dáng và tôi không biết những dấu ấn nào của sự từng trải, có thể là những đau khổ trong quá khứ, khiến cho nét mặt bà càng làm xao xuyến lòng người... Không thể cưỡng lại được...
- Cám ơn lời khen của ông... Vâng, tôi vẫn còn những người hâm mộ. Điều bất hạnh là tôi không còn tin vào họ nữa. Tôi đã biết quá rõ những người đàn ông còn lửa nhiệt tình khi họ chưa đạt được gì, nhưng sau là sự hờ hững hay ghen tuông. Tôi vẫn tự hỏi mình hà cớ sao ta lại đi xem thêm một lần nữa tấn hài kịch mà ta đã biết rõ kết cục?... Thời còn trẻ, tôi đã sống khác. Mỗi lần như vậy, tôi lại có cảm giác là đã gặp một con người tuyệt vời, và con người đó đã dứt tôi ra khỏi hoài nghi. Tôi đến với họ bằng tất cả tấm lòng thành... Vậy đấy, mới cách đây năm năm thôi, khi tôi mới làm quen với Renaud, chồng của tôi bây giờ, tôi có cảm tưởng là tôi đã đổi thay. Ông ấy khỏe, hơi cục tính, ông ấy dứt khỏi tôi nỗi hoài nghi. Ông ấy cười tôi khi tôi lo âu hay quá cẩn trọng. Tôi đã tưởng tìm thấy trong ông ấy một vị cứu tinh. Không phải là ông ấy đã hoàn hảo, ông ấy học không cao và còn vụng về trong cách ứng xử. Nhưng ông ấy đã mang lại cho tôi cái mà tôi chưa từng bao giờ có: sự vững vàng... Một chiếc phao... ít nhất thì đó là những gì tôi nghĩ lúc đó.
- Bà không còn nghĩ như vậy nữa sao?
- Ông ấy biết rõ là không, Renaud đã phải chứng kiến nhiều thất bại kinh khủng. Tôi đã phải an ủi ông ấy, làm ông ấy vững tin hơn; tôi đã bảo vệ Người bảo vệ của tôi... Những người đàn ông thật sự mạnh hiem lắm.
- Ít nhất bà cũng đã gặp một lần?
- Vâng, tôi đã gặp một người. Vâng, chưa phải đã lâu lắm, và trong một hoàn cảnh thật lạ lùng... À, ông hỏi tôi về câu chuyện lạ kì nhất trong đời tôi. Vâng, câu chuyện ấy đấy.
- Bà kể đi!
- Trời, ông muốn điều gì vậy? Phải lục tìm trong ký ức của tôi... Và chuyện thì dài mà ông lại luôn bận rộn. Ông có thể dành cho tôi một đôi chút thì giờ chăng?
- Ồ tất nhiên, tôi sẵn sàng nghe chuyện của bà.
- Thôi được rồi... Cách đây đã hai mươi năm... Khi đó tôi là một người quả phụ trẻ. Ông vẫn còn nhớ lần kết hôn đầu tiên của tôi chứ? Để làm vui lòng cha mẹ, tôi đã lấy một người đàn ông hơn tôi quá nhiều tuổi; với ông ấy đúng ra tôi cũng có chút tình cảm, nhưng là tình cảm của một người con đối với một người cha... Tình yêu với ông ấy, đối với tôi, đó là một nghĩa vụ phải báo đền hơn là một niềm vui. Ba năm sau, ông ấy mất đi, để tôi trong một tình thế bỗng nhiên thoát khỏi sự giám hộ của gia đình, của người chồng. Tôi được tự do, làm chủ mọi hành động và số phận của mình. Tôi có thể nói mà không mang tiếng kiêu kỳ rằng khi đó tôi khá xinh.
- Còn hơn xinh nữa kia.
- Vâng, tuy ông quan niệm... Dù sao thì lúc ấy tôi cũng đã thấy hài lòng và ngay sau đó, tôi đã có sau lưng cả một tiểu đội những người muốn cầu hôn. Người được tôi ưa nhất là một người Mỹ, tên là Jack Parker. Trong số những người Pháp là tình địch của anh ấy, cũng có nhiều người làm tôi vừa ý hơn. Họ biết chia sẻ với tôi những sở thích, họ biết nói những lời tán dương dễ chịu. Jack đọc rất ít, anh ấy không thích gì hơn là nhạc blue và nhạc jazz, anh ấy chuộng tranh

với một niềm tin khờ khạo. Anh ấy nói chuyện yêu đương rất xoàng... Đúng hơn là anh ấy không hề nói gì về chuyện yêu đương. Anh ấy chỉ biết cầm lấy tay tôi khi chúng tôi ngồi trong rạp chiếu phim, trong nhà hát hay trong công viên, vào những buổi trăng sáng và nói với tôi:

- *Em quả là kỳ diệu*[\[1\]](#).

Lẽ ra tôi phải thấy là anh ấy thật buồn tẻ. Nhưng không, tôi rất vui lòng được đi chơi với anh ấy. Tôi thấy anh ấy thật thoải mái và thẳng thắn. Anh ấy mang lại cho tôi sự tin cậy như người chồng của tôi đã mang lại cho tôi sau này trong những ngày đầu chung sống. Những người bạn khác của tôi thường do dự trong các dự định của họ. Họ muốn trở thành người tình hay trở thành người chồng? Không khi nào họ nói rõ ràng. Với Jack thì không. Ý nghĩ trăng hoa đó đối với anh ấy là một sự tởm lợm. Anh ấy muốn cưới tôi, đưa tôi sang Mỹ và ở đó, tôi sẽ để cho anh ấy những đứa con xinh xắn, cũng như bố chúng nó, tóc quăn, mũi thẳng và mảnh, nói năng chậm rãi bằng giọng mũi và cũng rất ngây thơ. Khi đó, anh ấy là Phó chủ tịch một nhà băng; một ngày nào đó có thể anh ấy sẽ trở thành chủ tịch. Dù thế nào thì chúng tôi cũng không bao giờ thiếu thốn, và chúng tôi sẽ có một chiếc xe hơi thật đẹp. Cách anh ấy nhìn cuộc đời là như vậy.

Tôi thú thật với ông là tôi có bị quyến rũ. Ông ngạc nhiên ư?... Nhưng cái đó thuộc bản chất của tôi. Bởi vì tôi là con người phức tạp, cho nên những người sống đơn giản thu hút tôi. Tôi và gia đình không hoà hợp. Sang sống ở Mỹ là một cách để tránh xa những rắc rối. Sau mấy tháng thực tập ở một chi nhánh tại Paris, Jack vừa trở lại New York. Khi anh ấy lên đường, tôi đã hứa là sẽ theo sang đó và sẽ lấy nhau. Ông cũng nên nhớ là đến lúc đó tôi chưa hề là người tình của anh ấy. Không phải do tôi, nếu anh ấy tỏ ý thì chắc tôi cũng đã bằng lòng... Nhưng anh ấy luôn giữ mình. Jack là một người theo đạo có những tập quán sống cứng nhắc. Anh ấy muốn có một đám cưới chính thức tại nhà thờ Saint-Patrick ở Đại lộ thứ Năm, với những chàng phụ rể mặc áo đuôi tôm, mỗi anh chàng có một bông cẩm chướng trắng ở cúc áo ngực và những cô Bridesmaids (phù dâu) trong những chiếc áo dài bằng lụa mỏng... Những thứ ấy cũng chẳng làm tôi vừa lòng.

Chúng tôi thoả thuận là chúng tôi sẽ đến vào tháng Tư. Jack đã lấy vé máy bay cho tôi. Tôi có ý muốn được đi bằng máy bay của hãng hàng không Pháp và vì cảm thấy điều này là hoàn toàn tự nhiên nên tôi không hề nghĩ đến chuyện nói lại với Jack. Vào giờ phút chót, tôi nhận được chiếc vé Paris – London và London – New York, do một hãng hàng không Mỹ trao cho, khi đó hãng này chưa có quyền được dừng cánh ở chỗ chúng tôi. Điều này làm tôi phật ý đôi chút, nhưng ông biết đấy, tôi cũng thuộc người dễ tính nên đáng lẽ phải đi đổi vé thì tôi lại chấp thuận. Tôi phải đến London vào khoảng bảy giờ tối, ăn tối ở sân bay và chín giờ tối thì lên máy bay sang New York.

Ông thích các sân bay chứ? Về chuyện đó thì tôi cũng có cái thú thật khó tả. Các sân bay sạch và hiện đại hơn các nhà ga xe lửa, được trang trí theo phong cách “phòng mổ”. Những giọng nói xa lạ, rất khó hiểu vì bị méo mó, luôn vang lên trong loa để gọi những hành khách đi đến những thành phố xa xôi ở nước ngoài. Qua cửa kính, ta nhìn thấy những chiếc máy bay khổng lồ hạ cánh và cất cánh.

Đó là những nét trang trí không thực nhưng không phải là không đẹp. Tôi ăn tối, sau đó yên trí ngồi vào một chiếc ghế kiểu Anh màu xanh nhạt, đúng lúc từ loa vọng lên một câu dài mà tôi không hiểu được và chỉ nhận ra hai tiếng New York cùng con số của chiếc máy bay tôi sắp đi. Hơi lo ngại, tôi đưa mắt nhìn quanh. Một số hành khách đã đứng dậy.

Tôi để ý thấy ở chiếc ghế bên cạnh tôi một người đàn ông khoảng tuổi bốn mươi và có khuôn mặt hấp dẫn. Với những đường nét khá sắc cạnh, với mái tóc xoăn tít, và cái cổ cao, ông ấy gợi cho ta hình ảnh những nhà thơ lãng mạn Anh, và đặc biệt là hình ảnh của Shelley[\[2\]](#). Tôi nhìn ông ta và tự hỏi: “Nhà văn hay nhạc sĩ?”, và hy vọng được ngồi cùng ông ta trên máy bay. Chợt thấy điệu bộ bối rối của tôi, ông ta nói với tôi bằng tiếng Anh.

- Xin lỗi bà... Bà đi bằng chiếc máy bay 632 phải không ạ?

- Vâng... Nhưng họ vừa thông báo gì đấy?

- Họ nói là do trục trặc kỹ thuật, máy bay chỉ có thể cất cánh vào lúc sáu giờ sáng mai. Họ sẽ

cho xe đón những hành khách nào muốn nghỉ ở khách sạn trong vài ba phút nữa.

- Chán quá! Đến khách sạn để phải dậy vào lúc năm giờ. Thật chẳng hay ho gì. Ông sẽ làm gì bây giờ?

- Ô, tôi ấy à? May mắn là tôi có người bạn làm việc ở ngay tại đây, tại sân bay này. Tôi đã để xe trong ga-ra nhà ông ấy. Tôi sẽ đến đó lấy xe để trở về nhà.

Ngừng một lát, ông ta nói tiếp:

- Hay đúng hơn, không... Tôi muốn tranh thủ lúc rảnh rỗi này để lượn một vòng... Tôi là thợ làm đàn oóc và thỉnh thoảng lại phải đi xem lại những cây đàn của tôi trong một vài nhà thờ ở London... Đây là một dịp ngẫu nhiên để có thể kiểm tra vài ba chiếc.

- Đêm thế này mà ông cũng có thể vào trong nhà thờ à?

Ông ta cười và rút trong túi áo ra một chùm vô số là chìa khoá.

- Vâng, tất nhiên! Tôi thường hay thử các phím đàn và bộ ống gió vào ban đêm để tránh làm phiền người khác.

- Ông tự chơi lấy à?

- Vâng, tôi cố chơi hết sức mình.

- Những buổi hoà nhạc của đàn oóc trong đêm tối và tĩnh mịch chắc phải thú vị lắm.

- Thú vị à? Tôi cũng chẳng biết nữa. Mặc dù tôi là một người rất mê âm nhạc nhà thờ, nhưng rồi tôi cũng không trở thành một nhà biểu diễn đàn oóc tài ba được. Nhưng được chơi đàn, với tôi là một niềm vui, điều đó thì chắc chắn.

Ngập ngừng một lát, ông ta nói thêm:

- Thưa bà, tôi sắp đề nghị với bà một điều hơi kỳ cục... Bà không hề quen biết tôi và tôi cũng chẳng có quyền gì bắt bà phải tin tôi... Nhưng nếu bà thích, tôi có thể đưa bà đi và sau đó đưa bà trở lại đây ngay... Chắc bà cũng là nhạc sĩ?

- Đúng vậy, nhưng sao ông lại biết?

- Bà đẹp như một giấc mơ của nghệ sĩ! Đó là điều không thể nhầm lẫn được.

Thú thật với ông là câu khen đó làm tôi cảm động. Ông ấy có một quyền lực rất lạ lùng. Tôi biết dạo chơi ở đường phố London vào ban đêm với một người không quen biết là thiếu thân trọng. Tôi tự thấy được những nguy hiểm có thể xảy ra. Tuy vậy, tôi vẫn không hề có ý nghĩ từ chối.

- Thôi được – tôi nói với ông ấy – nhưng còn cái túi này thì tôi biết làm thế nào?

- Sẽ để vào sau xe cùng với chiếc túi của tôi.

Tôi không thể nào nói lại với ông là đêm hôm đó, chúng tôi đã vào ba nhà thờ nào, cũng như không thể tả được người bạn bí hiểm ấy của tôi đã chơi như thế nào. Tôi vẫn còn lưu giữ trong ký ức những chiếc cầu thang xoáy tròn ốc mà tôi phải vịn vào tay ông ấy để leo lên, những vết ánh trăng lác qua cửa kính cùng những bản nhạc tuyệt vời. Tôi có nhận ra nhạc của Bach, của Fauré, của Haendel, nhưng tôi biết hầu hết đó là ứng tác của ông ấy. Những khúc nhạc như vậy vang ngân lên vào lúc đó thật quả là xúc động. Như những lời khấn nguyện tuôn trào từ một tâm hồn đau khổ. Tiếp đó là những âm điệu thần tiên như một sự vượt ve âu yếm dịu dàng. Tôi như say. Tôi hỏi tên nhà nghệ sĩ lỗi lạc này và được biết ông ấy tên là Peter Diurne.

- Chắc ông phải nổi tiếng lắm. – Tôi nói với ông. – Ông là một thiên tài đấy.

- Đừng nên tin như vậy. Thời gian và đêm tối tạo cho bà ảo giác. Tôi chỉ là một người chơi đàn loại xoàng.

Nhưng lòng tin gây cảm hứng cho tôi, và hôm nay thì là sự có mặt của bà.

Cái kiểu nói thẳng ra như vậy chẳng làm tôi ngạc nhiên, cũng chẳng làm tôi khó chịu. Peter Diurne là một trong những người mà chỉ sau vài ba phút gặp gỡ, ta đã có thể hoàn toàn tin được. Ông ấy không phải là người của thế giới này. Sau khi đã đi thăm hết ba nhà thờ, ông ấy nói với tôi một cách rất thoải mái:

- Đã gần nửa đêm rồi. Bà có muốn đến nghỉ ở nhà tôi trong ba hoặc bốn giờ còn lại không? Tôi sẽ mời bà ăn món trứng luộc. Cũng có vài thứ hoa quả. Người giúp việc tôi sẽ phải đến vào sáng mai để khuân các thứ đó đi.

Tôi cảm thấy sung sướng, và chính vì thế để ông hiểu hết, tôi phải thú thật là tôi đã mong muốn tuy rất mơ hồ, rằng đêm đó sẽ là khởi đầu cho một tình yêu. Lòng ngưỡng mộ ảnh hưởng đến tình cảm người phụ nữ nhiều hơn là với đàn ông. Những bản nhạc thần tiên ấy, đêm dần trôi trong những tiếng đàn du dương ấy, bàn tay dịu dàng và vững chãi dịu tôi đi trong đêm ấy, tất cả đã sắp sẵn trong tôi những ước muốn mơ hồ. Nếu như bạn đường của tôi muốn, tôi đã hoàn toàn thuộc về ông... Con người tôi như vậy.

Gian nhà nhỏ chật đầy sách, quét vôi trắng màu vỏ trứng, với một vạch kẻ đen, khiến tôi thích thú. Lập tức tôi bỏ mũ và cởi áo khoác ngoài. Tôi đề nghị được giúp ông ấy sửa soạn bữa ăn đêm trong gian bếp chật hẹp. Ông ấy từ chối:

- Không, tôi quen rồi. Bà lấy một cuốn sách mà đọc. Chỉ vài ba phút nữa tôi sẽ quay lại.

Tôi chọn tập thơ "Sonnets" của Shakespeare và chỉ đủ thời gian để đọc ba đoạn có nội dung hoà hợp một cách lạ lùng với tâm trạng tôi lúc bấy giờ. Sau đó Peter trở lại, đặt một chiếc bàn nhỏ trước mặt tôi và mời tôi.

- Các món ăn ngon tuyệt... Tôi lại đang đói. Ông thật là một người đàn ông lạ lùng. Ông làm gì cũng giỏi. Thật sung sướng cho người phụ nữ nào được chung sống cùng ông.

- Chẳng ai chung sống cùng tôi. Nhưng tôi sẽ cảm thấy thích thú hơn nếu được nghe bà kể về bà. Bà là người Pháp, có phải không? Bà đi sang Mỹ à?

- Vâng, tôi sắp lấy một người Mỹ.

Ông ta không hề tỏ vẻ ngạc nhiên hay không hài lòng.

- Bà yêu ông ta chứ?

- Tôi phải yêu ông ta vì tôi đã quyết định chọn ông ta làm người bạn suốt đời.

- Không phải lúc nào cái đó cũng là một lý do, - ông ta nói - Có nhiều đám cưới là do họ tự để trượt đến với nhau theo một cung cách khó thấy và chậm chạp, thậm chí không hề muốn vậy. Rồi đột nhiên người ta thấy là mình đã đi quá. Nhưng họ không có đủ can đảm để quay trở lại nữa. Thế là một số kiếp lỡ làng... Nhưng mà nói với bà những điều bi lụy đó khi tôi chưa biết gì về sự lựa chọn của bà, thật là không phải chút nào. Có lẽ nào một người phụ nữ đầy đức hạnh như bà lại lầm lẫn được... Điều duy nhất khiến tôi ngạc nhiên là...

Ông ấy dừng lại.

- Ông cứ nói... Không sợ làm tôi phật ý đâu. Tôi là người minh mẫn nhất.. Tôi muốn nói tôi là người có khả năng nhất để từ phía ngoài nhìn thẳng vào những hành động của mình, nhìn để quan sát và phán xét.

- Thôi được rồi. Ông ấy tiếp, điều duy nhất làm tôi ngạc nhiên, không phải vì có một người Mỹ đã làm bà thích thú (ở Mỹ có nhiều người rất đáng chú ý và hấp dẫn) mà chính vì bà mong muốn sống trọn đời với ông ta, nơi quê xứ của ông ta... Ở đó, bà sẽ tìm thấy một "thế giới mới" với những giá trị cuộc sống hoàn toàn khác... Có thể đây chỉ là những định kiến của người Anh... Cũng có thể bản thân người chồng chưa cưới của bà thật tuyệt hảo, đến nỗi bà chẳng cần bất cứ một cái gì quan trọng ở cái xã hội nay mai sẽ bao bọc xung quanh vợ chồng bà.

Tôi suy nghĩ một lát. Hình như tất cả những điều tôi nói với Peter khi đó có một tầm quan trọng thật đặc biệt, tôi cũng chẳng biết vì sao, và tôi có nhiệm vụ phải diễn đạt lại thật chính xác những điều tinh tế nhất trong suy nghĩ của tôi cho ông ấy.

- Ông không nên tin như vậy - tôi nói - Jack (người chồng tương lai của tôi) không phải là một người tuyệt hảo và tin chắc rằng tự anh ấy không đủ để thay thế cho sự khiếm khuyết một môi trường thần thiết đối với tôi... Jack là một đàn ông đẹp trai, trung trực, anh ấy sẽ là một người chồng tốt, tức là người chồng không bao giờ lừa dối tôi và sẽ cho tôi những đứa con khỏe mạnh. Nhưng ngoài con cái, công việc của anh ấy, tình hình chính trị và những giai thoại về bạn bè của anh ấy, chúng tôi rất ít mối quan tâm chung... Ông hiểu cho tôi. Jack không hoàn

toàn là người thông minh; anh ấy là một nhà kinh doanh rất khôn ngoan, anh ấy cũng có chút năng khiếu về cái đẹp, một thị hiếu khá chắc chắn... Chỉ mỗi tội là thơ, tranh, nhạc đều không có gì là quan trọng trong con mắt anh ấy. Anh ấy không bao giờ nghĩ đến những cái đó... Có trầm trọng lắm không? Nghệ thuật, suy cho đến cùng, chỉ là một trong nhiều hoạt động của con người.

- Đúng thế, - Peter Diurne nói. - Ta vẫn có thể là một đàn ông nhạy cảm mà không cần phải yêu nghệ thuật, hay nói đúng hơn là không cần phải biết nghệ thuật... Và thậm chí tôi thích một thái độ lãnh đạm thẳng thừng hơn là đua đòi nhăng nhít và ầm ĩ... Nhưng để làm chồng với một người phụ nữ như bà... ít nhất anh ấy cũng có trái tim tinh tế, cho phép đoán biết được những điều bí ẩn đang diễn ra trong trái tim người đàn bà chung sống ở ngay bên cạnh mình chứ?

- Anh ấy chẳng kiếm được xa đến thế đâu... Tôi sẽ làm anh ấy vừa lòng; anh ấy không biết vì sao, anh ấy không tự đặt cho mình những câu hỏi. Anh ấy không nghi ngờ gì về việc mang lại hạnh phúc cho tôi... Tôi sẽ chẳng có một người chồng cần mẫn, một ngôi nhà ở Đại lộ thứ Năm, một chiếc xe hơi hạng sang và những người hầu hạ đa đen tuyệt diệu do mẹ anh ấy chọn từ xứ Virginia đó sao? Thử hỏi một người phụ nữ còn muốn gì hơn?

- Chớ cay độc như vậy, - ông ấy nói. - Mía mai cay độc là dấu hiệu của một lương tâm không lành mạnh. Một khi những người đó nhắm vào người mà mình phải yêu, nó sẽ bóp chết mọi rung cảm... Đúng vậy đấy... Hết sức trầm trọng. May mắn duy nhất của sự cứu rỗi nằm trong thái độ thật sự dịu dàng thương cảm đối với người đàn ông. Hầu như tất cả họ đều bất hạnh.

- Tôi không tin Jack là người bất hạnh. Anh ấy là một người Mỹ có khả năng thích ứng hoàn toàn với cái xã hội mà anh ấy đang sống, cái xã hội mà anh ấy nghĩ một cách trung thực là ưu việt nhất thế giới. Có điều gì mà anh còn phải lo ngại?

- Rồi ông ấy sẽ phải lo ngại về bà. Bà sẽ dạy cho ông ấy biết thế nào là đau khổ.

Tôi không biết ông có cảm thấy rằng đêm đó, tôi đã vào một trạng thái tinh thần sẵn sàng chấp nhận tất cả chưa. Thật là lạ lùng khi đêm hôm khuya khoắt, tôi ngồi trong phòng với một người đàn ông nước Anh mà tôi vừa gặp cách đó vài giờ ở sân bay. Còn ngạc nhiên hơn là tôi đã thổ lộ hết tâm sự riêng tư cũng như những dự kiến trong tương lai của tôi. Sau cùng, càng đáng kinh ngạc khi ông ấy luôn khuyên nhủ tôi và tôi thì nghe những lời khuyên của ông ấy với lòng kính trọng.

Đúng như vậy đấy. Lòng tốt và phẩm hạnh từ con người Peter toả ra giữ cho tình thế hoàn toàn tự nhiên. Không phải ông ấy làm ra vẻ bậc tiên tri hay một nhà thuyết giáo. Hoàn toàn không phải như vậy. Đó là một con người không hề biết giả vờ. Ông ấy cười rất sáng khoái mỗi khi tôi đưa ra một nhận xét thú vị.

Ta còn nhận ra ở ông ấy một con người chính trực, điều rất hiếm thấy trên thế giới này... Vâng, đúng như vậy... một người chính trực... Ông hiểu chứ. Phần đông con người ta không nói theo như mình nghĩ. Sau những câu nói của họ bao giờ cũng có ẩn ý. Cái ý họ bày tỏ chỉ cốt che giấu một ý nghĩ khác mà họ muốn giấu đi... Hoặc là họ nói lung tung không cần nghĩ ngợi gì cả. Còn Peter, ông ấy cư xử như một số nhân vật nào đấy của Tolstoy. Ông ấy đi thẳng tới tận đáy của vấn đề. Điều này khiến tôi ngạc nhiên đến mức phải hỏi ông ấy:

- Ông thuộc dòng máu Nga à?

- Tại sao? Tôi kinh ngạc vì câu hỏi của bà. Đúng vậy, mẹ tôi là người Nga, còn cha tôi là người Anh.

Tự hào vì sự khám phá cón con của mình, tôi tiếp tục hỏi:

- Ông chưa lập gia đình à? Chưa bao giờ à?

- Chưa... Bởi vì... Điều này có thể cho bà hơi kiêu ngạo. Tôi muốn dành cho tôi một điều gì đó cao cả hơn.

- Cho một tình yêu cao cả?

- Cho một tình yêu cao cả, nhưng sẽ không phải là tình yêu của một phụ nữ. Tôi luôn luôn có ý nghĩ là ngoài cái vẻ bề ngoài đau khổ của cái thể gian này, còn có một điều gì đó rất đẹp để để

vì nó mà ta cần phải sống.

- Và “cái gì đó” ấy, ông tìm được ở âm nhạc nhà thờ?

- Vâng, và cả ở trong thơ. Cũng như cả trong kinh thánh. Tôi muốn dành cho cuộc đời tôi một cái gì đó thật trong sáng. Tôi phải xin lỗi bà vì tự nói về mình nhiều như vậy, nói một cách hơi... khoa trương... và không được Ang-lê cho lắm. Nhưng hình như bà hiểu tôi khá rõ đấy, lại khá nhanh nữa.

Tôi đứng dậy và đến ngồi bên chân ông ấy. Tại sao? Tôi không thể nói thế nào với ông. Chỉ biết là tôi không thể làm khác được.

- Vâng, tôi hiểu, – tôi nói với ông ấy. – Tôi cũng nghĩ như ông là họa có diên mới chịu để hao phí cuộc sống, tài sản quý nhất của chúng ta vào những giây phút tầm thường, vào những công việc vô bổ, vào những cuộc cãi vã nhỏ nhen... Tôi mong rằng hết thảy mọi khoảnh khắc của đời tôi đều được như khoảng thời gian mà tôi đang sống với ông đây... Tuy tôi biết rằng điều đó cũng chẳng xảy ra... Tôi không đủ sức mạnh... Tôi sẽ buông mình trôi theo dòng, vì như vậy dễ dàng hơn... Tôi sẽ thành Jack Parker phu nhân; tôi sẽ chơi bài canasta; tôi sẽ chơi gôn khá hơn; mùa đông tôi sẽ đi đến vùng Florida, và năm tháng cứ trôi qua như vậy, cho đến ngày nhắm mắt xuôi tay... Có thể ông sẽ nói với tôi rằng như vậy là đáng tiếc... Ông nói đúng... Nhưng làm thế nào được?

Tôi thì người vào đầu gối ông ấy; vào giờ phút ấy; tôi là của ông ấy... Đúng như vậy, sự chiếm hữu có nghĩa lý gì đâu, ưng thuận mới là tất cả.

- Làm thế nào à? – Ông hỏi tôi. – Hãy giữ lấy quyền tự chủ của mình. Tại sao bà phải buông mình trôi theo dòng? Bà biết bơi cơ mà? Tôi muốn nói: bà có đủ nghị lực và phẩm giá... Đúng thế! Và hơn thế, để tự làm chủ số phận của mình không cần đến một cuộc đấu tranh trường kỳ cơ mà? Trên đường đời của một con người, có những giây phút hiểm hoi, mà khi đó, mọi điều sẽ được định đoạt dài lâu. Chính vào những giờ phút đó, ta phải can đảm để nói có hay không.

- Và ông cho rằng tôi đang ở vào một trong những thời điểm ấy và tôi phải trả lời là không sao?

Ông ấy vuốt ve mái tóc tôi, rồi nhấc tay ra và nghĩ ngợi.

- Bà đặt cho tôi một câu hỏi thật khó trả lời. – Cuối cùng ông ấy nói. Tôi, một người vừa mới quen bà, chưa biết gì về bà, về gia đình bà, về người chồng tương lai của bà, tôi có quyền gì để khuyên nhủ bà? Tôi sẽ rất có thể mắc sai lầm lớn... Không phải tôi phải trả lời câu hỏi ấy, mà chính bà. Vì chỉ có bà mới biết bà mong muốn gì ở cuộc hôn nhân này, chỉ có bà mới đủ dữ kiện để nhìn thấy trước những gì sẽ xảy ra sau đó. Tất cả những gì tôi có thể làm được là khuyên bà nên chú ý đến những gì là chủ yếu, theo ý của tôi và có thể cũng là ý của bà, và tự hỏi: “Ta có tin chắc là sẽ không bóp chết trong mình những gì tốt đẹp nhất không?”.

Đến lượt tôi phải suy nghĩ.

- Rất tiếc là tôi không dám tin chắc như vậy. Điều tốt đẹp nhất của tôi, đó là hy vọng, mà chính tôi cũng không biết được từ một niềm khích lệ nào đó là niềm khao khát được hy sinh... Khi còn nhỏ, tôi mơ ước được trở thành một bà thánh hay một nữ anh hùng... Còn bây giờ, tôi mơ ước được hiến dâng mình cho một con người đáng hâm mộ và nếu như có thể, giúp đỡ người ấy làm nên sự nghiệp hoàn thành sứ mệnh của mình... Vậy đó... Những điều vừa nói với ông, tôi chưa hề nói với ai khác... Tại sao lại với ông? Tôi cũng tự hỏi tôi. Ở ông có cái gì đó vẫy gọi lòng tin và trao gửi.

- Cái điều ấy, ông ấy nói, – chính là sự từ bỏ. Người nào không tự tìm cho mình những điều mà người khác gọi là hạnh phúc, thì rồi sẽ có thể yêu những người khác cũng như chính mình sẽ được yêu, sẽ có thể qua đó mà tìm thấy lại một dạng khác của hạnh phúc.

Lúc ấy tôi đã làm một cử chỉ mạnh bạo và hơi điên. Tôi nắm lấy tay ông ấy và thốt lên:

- Thế tại sao ông, ông Peter Diurne, ông lại không có phần hạnh phúc thực sự của mình? Tôi cũng vậy, tôi vừa mới quen ông, nhưng hình như ông là người mà tôi luôn tìm kiếm một cách vô ý thức.

- Đừng nên tin như vậy... Bà đánh giá tôi khác với con người thực của tôi. Tôi sẽ không bao

giờ là một người tình cũng như một người chồng mà bất cứ một phụ nữ nào mong đợi. Tôi sống quá kín đáo. Tôi sẽ không chịu được khi có bên cạnh tôi từ sáng đến tối rồi lại từ tối đến sáng, một con người luôn đòi tôi phải quan tâm đến, và người đó lại được quyền như vậy...

- Sự quan tâm là có đi có lại.

- Đúng như thế, nhưng riêng tôi, tôi không cần đến sự quan tâm ấy.

- Ông tự cho mình có đủ sức mạnh để đương đầu với cuộc sống này... Thực như vậy chẳng?

- Nói đúng hơn là tôi cảm thấy đủ sức mạnh để đương đầu trong cuộc sống này cùng với tất cả những người có thiện ý... để cùng họ làm việc, nhằm làm cho thế giới này êm đẹp và hạnh phúc hơn, hay ít nhất là cố gắng làm được như vậy...

- Khó khăn sẽ bớt đi nếu ông có bên cạnh một người phụ nữ là bạn đời. Tất nhiên, người phụ nữ ấy phải cùng niềm tin với ông. Nếu như người ấy yêu ông...

- Điều đó thôi chưa đủ... Tôi biết khá nhiều phụ nữ do yêu mà theo đuổi người đàn ông mình yêu như một người đi trong mơ. Một ngày nào đó, người phụ nữ ấy sẽ tỉnh mộng và nhận thấy rằng mình đang đi trên nóc nhà, đi trong gian nguy. Khi đó, người ấy chỉ còn ý nghĩ: tụt xuống và chiếm lại cái sàn nhà bình dị của cuộc đời... Người đàn ông... nếu có lòng thương hại người phụ nữ thì sẽ cùng tụt xuống. Sau đó, như người ta thường nói. Họ xây dựng tổ ấm. Đó là một chiến binh đã bị tước vũ khí.

- Ông muốn một mình tranh đấu?

- Chưa bao giờ tôi nói điều này một cách khó khăn như lúc này, nhưng quả vậy... Tôi muốn tranh đấu chỉ mỗi mình tôi.

Tôi thở dài.

- Tốt hơn cả là nên hy sinh cả Jack và tôi.

- Cho ai?

- Cho chính bản thân bà.

Tôi cầm lấy mũ của tôi và đặt nó trước một chiếc gương, Peter đưa cho tôi chiếc áo choàng.

- Bà nói đúng, phải đi thôi. Sân bay cách đây khá xa và ta nên đến trước những người khác đi xe ca.

Ông ấy tắt đi một ngọn đèn bếp. Trước khi bước ra, bằng một cử chỉ mà tôi cảm thấy không thể cưỡng lại được, ông ấy ôm tôi vào lòng và hôn tôi như một người anh. Tôi không cưỡng lại, tôi buông mình theo một sức mạnh mà tôi muốn bị chinh phục. Nhưng ông ấy đã nhanh chóng bỏ vòng tay của mình ra, mở cửa và nhường cho tôi đi ra trước. Trên chiếc xe nhỏ tôi ngồi bên cạnh ông ấy, không hề nói một lời.

Trời đổ mưa và đường phố London ban đêm buồn đến nỗi lòng. Một vài phút sau, Peter cất tiếng nói. Ông ấy kể cho tôi và những người sống trong các ngôi nhà nhỏ bé xây cất hàng loạt về cuộc đời đơn điệu của họ, cách sống thiếu niềm vui của họ, và hy vọng của họ. Khả năng miêu tả của ông ấy thật đáng ngạc nhiên. Lẽ ra ông ấy phải là một tiểu thuyết gia cỡ lớn.

Sau đó chúng tôi đi qua khu công nghiệp lân cận thành phố. Người bạn đường của tôi ngừng lời. Còn tôi, tôi chìm trong suy tư. Tôi nghĩ đến những gì sẽ xảy ra vào ngày mai, khi tôi đến New York. Chắc chắn là sau cái đêm xáo động này, với Jack, tôi sẽ trở nên lỗ bịch. Đột nhiên, tôi nói:

- Ông Peter, dừng lại đi.

Ông ấy đột ngột hãm xe và hỏi:

- Có chuyện gì vậy? Bà mệt à?... Hay bà bỏ quên cái gì ở nhà tôi?

- Không. Nhưng tôi không muốn đi New York nữa... Tôi không muốn lại đi một bước nữa.

- Bà nói sao?

- Tôi đã suy nghĩ rồi. Ông đã mở mắt cho tôi. Ông đã nói với tôi là trong cuộc đời có những thời điểm quyết định cả cuộc đời... Và đây là một trong những thời điểm ấy... Tôi đã quyết

định. Tôi sẽ không lấy Jack Parker nữa.

- Trách nhiệm của tôi trong chuyện này thật là kinh khủng. Tôi tưởng đã khuyên bà những điều tốt lành. Nhưng tôi đã lầm.

- Ông không thể làm được. Và nhất là tôi, tôi không thể làm được.

Bây giờ tôi đã nhìn thấy rõ ràng là tôi sắp làm một việc điên rồ. Tôi sẽ không đi nữa.

- Cũng đành phó mặc trời. Bà đã được cứu thoát vừa đúng lúc bà đang đi tới một tai họa. Nhưng bà không sợ phải trở lại Paris sao? Sẽ nói với mọi người như thế nào đây?

- Tại sao lại phải sợ? Cha mẹ và bè bạn tôi rất lấy làm tiếc khi tôi ra đi. Mọi người gọi cuộc hôn nhân ấy là một hành động thiếu suy nghĩ... Mọi người sẽ vui sướng khi thấy tôi quay lại.

- Thế còn ông Jack?

- Jack sẽ buồn khổ trong vài ngày, hay vài giờ. Ông ấy đau khổ vì tự ái, nhưng ông sẽ nói rằng suýt nữa ông ấy đã gặp biết bao phiền muộn với một người đàn bà tính khí thất thường như tôi. Ông ấy sẽ vui sướng mà nhận thấy rằng đã cắt đứt trước chứ không phải sau khi cưới... Chỉ có điều là phải điện cho ông ấy, để ngày mai ông ấy khỏi phải mất công đi đón.

Peter cho nổ máy ô tô.

- Bây giờ chúng ta làm gì? – Ông ấy hỏi.

- Chúng ta cứ tiếp tục đi đến sân bay. Máy bay vẫn đợi ông. Tôi, tôi sẽ đi một chiếc khác, trở lại nước Pháp.

- Một giấc mơ đẹp.

- Mơ khi còn thức.

Trên đường đi ra đường bay, tôi đi đến phòng điện báo đánh điện cho Jack: *“Em đã đi đến kết luận rằng kết hôn là phi lý. Stop. Em rất tiếc, bởi vì anh rất yêu em, nhưng em không thể sống ở nước ngoài được. Stop. Em nghĩ tốt hơn cả là nói thẳng. Stop. Em gửi lại anh chiếc vé để anh lấy lại tiền. Stop. Thân yêu, Marcelle”*. Tôi đọc lại và thay bốn chữ *sống ở nước ngoài* bằng *sống xa lạ*. Như vậy rõ ràng hơn, bớt đi được một chữ.

Trong khi tôi gửi điện. Peter đi hỏi giờ máy bay cất cánh. Khi trở lại, ông ấy nói:

- Mọi điều đều tốt đẹp. Hay nói đúng hơn là mọi điều đều không tốt: động cơ đã sửa xong. Tôi sẽ đi trong vòng hai chục phút nữa. Còn bà phải đợi đến bảy giờ. Tôi rất buồn là phải để lại bà một mình. Bà có muốn tôi mua cho bà một cuốn sách không?

- Không sao cả. Tôi cũng có cái để mà nghĩ rồi.

- Bà có tin chắc rằng sẽ không có gì đáng tiếc không? Bây giờ thì vẫn còn đủ thời gian đấy, nhưng một khi bà đã cho đánh bức điện ấy đi thì dù có muốn nghĩ lại cũng quá muộn mất rồi.

Tôi không trả lời ông ấy, tôi đưa tờ điện đã viết cho nhân viên điện báo.

- Điện khẩn phải không ạ? – Người nhân viên điện báo hỏi lại.

- Không.

Sau đó tôi khoác tay Peter.

- Ông Peter thân mến, tôi có cảm giác tôi được cùng ra máy bay với một người bạn thân quen từ lâu.

Tôi không thể kể lại cho ông những gì ông ấy nói tôi trong hai mươi phút còn lại sau đó. Đó là những quy tắc sống thực sự mà ông ấy khuyên nhủ tôi. Đã nhiều lần ông định nói với tôi rằng tôi là người phụ nữ có nhiều tính cách đàn ông, rằng tôi là một người bạn thủy chung, rằng tôi không bao giờ nói dối. Nếu những điều trên có phần nào đúng sự thực thì đó chính là nhờ Peter. Cuối cùng tiếng loa vang lên: *“Khách đi New York, máy bay số sáu trăm ba mươi hai...”*. Tôi tiễn Peter đến tận cửa ra đường bằng. Tôi ôm hôn ông ấy như một người vợ hôn chia tay chồng. Sau đó, không bao giờ tôi gặp lại ông ấy nữa.

- Sao, không bao giờ gặp lại à? Tại sao thế? Bà không cho ông ấy địa chỉ hay sao?

- Có chứ, nhưng không bao giờ ông ấy viết cho tôi lấy một chữ. Tôi nghĩ rằng ông ấy thích sống như vậy để hướng dẫn con người ta, để rồi lại biến đi.

- Còn bà, những lần sau đến London bà không tìm gặp lại ông ấy sao?

- Để làm gì kia chứ? Ông ấy đã cho tôi, như ông ấy nói, điều gì là tốt đẹp nhất của mình. Chúng ta sẽ không bao giờ lấy lại được bầu không khí có một không hai của cái đêm đó... Không nên hi vọng sống lại giây phút quá tuyệt vời... Và tôi đã không làm khi nói với ông rằng đó là câu chuyện lạ kì nhất trong cuộc đời tôi chứ? Người đàn ông đã làm thay đổi số phận của tôi, người đã khiến tôi trở lại sống ở nước Pháp chứ không phải ở nước Mỹ, lại là một người Anh không quen biết, chỉ ngẫu nhiên gặp ở sân ga máy bay. Ông không thấy điều đó là tuyệt diệu sao?

- Điều đó, tôi trả lời bà, giống như những câu chuyện xa xưa kể lại về một Đức Chúa Trời cải trang thành ăn mày hay thành một kẻ xa lạ để tiếp cận con người. Nhưng trong thực tế... và Marcelle ạ, người đàn ông kia cũng không làm bà thay đổi hoàn toàn đâu, bởi rốt cục thì bà vẫn lấy Renaud, một Jack dưới cái tên khác kia mà?

Bà mơ màng trong giây lát:

- Vâng, đúng thế. Ta không thể thay đổi hoàn toàn tính con người, mà chỉ sửa được đôi chút thôi.

Những con kiến

Giữa hai phiến kính được ghép lại bởi hai bờ bằng giấy, một xã hội của những con vật bé xíu màu nâu đang chuyển dịch và lao động. Người bán hàng bỏ cho lũ kiến một ít cát, chúng tạo ra những hành lang kiểu đồng quy. Chính giữa, ta chú ý đến một con kiến to nhất hầu như luôn luôn bất động. Đấy chính là con chúa, được lũ kiến nuôi nấng một cách trọng vọng.

- Chẳng khó nhọc gì cả, – người bán hàng nói. – Chỉ cần cho vào cái cửa này mỗi tháng một giọt mật là đủ... Chỉ mỗi một giọt thôi... là lũ kiến tự đảm nhiệm lấy việc vận chuyển và chia bồi.

- Chỉ mỗi tháng một giọt? – Thiếu phụ hỏi. – Mỗi một giọt mà đủ để nuôi sống cả đàn này trong một tháng?

Nàng đội một chiếc mũ rơm to vành màu trắng, bận áo dài bằng vải mút-xơ-lin có in hoa. Đôi cánh tay để trần. Người bán hàng nhìn nàng vẻ buồn bã.

- Vâng, chỉ cần một giọt thôi là đủ. – Ông ta lặp lại.

- Thế thì thú vị thật. – Nàng nói.

Và nàng mua cái tổ kiến trong suốt ấy.

*

* *

- Anh thân yêu, – nàng nói, – anh đã nhìn thấy những con kiến của em chưa?

Nàng cầm chiếc hộp kính mỏng manh sống động giữa các ngón tay nhợt nhạt, móng thoa nhũ. Người đàn ông ngồi cạnh nàng đang mài ngắ cái gậy của nàng cúi nghiêng xuống.

- Em làm cho cuộc đời lý thú biết bao, em thân yêu... Với em, mọi thứ đều mới lạ, đều muôn màu muôn vẻ... Mới chiều hôm qua thì Bach^[3], bây giờ thì những con kiến này...

- Nhìn này, anh thân yêu, – nàng nói với vẻ nhiệt thành trẻ thơ mà chàng thích (nàng biết thế...) – Anh có nhìn thấy con kiến khổng lồ kia không? Con Chúa đấy nhé... Lũ kiến thợ đang hầu hạ nó đấy... Tự em sẽ nuôi chúng. Anh tin thế chứ, anh thân yêu... Mỗi tháng chỉ cần một giọt mật thôi là đủ... Nên thơ lắm chứ anh?

*

* *

Tám ngày sau, cả chồng lẫn người tình đều làm nàng chán ngấy đàn kiến... Nàng cất chúng vào sau tấm gương đặt trên lò sưởi trong phòng mình. Cho đến tận cuối tháng nàng quên khuấy giọt mật. Những con kiến chết đói dần. Chúng dành lại đến cùng một chút mật cho kiến Chúa, con kiến chết cuối cùng.

Chức thư

Từ khi lâu đài Chardeuil được bán cho một kỹ nghệ gia, do bệnh tật và tuổi già, muốn tìm một nơi tĩnh dưỡng tại miền quê, cả vùng Périgord chỉ toàn nói tới về xa hoa hào nhoáng của nó đang được tu sửa lại. Nhất là những mảnh vườn, thật là tuyệt! Một tay kiến trúc sư kiêm họa sĩ chuyên về phong cảnh được đón từ Paris tới đã khoanh vùng thung lũng Loue lại để tạo ra một cái hồ nhân tạo, biến vùng Chardeuil thành một cung điện Versailles^[4] thứ hai.

Ở cái tỉnh quê kệch và nghèo nàn này, nơi mà các ông chủ lâu đài chuyên bắt chước người vùng Saviniac, biến các khu vườn nhà mình thành vườn rau, thì những khu vườn đẹp quá là hiếm thấy. Mãi tận Brive, tận Périgord, thậm chí tận Bordeaux, người ta cũng không tiếc lời bàn tán về vườn hoa của Chardeuil. Vậy mà khi những chủ nhân mới sau một năm ra công xây dựng, tới ở tòa lâu đài, thì khách khứa tới thăm lại ít hơn là họ trông đợi. Người Périgord chỉ tiếp đón sau khi đã biết cận kề về người mới đến, mà cái bà Bernin này thì chẳng ai hay biết gì cả.

Bà ta trông chỉ khoảng ba chục tuổi là cùng, còn ông chồng thì chỉ ít cũng phải ngoại lục tuần. Bà ta khá đẹp, và ở mãi tận trong cái xó xỉnh hẻo lánh này mà vẫn cứ ngày thay xiêm áo ba lần. Điều đó có vẻ không đúng theo thói thường nên ban đầu cả xứ này đã nghĩ rằng bà ta không phải là vợ, mà chỉ là nhân tình của ông Bernin. Khi bà Guichardie, người rất có uy tín trong giới quý tộc của vùng, người rất hiểu Paris dù đã sống ở tỉnh lẻ từ thời chiến tranh, khẳng định rằng bà Bernin đích thực là vợ của ông Bernin, rằng bà ta xuất thân từ một gia đình tư sản bình thường nhưng cũng có nề nếp, thì họ chấp thuận ngay, bởi vì có mấy ai dám cãi lại người đàn bà đầy uy quyền và sành sỏi này về một đề tài như thế. Tuy nhiên, nhiều gia đình vẫn phản đối ngầm ngấm và vẫn cho rằng nếu bà Bernin có là vợ ông Bernin đi nữa, thì bà ta vẫn chỉ là một cô nhân tình đến lúc muộn mằn mới thành vợ mà thôi.

Gaston và Valentine Romilly là hàng xóm thân cận nhất của nhà Bernin, từ quả đồi Preyssac của họ có thể nhìn thấy các ngọn tháp của Chardeuil. Họ nghĩ rằng mình chẳng nên quá nghiêm khắc như người khác, hơn nữa nhà Bernin đã có lời mời, còn bà Guichardie thì cũng đã cho họ cái quyền được tỏ ra lịch thiệp, và thế là họ quyết định sang thăm đáp lễ nhà Bernin.

Là một trong những vị khách đầu tiên, họ càng được tiếp đãi nồng hậu. Chẳng những bị giữ lại đến tận giờ uống trà buổi tối, nhà Bernin còn nhã ý mời vợ chồng Romilly đi thăm lâu đài, vườn tược, nhà ở của gia nhân. Gaston và Valentine cảm thấy hai con người này đang bắt đầu đau khổ vì họ có trong tay biết bao cái hoàn mỹ mà chẳng biết khoe được với ai.

Bernin vẫn còn giữ phần nào tính độc đoán của một ông chủ xưởng và thói quyết đoán cả những điều mà ông ta ít hiểu biết nhất, nhưng xem ra cũng là một người đôn hậu. Valentine xúc động vì sự âu yếm của ông ta đối với bà vợ, một người đàn bà nhỏ nhắn, tóc hung, béo tốt, dịu dàng và vui vẻ.

Nhưng bà chợt cảm thấy khó chịu khi đi thăm tầng hai của lâu đài. Sau một hồi tán dương sự biến đổi chóng vánh đến ngạc nhiên của tòa nhà, ca ngợi các phòng tắm xây trong những bức tường cổ dày và hệ thống thang máy đặt trong các ngọn tháp, bà này được nghe bà Bernin trả lời:

- Vâng, anh Adolphe muốn mọi cái đều hoàn hảo... Lúc này Chardeuil mới chỉ là nhà nghỉ của chúng tôi ở nông thôn, nhưng anh Adolphe biết tôi định sẽ sống ở chốn này sau khi anh ấy mất, dĩ nhiên là càng muộn càng tốt, và anh ấy muốn tôi sống ở đây cũng thoải mái như ở thành phố. Ông bà còn lạ gì nữa, anh ấy đã có nhiều con trong lần kết hôn thứ nhất... Vì thế mà anh ấy đã tiên liệu cả rồi. Chardeuil đã được đứng tên tôi và hoàn toàn thuộc về tôi.

Ở bãi cỏ bên cạnh khu nhà của một trang trại cũ được sửa thành dãy chuồng ngựa, Gaston ngắm nghía không biết chán bầy ngựa đẹp, các bộ yên cương hoàn hảo và những tay giữ ngựa không chê vào đâu được.

- Đàn ngựa là niềm vui lớn nhất của tôi, – bà Bernin nói, vẻ hừng khởi. – Cha tôi, xưa vốn là lính giáp kỵ, đã đặt cả lũ con lên yên ngựa ngay từ khi còn ẵm ngửa.

Bà đưa tay vỗ vỗ lên cái mông sạch bóng của con ngựa rồi thở dài:

- Tất nhiên, chơi ngựa thế này là tốn kém lắm... Adolphe cũng đã nghĩ tới điều đó, trong tờ chúc thư anh ấy định sẽ tách một phần riêng trong khu vườn của Chardeuil dành cho việc chăm sóc ngựa... Như thế sẽ không động chạm gì đến phần gia tài của tôi, có phải không, anh Adolphe? Với lại bằng cách này, ông bà hiểu chứ, tôi sẽ không phải đóng thuế về khoản ấy.

Khu vườn chưa hoàn thành song đã có thể đoán trước bức tranh toàn cảnh của vườn hoa. Các pho tượng đẹp được đặt vào những nơi mà nhà kiến trúc nọ muốn mọi người chú ý. Giữa một cái bể dài hình chữ nhật, trên một hòn đảo giả bằng bê-tông, đám công nhân đang dựng lên các dãy cột đá kiểu La Mã.

Đám người dạo chơi theo một lối đi rợp bóng cây dẫn đến một dãy nhà nhỏ, lợp ngói cũ, xây theo kiểu trại ở Périgord.

- Tôi chưa biết cái xóm này đấy, – Valentine nói.

- Không phải là xóm đâu, – bà Bernin cười, – đấy là nhà của gia nhân. Chính Adolphe đã nghĩ ra cách xây như thế này, từng nhà riêng rẽ... Làm thế, cứ như tôi nghĩ, là rất chu đáo, để rồi ông bà xem, tương lai chúng tôi sẽ có vài cặp vợ chồng gia nhân trung thành mà tôi muốn giữ lại, kể cả khi tôi chỉ còn có một mình. Anh Adolphe sẽ để lại cho họ những căn nhà họ đang ở, với một điều khoản là sẽ tước bỏ quyền sở hữu này, nếu họ thôi không phục vụ tôi nữa... Bằng cách này, chẳng những họ bị buộc chặt vào tôi, mà họ còn thấy đã được trả một phần lương, mặc dù tôi chẳng phải bỏ ra lấy một xu nào... Với tôi, đấy là cách bảo đảm tốt nhất... Và tất nhiên, tôi ở ngoài cuộc. Các con anh ấy sẽ chẳng thể nói vào đâu được.

- Bà nghĩ thế, thưa bà, liệu có hợp pháp không ạ? – Gaston Romilly hỏi.

- Thưa ông, ấy là ông không biết Adolphe đấy thôi. Anh ấy cùng với người giúp việc đã ngồi hàng giờ liền để soạn thảo một chúc thư hợp lệ. Ông không thể tưởng tượng được anh ấy, với cái vẻ lăm lè của mình, đã chăm chú đến mức nào. Có phải thế không, anh Adolphe?

Nàng khoác lấy tay ông già đang càu nhàu một cách âu yếm. Cuộc dạo chơi kéo dài, vì họ không thể nào tước của khách cái ân huệ được đi thăm cả trang trại, cả nơi vắt sữa kiểu mẫu, cả chuồng gà giống hiếm có nhất hàng trăm con gà mái trắng tuyền đang cục ta cục tác. Cuối cùng, khi chỉ còn có hai vợ chồng trên xe, Valentine mới lên tiếng:

- Anh nghĩ thế nào về hai người này?

- Bernin làm anh hài lòng. – Gaston trả lời, – lão ta cứng nhắc, quá tự mãn, nhưng anh tin chắc là lão ta tốt bụng. Còn bà vợ thì đến là kỳ quặc.

- Kỳ quặc à?... Em còn thấy là đáng sợ kia. Chỗ này di chúc... chỗ kia di chúc... Khi tôi còn một mình, càng muộn càng tốt... Nói trước mặt một kẻ bất hạnh về tất cả những gì sẽ diễn ra sau khi ông ta chết... Quả là cực hình... Em chẳng biết nói sao nữa.

Hai người im lặng khá lâu, trong khi chiếc xe chạy dọc theo những cánh đồng cỏ đầm sương và những rừng bạch dương trong thung lũng. Gaston lái cẩn thận trên con đường đầy trẻ nhỏ vừa tan trường ra. Cuối cùng, ông ta nói:

- Dẫu sao thì... Lão ta cũng có lý đôi chút vì những biện pháp phòng bị này lão ta làm cốt để cho bà vợ có thể hoàn toàn yên ổn khi lão ta chết... Nghe người ta nói mà nghĩ đến mình... Anh không làm chúc thư là nhằm, để rồi anh sẽ viết.

- Anh nghĩ gì mà lạ vậy!... Ý nghĩ ấy làm em ghê sợ... Chính em mới là người chết trước.

- Vì sao? Em chẳng hiểu gì cả... Em trẻ hơn anh nhiều, lại không có bệnh tật gì... Còn anh thì trái lại...

- Anh im đi... anh chỉ là một người bệnh tưởng thôi... Anh khỏe thế này, với lại, nếu anh mà chết, em cũng chẳng muốn sống làm gì... Đời em sẽ ra sao nếu không có anh? Em sẽ tự tử.

- Sao em lại có thể nói những điều điên rồ đến thế, Valentine? Thật vô lý. Em thừa biết là người ta không thể chết vì tang tóc, dù có đau đớn đến mấy đi nữa. Và em cũng không chỉ còn có mình anh trên đời. Em còn Colette, còn chồng nó nữa... Còn cả ba đứa cháu nữa chứ.

- Colette có cuộc sống riêng của nó... Nó không cần chúng mình nữa.

- Đúng thế đấy, chính đó là lý do mà anh phải lo trước cho em.

Cả hai im lặng vì xe họ đang chui vào một đám sương mù dày đặc hơn, rồi sau đó, Valentine lại thủ thỉ:

- Nếu nổi bất hạnh muốn em sau vài tháng mới đi theo anh, chắc chắn em sẽ yên tâm hơn nếu em có... Ôi, không phải là một tờ chúc thư đâu... Đấy sẽ là một điềm xấu với em... không... chỉ một mảnh giấy sơ sài ghi rõ là Preyssac cùng tất cả đất đai, trong mọi trường hợp, vẫn phải nằm trong quyền sở hữu của em cho đến khi em chết. Chàng con rể của chúng mình rất tốt, nhưng nó là người Saviniac... Nó giống bố nó... rất thích có đất... Nó có thể chiếm đất của em và tổng khứ em đến một túp lều nhỏ ở một nơi nào đó... Lúc ấy thì thật là đau khổ.

- Không thể dễ như thế được, – Gaston nói với vẻ rầu rĩ... – Anh sẵn sàng ký mọi thứ giấy tờ mà em muốn, kể cả viết chúc thư để lại cho em Preyssac... Có điều là liệu làm như thế có hợp pháp không? Anh muốn nói là liệu trị giá của Preyssac có không vượt quá phần em có quyền được hưởng không?

- Có hơn một chút, nhưng cũng dễ giải quyết thôi... một khi mà anh muốn.

- Sao? Gaston kêu lên. Em đã hỏi ông chương khế Passaga rồi à?

-Ồ! Cũng là tình cờ thôi, – Valentine nói.

“Chị Ariane của tôi” [5]

I. THÉRÈSE GỬI JÉRÔME

Evreux, ngày 7 tháng 10 năm 1932

Tôi đã đọc cuốn sách của anh... Đúng, tôi cũng vậy, cũng như tất cả những người phụ nữ khác... Anh cứ yên tâm; theo tôi, cuốn sách khá đầy... Nếu tôi ở vào địa vị của anh, có lẽ tôi sẽ tự hỏi: “Liệu cô ta có nghĩ là ta viết đúng không? Liệu cô ta có đau khổ khi đọc nó không?”. Nhưng đến cả câu hỏi ấy anh cũng không đặt cho mình. Anh đã không còn tin rằng mình là người còn hơn cả chính trực và cao thượng nữa sao?... Anh đã nói về cuộc hôn nhân của chúng ta như thế nào nhỉ?

“Trong khi nhiệt thành theo đuổi một người phụ nữ tưởng tượng, người bạn đồng hành trong công việc cũng như một người tình, tôi đã lãng quên việc xem xét người phụ nữ thực trong Thérèse. Những ngày đầu chung sống đã cho tôi thấy tôi là một người cùng lúc vừa biết nhìn xa trông rộng, lại vừa dễ bị bất ngờ.

Tôi là một con người của nhân dân và là một nghệ sĩ, tôi đã gặp trong Thérèse một nhà đại tư sản. Từ giai cấp ấy sinh ra, cô ta có cả đức hạnh lẫn các tật xấu. Vợ tôi chung thủy, khiêm tốn, thông minh theo cách riêng của cô ấy. Nhưng thật khó mà tưởng tượng được rằng lại có thể có một ai đó kém hơn cô ta trong việc chia sẻ với mình một cuộc sống đấu tranh và đạo hạnh”.

Anh có chắc như vậy không, Jérôme? Và có phải là tôi đã sống một cuộc sống đạo hạnh khi tôi chiều theo lời cầu khẩn của anh, bất chấp cả lời khuyên của cha mẹ, đã lấy anh làm chồng? Dù sao, anh Jérôme ạ, những điều tôi làm khi đó cũng đều là một hành động dũng cảm. Khi đó, đối với dân chúng, anh còn là một kẻ vô danh. Tư tưởng chính trị của anh làm những người thân của tôi hoảng sợ và phẫn nộ. Tôi đã rời bỏ một gia đình giàu có, đoàn tụ, để cùng anh sống cuộc đời khó nhọc. Một năm sau, khi anh tuyên bố không thể làm việc ở Paris được nữa và đưa tôi trở về nhà của anh ở tỉnh nhỏ, một vùng vắng vẻ và khắc nghiệt, với một người phụ nữ giúp việc lúc nào cũng tỏ ra sợ hãi, một sinh vật duy nhất bất hạnh hơn tôi mà tôi gặp khi đó, tôi đã có từ chối không? Tôi đã cam chịu tất cả, chấp nhận tất cả. Tôi đã phải tỏ ra là người hạnh phúc trong bao nhiêu năm đằng đẳng.

Nhưng có người đàn bà nào có thể sống hạnh phúc được với anh?

Đôi khi tôi đã cười một cách chua chát khi có những tờ báo nói về sức mạnh của anh, về lòng dũng cảm của anh. Sức mạnh của anh!... Tôi chưa bao giờ gặp một người nào yếu đuối như anh, anh Jérôme ạ! Chưa bao giờ. Chưa một ai. Tôi viết điều này không phải vì hận thù. Thời gian thù ghét đã qua rồi, và từ khi mà tôi không còn nhìn thấy anh, tôi đã lấy lại được bình tĩnh. Nhưng anh nên biết điều đó. Thường xuyên lo âu, e ngại mọi người, thèm muốn được khen ngợi, lo sợ bệnh tật và chết chóc, không, tất cả những điều đó không phải là sức mạnh, mặc dù những phản ứng do những xáo động nói trên gây ra (và nó chính là những tiểu thuyết của anh) khiến những đồ đệ của anh có ảo tưởng như vậy.

Mạnh? Làm sao anh có thể mạnh, khi anh, một con người dễ bị tổn thương đến nỗi chỉ một cuốn sách của anh thất bại cũng đủ để làm anh phát ốm, và hão huyền đến nỗi chỉ một lời khen cộc con của một thằng hâm cũng đủ khiến anh nghi ngờ không tin người đó là hâm nữa. Đúng là trong cuộc đời anh, đã đôi ba lần anh đấu tranh cho tư tưởng của anh. Nhưng anh chỉ đấu tranh sau khi anh đã so đi tính lại, anh đã tin chắc là thắng lợi. Một đôi lần rất hiếm hoi trong khi tâm sự với tôi, anh đã thú nhận rằng có lúc anh đã phải hối tiếc ngay lập tức vì sự cần tắc của mình, điều đó đã nhập vào một cách kỷ càng trong tấm lòng oán hận của tôi.

“Một nhà văn càng về già, – anh nói với tôi, – thì những ý kiến của ông ta càng phải tân tiến hơn. Đó là cách duy nhất để giữ lại cho mình những người trẻ tuổi”.

Những con người trẻ tuổi tội nghiệp! Khi họ say sưa một cách ngây thơ với những thông điệp của anh, họ không hề biết đến lòng nhiệt thành giả tạo và thói lừa lọc khôn khéo mà anh đã dùng để viết nên những cuốn tiểu thuyết ấy.

Không mạnh, không đáng mặt nam nhi, cần phải nói lên điều này, dù nó có tàn nhẫn đến đâu

đi nữa. Anh chưa bao giờ là một người tình, anh Jérôme ạ. Sau khi ly hôn, tôi đã tìm thấy một tình yêu thể xác, tôi đã biết thưởng thức sự yên tĩnh, sự trọn vẹn, và những đêm hạnh phúc của một người phụ nữ ngủ ngon lành trong tay một người đàn ông đầy sức mạnh. Một khi mà tôi còn sống cùng với anh, tôi chỉ biết rằng tình yêu là những vò vọt buồn bã, những trò hài hước đáng thương. Tôi không nghi ngờ gì nữa sự thất sủng của mình; tôi còn trẻ, hiểu biết ít; khi anh nói với tôi là một nghệ sĩ phải làm chủ được lòng nhiệt thành của mình, tôi đã tin ở anh. Ít nhất là tôi cũng đã muốn được ngủ cạnh anh: tôi ước ao có hơi ấm của một thân thể, một chút âu yếm, một chút yêu thương. Nhưng anh đã chạy khỏi vòng tay tôi, khỏi giường tôi và phòng tôi nữa. Anh cũng không nghi ngờ gì nữa về tình cảnh đơn chiếc, cùng quần của tôi. Tôi đã sống chỉ cho riêng anh, cho những tiếng ồn ào xung quanh cái tên của anh, cho những xúc động lạ lùng của các độc giả phụ nữ mà một nhân vật không phải là anh, hẳn anh cũng biết rất rõ điều đó, gây ra. Ba dòng chữ chống đối trên một tờ báo còn làm anh lo ngại hơn là những nỗi đau khổ của người phụ nữ yêu anh. Nếu như có một khi nào đó tôi thấy anh quan tâm đến tôi thì đó là những ngày các chính khách, những nhà văn mà thái độ của họ làm anh phải quan tâm, hứa với anh sẽ đến dùng cơm tại nhà. Khi đó anh muốn nhìn thấy tôi thật lộng lẫy. Buổi tối trước hôm họ đến, anh nói chuyện rất lâu với tôi; anh đặt tôi trước một công việc thiêng liêng; anh giải thích cho tôi điều cần nói, điều không cần nói, cùng những thói gàn dở đáng kính của một nhà phê bình có thể lực nào đó, và tính thích ăn ngon của các người bên vực anh. Anh muốn rằng những ngày đó, ngôi nhà của chúng ta tỏ ra nghèo nàn, vì học thuyết của anh là như vậy, và những món ăn của chúng ta lại phải thật ngon vì các bậc vĩ nhân cũng là người.

Anh còn nhớ chứ, anh Jérôme, cái thời mà anh bắt đầu kiếm được tiền, được rất nhiều tiền ấy mà. Anh vừa vui mừng vì trong thâm tâm anh vẫn là một điền chủ nhỏ khát khao có ruộng đất, vừa cảm thấy bối rối vì những tư tưởng của anh không thích hợp với sự giàu có. Ôi! Khi đó tôi đã bị những mưu mô quá rõ ràng lừa dối, những mưu mô mà lòng tham của anh phải dùng đến để giữ yên ổn cho lương tâm: “Tôi đã đưa hầu như tất cả”, anh nói vậy. Tôi đã xem những bảng thanh toán và biết rõ anh còn giữ bao nhiêu. Một đôi khi tôi giả vờ ngây thơ mà rí vào tai anh:

- Anh trở nên quá giàu rồi đấy, anh Jérôme ạ!...

Anh thở dài:

- Anh rất ghét chế độ này... Nhưng biết làm sao được! Một khi nó còn tồn tại, ta vẫn còn cần phải thích nghi với nó.

Khốn nỗi, đấu tranh chống lại chế độ ấy đang là một thời đại. Anh càng tấn công vào nó, anh càng giàu. Thật là một số phận quá độc địa. Anh Jérôme thật tội nghiệp, vả lại cần phải công nhận rằng những ý kiến chính thống của anh không thể chệch vào đâu được khi nó được đem ra để chống lại tôi. Khi thấy anh trở thành triệu phú, cũng như những người đàn bà khác thiếu thốn tình yêu, tôi đã thêm muốn sự sang trọng, tôi muốn có áo choàng lông thú, muốn có đồ trang sức. Tôi phải thừa nhận rằng anh đã chống lại tôi bằng cả một cuộc kháng cự mang tính đạo đức cao nhất.

“Một chiếc áo khoác lông chồn”, – anh nói, – “một chuỗi hạt ngọc! Này em, em thử nghĩ xem! Em không thể tưởng tượng nổi là kẻ thù của anh sẽ nói những gì một khi vợ của anh lại trở nên giống những mẹ đàn bà tư sản trong những biếm họa đã làm anh nổi tiếng đâu”.

Có! Tôi tưởng tượng được chứ. Tôi hiểu rằng vợ của Jérôme Vence không được để bị nghi ngờ. Tôi lường được sự thất thố trong những ước muốn của mình. Đúng là nhờ hư vinh, anh có tiền của và đất đai. Nhưng tiền gửi ở nhà băng thì có ai biết được, trong khi những viên ngọc lại lấp lánh dưới nắng mặt trời. Anh lại có lý, anh Jérôme ạ, lúc nào anh cũng có lý.

Một lần nữa tôi lại chấp thuận tất cả, tất cả, và ngay cả cuốn sách cuối cùng này nữa. Tôi nghe mọi người xung quanh ca ngợi sự mạnh dạn trong các ý kiến của anh; lòng tốt của anh (anh là một trong số những người thực sự độc ác nhất mà tôi được biết), lòng khoan dung của anh đối với tôi. Tôi không trả lời... Có đôi khi, tôi công nhận: “Vâng, anh ấy đối xử với tôi rất tốt, tôi chẳng có gì phải phàn nàn”.

Tôi tâng bốc anh như vậy có đúng không? Cứ để mặc các giai đoạn đầy xu nịnh ấy – trong đó

anh là nhân vật chính – lớn lên và lan truyền như vậy liệu có là khôn ngoan không? Liệu có thể tha thứ được chăng việc lớp người trẻ chấp nhận làm bậc thầy một con người mà tôi biết rõ, một con người không xứng đáng với danh hiệu đàn ông? Tôi đã phải tự hỏi mình như thế. Nhưng tôi không làm gì cả. Ngay cả việc viết một hồi ký để tự bào chữa tôi cũng không. Viết để làm gì kia chứ? Anh đã làm tôi chán ngấy chữ nghĩa. Vĩnh biệt, Jérôme.

II. JÉRÔME GỬI THÉRÈSE

Paris, ngày 15-10-1932

Cũng như thời còn sống cùng tôi, cô lại muốn tôi phải đau lòng... cầu cho cô hạnh phúc; cô đã thành công rồi đấy... Cô chẳng tự biết mình đâu, cô Thérèse ạ... Cô tưởng cô là một nạn nhân ư? Chính cô là một đao phủ... Tôi cũng vậy, tôi đã mất nhiều thời gian để hiểu cô. Tôi chấp nhận cô như những điều mà cô khẳng định: một người phụ nữ dịu hiền, và luôn biết hy sinh. Dần dần tôi phát hiện ra ở cô thói thích làm to chuyện, tính độc ác và lòng dạ nham hiểm của cô. Bởi vì, khi còn trẻ, cô đã bị các bậc cha mẹ vụng về làm tổn thương danh dự, bây giờ cô đòi phải được trả thù cuộc sống. Cô choàng món nợ đó lên những kẻ bất hạnh nào yêu phải cô. Khi mới gặp cô, tôi tin vào bản thân mình, cô đã muốn giăng ra khỏi tôi niềm tin ấy. Cô đã công kích từ trí tuệ đến học thuyết và cả thân thể tôi. Cô đã làm tôi thành lỗ bịch ngay cả dưới con mắt của tôi. Ngày hôm nay đây, khi đã được giải thoát khỏi cô, tôi vẫn không thể nhớ lại những vết thương sâu kín do tính thẳng thắn của cô gây ra mà không cảm thấy ngượng ngùng.

Cô đã nhìn tôi với cặp mắt khắc nghiệt biết bao! “Anh nhỏ bé, nhỏ bé lắm”, cô nói vậy. Đúng thế. Tôi thuộc cỡ người nhỏ nhắn và cũng như phần lớn những người ít vận động, tôi có hơi nhiều mỡ hơn bắp thịt. Như thế phải chăng là tội ác? Hay là một lỗi lầm? Tôi thấy rõ ràng trong con mắt của cô ít nhất đó cũng là sự lỗ bịch. Tình yêu đòi hỏi từ bỏ mình, và trao gửi lẫn nhau. Hai con người vứt bỏ cùng với quần áo, cả những âu lo, nghi ngại và then thùng. Nằm cạnh cô, tôi có cảm giác mình bị phán xét bởi một kẻ thù chưa bao giờ mất sự kiềm giữ của tri giác, kẻ thù ấy vẫn đang quan sát tôi bằng một sự minh mẫn đến lạ lùng. Làm sao để tôi có thể trở thành một người tình xứng đáng với một phụ nữ vẫn làm tôi lo ngại... Làm sao bên cạnh cô, tôi có thể trở thành một con đực trong ái ân: một con người bản năng và táo tợn, một khi tôi nhận thấy ở người bạn chăn gối của tôi sự gương gao và giả bộ đoan trang? Cô trách cứ tôi đã không chăn gối cùng cô. Cô có tin chắc rằng cô đã không đuổi tôi không?

“Dù sao, – cô đã viết như vậy – thì việc tôi nhận lấy anh là một hành động dũng cảm”. Nhưng cô đã luôn luôn không biết rằng tôi sẽ nhanh chóng xua tan sự tối tăm hay sao? Thérèse ạ, cô chọn tôi vì cô nhận thấy trong tôi có điều gì đó là có thực và sống động, điều ấy không có ở những người thân của cô. Cũng có thể vì cô đã nhận thấy tôi là con người dễ bị tổn thương, và việc làm thương tổn tôi là ước muốn mãnh liệt nhất của cô, là niềm vui duy nhất của cô. Thật khó mà nhớ lại người đàn ông là tôi khi tôi mới quen biết cô. Một con người tương đối hiếm, hình như thế, một con người có niềm tin ở tư tưởng và tài năng của mình... Con người đó, cô đã tìm mọi cách để giết đi. Trong khi tôi tự cho mình là hạnh phúc thì cô đã sát hại tôi bằng lòng thương hại của cô. Thật là lòng! Cô lấy tôi vì tôi có sức mạnh và cô lại kiên trì chống lại chính cái sức mạnh ấy. Nhưng chớ nên tìm trong những hành động của cô một điều gì hợp lý lẽ và có ý thức. Cũng như nhiều phụ nữ khác, cô là một người đàn bà đau khổ, nô lệ của thân thể và cơn cuồng nộ của chính mình, bị làm méo mó đi bởi một thời thanh niên đầy bị kích, tức tối vì thất bại. Khi còn sống với cha mẹ, cô đã trút hận thù lên những người đó, từ cái ngày mà tôi trở thành bạn đồng hành duy nhất của cô, thì tôi lại là kẻ để cô hành hạ.

“Một trò điên mới” – cô sẽ nói vậy. “Những lời buộc tội ứng tác để trả lời bức thư của mình”.

Và cô sẽ đắc thắng giơ cuốn sách của tôi ra, nhất là đoạn mà cô đã ghi lại một cách kỹ lưỡng: “Vợ tôi là một người chung thủy, giản dị và thông minh...”. Thérèse ạ, cô hãy cẩn thận, đừng quá tin vào cái chứng cứ rất dối khoan dung đó. Bởi vì cô đã dồn tôi vào vị trí phòng ngự cuối cùng, bởi vì cô buộc tôi phải sử dụng đến tất cả mọi thứ vũ khí, tôi sẽ phải thú nhận rằng câu đó là một lời nói dối. Một lời nói dối có ý thức. Tôi muốn tỏ ra rộng lượng. Tôi đã nhầm. Mọi sự giả nhân giả nghĩa đều làm hỏng một tác phẩm nghệ thuật. Đáng lý ra tôi đã phải miêu tả không hề thương xót con quái vật là cô và điều xấu xa mà cô đã làm đối với tôi.

“Chung thủy ư?” Ngay từ trước khi rời xa cô rất lâu, tôi đã biết là cô không còn như thế nữa. Nhưng tại sao tôi lại viết điều đó trong một văn bản được công bố rộng rãi? Tại sao tôi lại phải chịu thiệt thòi để đưa lại cho cô cái uy tín của sự không chung thủy đó. Khiêm nhường ư? Thói kiêu căng ghê gớm và lòng ham muốn thống trị, chói ngời hơn người khác là lý do để cắt nghĩa mọi hành động của cô... “Thông minh?” ... Đúng vậy, rất nhiều người đến tận bây giờ vẫn còn nghĩ là cô thông minh. Và quả thực cô đã trở nên thông minh. Nhưng cô có hiểu tại sao không? Bởi vì tôi đã nặn nên cô như thế. Bởi vì trong suốt hai mươi năm, cô đã nhận được ở tôi những gì mà cô còn khiếm khuyết: tư tưởng, kiến thức, ngôn từ. Ngay hôm nay thôi, sau bao nhiêu năm xa cách, cô vẫn sống bằng hơi thở mà cô đã lấy từ tôi và lá thư ấy, lá thư mà cô nghĩ là dùng nó để kết liễu tôi, cũng lại chính nhờ tôi mà nó có được sức mạnh ấy.

“Họm hĩnh ư?”. Không, kiêu hãnh thì đúng hơn. Tôi cần phải tự nhắc lại rằng tôi tin vào mình để tự giải thoát mình khỏi bùa phép của cô. Tôi không muốn nhắc lại từng câu chữ lá thư của cô. Tôi không muốn nếu như tôi tự tra tấn mình bằng những nỗi đau khổ vô ích đó. Tuy nhiên, cũng cần nói thêm một lời nữa, “Tôi cười một cách chua xót, – cô nói vậy, – khi các báo nói về sức mạnh của anh... Tôi chưa hề gặp một ai lại yếu đuối như anh” ... Thérèse ạ, cô hiểu rất rõ là cô tấn công tôi trên hai bình diện khác nhau. Những gì là cá tính của tôi, trong quan hệ với cô, chỉ liên quan đến hai người. Cũng như cô, tôi vẫn cho mình là quá yếu đuối trong cuộc đấu tranh này. Đó là do lòng thương hại, mà sự thương hại không phải lúc nào cũng không có lẫn một chút đốn hèn. Chỉ có điều là cô giả bộ không biết rằng một con người có thể yếu đuối trong một cuộc sống nhất thời, tuy thế, anh ta vẫn có thể sáng tạo được một tác phẩm mạnh mẽ. Và hơn nữa, điều này thường xảy ra, chính bởi vì họ yếu đuối trong cuộc sống mà tác phẩm của họ lại phải cường tráng... Những gì mà lớp người trẻ nhìn thấy trong tác phẩm của tôi, cô cứ yên tâm. Thérèse ạ, nó là như thế đấy. Và nếu suy nghĩ kỹ hơn chút nữa về điều đó, nếu như cô đã làm tôi đau khổ nhiều, có thể tôi lại phải tạ ơn cô một khi những nỗi đau đó đã dịu đi. Một phần lớn lao những gì mà tôi có được thì chính là nhờ lòng oán hận của cô đấy.

Cô, trước hết, cô là một kẻ phá hoại. Sự hận thù đã hình thành ở trong cô. Vì không được sung sướng, cô đã ghét bỏ hạnh phúc. Vì không được say đắm, cô khinh ghét khoái lạc. Sự hờn giận đã biến cô thành một người quan sát sắc nhọn và nhiệt thành. Như những quang tuyến phát hiện ra vết rạn làm ảnh hưởng đến tính bền vững của một khối sắt khổng lồ, cô đi thẳng vào điểm yếu của một con người. Cô thấy vết nhơ ở mọi luân thường đạo lý. Đó là một năng khiếu đáng kể, Thérèse ạ, nhưng đó cũng lại là một năng khiếu đáng nguyên rủa. Bởi cô quên rằng đạo đức là điều có thực và bụi sắt chống lại được thời gian. Những điểm yếu của tôi mà cô đã chỉ ra một cách thật tàn nhẫn, là có thực, tôi biết vậy. Cô cũng đã nhìn thấy rõ nó với một sự hần học ghê gớm. Nhưng nó tồn tại giữa lòng một khối nặng và rất dẻo dai, đến nỗi không một sức mạnh nào của con người có thể đập vỡ được. Cô cũng vậy, cô đã thất bại và bất chấp sự thống trị tai ác của cô, tác phẩm tôi, tâm hồn tôi vẫn sống mãi.

“Có người đàn bà nào, – cô đã viết như vậy, – lại có thể hạnh phúc được với anh?”. Tôi muốn cô cũng nên biết rằng từ khi chúng ta ly hôn, tôi đã tìm thấy tình yêu với một người vợ giản dị và tốt bụng, cuối cùng tôi đã biết đến sự yên lành. Tôi đoán được nụ cười mỉm của cô: “Vâng, nhưng còn cô ấy?...” Nếu cô nhìn thấy Nadine, vợ tôi, chỉ cần trong phút chốc, cô sẽ không nghi ngờ gì nữa về hạnh phúc của cô ấy! Tất cả mọi người đàn bà đều không có nhu cầu giết người để sống như cô. Bây giờ cô đang hủy hoại ai?

III. NADINE GỬI THÉRÈSE

Paris, ngày 2-2-1937

Có thể bà sẽ ngạc nhiên khi nhận được lá thư của tôi. Những điều tiếng trước đây đã muốn biến chúng ta thành kẻ thù. Tôi không biết những gì trong đó là tình cảm của bà. Về phần tôi, không những tôi không thù ghét gì bà, mà trái lại, tôi còn có thiện cảm một cách vô ý thức đối với bà. Nếu trước đây, vào thời gian bà ly hôn, bà trở thành kẻ thù, kẻ thù mà bằng mọi giá tôi phải đuổi khỏi trái tim người đàn ông mà tôi đã chọn, bà đã trở nên người bạn đồng hành vô hình của tôi ngay sau đó, saul lễ cưới của tôi. Có lẽ là những người vợ của ông Râu Xanh^[6] đã gặp nhau, dở sống dở chết, trong ký ức của người chồng chung của họ. Jérôme vẫn nói với tôi

về bà, tuy ông ấy không muốn. Tôi đã thử hình dung thái độ của bà trước sự khó tính khá lạ lùng của Jérôme và tôi thường nghĩ rằng cái cứng rắn của bà có khi lại khôn ngoan hơn cái nhân nhượng của tôi.

Sau khi Jérôme mất đi, tôi đã phải sắp xếp lại mọi thứ giấy tờ của ông ấy. Trong đó tôi có thấy rất nhiều thư của bà. Một trong những bức thư ấy đã làm tôi thật cảm động. Đó là bức thư mà bà viết cho ông ấy cách đây năm năm, sau khi ông ấy cho xuất bản “Nhật ký” của mình. Tôi đã nói với ông ấy là trang viết đó sẽ xúc phạm đến bà. Tôi đã xin ông ấy xóa nó đi. Nhưng ông ấy, con người yếu đuối ấy, lại có một thái độ ngang bướng và một sự dũng cảm kỳ lạ trong những vấn đề thuộc về tác phẩm của mình. Câu trả lời của bà khá thô bạo. Có thể là bà sẽ ngạc nhiên nếu như tôi nói với bà là tôi thấy nó tương đối đúng.

Đừng nghĩ rằng tôi phản bội Jérôme đã khuất. Tôi đã yêu ông ấy, tôi sẽ trung thành với ông ấy, nhưng tôi phán xét ông ấy và tôi không biết nói dối. Nhà văn trong ông ấy là rất đáng khâm phục cả về tài năng lẫn về ý thức. Còn về con người, bà đã nói lên sự thật. Không, Jérôme không phải là một kẻ đạo hạnh, hay chí ít, nếu ông ấy có vẻ như vậy trước các môn đệ của mình, thì ông ấy đã không lừa được chúng ta, những người vợ của ông ấy. Ông ấy cần phủ lên mọi hành động của mình, sự lựa chọn chính kiến của mình, mọi thứ thuộc về ông ấy, một vòng hào quang thần thánh, nhưng những động cơ hành động của ông ấy thì như chúng ta đã biết, thật khá nhỏ nhen. Từ lòng hận thù thế giới, ông ấy tự biến mình thành một kẻ đạo đức, nhưng căn nguyên sâu xa của cái đó lại là tính rụt rè bệnh hoạn của ông ấy. Đối với phụ nữ, ông ấy tỏ ra là một người bạn ân cần đáng trọng, nhưng như bà đã viết cho ông ấy, đó là do ông ấy thiếu sức mạnh hơn là do thực sự âu yếm.

Ông ấy chạy trốn những vinh quang chính thức, nhưng do kiêu ngạo và tính toán so đo hơn là đức tính khiêm nhường. Sau hết, ông ấy không bao giờ chấp nhận một sự hy sinh, nếu nó không phải là một điều lợi lộc và chính chúng ta đã từng bị sự khôn ngoan có vẻ vụng về này đánh lừa.

Quả thật tôi tin rằng chưa khi nào chính ông ấy nhận thấy được bản chất của mình, và chính con người này, rất sắc sảo và rất nghiêm túc khi phân tích tâm hồn những người khác, đã chết mà vẫn tưởng mình là một kẻ tinh khôn.

Tôi có hạnh phúc với ông ấy không? Có, cho dầu gặp biết bao thất vọng, bởi vì bản thân ông ấy luôn là một cảnh tượng mới mẻ và là một con người có sức hấp dẫn phi thường. Sự lừa lọc mà tôi vừa mới nói đã biến ông ấy thành một câu đố sống. Tôi nghe, hỏi và quan sát ông ấy không bao giờ chán. Trước hết, sự yếu đuối của ông ấy càng làm tôi xúc động. Những tình cảm của tôi đối với ông ấy trong những năm cuối, đúng ra là tình cảm của một người mẹ bao dung hơn là của một người tình. Nhưng cách thức yêu thì có gì là quan trọng, miễn là họ yêu, có phải thế không bà? Khi có một mình, tôi nguyên rủa ông ấy, nhưng khi ông ấy vừa xuất hiện, tôi lại bị chinh phục ngay. Tuy vậy ông ấy chưa bao giờ biết những nỗi lo lắng của tôi. Để làm gì cơ chứ? Tôi nghĩ rằng một người phụ nữ lột mặt nạ của ông ấy ra, bắt ông ấy phải tự nhìn mình trong một tấm gương trung thực, chỉ làm cho ông ấy ghét chứ không thể thuyết phục nơi ông ấy. Ngay như bà, bà cũng chỉ dám nói khi bà biết là không gặp lại ông ấy nữa.

Dầu sao, bà cũng đã để lại một dấu ấn trong cuộc đời ông ấy. Từ khi chia tay với bà, hàng năm Jérôme chỉ làm có một việc là ngay bên cạnh tôi, viết lại lịch sử sự tan vỡ ấy. Bà là nhân vật chính duy nhất, nhân vật trung tâm của tất cả các cuốn sách của ông ấy. Trong tất cả, dưới những cái tên khác nhau, tôi vẫn nhận ra cách để tóc kiểu quý phái, sự cao sang của các cử chỉ, sự nhiệt thành thái quá, sự trong trắng kiêu kỳ, và ánh mắt sắc lạnh của bà. Chưa bao giờ ông ấy biết đến việc lột tả những tình cảm của tôi cũng như hình thể của tôi. Đã nhiều lần ông ấy thử làm vì muốn tôi vui lòng. Ôi, nếu như bà biết là tôi đau khổ đến thế nào mỗi khi nhìn thấy nhân vật đó, nhân vật mà ông ấy nặn ra trước mặt tôi, bất chấp mọi quy tắc của người tạc tượng, biến tôi thành người phụ nữ giống bà. Một trong những câu chuyện của ông ấy tuy có mang tên tôi, Nadine, nhưng rồi người trình nữ hiện thực, cao sang, nhân vật chính ấy, làm sao lại không được nhận ngay ra rằng đó chính là bà? Biết bao lần tôi đã phải khóc khi chép lại những chương mà trong đó khi thì bà là một vị hôn thê bí hiểm, khi là một người vợ không chung thủy nhưng vẫn được sủng ái, khi lại là một kẻ tình địch ghê gớm, có những hành động

bất chính, tuy vẫn là niềm mơ ước của mọi người.

Đúng thế, từ khi bà rời bỏ ông ấy, ông ấy sống bằng những kỷ niệm đau buồn mà bà đã để lại cho ông ấy. Tôi, tôi đã cố gắng tạo cho ông ấy, một cuộc sống yên lành, chỉ còn biết có công việc. Cho đến hôm nay tôi vẫn còn tự hỏi phải chăng mình đã làm đúng. Có thể một nghệ sĩ lớn cần phải đau khổ. Có thể sự đơn điệu đối với ông ấy còn tệ hại hơn là sự ghen tuông, lòng căm giận và nỗi đau khổ. Sự thực là khi còn chung sống với bà, Jérôme đã viết những cuốn sách có tính người nhất trong tất cả các cuốn sách của ông. Sự thực là khi không còn bà nữa, ông ấy đã nhai đi nhai lại những tháng cuối cùng chung sống với bà. Đến cả bức thư độc địa mà tôi đang để trước mặt đây cũng không chữa cho ông ấy khỏi bệnh. Ông ấy đã dành những năm cuối cùng của mình để cố trả lời lá thư đó, trả lời trong trái tim và bằng các tác phẩm của mình. Cuốn sách cuối cùng của ông ấy, cuốn sách chưa hoàn thành, mà tôi còn giữ được bản thảo, là một lời thú tội nhứt nhối, trong đó ông ấy tự xé nát mình bằng những lời cầu xin được tha thứ. Ôi, cầu mong sao tôi có được, thưa bà, cái quyền lực kinh khủng ấy, cái quyền lực đã làm ông ấy day dứt mà bà đã ban ra bằng sự lạnh lùng của mình.

Tại sao tôi nói với bà những điều đó vào ngày hôm nay? Bởi vì, đã từ lâu tôi cần phải nói những điều đó. Bởi vì bà là người duy nhất – hình như thế – có thể hiểu được những điều đó và cũng bởi vì sự chân thành ấy sẽ giúp tôi – tôi mong vậy – xin được ở bà một ân huệ. Bà biết là từ sau khi Jérôme mất đi, người ta đã viết nhiều về ông ấy. Tôi không cho rằng những gì được viết trong những tác phẩm ấy là chính xác, cũng chưa hẳn đã sâu sắc, nhưng tôi tự giữ mình không xen vào đó. Các nhà phê bình có quyền nhầm lẫn: hậu thế sẽ phán xử, và tôi tin rằng các tác phẩm của Jérôme sẽ thuộc trong số những tác phẩm trường tồn. Nhưng tôi không thể kìm được mình khi các nhà viết tiểu sử bóp méo dung mạo của ông ấy và cuộc sống của tôi. Những chi tiết trong cuộc sống của Jérôme, những nét cá biệt của tính cách ông ấy, chỉ có bà và tôi mới biết rõ được. Sau bao lần lưỡng lự, tôi nghĩ là tôi phải có nhiệm vụ, trước khi mất đi, khắc tạc lại ký ức về ông ấy.

Tôi sẽ viết một cuốn sách về Jérôme! Ôi, tôi biết rõ là tôi không có tài năng. Nhưng ở đây chất liệu chứ không phải hình thức, là quan trọng. Ít nhất thì tôi cũng để lại một chứng cứ. Có thể có ngày một nhà viết tiểu sử tài ba nào đó sẽ dùng nó cho một bức chân dung chính thức. Tôi đã cố gắng, từ vài tháng nay thu thập những tư liệu. Tuy thế, vẫn còn một giai đoạn tôi có rất ít chất liệu; đó là giai đoạn ông ấy với bà hứa hôn và làm lễ cưới. Tôi nghĩ rằng đây là một cử chỉ táo bạo, có phần nào vượt ra ngoài những ước lệ, nhưng thẳng thắn và trung thực, mà tôi cần nói với bà và cầu xin sự giúp đỡ của bà. Tôi đã không dám làm, nếu như tôi không có sự thông cảm kỳ lạ nhưng có thực đối với bà mà tôi đã thổ lộ ngay từ đầu. Tôi có cảm tưởng rằng, dù chưa hề biết mặt bà, tôi vẫn hiểu bà hơn ai hết. Một thứ bản năng nào đó mách bảo tôi rằng tôi đã hành động đúng khi đối đãi với bà bằng một thái độ tin cậy hầu như táo bạo đến thế. Xin bà viết thư cho tôi biết ở đâu và khi nào tôi có thể gặp bà để nói rõ những dự định của tôi. Tôi biết là bà cần phải có đôi chút thời gian để tìm lại và sắp xếp, nếu bà còn giữ lại những giấy tờ cũ kỹ đó, nhưng dù sao thì tôi vẫn mong muốn được nói chuyện với bà càng sớm càng tốt. Tôi muốn được nói với bà quan niệm của tôi về cuốn sách. Khi đó, bà sẽ thấy rằng bà không có gì phải sợ là tôi sẽ xử thế quá cứng nhắc và cũng không quá thiên vị đối với bà. Hoàn toàn trái lại, tôi hứa sẽ làm vui lòng bà bằng cách minh oan cho bà. Tất nhiên tôi cũng biết là bà đã làm lại cuộc đời, và tôi sẽ cố giữ không trích dẫn, kể lại một điều gì có thể gây khó khăn cho bà. Tôi cảm ơn bà trước về những điều bà sẽ làm – tôi tin chắc như vậy – để làm cho nhiệm vụ của tôi nhẹ nhàng hơn.

NADINE JÉRÔME-VENTE

TB: Mùa hè này tôi sẽ đi đến Uriage nơi Jérôme lần đầu tiên được giới thiệu với bà, để miêu tả kỹ hơn bằng cách vẽ lại cảnh thật của thiên nhiên, cảnh trí nơi hai người gặp nhau trên sân thượng khách sạn Stendhal. Cũng sẽ có ích nếu tiện thể tôi được đi thăm nơi ở của thân phụ bà.

TB 2: Tôi không biết rõ lắm về quan hệ của Jérôme với bà de Verniez. Liệu bà có biết gì hơn tôi không? Ông ấy luôn luôn nói về bà, còn câu chuyện phiêu lưu của thời trai trẻ đó thì ông ấy luôn kín đáo, lảng tránh. Có đúng là bà V. đã theo ông ấy đến Modane vào năm 1907 và cùng ông ấy đi du lịch khắp nước Ý không?

Bà nội của Jérôme tên là Hortense hay là Mélanie?

IV. THÉRÈSE GỬI NADINE

Evreux, ngày 4-2-1937

Thưa bà!

Thực là đáng tiếc, tôi không thể giúp gì cho bà được. Quả tình là chính tôi cũng đã quyết định cho xuất bản một cuốn sách nhan đề Cuộc đời của Jérôme Vence. Là vợ góa của ông ấy, bà mang tên ông ấy và vì vậy, một cuốn sách viết về những kỷ niệm gần gũi ký tên bà sẽ được đón tiếp nồng nhiệt hơn. Nhưng giữa chúng ta cần có một sự thẳng thắn. Thưa bà, phải công nhận rằng bà biết rất ít về Jérôme. Bà lấy ông ấy khi ông ấy đã trở nên nổi tiếng và cuộc sống xã hội của ông ấy choán hết cả cuộc đời riêng tư. Còn tôi, tôi đã chứng kiến sự hình thành của nhà văn và sự ra đời của vinh quang, và chính bà cũng công nhận rằng tác phẩm hay nhất của ông ấy được sáng tạo bên cạnh tôi hay trong hoài niệm về tôi.

Phải nói thêm là nếu không có những tư liệu của tôi, không thể viết được bất cứ một tiểu sử nào nghiêm túc về Jérôme. Tôi có hai nghìn lá thư của ông ấy, hai nghìn lá thư yêu thương và oán hận, đó là chưa kể các lá thư trả lời của tôi, mà tôi vẫn còn giữ được các bản nháp. Trong hai chục năm trời, tôi đã cắt lại tất cả các bài báo viết về ông ấy hay về các cuốn sách của ông ấy, sắp xếp lại những bức thư của bạn bè cũng như của những người hâm mộ không quen biết. Tôi còn giữ lại tất cả các diễn văn, lời tuyên bố và bài viết của Jérôme. Ông Giám đốc thư viện quốc gia vừa kiểm kê tất cả món tài sản đó, vì tôi có ý định nhượng lại cho Nhà nước, đã nói với tôi: “Đây là bộ sưu tập có một không hai”. Xin nêu một thí dụ: Bà hỏi tôi về tên của bà nội của ông ấy ở Bordeaux. Tôi có cả một mớ tư liệu về bà Hortense-Pauline-Mélanie Vence ấy, cũng như về từng người là tổ tiên ông ấy.

Ông ấy thích tự cho mình là “người bình dân”. Điều đó không đúng. Vào cuối thế kỷ 18, gia đình họ Vence sở hữu một lãnh địa nhỏ ở vùng Périgord và sống khá sung túc. Đến đời ông bà ngoại của Jérôme đã mở rộng ra hàng trăm hecta đất về phía Mérignac. Ông của Jérôme dưới thời Louis-Philippe là xã trưởng và một trong số những ông chủ là thành viên của Hội Chúa cứu thế. Cả vùng này đều coi gia đình họ Vence là một gia đình tư sản giàu có. Tôi tự cho mình phải làm rõ điều đó. Không phải là tôi thích nhấn mạnh vào thói đua đòi trái khoáy, một trong những điểm yếu của Jérôme tội nghiệp đâu. Tôi sẽ cố gắng tỏ ra không thiên vị và công bình. Nhưng tôi cũng phải nói đúng sự thực. Thưa bà, đó chính là lỗi lầm nhỏ nhoi nhất của con người vĩ đại mà cả hai chúng ta đều đã yêu mến, và phán xét. Còn đối với bà, chắc chắn tôi sẽ không tỏ ra kém rộng lượng như bà từng mong đợi ở tôi. Tại sao chúng ta lại phải cấu xé lẫn nhau? Việc bà đã là nhân tình của ông ấy trước khi hai người cưới nhau – những bức thư mà tôi có trong tay đây chứng minh điều đó – tôi cũng không muốn nêu lên. Tôi kính sợ các vụ bê bối, cho người khác cũng như cho chính tôi. Dù tôi có phàn nàn về Jérôme đến đâu đi nữa, thì tôi cũng vẫn là một người hâm mộ các tác phẩm của ông ấy, và tôi sẽ mang hết sức mình để làm việc ấy một cách hết sức vô tư. Bởi vì cả hai cuốn sách của chúng ta sẽ được xuất bản trong cùng một khoảng thời gian. Có lẽ chúng ta nên trao đổi cho nhau những bản in thử. Như thế chúng ta sẽ tránh được những điểm trái ngược khiến các nhà phê bình phải nghi ngờ.

Về tuổi già của Jérôme, về sự suy sụp của ông ấy sau những cơn nhồi máu đầu tiên, bà biết rõ hơn tôi. Đó là một cảnh sống của ông ấy mà tôi trút bỏ lại cho bà. Tôi có ý định sẽ kết thúc cuốn sách của tôi vào thời điểm chúng tôi chia tay nhau (gợi lại những sự cãi cọ sau đó phỏng có ích gì?).

Nhưng trong phần kết, tôi sẽ kể lại một cách vắn tắt hôn lễ của bà, sau đó đến lượt tôi, tôi sẽ nói vì sao tôi biết Jérôme đã chết lúc tôi đang ở Mỹ cùng với người chồng thứ hai. Bất chợt trong mục phim thời sự, tôi nhìn thấy trên màn ảnh một đám quốc tang, những bức ảnh cuối cùng của Jérôme, và bà đang rời lễ đài trong vòng tay đỡ của ngài Thủ tướng, cảnh đó sẽ là đoạn kết rất hay.

Nhưng chắc chắn bà cũng sẽ viết một cuốn sách nhỏ thật đặc sắc.

Paris, ngày 7-2-1937

Tôi vừa biết là bà Thérèse Berger (ông cũng biết đấy, bà ấy là người vợ đầu của chồng tôi), đang sửa soạn cho in một cuốn hồi ký. Để đi trước cuốn đó, chúng ta cần phải cho xuất bản cuốn sách của chúng ta ngay khi tôi trở về. Ông sẽ nhận bản thảo của tôi ngày 15-7. Tôi cũng rất vui sướng khi biết rằng cuốn sách đã được các nhà xuất bản ở Mỹ và ở Brasil tuyển chọn để tái bản.

VI. THÉRÈSE GỬI NADINE

Evreux, ngày 9-12-1937

Thưa bà!

Tiếp theo thắng lợi về cuốn sách của tôi ở Mỹ (nó đã được nhà *Book of the month club* (Câu lạc bộ sách trong tháng) tuyển lựa), tôi lại vừa nhận được từ Hollywood hai bức điện dài nói về một vấn đề mà tôi phải có nghĩa vụ tham khảo ý kiến bà. Một nhà làm phim nhân danh một trong số những hãng phim lớn nhất đề nghị tôi cho đưa “Cuộc đời Jérôme Vence” lên màn ảnh. Chắc bà không biết là Jérôme rất được công chúng ở Mỹ ưa thích, đặc biệt trong số những nhà trí thức có khuynh hướng tự do, và cuốn “Thông điệp” của ông được coi như một tác phẩm mẫu mực. Vì chồng của chúng ta nổi tiếng và được coi gần như một con người đạo hạnh, nên các nhà làm phim muốn rằng bộ phim về ông ấy phải thật cảm động và cao quý.

Một số yêu cầu của họ thoát đầu làm tôi giật bắn người. Sau suy nghĩ kỹ lại, tôi cảm thấy là không có sự hy sinh nào quá lớn lao, nếu chúng ta có thể đảm bảo cho Jérôme một sự khâm phục rộng rãi trong công chúng, điều mà ngày nay chỉ có điện ảnh mới làm nổi. Cả hai chúng ta biết ông ấy quá rõ để có thể hiểu được rằng ông ấy sẽ hành động như thế nào, và khi cần cho vinh quang của mình sự thật lịch sử luôn là điều ông ấy chẳng quan tâm.

Dưới đây là ba điểm gay cấn nhất:

a) Hollywood muốn rằng Jérôme là một người bình dân, một kẻ cùng khổ, và muốn miêu tả những cuộc đấu tranh đầu tiên của ông ấy chống lại đói nghèo trong một ngày bi thảm. Điều đó là sai, chúng ta đều biết thế, nhưng kết cục lại là cách nói mà chính Jérôme mong muốn, và chúng ta không có lý do gì để tỏ ra cầu kỳ hơn cả nhân vật chính này.

b) Hollywood muốn rằng vào lúc xảy ra sự kiện Dreyfus^[7], Jérôme đã kiên quyết tham gia và đặt vào đó cả sự nghiệp của mình, về mặt lịch sử, như thế là không chính xác, và về thứ tự thời gian thì không thể có chuyện đó được, nhưng làm vậy kể cũng chẳng hại gì đến ký ức của ông ấy, thậm chí ngược lại là đáng khác.

c) Sau hết, và đây mới là điều khó nhất, Hollywood cho rằng thật là khờ dại nếu để hai người vợ tồn tại trong cuộc đời của Jérôme. Hôn lễ lần đầu là do tình yêu (được lãng mạn hóa bằng cuộc xung đột với gia đình tôi), cho nên theo đạo lý riêng của điện ảnh thì cuộc tình duyên đó ắt phải hạnh phúc. Người làm phim đề nghị với tôi là “đúc” hai người vợ (nghĩa là bà và tôi) lại thành một. Đến đoạn kết của phim, ông ta sẽ sử dụng đến những chi tiết trong cuốn sách của bà, nhưng gán cho tôi thái độ của bà vào thời gian ông ấy lâm bệnh rồi mất.

Tôi cũng dễ dàng đoán được sự ghê tởm của bà về điểm cuối này, thoát đầu tôi đã từ chối. Nhưng ông ta lại gửi cho tôi một bức điện với những lý lẽ không thể bắt bẻ vào đâu được. Vai của bà Vence tất nhiên phải do một mình tinh mần bạc đóng. Mà một nghệ sĩ lớn sẽ không bao giờ chấp nhận việc mình xuất hiện trong một bộ phim chỉ ở phần thứ nhất. Ông ấy dẫn ra một thí dụ: Trong Marie Stuart^[8], để một diễn viên nổi tiếng nhận đóng vai Bothwell, đã phải trộn lẫn nhân vật này, bằng một tình yêu thuần khiết, hoàn toàn tưởng tượng, vào tuổi trẻ của nữ hoàng. Bà sẽ thừa nhận rằng nếu lịch sử trong những sự kiện quen thuộc nhất đã đáp ứng yêu cầu đó của điện ảnh thì chúng ta, cả bà và tôi sẽ thật là sai lầm, nếu ta tỏ ra kèn kiệu một cách lỗ bịch khi có vấn đề liên quan đến cuộc sống tầm thường của chúng ta.

Tôi viết thêm:

a) Người vợ duy nhất này không có nét nào giống bà, cũng như không giống tôi, bởi vì diễn viên đóng vai chúng ta sẽ là người đăng ký hợp đồng với nhà làm phim, không hề giống một ai trong hai chúng ta.

b) Tiền thù lao phải nhiều (sáu mươi nghìn đô-la, theo giá đồng frăng hiện nay là hơn một triệu) và tất nhiên, nếu bà chấp nhận những thay đổi bắt buộc ấy, tôi sẽ trả công hậu cho sự đóng góp của cuốn sách của bà.

Xin bà hãy trả lời tôi bằng điện tín, vì chính tôi cũng phải trả lời Hollywood như vậy.

VII. NADINE GỬI THÉRÈSE

(bằng điện tín)

10-12-37. Chuyện quá quan trọng nên không thể bàn qua điện tín được. Stop. Đi tàu ở Paris lúc 14 giờ 23 đến chỗ bà vào lúc 18 giờ. Stop.

Thân ái
NADINE

VIII. THÉRÈSE GỬI NADINE

Evreux, ngày 1-8-1938

Bà Nadine thân mến!

Tôi lại vừa về nghỉ trong ngôi nhà ở vùng quê mà bà đã biết và rất thích. Tôi ở đây một mình, chồng tôi đã đi vắng trong vòng ba tuần lễ. Tôi sẽ rất sung sướng nếu bà đồng ý đến đây nghỉ lâu mau là tùy khả năng và ý thích của bà. Nếu bà cần đọc, viết, làm việc, tôi sẽ để bà được yên tĩnh, bởi vì tôi cũng hết sức bận bịu với cuốn sách mới của mình. Nếu bà muốn đi thăm xứ sở đẹp đẽ này, thì xe của tôi cũng sẽ là xe của bà. Còn buổi tối, nếu bà rảnh rỗi để nghỉ ngơi trong vườn hoa và có tôi bên cạnh, chúng ta sẽ nhắc lại những kỷ niệm, những “kỷ niệm đau buồn” – và cả công việc của chúng ta nữa.

Hãy tin vào tình cảm thân ái của tôi.

THÉRÈSE BERGER

Irène

- Được đi chơi với anh tối nay, em vui quá, – cô nói. – Suốt một tuần căng thẳng. Công việc rồi bù, bao nhiêu cái làm mình thất vọng... Bây giờ có anh bên cạnh, thế là em quên đi tất cả... Anh thân yêu, tối nay chúng mình đi xem phim nhé, một bộ phim hay tuyệt.

- Thôi, xin em, – anh nói giọng hờn dỗi, – em đừng có hòng mà kéo anh đi xem xi-nê tối nay.

- Kể cũng tiếc, – cô nói – em rất muốn được cùng anh đi xem bộ phim này. Nhưng thôi, đành vậy. Em biết ở Montparnasse mới mở một hộp đêm, có các điệu vũ Martinique^[9] tuyệt vời.

- Không, – anh nhấn giọng, – thiết gì cái thứ âm nhạc da đen ấy. Anh chán ngấy lắm rồi, Irène à...

- Thế anh muốn gì?

- Thì em biết rồi đấy thôi. Đi ăn tối ở một nhà hàng nhỏ yên tĩnh, nói chuyện với nhau và sau đó trở về chỗ em, nằm dài trên divăng mà mơ màng.

- Thế thì không được, – đến lượt cô nổi đóa. – Không thể được. Anh thật là một con người ích kỷ. Anh ngạc nhiên lắm phải không? Từ trước đến giờ đã có ai, vâng, không có ai, dám nói thẳng với anh như vậy. Anh chỉ quen thấy phụ nữ ngoan ngoãn vâng lời anh như vâng theo các luật lệ. Anh đúng là một ông hoàng kiêu mới. Hậu cung của anh rộng mở, trải ra khắp hàng chục nước. Tất cả phụ nữ đều là nô lệ của anh. Và vợ anh lại là nô lệ hơn bất cứ ai. Anh muốn mơ màng, họ phải ngồi ngắm anh mơ màng. Anh muốn nhảy, họ phải động đậy. Anh nói sao, họ phải nghe vậy. Anh muốn mua vui họ lập tức phải tự mình biến thành nàng Scheherazade... Một lần nữa, em nhắc lại: không, anh thân yêu... ít nhất thì cũng còn trên đời này có một phụ nữ không tuân theo thói đồng bóng của anh.

Cô dừng lại rồi nói tiếp với một giọng dịu dàng hơn:

- Kể cũng thật là buồn, phải không anh Bernard? Em mong được gặp anh biết bao. Anh sẽ làm em vui đi những phiền muộn. Thế rồi anh đến và em chỉ biết có mỗi mình anh. Thôi anh đi đi, và hãy quay trở lại khi nào anh biết đếm xỉa đến sự tồn tại của những người khác.

Trần trọc suốt đêm, anh suy ngẫm về những điều Irène nói. Cô có lý. Anh thật đáng ghê tởm. Anh đã từng bỏ rơi, và hơn nữa, anh đã nhấn tâm lừa dối Alice. Alice dịu dàng, chung thủy, nhẫn nhục. Tại sao anh lại làm như vậy? Tại sao anh lại có ham muốn chiếm đoạt và thống trị? Tại sao anh lại không biết “đếm xỉa đến sự tồn tại của người khác?” Nghĩ về quá khứ, anh thấy lại cả một thời trai trẻ gian nan với những người phụ nữ mà mình không vươn tới được. Trong thói ích kỷ của anh có chứa chất hận thù và thái độ lì lợm chẳng qua là để che giấu sự ngượng ngùng. Đây không phải là một tình cảm cao thượng. “Cao thượng?” Anh nghĩ... Ta cũng xoàng xĩnh như bao kẻ tầm thường khác mà thôi. Đúng là phải cứng rắn. Trong tình yêu, kẻ nào không biết ăn người, ắt sẽ bị người ăn. Tuy nhiên, nhường nhịn cho người mình yêu, tỏ ra yếu đuối hơn, lấy niềm vui của họ làm niềm vui của mình, đôi khi lại là điều hạnh phúc.

Những chiếc xe cuối cùng đã trở về bến đỗ, anh cảm thấy mình cách biệt, cô đơn trong cái tĩnh lặng mỗi lúc một dài hơn.

Tìm thấy hạnh phúc của mình trong hạnh phúc của người khác? Liệu anh có làm nổi không? Ai đã bắt anh phải tàn ác? Chẳng phải còn người ta lúc nào cũng có quyền làm lại cuộc đời đó sao? Và với con người mới đó của anh, thử hỏi còn có ai là người bạn đời tốt hơn Irène? Irène đáng yêu thương biết bao với chiếc áo dài độc nhất, đôi tất mạng lại và chiếc áo khoác cũ rách. Irène xinh đẹp và nghèo khó, và khoan dung biết bao trong sự nghèo khó đó. Đã bao lần anh bắt gặp cô nhường miếng ăn của mình cho những người học trò còn nghèo hơn cả cô. Cô phải làm việc quần quật suốt cả tuần. Tại sao anh nỡ đi cò kè về niềm vui hồn nhiên của cô trong một buổi tối rồi rỗi?

Chiếc xe khách cuối cùng chạy qua, tiếng động làm rung cả cửa kính. Giờ đây không còn một tiếng động nào làm huyền não đêm khuya thanh vắng. Chán nản ngay cả với bản thân, anh cố nhắm mắt ngủ. Tự nhiên anh thấy lòng thanh thản vô cùng. Anh vừa đi đến một quyết định. Anh sẽ hiến trọn đời mình cho hạnh phúc của Irène. Anh sẽ là một người bạn đời hết lòng

thương yêu, ân cần và dễ bảo. Đúng rồi, dễ bảo. Quyết định này hầu như ngay lập tức ru anh vào giấc ngủ ngon lành.

*

* *

Sáng hôm sau, khi ngủ dậy, anh vẫn còn thấy mình hạnh phúc. Anh vừa mặc quần áo vừa hát, một điều chưa hề có ở anh kể từ lúc bước vào tuổi trưởng thành. “Tối nay – anh nghĩ – ta sẽ đến gặp và xin lỗi Irène”.

Chuông điện thoại réo đúng lúc anh đang thắt cà-vạt:

- Alô! – tiếng Irène thán thốt trong máy... – Anh Bernard phải không? Anh thân yêu! Em không tài nào chợp mắt được đêm qua... Em ân hận lắm. Tối qua em đối xử với anh thật... Tha lỗi cho em nhé... Em cũng không biết là em...

- Không trái lại, chính anh phải xin lỗi em! Irène! Cả đêm qua, anh, anh đã tự bảo mình là sẽ phải thay đổi.

- Anh nghĩ gì kỳ cục vậy, đừng thay đổi gì hết... Không, Bernard, điều đáng yêu ở anh chính là những sở thích bất thường ấy, những đòi hỏi ấy và cái thói mất nét của một đứa trẻ quen được nuông chiều ấy. Thật dễ chịu khi có một người đàn ông để bắt ta phải hy sinh... Em muốn nói với anh là tối nay em rồi và em sẽ không áp đặt cho anh bất cứ một chương trình nào... Em tùy anh mà...

Đặt ống nghe xuống, Bernard buồn bã lắc đầu.

Cô là một nghệ sĩ lớn

Những tình cảm mà Robert Fabert khơi dậy trong tôi thường là phức tạp. Tôi không ưa cái trơ tráo của anh, nhưng tôi khâm phục sự hăng say của anh. Các vở kịch của anh làm tôi phát bực, song tôi vẫn phải công nhận tài viết kịch ở anh. Tính ích kỷ của anh làm tôi khó chịu, nhưng tôi đã xúc động khi anh chọn tôi làm bạn tâm tình. Các cú điện thoại của anh, gọi vào buổi sáng, đôi khi kéo dài liên miên làm tôi sốt ruột, nhưng nếu ba ngày liền anh không gọi, tôi cảm thấy như mình bị bỏ quên.

Sáng hôm đó, hồi chuông reo ngân và gấp gáp:

- Ông bạn thân mến ơi, thật là phức tạp nếu cậu gác tất cả mọi thứ cậu đang viết lại đó và phóng ngay tới đây. Mình có một việc hết sức khẩn cấp cần nói với cậu.

- Này Robert, cậu có biết không, cậu đang lạm dụng tình bạn và lòng kiên nhẫn của mình đấy... Ba lần trong một tuần, cậu đã trưng dụng mình... mà lần nào cũng vì những chuyện vụn vặt, vớ vẩn... Mình đang bắt đầu một bài viết... Xin cậu hãy để cho mình cái quyền được có cuộc sống riêng!

Sau năm phút tranh cãi, tôi cảm thấy rằng thà đi quách đến đó còn đỡ mất thì giờ hơn. Nếu tôi từ chối, rồi sáng nào anh cũng giữ rịt tôi ở máy điện thoại cho mà xem. Anh ở gần nhà tôi. Mười lăm phút sau tôi đã bước vào phòng làm việc của anh. Lập tức anh giở ngay thứ giọng hết sức dịu dàng. Trải qua nhiều kinh nghiệm, tôi hiểu rằng một khi Fabert hát lời ca ngợi tức là anh đang nhằm một việc gì có lợi cho mình. Liệu có món hời nào đang chờ đợi hân ta đây?

- Bạn thân mến ơi, - anh nói, - mình vừa đọc bài viết của cậu về Ménétrier. Quả là cả một kỳ quan về sự sáng suốt, về nhận thức, về văn phong! Cậu là nhà phê bình duy nhất của thời đại này, đúng như vậy đấy.

- Cám ơn. Cậu gọi mình có việc gì đấy?

- À, thế này... Mình không hiểu cậu có biết bà Astier không... bà Adrien Astier ấy mà.

- Cậu đã có lần giới thiệu bà ấy với mình rồi đấy thôi; bà ta đẹp lắm.

- Có phải thế không nào? Tuy là một người đàn bà thuộc tầng lớp tiểu thị dân, nhưng bà ta có vẻ đẹp rực rỡ, tươi mát, mà cả tâm hồn cũng đẹp cậu ạ... Nói tóm lại là mình đang phát điên lên vì chuyện đó.

- Điên hai tháng hay hai tuần lễ?

- Thời gian có nghĩa lý gì trong vụ này hả cậu. Điều chắc chắn là lúc này, ngoài người đàn bà ấy, mình không nhìn thấy bất cứ ai trên thế gian này nữa... Bởi vì đang xuất hiện thời cơ ngàn năm có một để mình cùng với nàng làm một chuyến du lịch sang Tây Ban Nha... Đúng thế đấy, cậu ạ. Nàng muốn thăm xứ Andalusia; chồng nàng thì đang lo buôn bán tận Viễn Đông, không có mặt ở nhà trong hai tháng. Mọi việc có thể được thu xếp một cách hoàn hảo vượt xa cả những mong ước của mình. Nhưng mà còn Odette... Odette bé bỏng tội nghiệp, mình đã long trọng hứa với cô ấy là vào dịp lễ Phục sinh, mình sẽ đi nghỉ cùng với gia đình ở Beauvallon. Đã ba năm rồi, mình chưa có một lúc nào ở nhà được lâu lâu với cô ấy, và các con... Cô ấy sẽ thất vọng.

- Tất nhiên, nhưng mình không hiểu tại sao cậu lại cần đến mình.

- Tại sao à?... Bởi vì chỉ có cậu, ông bạn thân mến ơi, chỉ có cậu mới giúp được mình trong việc thuyết phục cô ấy. Odette rất tin cậu, mình biết mà... Nếu cậu cắt nghĩa cho cô ấy hiểu rằng vở kịch sắp tới là chuyện xảy ra ở Tây Ban Nha...

- Để có màu sắc địa phương cho kịch của cậu, cậu cần phải dắt tới đó một phụ nữ Pháp à? Không đời nào, mình không nhận cắt nghĩa như vậy đâu. Cậu đừng quên rằng mình là bạn của Odette, còn hơn cả việc mình là bạn của cậu... Nếu cô ấy, như cậu nói và cũng như mình nghĩ, rất tin mình, chính là vì mình luôn luôn trung thực với cô ấy; thế mà cậu lại xui mình làm một chuyện dối trá.

- Một chuyện dối trá! Làm gì có... Mình cho rằng ngược lại, với tư cách là bạn của Odette, cậu

có thể giúp cô ấy một việc lớn... Cậu thử nghĩ mà xem... Giả sử cô ấy không chịu, cô ấy làm to chuyện xung quanh cái việc trốn nhà đi chơi rong này... Điều gì sẽ xảy ra nào? Gia đình mình sẽ tan vỡ... Odette bé bỏng tội nghiệp, cô ấy chết mất... Và lúc đó, ai sẽ là người giết cô ấy? Cậu...

Con người của nghệ thuật sân khấu này biết dắt dẫn màn kịch đến là khéo. Thêm một lần nữa tôi hiểu ngay rằng mình chỉ có thể tìm thấy hòa bình trong nhân nhượng.

- Được... Mình sẽ gặp Odette, nhưng mình không hứa là biện hộ cho mục đích của cậu đâu... Mình sẽ trình bày với cô ấy; chỉ có vậy thôi.

- Cậu sẽ không chống lại cô ấy chứ? Đó là tất cả những gì mình cần ở cậu... Mình sẽ gọi Odette, để một mình cậu nói chuyện với cô ấy cho được tự do.

Tôi thử tìm cách trì hoãn. Nhưng chẳng ăn thua. Fabert, cũng như những nhân vật trong các vở kịch của anh, hau háu và độc đoán. Anh bấm một cái nút, cầm lấy máy điện thoại và nói với người nữ thư ký: "Cho mời bà Fabert đến phòng làm việc của tôi nhé, ngay bây giờ". Nói xong, anh đứng dậy bước ra ngoài. Một lúc sau Odette vào.

- Ô kìa! Anh đấy à, Bertrand? Có ngạc nhiên không cơ chứ! Anh có việc gì giúp Robert hay sao? Anh ấy vừa gọi tôi.

- Đúng đấy, Odette thân mến ạ. Chính vì việc đó mà chúng mình, tôi và chị, có một cuộc nói chuyện.

- Một cuộc nói chuyện? Chuyện bí mật à? Robert giao anh chuyển đến cho tôi một bức thông điệp chẳng?

- Hoàn toàn chính xác.

Bằng cách nào đó, tôi cố gắng chuẩn bị một cách khéo léo cho Odette để dẫn chị đến với cái tin chẳng lấy gì làm tốt lành kia. Tôi nói rằng Robert đang ở trong tình trạng mệt mỏi, rằng sức khỏe của anh làm tôi lo ngại, rằng vở kịch của anh giẫm chân tại chỗ, rằng anh cần được sống biệt lập vài tuần lễ trong một cảnh trí tự mình chọn lấy. Chị lắng nghe tôi nói, thoát đầu chị tủm tủm cười, sau đó chị cười to.

- Anh bạn Bertrand đáng yêu ơi! – Chị nói. – Quanh co làm gì cho khổ, thì anh cứ báo quách đi cho tôi rằng Robert muốn làm một chuyến du lịch sang Tây Ban Nha với người tình mới và bỏ tôi ở lại một mình trong một tháng có hơn không, chuyện đó không làm thương tổn trái tim khốn khổ của tôi đâu.

- Sao? Chị biết chuyện rồi à?

- Tôi có biết gì đâu; tôi đoán thế, và kiểu nói vòng vo của anh, cái thứ meo vặt trẻ con ấy, đã xác nhận sự nghi ngờ của tôi... Sung sướng thật! Chính tôi đây này, anh có thể hình dung nổi không, Bertrand, tôi cũng cần một tháng tự do đấy.

- Để đi nghỉ ở Beauvallon với các cháu?

- Hoàn toàn không phải thế... Để đi thăm các hòn đảo của nước Hy Lạp với một người bạn trai rất thân thiết của tôi, người đang muốn dâng hiến cho tôi cuộc du hành đó... Tôi sẽ gửi các cháu về chỗ mẹ tôi và sẽ vui chơi yên ổn với anh ta trong những ngày nghỉ như vợ chồng... Đừng lấy thế làm ngạc nhiên và khó chịu, Bertrand nhé! Anh không tin rằng tôi còn có khả năng khơi dậy một tình yêu à?

- Có chứ... Tất nhiên là thế... Nhưng tôi nghĩ rằng chị yêu Robert bằng một tình yêu đau khổ và thủy chung.

- Đã từ lâu nó là như vậy, bây giờ vẫn còn, tôi yêu tha thiết Robert... Tôi cảm phục tài năng của anh ấy, giá mà tính nết của anh ấy... Tôi bỏ qua cho anh ấy thói lông bông; tôi nghĩ rằng tôi cũng có quyền được ông ăn chả bà ăn nem chứ. Anh không thấy thế à?

- Hừ... Có chứ, tất nhiên... Thế ai sẽ là người bạn đồng hành sung sướng của chị?

- Bertrand thân mến, tôi kín đáo hơn ông chồng tôi nhiều.

- Vậy thì tôi lấy cái quỷ gì mà nói với anh ta bây giờ?

- Đơn giản vô cùng. Anh hãy nói rằng bức thông điệp mà anh chuyển tới đã làm tôi thay đổi

hoàn toàn; rằng anh đã an ủi một cách khôn khéo, rằng anh đã khuyên tôi, để thoát khỏi nỗi buồn phiền, nên làm một chuyến du ngoạn ở vùng Địa Trung Hải, có thể cùng đi với một người bạn gái; và rằng cuối cùng anh đã làm tôi hết buồn, hết khóc, hết nhẩn nhục.

- Chị cho rằng anh ấy sẽ tin như vậy?

- Robert tin, tin với một sự dễ dàng đến lạ lùng, tất cả những gì làm tôn lòng tự ái của anh ấy.

Chị nói đúng. Anh không chỉ tiếp nhận lời phúc đáp ấy, dự định ấy, mà anh còn dùng cả tôi, quả thật như vậy, cho một màn kịch xúc động mà vợ anh là nhân vật nữ chính.

- Odette bé bỏng tội nghiệp! Cô ấy thật là cao thượng! Cậu ạ, mình không tin rằng ở thời đại chúng ta vẫn còn tồn tại thứ gương hy sinh trong tình nghĩa vợ chồng như vậy. Cậu xem, có những lúc cô ấy đã phải bảo mình: "Hãy nói với em về người đàn bà anh yêu đi anh. Em muốn biết những gì ở chị ta đã làm anh rung động". Này cậu ạ, mình trông rất rõ cô ấy, trong chuyến du ngoạn vùng Địa Trung Hải ấy mà, cô ấy ra ngồi một mình trước mũi tàu để ngắm nhìn các vì sao và nghĩ tới hạnh phúc của mình... Hạnh phúc của mình với một kẻ khác... Cậu muốn nói thế nào thì nói, còn mình, mình thấy tốt nhất là khơi gợi một tình cảm như vậy còn hơn đánh thức sự ghen tuông dữ dội.

- Thì cậu vẫn là người hay ghen đấy thôi, – tôi nói.

- Ghen kinh khủng.

Anh ngồi im mơ màng một lúc rồi nói tiếp:

- Cái đó sẽ là điểm mở đầu rất tốt cho một vở kịch, cậu thấy thế nào?... Một cảnh là giữa mình và cậu... Một cảnh là giữa Odette và cậu... Sự hy sinh hoàn toàn ấy, không cường điệu chút nào đâu. Tất nhiên, cần phải có việc nhân vật "của cậu" là người yêu Odette... Anh ta định lợi dụng tình thế như anh ta đã vấp phải sự trong sáng của người phụ nữ lạ lùng ấy...

- Mình không hề có ý nghĩ đó.

- Mình biết rõ như thế mà... Cậu hiểu Odette... Nhưng mà ở trong kịch...

Anh đi Andalusia và Odette du ngoạn các hòn đảo của nước Hy Lạp, cuộc du ngoạn đã làm cho người chị đen cháy, vẻ mặt chị sáng bừng lên vì khỏe mạnh, lấp lánh hạnh phúc. Tôi gặp lại cả hai vào tháng sáu. Sau bữa ăn sáng, Fabert kéo tôi vào phòng làm việc của anh.

- Này! Vở kịch ấy mình đã làm rồi đấy, – anh bảo tôi. – Coi như quyết định nhé.

- Vở kịch nào?

- Lại còn vở kịch nào!... Cái vở kịch mà hai đứa mình cùng bàn, vở kịch bắt đầu bằng cái cảnh có cậu liên quan đến chuyện Odette ấy mà... Đầu đề là *Người tuần nạn*... Hồi thứ nhất đã viết xong; kể ra cũng dễ thôi cậu ạ. Hầu như mình lấy toàn chuyện thực.

- Chuyện thực à?... Sẽ rất nguy hiểm... Mình tưởng rằng cậu đã chuyển đổi đi rồi chứ?

- Tất nhiên... Mình biết nghề của mình chứ... Sự chuyển đổi với mình đã trở thành một bản năng... Mình xây dựng nhân vật chính, tức là mình ấy cậu ạ, một họa sĩ có sở đào hoa, và cậu nữa, trong kịch mình gọi là Bernard, một anh chàng đa sầu đa cảm.

- Chuyển đổi ở đâu? Cậu vẫn nguyên là tay có sở đào hoa và mình thì đa sầu đa cảm.

- Thì thế, nhưng tất cả những chi tiết cụ thể đều khác... Khó khăn bắt đầu nảy ra ở hồi hai. Đến chỗ này mình không biết mình phải đi tới đâu nữa. Mình cho rằng Bernard sẽ thử vận may, hẳn có thể sẽ đạt kết quả bởi vì Juliette (tức là Odette trong kịch) muốn trả thù... Nhưng mà đến phút chót, nàng lấy lại được bản lĩnh, mặc dù còn thù hận, tình yêu của nàng vẫn thắng.

- Tình yêu của nàng với cậu à?

- Tất nhiên... Còn lại màn ba... Mình chưa biết nên làm như thế nào đây, nhưng có lẽ phải dùng đến cô nhân tình của nhân vật chính và chồng của cô ta, cậu ạ. Anh chồng này đang sửa soạn một cuộc trả thù nào đấy và Juliette đã dũng cảm xông vào giữa anh ta và kẻ tình địch của nàng... hoặc giả giữa anh ta và nhân vật chính... để cứu người này.

- Cậu không thấy chỗ này có vẻ kịch thông tục à?

- Nếu ta kể lại câu chuyện, cũng như nếu mình thể hiện cảnh này chỉ với vài ba chữ, lúc ấy đúng là kịch thông tục. Đáng này là diễn xuất cơ mà... Các nhân vật của mình đều là những con người hiện đại, nói tiếng nói của chúng ta, cử động cũng giống hệt như cậu và mình... Kịch thông tục, về cốt chuyện, không làm mình khó chịu đâu... Đây cũng là thực chất của nghệ thuật sân khấu... Đối thoại sẽ cứu lại tất cả và hoàn toàn, với đối thoại, mình không sợ bất cứ ai!

Anh tỏ ra đúng đắn khi nói rằng với đối thoại, anh không sợ bất cứ ai, và tôi đã may mắn được biết điều đó. Tôi hỏi thêm:

- Thế còn bà Astier?

- Bà Astier nào cơ?

- Cái bà đi với cậu đến vùng Granada ấy, và chính bà ấy là nguồn gốc của vở kịch này đây.

- A! Pépita... Đúng rồi, đó là cái tên mình đặt cho nàng, bởi vì lúc đó chúng mình đang ở Tây Ban Nha... Một người đàn bà rất tuyệt...

- Bà ta là?... Trở thành nhân vật nào?

- Mình biết thế nào được, về phía mình, hồi kịch thế là đã chấm dứt. Giả sử như Juliette gặp lại Pépita... Nhưng như thế thì nàng sẽ sống mãi trong *Người tuần nạn*... Này, mình cần phải gặp lại nàng, cái cô Pépita tội nghiệp ấy mà, chỉ để lấy hai hoặc ba chi tiết của vai kịch thôi... Nàng có cái cách hất giày lúc lên giường đến là duyên... Mình sẽ bảo nàng chỉ cái động tác đó cho người diễn viên đóng vai ấy.

Mùa hè trôi qua. Đến tháng Mười, tôi được biết là *Người tuần nạn* đã đưa vào diễn tập. Chính Jenny Sorbier (lúc đó đang trẻ và là nữ diễn viên nổi tiếng) đóng vai Juliette. Fabert vẫn thường rủ tôi đến dự các buổi tập kịch của anh. Chẳng phải vì anh nghĩ rằng một con người mới có khả năng phát hiện tốt hơn đối với một số chi tiết nào đó không thực. Tôi đến một cách tự nguyện, cảm thấy yêu mến thứ công việc chính xác của nghệ thuật sân khấu và cảnh lao động bình dị ở hậu trường. Hôm đó, một buổi tập lý thú và sôi nổi hơn bất cứ buổi tập nào tôi đã được xem kể từ ngày nhận lời đến dự. Trong gian phòng lớn trống trải, ánh sáng mờ nhạt, Fabert kéo tôi ngồi xuống cạnh anh, trên một chiếc ghế của dàn đồng ca. Anh có vẻ đang băn khoăn.

- Mình không hiểu nổi điều đó, - anh nói, - cứ nhùng nhằng mãi... Jenny, từ trước tới nay, chỉ cần nói qua đã nắm được các ý đồ của mình, vậy mà lần này tỏ ra không hiểu nổi. Lại còn nói sai nữa chứ... điều đó xảy ra ở cô ta là hết sức lạ lùng... Mình bức lắm rồi đấy... Để rồi cậu xem.

Trên sân khấu hầu như trần trụi, một nam diễn viên đến ngồi trước một chiếc bàn giấy kiểu thời Đế chế. Đây chính là người đóng vai của Fabert. Một cảnh ngắn diễn ra giữa người này với cô nữ thư ký, cô này báo tin sắp xuất hiện người diễn viên thể hiện vai của tôi. Tôi vừa lắng nghe, vừa thể nghiệm một tình cảm vô cùng lý thú. Fabert đã dùng đến những cái tật của tôi trong cách phát âm và chỉ cho diễn viên cả một vài cử chỉ quen thuộc của tôi. Đối thoại, theo tôi có vẻ tự nhiên và nhanh. Đến lượt Jenny vào cảnh. Tôi lắng nghe với một niềm hứng thú say mê, trước hết vì tôi là một trong những diễn viên của tấn kịch độc đáo này, nhưng quan trọng hơn cả là vì tôi đang tự hỏi Fabert đã mô tả như thế nào về cuộc nói chuyện ấy. Tôi thì tôi biết điều gì chị đã làm. Trong lúc anh, anh tin rằng một Odette (hay đúng ra là một Juliette) thất vọng đã làm vì tình yêu, một sự hy sinh đau khổ.

Quả đúng như anh nói, Jenny diễn hỏng ngay trước mặt chúng tôi: "*Anh chẳng thể nào hiểu được*", lời nói của nhân vật - Juliette, "*hạnh phúc của anh ấy là hạnh phúc của tôi. Niềm vui của anh ấy là niềm vui của tôi...*". Cứ thế tiếp tục bằng thứ giọng mà Jenny, như Fabert đã nói với tôi từ trước, kéo dài ra nghe rất khó chịu. Hai hoặc ba lần, Fabert ngắt lời cô và đòi hỏi cô phải diễn cảnh đó một cách say mê hơn nữa. Cô thử diễn lại, không đạt kết quả đậm phát bức, và khi tác giả đưa ra một nhận xét mới, cô dùng dùng nổi giận. Cô bước ra phía tiền cảnh, đưa bàn tay lên che ánh sáng chói lòa của dây đèn chiếu đang làm mình loá mắt, dỗi tìm đôi mắt của Fabert trong phòng:

- Anh ở đấy à, Robert?... A! Phải rồi, tôi trông thấy anh rồi. Ai ngồi với anh đó?

- Bertrand.

- Này! Cả hai lên đây... tôi cần phải nói với các anh.

- Nói gì, hãy đợi đến sau buổi tập, – Fabert nói. – Tiếp tục.

- Không! Sẽ không có chuyện tập tành gì cả. Cần phải làm một cuộc thảo luận giữa tác giả và tôi, và tôi sẽ không diễn trước khi có cuộc thảo luận cần thiết đó.

- Cô này điên rồi! – Fabert bảo tôi, đầy vẻ tự tin.

- Tại sao lại điên? Jenny là nữ diễn viên thông minh nhất và có lương tâm nhất của Paris đấy. Cái điều gì đó mà cô ta muốn nói với cậu chắc có giá trị, đáng nghe lắm chứ.

- Cô ta có thể có điều gì để nói? Nhưng cô ta phải diễn vai của mình như nó đã được viết ra... Chỉ có thể thôi. Mình không phải là một kẻ mới tập tễnh vào nghề để mà cần đến lời răn dạy của các diễn viên.

Trên sân khấu, Jenny đang tỏ ra sốt ruột:

- Anh lên hay không lên đây?... Bởi vì tôi...

Tôi nhân đó trả lời luôn:

- Chúng tôi lên.

Mặc kệ Fabert gầm gừ, tôi cứ đẩy anh về phía cái cầu thang nhỏ dùng tạm trong thời gian diễn tập, nối sân khấu với văn phòng, và trên đầu cầu thang, Jenny, tay cầm bảng phân vai đang đợi chúng tôi.

- Làm sao? – Fabert nói. – Có chuyện gì đấy?

- Có chuyện là tôi không thể nào diễn nổi những lời này... Có chuyện người đàn bà cao thượng của anh là một nhân vật không có thực, nếu không thì dầu thế nào đi nữa, nó đã là nhân vật hợp với tôi. Tôi không hiểu nhân vật, tôi không thông cảm được với nhân vật, tôi sẽ không đóng vai đó... Nó là như thế nào à? Đây, một người đàn bà được người ta đến báo cho biết, đã đành là báo một cách rất khôn khéo, rằng đức ông chồng của bà ta đang đi với một người đàn bà khác, thế mà bà ta vẫn cứ tôn thờ đức ông chồng ấy, và phản ứng duy nhất chỉ là câu trả lời: *"Tốt lắm... Miễn anh ấy vừa lòng là tôi vừa lòng"*. Không thể có chuyện đó được... Nói tóm lại, nào, Robert, Chúa hiểu rằng anh biết nhiều đàn bà, vô số đàn bà... Anh đã bao giờ gặp một người, một người có tình yêu thực sự mà lúc đó lại xử sự như con cừu kêu be be ấy chưa?

- Chỉ có mỗi một người, – anh nói một cách hãnh diện, – đấy chính là người tôi diễn tả trong *Người tuần nạn*... Và đúng như thế đấy, cái cảnh mà cô bảo không thật ấy, là một cảnh hoàn toàn thật. Chỉ có một lần, tôi đã mượn nguyên xi tất cả từ cuộc sống và có được là nhờ một cuộc gặp gỡ may mắn. Tôi đang có ngay tại đây một chứng cứ không thể nào bác bỏ được: chính Bertrand đây đã là người đối thoại với người đàn bà cô thủ vai trong một cảnh thực.

Jenny quay sang phía tôi:

- Bây giờ đến lượt anh, người chịu trách nhiệm về những điều ngớ ngẩn đó hả? Anh đã nghe đúng như vậy chứ?... Chuyện không thể có được... Hoặc giả người đàn bà là một con mụ ngốc (và như thế đã không phải là nhân vật dành cho tôi), nếu không thì bà ta đã đóng một vai kịch và giả vờ làm ra vẻ có tâm hồn cao thượng, bởi vì về phía mình, bà ta cũng sửa soạn để tận hưởng một cách vẻ vang tự do của chính mình... Ở trường hợp đó, bà ta trở nên rất người, nhưng như vậy thì bà ta sẽ thuộc về một vở kịch khác.

Tôi lâm vào một tình thế rắc rối, Jenny hoàn toàn có lý; cô ta đã nhìn thấy, bởi trực giác của người nghệ sĩ, bởi thái độ vốn có trong cuộc đời, thực chất của nhân vật Juliette. Khổ một nỗi là tôi không thể nói ra điều đó được, bởi vì nếu nói, tôi sẽ làm hại một lúc cả hai, Robert và Odette. Tôi đành chịu đứng im.

- Anh trả lời đi chứ! – Jenny nói. – Anh có biết cái bà Juliette đó không, có hay không? Và nếu là có thì anh cắt nghĩa cho tôi thế nào đây?

- Có, – Fabert nài nỉ, – nói đi Bertrand.

Tôi cũng không hiểu mình trả lời như thế nào. Tôi nhớ rằng tôi đã nói những câu lơ lửng, cố sức tô vẽ và bào chữa cho nhân vật trước con mắt phán xét của Jenny, đồng thời cũng không

làm hai nhân vật trước con mắt của Fabert. Tất cả những cái đó chắc chắn đã không đủ sức thuyết phục, bởi vì Jenny bỗng kêu lên một cách đắc thắng:

- Đấy nhé! Anh thấy không! Bertrand cũng có tin gì hơn tôi về sự trong trắng, tính nhẫn nhục của Juliette đâu.

- Tôi không nói thế.

- Anh không dám nói thẳng, nhưng anh để lộ ra một cách rõ ràng đến thế rồi còn gì nữa...

Fabert tách khỏi chúng tôi một lúc. Tôi nhìn anh và các cử chỉ của anh làm tôi đâm sợ. Anh bước đi vừa như đo sân khấu, từ bên trái sang bên phải, vừa lắc đầu một cách hung hăng, lúc thọc tay vào mớ tóc bù xù như bồm sư tử, lúc cắn móng tay với vẻ giận dữ. Đột nhiên, anh bước về phía tôi, cánh tay vươn dài, ngón tay trở chỉ về phía trước, ánh mắt đầy vẻ đe dọa:

- Tôi hiểu! – Anh nói. – Jenny đã nói đúng. Anh lừa dối tôi. Tôi bị dắt mũi như một thằng nhãi. Tôi đã nhờ gã nhân tình của Odette làm cho một việc mà chỉ một người bạn mới có thể làm được. Bởi vì tôi tưởng rằng anh là bạn tôi.

Anh cười phá lên theo kiểu cười nổi tiếng của anh, giống như tiếng ngựa hí, một giọng cười rất sân khấu không khác gì giọng cười của Frédérick Lemaître^[10] hoặc của Garrick^[11]. Đến lượt tôi tức điên lên.

- Mình đã từng là bạn cậu, cho đến bây giờ mình vẫn là bạn cậu, nhưng mình cũng là bạn của Odette. Bạn của Odette, không phải nhân tình của Odette... Và điều đó cậu biết rất rõ... Lỗi của mình sao, nếu như chính cậu đã đặt mình vào một tình thế trớ trêu?

- Vậy là cậu thừa nhận rằng Odette có trao gửi cho cậu những chuyện tâm tình mà cậu đã giấu mình?

- Mình chẳng thừa nhận cái gì hết; mình chỉ nói rằng mình đứng giữa hai vợ chồng cậu, cho nên rất là khó.

Không nghe tôi nói nữa, anh bước về phía cuối sân khấu, vừa đi vừa đọc những tiếng gì mà tôi cũng chẳng hiểu. Sau đó anh quay lại với Jenny và tôi, vẻ mặt dịu đi, có vẻ như đang mỉm cười. Anh đặt cả hai bàn tay to tướng lên đôi vai Jenny và nhìn cô với ánh mắt âu yếm đầy vẻ khâm phục:

- Cô là một nghệ sĩ lớn, – anh nói. – Rất lớn. Chỉ với năng khiếu diễn viên của mình, cô hiểu rằng cái tôi đưa cho cô diễn chẳng những không thật mà cũng không có vẻ như thật... Và tôi, tôi cũng là một nghệ sĩ lớn, ngay khi cô chỉ đường cho tôi, tôi đi theo liền, bất chấp tình cảm của tôi, thói kiêu ngạo của tôi. Chỉ trong một loáng, tôi nhìn thấy sự thật... Và tôi sắp miêu tả cái sự thật đó... Sẽ rất hay... Bây giờ cần phải viết lại vở kịch và tôi hứa với cô rằng lần này, cô sẽ có một vai kịch xứng đáng với tầm vóc của mình, một vai mà nhất định cô sẽ thích.

- Chắc chắn là như vậy, – Jenny nói, có vẻ cảm động.

- Còn cậu, – anh bảo tôi, – còn cậu... Này! cậu giúp mình nhé.

Đúng lúc đó người gác nhà hát xuất hiện một cách rụt rè và nói với Fabert:

- Bà nhà có bảo tôi thưa lại với ông rằng bà đang đợi trước cửa, cùng với xe ô tô ạ...

Giọng cười nổi tiếng lại vang lên:

- Nhà tôi ở ngoài đó hả?... Anh mời giùm bà ấy vào đây.

Một lúc sau Odette vào, vẻ mặt tươi tỉnh.

- Này! – Chị nói, – hôm nay tôi được mời vào cơ đấy... cả Bertrand nữa cũng ở đây?... Vui đến thế cơ à?... Chào Jenny.

Fabert nhìn vợ, lắc đầu:

- Em là một con bé khốn nạn, – anh nói, – nhưng mà anh rất yêu em... Và em cũng thế, em rất yêu anh... Đúng thế, dù muốn dù không, em vẫn chỉ yêu anh... Anh sẽ viết, em Odette bé bỏng của anh ạ, vở kịch hay nhất của đời anh.

- Em không hiểu, – chị nói, – nhưng em tin anh.

Fabert không làm việc thường xuyên, mỗi năm anh chỉ viết một vở kịch và hoàn thành công việc trong ba hoặc bốn tuần lễ. Tuy nhiên, khi anh làm việc, anh dồn vào đó toàn bộ tâm trí của mình. Thoạt đầu anh kể cho bất cứ người nào mà anh gặp về đề tài đang định viết để xem thử có đạt hay không. Anh biết cách kể chuyện, anh giả giọng hay, bắt chước các điệu bộ giỏi và tìm được hứng thú trong sự vận động của câu chuyện. Sau đó, khi tự thấy kịch bản đã có cơ sở vững chắc, anh đọc các cảnh cho người nữ thư ký, vốn đã quen ghi chép lấy các câu ngay lập tức trong khi anh vừa đi đi lại lại trong phòng làm việc, vừa chiếm giữ liên tiếp vị trí của tất cả các nhân vật. Cuối cùng, anh đọc lại bản nháp và, ở vào giai đoạn này, anh thỉnh thoảng có hời hợt kiến tôi. Bản viết mới của vở kịch *Người tuần nạn* theo tôi hình như là một tác phẩm đặc sắc. Với một sự dũng cảm đáng kinh ngạc, anh đã đi tới điểm tột cùng của một tình thế mà đối với anh là rất khó khăn. Từ thái độ đó, anh đã sáng tạo ra được một vở kịch mạnh mẽ và chân thực, trong đó, có rất nhiều chi tiết kịch được làm dịu bớt đi, cùng với các cảnh dữ dội tạo nên những tương phản thích hợp.

Khi anh đọc kịch bản cho Jenny nghe, tôi không có mặt, nhưng mấy hôm sau tôi có gặp cô.

- Anh biết bản viết lại của *Người tuần nạn* rồi chứ? – Cô hỏi tôi. – Quả thực là rất hay, phải không?... Đã từ hai hoặc ba năm nay, các đề tài của Fabert không làm tôi say mê nữa... Tôi thấy các nhân vật của anh ấy không người lắm, nhưng mà lần này thì, đến phải ngả mũ mất thôi. Cũng là đời sống cả đấy... Chỉ cách điệu hóa đi một chút.

- Cô ưng ý vai của mình chứ?

- Tuyệt vời... Dễ diễn, dễ nhập vai lắm... không có vấn đề gì.

Các buổi tập tiến hành dễ dàng và nhanh chóng. Fabert thỉnh thoảng có mời tôi đến dự và anh còn bảo tôi tới đó để gặp Odette. Từ khi chồng chị phát hiện ra sự thật, tôi không gặp riêng chị lần nào nữa. Cả hai, ở nhà hát cũng như ở ngoài đời, họ có vẻ như hoàn toàn tự nhiên, không ai nói bất cứ một lời bóng gió nào về sự bất hòa giữa họ với nhau. Chẳng bao lâu, buổi tổng duyệt của vở *Người tuần nạn* được thông báo. Một cuộc bàn tán xôn xao về kết quả của vở kịch bao trùm lấy sân khấu; các nhân viên nhà hát: người phục trang, thợ máy, thợ điện đều nói lên lòng tin yêu của họ.

Cuộc trình diễn là cả một chuỗi dài thắng lợi, Jenny được công chúng hết lòng ngưỡng mộ và các nhà phê bình khó tính vẫn thường chê Fabert là sơ lược trong tính cách các nhân vật của anh, lần này phải công nhận rằng với *Người tuần nạn*, anh đã đi xa hơn bao giờ hết trong việc lột tả những dục vọng của con người.

Khi tấm màn, sau 12 lần được kéo lên theo yêu cầu của khán giả, hạ xuống lần cuối cùng, các bạn bè đổ xô cả vào hậu trường. Bước về phía trước một cách khó khăn, bằng cách nhích dần trong hành lang đông nghẹt, tôi bị ép chặt từ khắp mọi phía bởi những tiếng bàn tán của mọi người. Phần đông nhận ra rằng các người thực đã được dùng làm mẫu cho các nhân vật của vở kịch.

- Lạ quá!... Chẳng hiểu ra làm sao?... Jenny lại đi nói hoàn toàn như Odette Fabert!

- Đúng đây, càng đặc biệt hơn nữa khi mà hai người phụ nữ đó chẳng giống nhau mấy.

- Và cả Bertrand nữa... Thật kỳ lạ!... Cho đến cả dáng đi của ông ta...

- Khẽ chứ, anh bạn ơi, ông ta đang ở ngay phía sau anh đấy.

Khi làn sóng người đẩy tôi tấp vào chỗ Jenny đang ngồi cùng với Robert và Odette, một người bạn gái, chẳng biết là vụng về hay thô bạo, đã nói với Odette:

- Mình biết rõ vai của cậu rồi.

Odette bật lên một tiếng cười chân thật, vui vẻ:

- Vai của mình ấy à? – chị nói. – Nhưng mình có đóng một vai nào trong câu chuyện này đâu.

- Thế nào?... Thế còn Juliette?...

- Juliette không giống mình hơn là cậu giống Trà hoa nữ^[12].

Sau đó, quay về phía Fabert đứng ngay bên cạnh, hân hoan vì thắng lợi, đang đón nhận

những lời khen ngợi với vẻ mặt thanh thản, uy nghiêm, chị nói khẽ:

- Anh có nghe câu nói ngu ngốc vừa rồi chứ? Có những con người không hề có ý niệm thế nào là một tác phẩm nghệ thuật.

- Odette thân yêu! – Anh nói.

Và cúi nghiêng về phía vợ, anh ôm hôn chị.

Bà Astier, lúc đó vắng mặt ở Paris, có nhận hai chỗ ngồi phía trước, nhưng không đến dự buổi tổng duyệt vở kịch *Người tuần nạn*.

Hoa vi-ô-lét ngày thứ Tư

- Ô kìa, bà Jenny, bà ở lại đi!

Trong suốt bữa ăn chiều, Jenny Sorbier thật là rục rỡ. Rục rỡ ta muốn nói ở đây tức là tài năng của người nữ nghệ sĩ sân khấu, như một nữ văn sĩ tài hoa đã viết, có cả huyền thoại và truyện thực quện vào nhau, được gắn chặt bởi lòng nhiệt thành không bao giờ cạn. Say mê, hứng khởi, bị chinh phục, các thực khách của Léon Laurent đều có cảm giác được sống những giây phút khoái trá, lãng quên cả thời gian.

- Không thể được đâu ạ, đã gần bốn giờ rồi, và hôm nay là ngày thứ Tư... ông biết đấy, ông Léon ạ, hôm nay là ngày tôi mang hoa vi-ô-lét đến cho con người đã từng yêu tôi tha thiết.

- Thật đáng tiếc! – Léon nói với giọng đứt quãng, làm cho không khí càng thêm long trọng. – Vâng, tôi biết rõ lòng chung thủy của bà... tôi không dám nài.

Bà ôm hôn các vị khách nữ, cánh đàn ông ôm hôn bà và bà ra đi. Ngay sau khi bà vừa bước ra, mọi người đều bật lên lời khen ngợi:

- Bà ấy thật phi thường! Bà ấy bao nhiêu tuổi rồi, ông Léon?

- Cũng xấp xỉ tám chục rồi. Hồi tôi còn nhỏ, khi mà mẹ tôi đưa tôi đến nhà hát kịch cổ điển Pháp thì Jenny đã nổi tiếng trong vai Célimène rồi. Và tôi thì bây giờ chẳng còn trẻ trung gì nữa.

- Thiên tài không có tuổi, – Claire Ménétrier nói. – Còn câu chuyện về những bông hoa ấy?

- Cả một thiên tiểu thuyết, một hôm bà đã thổ lộ với tôi, chứ bà không bao giờ viết. Nhưng tôi không muốn liêu kê lại khi bà không có mặt ở đây. Rồi nó tam sao thất bản đi thì đáng sợ lắm.

- Đúng thế, kể cũng thật đáng sợ nếu tam sao thất bản. Nhưng chúng tôi là khách của ông, ông phải kể gì để khuây khỏa chúng tôi và thay thế bà Jenny chứ, bởi vì bà ấy đã bỏ chúng tôi lại.

- Thôi đành vậy. – Tôi sẽ cố thử kể lại câu chuyện những bông hoa vi-ô-lét ngày thứ Tư. Tôi sợ câu chuyện mang quá nặng màu sắc tình cảm sô với thị hiếu của thời đại chúng ta.

- Không sao. – Bertrand Schmitt nói. – Thời đại chúng ta đang đói khát tình cảm. Nó giả vờ ngổ ngáo chỉ để che giấu hoài vọng tình cảm của nó mà thôi.

- Ông cho là như vậy?... Thôi được... Tôi sẽ làm đã cơn khát này... Các vị ở đây đều còn quá trẻ để có thể nhớ lại tiếng tăm lừng lẫy của Jenny trong suốt một thời gian dài như thế nào. Mái tóc vàng hung buông xõa trên đôi vai tuyệt đẹp, cặp mắt dài lúng liếng; giọng nói sắc, gần như lạnh lùng, bất chợt lại lạnh đi vì xúc động; tất cả càng làm tăng thêm vẻ đẹp lộng lẫy và kiêu kỳ.

- Ông vào đề hay quá, ông Léon ạ.

- Vâng, nhưng khí không hợp thời... Dầu sao cũng xin cảm ơn lời khen của ông... Bà ấy đoạt giải lần đầu ở Viện Quốc gia âm nhạc và kịch nghệ vào quãng năm 1895, và sau đó biểu diễn trong Hý kịch Pháp. Kinh nghiệm cho tôi hay rằng cái nhà hát nổi tiếng này cũng khó tính lắm. Diễn viên biểu diễn ở đó phải có chức danh và họ giữ khư khư lấy chỗ của mình. Những vai phụ có tài nhất có thể phải đợi ở đó hàng chục năm trời trước khi được đóng vai quan trọng nhất của Marivaux hay của Molière; Jenny, cô gái rất điệu đà ấy đã vấp phải những người đàn bà đầy uy quyền và dai như đũa. Người phụ nữ khác thì đã phải nín nhịn mà giẫm chân tại chỗ hay sau hai năm đã phải chuyển sang một nhà hát khu phố nào đó. Jenny của chúng ta đã không như thế. Cô ấy đã tuyên chiến, huy động tất cả những gì cô ấy có: tài năng nghệ sĩ, học vấn, vẻ đẹp quyến rũ và mái tóc làm say đắm lòng người.

Rất nhanh, cô đã giành được ở nhà hát một chỗ đứng hàng đầu. Nhà cầm quyền kính nể cô. Các nhà đạo diễn kịch đòi cô đóng những vai khó mà như họ nói, chỉ có cô mới đóng được. Các nhà phê bình chẳng tiếc một lời nào để tán dương cô. Ngay cả con người ghê gớm Sarcey cũng viết: “Cô ta có những điệu bộ, kiểu cách đến cá sấu cũng phải mê”.

Cha tôi, người quen biết Jenny từ thời gian đó, đã nói với tôi rằng, cô ấy hết lòng say mê

nghề nghiệp của mình, diễn xuất một cách thật thông minh và luôn luôn tìm cách gây những hiệu quả mới làm người xem ngỡ ngàng ra. Khi đó kịch trượt vào một chủ nghĩa hiện thực ngây thơ. Trong một vở nào đó, tôi không nhớ nữa, Jenny phải chết vì ngộ độc, cô đã đi đến các bệnh viện để tìm hiểu các hiệu quả của thuốc độc. Còn về cách biểu hiện tình cảm thì cô tự nghiên cứu ở chính mình.

Bằng nghệ thuật của mình, cô đã chỉ rõ sự thiếu thận trọng của Balzac khi ông này đem vào một trong những cuốn tiểu thuyết của ông những ham muốn cá biệt của riêng ông, hoặc của người phụ nữ mà ông yêu.

Các vị làm gì mà chẳng biết ngay rằng một cô gái mới hai mươi hai tuổi, đẹp long lanh và đột nhiên đạt tới vinh quang, sẽ được biết bao người theo đuổi. Bạn đồng nghiệp, rồi các nhà viết kịch, rồi các chủ nhà băng cổ thủ vận may. Một trong số họ, Henri Stahl, được cô ưa thích. Không phải vì ông ta giàu. Cô sống chung với gia đình và cũng chẳng đòi hỏi gì quá cao sang. Chàng trai ấy quả thật rất có duyên và nhất là anh luôn luôn bày tỏ ý muốn được cưới cô làm vợ... Các vị cũng biết là đám cưới này bị hoãn lại vì bố mẹ Stahl phản đối. Ba năm sau mới thành, nhưng rồi cũng chẳng đi đến đâu, vì Jenny vốn quen sống tự do không thể tự khuôn mình vào cuộc sống vợ chồng. Nhưng đó lại là một chuyện khác. Chúng ta hãy quay về với nhà hát *Hý kịch Pháp*, với bước vào đời của bạn bè của chúng ta và với... những bông hoa vi-ô-lét.

Các vị hãy hình dung cảnh phòng giải lao của các nghệ sĩ vào cái đêm mà Jenny đóng lại trong vở “Nàng công chúa thành Bagdad” của Dumas con. Vở kịch có những hạn chế của nó; và tuy đang ngưỡng mộ những vở có cấu trúc vững chắc khác của ông như “Nửa vòng thế giới”, “Bạn của những người phụ nữ”, “Francillon”, cái ông Dumas thái quá lần này trong vở “Người xa lạ” và “Nàng công chúa...” cũng vẫn làm tôi buồn cười... Tất cả những ai đã xem Jenny trong vai này đều phải công nhận là cô làm cho vở kịch giống thực hơn. Tôi vẫn thường nói điều đó với bà Jenny. Điều kỳ lạ là người nghệ sĩ đã tin vào những điều mình diễn. “Vào tuổi ấy, – bà nói, – tôi luôn nghĩ gần giống như những nhân vật chính của ông Dumas và tôi thấy thật là kỳ cục khi đem phơi bày trước ánh sáng những gì đang diễn ra trong tôi, nơi sâu kín nhất của tâm hồn tôi”. Cũng phải nói thêm là trong vai này, mái tóc buông xõa và đôi vai trần đã có tác dụng của nó. Tóm lại, cô đóng vai đó thật tuyệt vời.

Cô trở vào phòng giải lao giữa hai màn kịch, sau một tràng vỗ tay. Mọi người vây chặt lấy cô. Jenny ngồi xuống chiếc ghế con bên cạnh Henri Stahl và nói huyền thuyên về thành công một cách hào hứng.

- Thế là thoát, anh Henri thân yêu... em lại nổi lên rồi! Cuối cùng em thở được... Anh đã nhìn thấy em ba hôm trước rồi đấy. Hôm đó em diễn tồi hơn có phải không nào?... Ừm một cái xuống tận đáy ao. Em ngạt thở... và tối nay, hấp! Một cố gắng phi thường, em nổi lên mặt nước! ... Henri ơi, anh nói đi, liệu em có bị mắc cạn ở màn cuối không, nếu như em không biết cách bơi đến bờ? Ôi trời ơi, trời ơi!

Người dẫn khách bước vào và trao cho cô bó hoa.

- Của ai đấy? À, phải rồi, của Saint-Loup... Tình địch của anh đấy, anh Henri ạ... Hãy để vào lò của tôi.

- Thừa cô, còn có một lá thư nữa – Người dẫn khách nói.

Cô mở bức thư, đọc và phá lên cười.

- Của một cậu học sinh trung học... Cậu ta nói với em là ở trường cậu ta đã xây dựng một câu lạc bộ Jenny.

- Cả câu lạc bộ đua ngựa cũng thành câu lạc bộ Jenny – Henri nói thêm.

- Các cậu học sinh trung học này làm em xúc động hơn – Jenny nói. – Và lá thư này còn kết thúc bằng một bài thơ... Anh thân yêu, anh nghe nhé:

Và sau hết, hãy tha thứ cho tôi vì vần thơ giản dị.

Đừng khinh rẻ những vần điệu của tôi.

Tình yêu tôi vô cùng chân thật.

Cầu xin nàng đừng tiết lộ gì với ngài Hiệu trưởng.

- Không đáng yêu sao hả anh?

- Em sẽ trả lời họ chứ?

- Tất nhiên là không rồi! Có đến hàng tá những loại như thế trong một ngày. Nếu em trả lời hết thì em còn làm được gì nữa. Nhưng mà điều này làm em yên tâm. Những người hâm mộ ở lứa tuổi mười sáu này, em sẽ giữ họ được lâu hơn.

- Đã chắc gì... Ba mươi tuổi, họ sẽ trở thành những ông chương khế.

- Nhưng vì sao những ông chương khế lại không tiếp tục hâm mộ em?

- Vẫn còn cái này nữa, thưa cô. – Người dẫn khách nói.

Ông ta đưa cho Jenny một bó hoa vi-ô-lét.

- Ôi, xinh quá, anh Henri nhìn này... Không có danh thiếp à?

- Không, thưa cô... Người gác cổng nói lại với tôi là một chàng học viên trường sĩ quan pháo binh và công binh mặc đồng phục đã đưa đến chỗ ông ta.

- Em thân yêu, – Henri Stahl nói, – anh có lời khen em đấy. Làm xúc động những “cái đầu đầy ắp số”[\[13\]](#) ấy không phải dễ đâu.

Cô ngửi mãi mùi hương hoa vi-ô-lét.

- Thơm quá... Đây mới chính là lời khen ngợi khiến em vui lòng... Em không yêu đám khán giả chín chắn và vô tình; họ đến xem em chết vào buổi tối cũng như buổi trưa họ đi ra quảng trường Hoàng cung để nghe đại bác[\[14\]](#) vậy.

- Đám khán giả nhẩn tâm. – Stahl nói. – Họ luôn luôn là như vậy... Họ thích các trò xiếc... Thành công thật là mỹ mãn, nếu như một nữ diễn viên có thể nuốt được cả trăm chiếc kim!

Cô bật cười:

- Và người nuốt được cả chiếc máy khâu sẽ là tột đỉnh của vinh quang.

Bên ngoài khán giả kêu ầm ĩ: “Diễn tiếp đi!”. Jenny đứng dậy:

- Thôi nhé, chờ em một lát. Em đi nuốt nốt trăm chiếc kim của em đây.

Và thế đấy, theo như Jenny kể lại, thiên tình sử bắt đầu.

Thứ Tư sau, vào giữa giờ giải lao, người dẫn khách lại đưa cho Jenny một bó hoa vi-ô-lét, miệng tủm tỉm cười:

- Sao, lại của anh chàng học viên sĩ quan của tôi à?

- Vâng, thưa cô.

- Trông anh ấy thế nào?

- Tôi cũng không biết. Cô nên hỏi người gác cổng.

- Không, cũng chẳng có gì quan trọng lắm.

Tuần sau nữa, cô không diễn vào tối thứ Tư, nhưng khi cô đến rạp vào ngày thứ Năm để tập thì đã thấy bó hoa vi-ô-lét có hơi héo ở trong lò của mình rồi.

Khi ra về, dừng lại, cô hỏi người gác cổng:

- Ông Bernard, hoa vi-ô-lét của tôi là thế nào đấy? Vẫn là của anh chàng trẻ tuổi ấy à?

- Vâng thưa cô... đây là lần thứ ba.

- Anh ta giống ai, anh chàng học viên sĩ quan ấy mà?

- Anh ta thật dễ thương... dễ thương lắm... có hơi gầy một chút, má hõm, mắt quầng thâm. Có hàng râu con kiến. Một chiếc ống nhòm... Trông anh ta hơi kỳ quặc với chiếc kiếm bên người... Xin thề với cô là anh chàng này say đắm lắm. Anh ta trao cho tôi bó hoa và nói: “Tặng cô Jenny Sorbier” và mặt anh ta đỏ ửng lên.

- Tại sao anh ta lại cứ đến vào ngày thứ Tư?

- Cô không biết sao? Thứ Tư là ngày họ được phép đi ra ngoài. Thứ Tư nào mà các bồn hoa và hành lang không đông nghịt những học viên sĩ quan, mỗi người dẫn thêm một cô gái trẻ.

- Anh chàng của tôi cũng có chứ?

- Vâng, thưa cô, nhưng là chị của anh ấy... Họ giống nhau đến kỳ lạ.

- Chàng trai tôi nghiệp! Ông Bernard, nếu tôi dám, tôi sẽ báo với ông cho anh ta lên chỗ tôi ít ra là một lần, để anh ta có thể tận tay trao hoa cho tôi.

- Thế hả, quả thực tôi chẳng dám khuyên cô như vậy đâu. Những chàng trai si tình ấy, chừng nào mà ta không tỏ ra quan tâm đến họ thì chưa có gì là nguy hiểm cả. Họ đứng từ xa mà chiêm ngưỡng các nữ nghệ sĩ, như thế họ cũng đã mãn nguyện lắm rồi... Ta chỉ hơi tỏ ra quan tâm đến họ một chút thôi, thế là họ bám chặt ngay lấy, lúc đó tình huống sẽ trở nên kinh khủng... Ta cho họ ngón tay, họ sẽ đòi cả bàn tay... Ta cho họ bàn tay, họ sẽ đòi cả cánh tay... Vậy đây cô ạ, cô đừng cười, tôi có kinh nghiệm về chuyện này lắm rồi... Tôi ở đây đã hăm lăm năm nay. Ôi, tôi đã nhìn thấy ở trong lô này khối cô gái si tình... Và những chàng trai gàn dở... và cả các quý ông già nua nữa chứ... Tôi luôn nhận hoa, nhận thiệp, còn cái chuyện để cho họ lên thì dứt khoát là xin đừng.

- Ông nói đúng đấy, ông Bernard ạ... Chúng ta cần phải lạnh lùng, cẩn tắc và có khi phải tàn nhẫn nữa.

- Đâu phải là tàn nhẫn hử cô. Lý trí đấy.

Nhiều tuần lễ đã trôi qua. Cứ mỗi thứ Tư, Jenny lại nhận được một bó hoa. Bây giờ cả rạp hát đều biết chuyện. Một nữ diễn viên nói với Jenny:

- Tôi nhìn thấy anh chàng học viên sĩ quan của chị rồi. Anh ta có khuôn mặt đẹp, trông thật lãng mạn. Một chàng trai sinh ra để diễn *Bốn cột* hoặc *Người bán nến*[\[15\]](#).

- Sao chị biết đó là anh chàng của tôi?

- Tại vì tình cờ tôi có mặt chỗ người gác cổng khi anh ta đưa hoa đến và rụt rè nói: "Xin ông cho gửi tặng cô Jenny Sorbier". Thật cảm động. Hẳn là anh chàng này thông minh lắm. Anh ta sợ mọi người chê mình kỳ quặc, tuy nhiên lại không nén nổi lòng mình... Đã có lúc tôi cứ tiếc là anh ta không đến vì tôi; tôi sẽ cảm ơn, sẽ an ủi anh ta. Mà chị phải nhớ là anh ta không đòi một cái gì đâu nhé, kể cả việc được gặp chị... Nhưng nếu tôi ở vào địa vị của chị.

- Chị sẽ tiếp anh chàng chứ?

- Đúng thế, một lát thôi... Đã bao tuần nay. Rồi sẽ đến lúc nghỉ hè. Chị sẽ ra đi... Chẳng sợ anh chàng bám dài đâu...

- Chị nói đúng. Thật là điên rồ nếu ta rẻ rúng những người hâm mộ lúc này còn đông và còn trẻ, để đến ba mươi năm nữa ta chạy theo họ khi họ chẳng còn được mấy người và lại già khú để ra rồi.

Tối hôm đó, khi ra về, Jenny nói với người gác cổng:

- Ông Bernard ạ, thứ Tư tới khi anh chàng học viên sĩ quan mang hoa đến thì ông báo với anh ta mang hoa lên chỗ tôi nhé, sau màn ba nhé... Tôi diễn vở *Misanthrope*. Tôi không phải thay trang phục. Tôi sẽ lên lô của tôi và tiếp anh ấy... Không, tôi đợi anh ta ở hành lang, dưới chân cầu thang... hay ở trong phòng giải lao vậy.

- Vâng, nhưng cô không e ngại gì ạ?

- Có gì phải ngại? Mười ngày nữa tôi đã đi. Vả lại, lúc đó chàng học viên này bị nhà trường nhốt chặt rồi còn gì.

- Vâng... Tôi... điều tôi muốn nói là...

Thứ Tư sau, Jenny đóng vai Célimène, mặc dù không cố ý, vẫn có vẻ như khao khát muốn được làm đẹp lòng con người chưa quen biết. Giờ nghỉ, khi vào hậu trường, cô có cảm giác bị cuốn hút, gần như lo âu.

Cô ngồi ở phòng giải lao và đợi. Một vài người quen thuộc lượn xung quanh. Ông giám đốc thì đang nói chuyện với Blanche Plerson, lúc bấy giờ là tình địch của Jenny. Mãi chẳng thấy bộ

quân phục màu đen với những chiếc cúc áo mạ vàng xuất hiện. Mỗi lúc một cảm thấy bồn chồn, rồi không giữ nổi kiên nhẫn, cô chạy đến chỗ người dẫn khách:

- Không ai hỏi tôi sao?

- Thừa cô, không.

- Hôm nay đúng là ngày thứ Tư, thế mà tôi chẳng hề nhận được những vòng hoa vi-ô-lét. Hay là ông Bernard quên không cho đưa lên chỗ tôi?... Hoặc giả có sự nhầm lẫn nào chẳng?

- Nhầm lẫn?... Nhầm thế nào được ạ, cô có cần tôi đến tận chỗ người gác cổng để xem lại không ạ?

- Vâng, ông vui lòng đi giúp... Nhưng mà thôi. Để tôi đi hỏi ông Bernard.

“Thế quái nào mà”... cô tự chế nhạo mình. Suốt sáu tháng trời mình hầu như không để ý đến tấm lòng thủy chung kín đáo ấy, thế rồi bỗng nhiên, vì không thể cứ hững hờ mãi, bây giờ mình lại đâm ra bối rối như chờ đón người yêu... Ôi, Célimène, cô sẽ luyến tiếc Alceste biết bao, khi chàng từ biệt cô với nỗi đau buồn.

Sau buổi diễn, cô bước vào buồng người gác cổng.

- Thế nào, ông Bernard, người tình của tôi đâu, sao ông vẫn chưa cho anh ấy lên chỗ tôi?

- Thừa cô, cứ như thể là cố tình ấy. Hôm nay anh ta không đến... Lần đầu tiên cô nhận tiếp anh ấy, thì cũng là thứ Tư đầu tiên kể từ sáu tháng nay, anh ta không đến.

- Thật kỳ lạ! Ông có nghĩ là anh ta có thể được báo trước và sợ không dám đến không?

- Chắc chắn là không, cô ạ... Không ai biết là cô và tôi... Cô không nói gì. Còn tôi, tôi cũng không hề nói gì, ngay cả với vợ tôi...

- Thế ông giải thích việc đó như thế nào?

- Tôi chịu... Có thể là do ngẫu nhiên. Có thể anh ta nản chí. Có thể anh ta ốm... Thử chờ đến thứ Tư sau xem thế nào...

Nhưng thứ Tư sau, vẫn chẳng thấy chàng học viên sĩ quan, cũng chẳng thấy hoa vi-ô-lét.

- Làm thế nào bây giờ, ông Bernard? Liệu có thể nhờ đám bạn bè tìm anh ta không?... Hay nhờ ông Hiệu trưởng?

- Nhưng bằng cách nào; ngay cả tên anh ta, chúng ta cũng có biết đâu.

- Ừ nhỉ... Thật chán quá! Thế là hỏng hết rồi!

- Không đâu, cô ạ... Năm tháng còn dài. Cô sắp đi biểu diễn ở các nơi; còn thành công nhiều... Có gì là hỏng đâu hả cô?

- Ông nói đúng. Tôi thật là một kẻ vô ơn... Chỉ vì tôi yêu những bông hoa vi-ô-lét ngày thứ Tư quá đấy mà.

Ngày hôm sau, cô tạm biệt Paris, Henri Stahl vẫn cùng đi với cô. Ở khách sạn nào, buồng Jenny cũng đầy hoa hồng. Khi trở lại Paris, cô đã quên chàng sĩ quan lãng mạn của mình.

Một năm sau, cô nhận được một lá thư của ông đại tá Genevrière nào đó, xin được gặp vì công việc riêng. Một bức thư hoàn toàn đứng đắn. Không có lý do gì để chối từ cuộc gặp gỡ. Jenny mời ông đại tá đến nhà cô vào một buổi chiều thứ Bảy. Ông đến với bộ quần áo thường phục màu đen. Jenny đón tiếp ông bằng vẻ duyên dáng thường thấy trên sân khấu hơn là trong cuộc sống bình thường, nhưng trong thái độ của cô, tất nhiên, vẫn toát lên một câu hỏi ngầm: “Vị khách chưa quen biết này muốn gì đây?” Cô chờ đợi.

- Xin cảm ơn cô đã tiếp tôi, tôi không thể nào giải thích qua thư mục đích cuộc viếng thăm này. Nếu như tôi đã tự cho phép mình xin gặp cô, thì xin cô hiểu cho rằng đó không phải là một người đàn ông có ý nghĩ táo bạo ấy, mà là một người cha... Cô trông thấy tôi mặc đồ tang đây. Tôi để tang đứa con trai tôi, trung úy André Genevrière, chết tại Madagascar cách đây hai tháng.

Jenny làm một cử chỉ dường như muốn nói: “Xin chia buồn cùng ông với tất cả tấm lòng, nhưng...”.

- Cô không biết con trai tôi... Tôi biết mà... Nhưng nó biết cô và ngưỡng mộ cô... Điều này với cô, có vẻ như khó tin... nhưng tất cả những gì tôi nói sau đây đều là sự thật... Cô là người mà con tôi ngưỡng mộ và yêu mến nhất trên đời này...

- Tôi sợ là tôi không thể hiểu được... ngài đại tá ạ. Anh ấy nói với ngài như vậy à?

- Với tôi ư? Không... Nó đã nói điều đó với chị nó, người bạn tâm tình của nó... Mọi chuyện đã bắt đầu vào cái hôm hai chị em chúng nó đi xem *Trò chơi của Tình yêu và của Ngẫu nhiên*^[16]... Các con tôi về nhà nói đến cô một cách hào hứng: “Sự e thẹn thật là tinh tế”, “Lời thơ thật là xúc động”... Hàng nghìn điều khác nữa, mà tôi tin là có thật, tôi không hề nghi ngờ một chút nào, nhưng những điều ấy chỉ có thể có với nhiệt tình của tuổi trẻ, lòng khát khao lý tưởng... Con trai tôi nghiệp của tôi vừa mơ mộng lại vừa lãng mạn.

- Trời ơi! Vậy chính là chàng trai... – Jenny thốt lên.

- Vâng, thưa cô, người học viên mà mỗi thứ Tư trong cả một năm trời đã mang đến cho cô những bó hoa vi-ô-lét, chính là André, con trai tôi... cả điều này nữa, tôi biết được cũng là do con gái tôi... Tôi hy vọng rằng trò con trẻ ấy, như một lời ca ngợi không làm cô phật ý?... Nó yêu cô ghê gớm, cô hoặc cũng có thể là hình ảnh mà nó tạo nên từ cô... Chị của nó đã phải chạy vạy vất vả để có thể kiếm thêm được cho nó những bức ảnh của cô từ những người thợ ảnh... ở trường nó bị bạn bè chế giễu vì tình yêu này... Họ bảo nó: “Vậy thì viết thư cho cô ấy đi”.

- Thế tại sao anh ta không viết?

- Nó đã viết, cô ạ, tôi có mang đây cho cô một chồng thư chưa bao giờ gửi mà chúng tôi đã tìm thấy sau khi nó mất đi.

Ông đại tá lấy từ trong túi ra một bó thư và đưa cho Jenny. Về sau bà có cho tôi xem, nét chữ nhỏ, thoắt, khó đọc... Kiểu chữ của những nhà toán học, cách hành văn của một nhà thơ.

- Xin cô giữ những lá thư này; nó là của cô... Và xin cô hãy tha thứ cho chuyện kỳ quặc này... Tôi nghĩ là vì bốn phận của tôi đối với kỷ niệm của con trai tôi... Trong tình cảm mà cô đã khơi dậy trong nó, không có gì là thiếu tôn trọng hay dễ dãi. Với nó, cô là biểu hiện của sự hoàn hảo và duyên dáng... Và tôi xin cam đoan với cô là André cũng xứng đáng với tình yêu cao cả của nó.

- Nhưng tại sao anh ấy không đòi được gặp tôi? Tại sao bản thân tôi cũng không tìm cách để gặp được anh ấy? Tôi thật đáng trách... Tôi thật đáng trách quá...

- Đừng tự trách móc mình, cô ạ. Cô đã không thể tưởng tượng ra... Nếu như khi ra trường André xin được phân đi Madagascar, đó chính là vì cô, chắc chắn là như vậy... Đúng thế, nó đã nói với chị nó: “Hoặc em sẽ thoát khỏi tình yêu vô vọng này do xa cách, hoặc em sẽ làm nên sự nghiệp, và khi đó...”.

- Đó không phải là những điều vĩ đại sao, lòng chung thủy ấy, tính kiên nhẫn ấy, và sự kín đáo ấy! – Jenny thốt lên.

Ông đại tá đứng lên, Jenny cầm lấy tay ông:

- Tôi nghĩ là tôi đã không làm điều gì xấu, tuy nhiên... có lẽ tôi cũng phải có bốn phận đối với người đã khuất, than ôi, vong hồn chưa được thỏa... Hãy nghe tôi ngài đại tá, xin ngài hãy nói cho tôi biết nơi con trai ngài được chôn cất... Tôi xin thề với ngài là cho đến cuối đời, tôi sẽ đến vào mỗi thứ Tư, đặt trên nấm mộ của anh ấy một bó hoa vi-ô-lét.

- Và đó là lý do tại sao, – Léon Laurent kết luận, – lý do tại sao trong suốt cuộc đời mình, Jenny của chúng ta trở nên hay hoài nghi, cảm thấy vô vọng, và con người đó cứ mỗi thứ Tư, lại từ bỏ bạn bè, công việc và đôi khi cả tình yêu để một mình đi đến nghĩa trang Montparnasse, đến bên nấm mộ người trung úy không bao giờ quen biết... Các vị có thấy là tôi có lý không, khi tôi nói rằng câu chuyện này là quá đậm màu tình cảm đối với thời đại chúng ta.

Một phút im lặng, rồi Bertrand Schmitt nói:

- Vẫn luôn có những điều thơ mộng trên đời này cho những ai xứng với nó.

Bức tranh Nhà thờ lớn

Đạo đó là vào năm 18... có chàng sinh viên dừng chân trước tủ kính một cửa hàng bán tranh. Trong tủ kính có bày bức tranh *Nhà thờ lớn thành phố Chartres*^[17] của Manet. Manet đạo đó còn chưa được hâm mộ bằng một số họa sĩ tài tử, nhưng người khách qua đường quả thật có năng khiếu. Vẻ đẹp bức tranh làm chàng say mê. Nhiều lần khác chàng đã quay lại để ngắm nhìn. Cuối cùng chàng đành bước vào cửa hàng và hỏi giá bức tranh.

- Chẳng giấu gì cậu, – người bán tranh nói, – bức tranh bày ở đó cũng đã lâu. Nếu cậu có đủ hai nghìn quan, tôi xin nhường lại cậu.

Chàng sinh viên không có đủ số tiền ấy, song chàng thuộc một gia đình khá giả ở tỉnh. Một trong số các ông chú của chàng khi tiễn chàng lên Paris đã có dặn: “Chú không lạ gì cảnh sống của một anh chàng trai trẻ. Trong trường hợp cần kíp, cứ viết thư cho chú”. Chàng dặn người bán tranh chờ cho tám hôm nữa và viết thư cho ông chú.

Chàng trai có ở Paris một người tình, nàng lấy phải một ông chồng quá già nên đâm ra buồn chán. Người tình ấy hơi tầm thường, khá ngờ nghệch nhưng rất đẹp. Ngay buổi tối hôm chàng sinh viên hỏi mua bức tranh, nàng nói với chàng.

- Ngày mai có chị bạn trước kia cùng trọ học từ Toulon đến thăm em. Chồng em không có thì giờ để đi đón, em muốn nhờ anh.

Hôm sau chị bạn tới. Ngoài bà ta còn thêm một người nữa đi cùng. Suốt mấy hôm liền, chàng sinh viên phải đưa cả ba người phụ nữ đi khắp Paris. Chàng phải trả tiền ăn, tiền thuê xe, tiền xem hát, chẳng mấy chốc hết vèo cả một tháng học bổng. Chàng đành vay mượn bạn bè và đã bắt đầu thấy lo thì cũng vừa lúc nhận được thư của ông chú. Thư có gửi kèm theo hai nghìn quan. Chàng thở phào nhẹ nhõm. Ngoài việc trang trải nợ nần, chàng còn mua tặng người tình một món quà. Một nhà sưu tầm đã mua mất bức tranh *Nhà thờ lớn* và, sau đó khá lâu, ông này nhường lại cho Viện Bảo tàng Louvre.

Giờ đây chàng sinh viên đã trở thành một nhà văn lão thành có tên tuổi. Tuy già, nhưng ông vẫn giữ được trong trái tim mình sự trẻ trung. Ông vẫn còn đứng lại, với hết thấy sự bồi hồi, trước một cảnh trí thiên nhiên hay một người đàn bà đẹp.

Mỗi lần đi khỏi nhà, ông vẫn thường gặp trên đường phố bà lão lằng giềng. Chính bà lão là người tình thuở trước của ông. Khuôn mặt bà đã chảy xệ ra vì nhiều mỡ, đôi mắt đẹp ngày xưa, nay đầy vết nhăn, trên mép mọc đầy một lớp lông tơ màu xám. Bà đi lại một cách khó khăn, khiến ta nghĩ là đôi chân bà mềm nhũn. Nhà văn chào bà lão nhưng không dừng lại vì ông biết bà là một người ác độc, và ông cảm thấy bực bội khi nghĩ rằng mình đã từng yêu con người ấy.

Thỉnh thoảng ông vào Viện Bảo tàng Louvre và leo lên tận căn phòng có treo bức *Nhà thờ lớn*. Ông ngắm nghía rất lâu, và buông tiếng thở dài.

Một sự nghiệp

Mỗi tháng một lần, vào ngày thứ Bảy của tuần lễ thứ ba, họa sĩ Beltara thường quây quần trong xưởng vẽ của mình với dân biểu Lambert-Leclerc (lúc này là trợ lý Bộ trưởng Bộ Tài chính), nhà văn Civrac và Fabert, tác giả *Caliban làm vua*, vở kịch vừa giành một thắng lợi ít thấy ở nhà hát kịch Gymnase.

Một buổi tối, Beltara giới thiệu với các bạn người em họ của ông, một chàng trai tỉnh lẻ đang tập tễnh dần thân vào văn chương.

- Chú em đây, - ông nói với mọi người, - có viết một cuốn tiểu thuyết mà tôi nghĩ là không đến nỗi xoàng, và tôi muốn, Civrac ạ, nhờ cậu đọc dùm. Chú em tôi không quen biết một ai ở Paris; chú ấy ở Bayeux, làm kỹ sư tại đó.

- Con người sung sướng thật, - Fabert nói. - Ông bạn đã viết một cuốn sách, ở tỉnh và không quen biết một ai? Vận may đến rồi đấy, ông bạn ạ. Thiên hạ sắp cãi nhau về cái vinh dự phát hiện ra bạn, và nếu bạn chú ý vun đắp những truyền thuyết về mình, chỉ trong vòng một năm, bạn sẽ nổi tiếng hơn cả chính Civrac của chúng tôi đây này. Nhưng tôi xin có một lời khuyên: bạn chớ có xuất đầu lộ diện... Bayeux! Ở đấy rất tốt, Bayeux! Có ai không thiện cảm với Bayeux khi họ biết rằng bạn ở đấy? Không phải vì bạn không tỏ ra xuất sắc đâu, ông bạn ạ, mà vì thói đời xưa nay vẫn thế, người ta chỉ chịu được thiên tài ở một khoảng cách xa mà thôi.

- Cậu nên ốm đi, - Lambert-Leclerc nói, - trong đau ốm cũng có cái hay cho sự nghiệp đấy.

- Và cho dù anh làm gì đi nữa, anh cũng chớ bỏ nghề nghiệp của mình. Một nghề là một cái trạm quan sát tuyệt vời. Nếu anh tự giam mình trong buồng làm việc, trong một năm anh sẽ viết được những cuốn sách thuộc loại nhà nghề, cấu trúc hoàn hảo đấy, nhưng đọc chán vô cùng.

- Rõ ngốc! - Civrac nói với giọng thô bạo. - “Một nghề là một cái trạm quan sát tuyệt vời”. Beltara ơi, tại sao một con người thông minh như cậu mà lại có thể đi lặp lại cái thứ sáo mồn ấy nhỉ? Cậu muốn nhà văn quan sát cái gì, nếu tự anh ta không tìm được cái đó ở chính mình. Proust^[18] có đi ra khỏi nhà không? Tolstoy^[19] có rời bỏ đồng quê không? Khi có người hỏi ông rằng ai là Natasha, ông trả lời: “Natasha chính là tôi”. Và Flaubert^[20]...

- Xin lỗi cậu, - Beltara nói - Tolstoy sống giữa một gia đình lớn, và đấy là một trong những yếu tố tạo nên sức mạnh của ông. Proust vẫn hay đến khách sạn Ritz, ông có bạn bè, và ông rút tỉa ra từ đó tất cả những gì có thể rút. Còn Flaubert thì...

- Đã đành là như vậy, - Civrac ngắt lời, - nhưng nên nhớ rằng Proust một khi thiếu những đề tài xã hội, vẫn có thể tìm cái khác mà thôi. Cũng thật là tuyệt vời khi ông viết về bệnh tật của mình, căn buồng của mình, hoặc giả, bà già giúp việc cho ông. Tôi sẽ xin nêu một ví dụ để chứng minh rằng sự thông minh cực kỳ, cộng với sự quan sát có được một cách tình cờ do những cơ may hiếm hoi nhất là chưa đủ để tạo ra một tác phẩm. Ông bạn Chalonnès của chúng ta đấy thôi. Liệu còn ai hơn anh ta về cơ hội và thời gian quan sát những con người đa dạng nhất? Chalonnès đã nhìn thấy và gần gũi các họa sĩ, các nhà văn, các kỹ nghệ gia, các diễn viên, các chính khách, các nhà ngoại giao, tóm lại là những màn sâu kín nhất của tấn trò đời. Anh ta đã làm gì với cái đó? Chúng ta biết cả rồi, hỡi ôi!

- Chalonnès, - Lambert-Leclerc hỏi, - cậu ấy ra thế nào rồi nhỉ? Có ai trong cánh ta biết tin tức về cậu ấy không?

- Mình vẫn thỉnh thoảng gặp ở hiệu sách, - Civrac nói, - nhưng cậu ấy làm như thể không nhìn thấy mình.

Chàng trai tỉnh lẻ quay về phía chủ nhà và khẽ hỏi rằng Chalonnès là ai.

- Civrac ơi, - Beltara nói, - kể cho chú em đây nghe về sự nghiệp của Chalonnès đi. Ở tuổi cậu ta, rất có thể chuyện đó là một ví dụ bổ ích.

Civrac ngồi thẳng dậy, và bằng một giọng nói sắc, tưởng chừng như phải dùng răng rút ra từng vụn một, bắt đầu ngay một câu chuyện có đầu có đuôi.

- Tôi không hiểu ông bạn đã có bao giờ nghe nói về lớp cuối cùng của trường trung học chuyên khoa Henri Đệ tứ chưa, lớp cuối của năm học 1893 cũng nổi tiếng quanh vùng điện Panthéon[21] như khóa học của trường Cao đẳng sư phạm mà bạn biết rồi đấy, đã sản sinh ra Taine[22], Prévost-Paradol[23], Sarcey[24] và Edmond About[25]. Về lớp học ấy, lần nào tôi gặp một người trong số các thầy giáo cũ, ông ấy cũng nhắc lại với tôi rằng đó là “Vườn ươm những nhân vật lỗi lạc”, chính vì người ta đã tìm thấy ở đó cùng một lúc có Beltara, Lambert-Leclerc, Fabert và cả tôi nữa. Lambert-Leclerc lúc bấy giờ đang sửa soạn bước vào đời hoạt động, chiều chiều thường đi xem đua ngựa, cùng với Fabert.

- Xin hãy tôn trọng chức danh của tôi, – ngài Bộ trưởng nói.

- Ngài bộ trưởng là người duy nhất trong bọn chúng tôi mà nhìn vào cung cách của thời thơ ấu đã có thể thấy được tương lai. Beltara không biểu hiện một chút tài năng đặc biệt nào về hội họa. Fabert không có năng khiếu về nghệ thuật sân khấu. Giáo sư dạy văn chúng tôi, cha Hamelin đã từng bảo cậu ta: “Fabert tội nghiệp của ta ơi, con sẽ chẳng bao giờ hiểu tiếng Pháp cả”. Lời phán xét ấy đúng. Có điều là công chúng ngày nay không biết để mà cứ xét lại.

Riêng về tôi, khoái cảm nghệ thuật lớn nhất của tôi lúc bấy giờ là vẽ thần Venus trên lễ các trang vở. Chalonnès cũng ở trong nhóm chúng tôi.

Đó là một chàng trai tóc vàng, có những nét thanh tú và duyên dáng, làm việc ít, đọc nhiều, tuyển chọn một cách say mê các tập thơ và cà-vạt, con người có uy tín lớn trong nhóm vì đã tỏ ra có năng khiếu vững vàng. Hồi đó nhân đọc cuốn truyện “Mười ba người”, chúng tôi quyết định bốn anh em đây và Chalonnès, thành lập hội “Năm người” của trường Henri Đệ tứ. Mỗi một thành viên trong hội suốt đời phải giúp đỡ bốn người kia trong mọi hoàn cảnh. Thỏa thuận với nhau rằng tiền bạc, ảnh hưởng, quan hệ mà mỗi một người trong “Năm người” có thể thu được sẽ dùng để phục vụ cho cả nhóm. Quả là một ý định tốt đẹp, nhưng rốt cuộc vẫn chỉ là ý định, bởi vì ngay sau khi thôi học, chúng tôi chia tay nhau mỗi người một ngả. Ngài Bộ trưởng và tôi vào trường luật. Fabert, để kiếm sống, phải vào làm việc trong nhà ngân hàng của ông chú. Beltara bắt đầu vào trường y. Rồi lệnh gọi nhập ngũ làm nhóm chúng tôi tan tác hoàn toàn. Trong sáu năm trời, chúng tôi chỉ nhận được của nhau những tin tức hiếm hoi.

Tại phòng triển lãm hội họa năm 1900, lần đầu tiên tôi nhìn thấy một bức tranh của Beltara. Tôi đã ngạc nhiên khi biết anh là họa sĩ, lại càng ngạc nhiên hơn khi nhận ra tài năng của anh. Vẫn là cái ngạc nhiên sâu sắc khi ta phát hiện tài năng ở một người bạn thuở thiếu thời. Quan niệm cho rằng các bậc thiên tài phải có những người bạn nào khác, đã không giúp chúng tôi hiểu được rằng có thể có một người như vậy trong nhóm của mình. Tôi viết thư cho Beltara. Anh mời tôi đến thăm anh. Xưởng vẽ của anh làm tôi thích thú, tôi còn trở lại đó nhiều lần, và sau một loạt các cuộc trao đổi thư, điện, cuối cùng tôi tổ chức một bữa ăn tối cho hội “Năm người”. Trong bữa ăn ấy, từng người một kể lại những gì mình đã làm từ lúc ra trường.

Do một loạt các biến cố khá lạ lùng, ba người trong bọn chúng tôi đã đi chệch khỏi con đường bố mẹ chọn. Beltara bắt nhân tình với một người mẫu, anh vẽ một vài phác thảo để làm vui lòng người yêu. Người phụ nữ này dẫn anh đến với các họa sĩ. Anh tiếp tục vẽ có kết quả và vài tháng sau rời bỏ ngành y.

Sau đó, quay về quê hương miền Nam, anh vẽ chân dung cho vợ chồng các thương gia ở Marseille và kiếm được khoảng hai mươi nghìn quan. Nhờ khoản tiền ấy, từ khi trở lại Paris, anh có thể làm việc cho chính mình. Anh giới thiệu với tôi những bức tranh “khẳng định một phong cách” như cách nói của các nhà phê bình nghệ thuật lúc bấy giờ.

Fabert dạo đó đã cho diễn tại nhà ông chú một vở kịch ngắn do các diễn viên nghiệp dư đảm nhiệm, được sự tán thưởng nồng nhiệt của một tác giả lão thành, bạn của gia đình. Con người hào hiệp này kết thân với anh rồi giới thiệu cho nhà hát Odéon vở kịch đầu tiên của ông bạn chúng tôi: vở “Thảo nguyên”. Lambert-Leclerc lúc đó đã là thư ký của một thượng nghị sĩ ở vùng Ardèche, người đã hứa chạy cho anh một chân phó quận trưởng. Tôi thì đã viết được một số truyện ngắn và đưa đọc cho cả “bộ Năm” cùng nghe.

Chalonnès nghe chúng tôi một cách lửng lơ. Anh nói về những cái tinh tế và chuẩn xác trong các thể nghiệm đầu tiên của tôi, lưu ý tôi rằng chủ đề của một trong các bài viết đó, trái ngược

với một truyện ngắn của Mérimée[26], và rằng văn phong của tôi có phần nào giống với văn phong của Barrès[27] mà tôi hết sức hâm mộ. Anh đã đọc kịch của Fabert và với một sự miễn cảm đáng kinh ngạc về kỹ thuật sân khấu, chỉ ra rằng có một cảnh phải được soạn lại. Với Beltara, anh đi vòng quanh xưởng vẽ và nói về chủ nghĩa ấn tượng bằng một sự thông thạo rất đáng khâm phục. Rồi sau đó, dành cho Lambert-Leclerc, anh phân tích tình hình chính trị trong vùng Ardèche và tỏ ra có sự hiểu biết đúng đắn về chủ đề đó. Cả mấy anh em đều nhớ lại ấn tượng cũ của mình, cho rằng Chalennes là người xuất sắc nhất trong nhóm chúng tôi, và với một sự khiêm tốn chân thành, chúng tôi bắt Chalennes đến lượt mình, phải kể lại bước khởi điểm trên con đường sự nghiệp của anh.

Được kế thừa từ năm mười tám tuổi, một gia tài khá khá, anh sống đàng hoàng trong một ngôi nhà nhỏ cùng với sách vở, và theo như anh nói, đang làm nhiều công trình.

Tác phẩm thứ nhất có lẽ là một đại tiểu thuyết thuộc loại Wilhelm Meister của Goethe[28], và thực ra đó cũng chỉ là tập một của bộ “Tấn trò đời mới”[29] mà thôi. Anh cũng đã nghĩ tới một vở kịch cùng lúc ôm gọn cả Shakespeare[30], Molière[31] và Musset[32].

“Các cậu hiểu điều mình muốn nói chứ, kỳ ảo và chua cay, nhẹ nhàng mà sâu sắc”. Sau rốt, anh đang bắt tay xây dựng cuốn “Triết học của trí tuệ” cũng tương tự như Bergson[33]. Anh bảo tôi: “nhưng về các phân tích thì đi xa hơn nhiều”.

Tôi đến thăm Chalennes. Ngôi nhà của anh gây cho tôi cảm giác như mình đang sống trong một căn phòng khách sạn đầy đủ tiện nghi, một nơi ở kỳ thú nhất trên thế giới. Nhiều loại đồ cổ, một vài thứ rập theo mẫu ở Viện bảo tàng Louvre, một bức tranh phiên bản của Holbein[34], các giá chất đầy sách đã được đóng lại cẩn thận, một bức tranh chính bản của Fragonard[35], tất cả gộp lại để tạo nên một cái vẻ “nghệ sĩ”.

Anh mời tôi một miếng xì gà Ăng-lê có màu sắc và mùi vị rất lạ. Tôi ngó ý muốn xem phần mở đầu của “Tấn trò đời mới” nhưng được biết là ngay cả trang thứ nhất chưa phải đã hoàn thành, về vở kịch, mới có tên, còn “Triết học của trí tuệ”, chỉ là một tá thẻ đọc. Anh còn tỏ ra là một Don Quixote nhỏ lãng mạn với những bức tranh đặc sắc vừa mới mua được ở người láng giềng làm nghề bán sách cũ, những thủ bút của Verlaine[36], những danh mục của những người buôn tranh. Tôi ở chơi với anh suốt cả buổi chiều; anh tỏ ra là một người bạn rất dễ chịu.

*

* *

Vậy là hội “Năm người” đã tình cờ được xây dựng lại, trở nên vững chắc hơn bao giờ hết. Chalennes không làm gì, đảm nhiệm việc liên lạc. Thường thường, anh có mặt suốt ngày trong xưởng vẽ của Beltara. Từ dạo Beltara vẽ chân dung cho bà Jarvis, đại sứ phu nhân Hoa Kỳ, anh trở thành nhân vật thời thượng. Do anh có nhiều bà xinh đẹp đến vẽ chân dung, và họ còn kéo theo cả bạn bè để cùng dự buổi vẽ hoặc xem tác phẩm đã hoàn thành. Xưởng vẽ đông nghịt các bà người Argentina với những đôi mắt tuyệt vời, các bà người Mỹ tóc vàng, các bà người Anh đốm đáng thường hay ví ông bạn chúng tôi đây với Whistler[37]. Nhiều người trong số họ đến là vì Chalennes, con người làm họ vui thú và hài lòng. Beltara nhanh chóng đo lường được khả năng hấp dẫn của ông bạn, đã sử dụng cái mối ấy một cách khôn khéo. Chalennes đến đó với chiếc ghế bành riêng của mình, hộp thuốc lá bên phải, gói kẹo bên trái. Anh bao quát cả xưởng, và trong lúc họa sĩ đang vẽ, anh đảm nhiệm việc giải trí cho người mẫu. Anh cũng còn biết tỏ rõ sự cần thiết của mình bằng một thứ năng khiếu bẩm sinh về cấu trúc hội họa. Không ai hơn anh trong việc tìm ra phối cảnh và tư thế phù hợp với một khuôn mặt nào đó. Được trời phú cho một năng khiếu lạ lùng và vẻ đẹp hòa sắc, anh còn có thể chỉ cho họa sĩ một màu vàng hoặc một màu xanh phơn phớt mà anh ta phải dùng ngay lập tức. “Ông bạn của tôi ơi, cậu đến phải làm phê bình nghệ thuật mất thôi”, Beltara kinh ngạc vì thấy bạn có nhiều tài, đã nói với anh như vậy.

- Đúng thế đấy cậu ạ, mình biết rõ lắm chứ, - Chalennes trả lời với vẻ hiền lành, - nhưng mình không muốn bị phân tán.

Trong xưởng vẽ, Chalennes quen biết bà Thianges, nữ bá tước Capri, bà Celia Dawson, bà

Jarvis, họ mời anh đến nhà dự các bữa cơm tối. Với các bà, anh là một “văn sĩ”, bạn của Beltara, và họ giới thiệu anh với các thực khách: “Ông Chalones, nhà văn nổi tiếng”. Anh trở thành một thứ cổ vấn văn chương của những người đẹp thời thượng. Họ dẫn anh đến các hiệu sách và yêu cầu anh làm người hướng dẫn đọc sách. Với bà nào, anh cũng hứa sẽ tặng một cuốn tiểu thuyết nằm trong bộ “Tấn trò đời mới”.

Nhiều người trong số các bà đã kể với anh về cuộc đời họ. “Tôi sẽ rất thích nếu được các bạn kể cho nghe về các bạn”, anh nói với họ, “bởi vì, để phục vụ cho sự nghiệp lớn của mình, tôi cần có những tình tiết thuộc tâm hồn người phụ nữ thông minh”.

Vốn kín đáo, thận trọng, chẳng mấy chốc anh trở thành bạn tâm phúc của những người đẹp sâu kín nhất Paris. Anh thuộc loại đàn ông mà vừa mới đặt chân vào một phòng khách đã có thể tạo nên vẻ say đắm trên một vài khuôn mặt. Trong khi thổ lộ với anh tâm hồn họ, các bà còn thấy ở anh một nhà tâm lý học giỏi giang. Họ thường hay nói: “Chalones quả là một trong những người đàn ông tinh tế nhất, sáng láng nhất”.

- Cậu sẽ phải viết những cuốn tiểu thuyết tâm lý, – một hôm tôi bảo anh. – Không ai có thể hơn cậu trong việc dựng một nhân vật Dominique[38] giống cái của thời nay.

- Hẳn là thế rồi, mình biết rõ lắm chứ, – anh trả lời tôi với cái vẻ của một con người bị đè nặng bởi nhiều công việc khác nhau, và tự thấy bắt buộc phải chối từ những cái mình thích làm, – đúng thế đấy cậu ạ, chỉ khổ một nỗi là mình đã có một sự nghiệp lớn, và thôi thì cũng chẳng sao, cần phải quy vào một mối cậu ạ.

Fabert vẫn thường tới xưởng vẽ tìm Chalones để dẫn anh đi dự các buổi tập. Sau thành công của vở kịch “Vũ hội giả trang”, Fabert đã trở thành một nhân vật có tầm cỡ trong các rạp hát lớn. Anh nhờ Chalones mang tới đó một ấn tượng tươi mới trong trường hợp các diễn viên và đạo diễn đã chán ngấy tất cả, chán đến nỗi họ chỉ chực rời bỏ vở diễn. Chalones đã đóng vai trò ấy một cách sắc sảo. Anh biết rõ sự chuyển động, sự phát triển của các cảnh, các hồi, có thể phát hiện ra một lời nói sai ngữ điệu, một trường thoại quá dài. Trước hết bị con người chưa quen biết này lôi cuốn, các diễn viên cuối cùng phải chấp nhận ý kiến của anh. Trái với tác giả, người luôn luôn bị coi là kẻ thù, họ yêu mến anh, một con người với họ chẳng là gì cả. Chẳng mấy chốc trong giới sân khấu, Chalones trở nên khá nổi tiếng. Thoạt đầu chỉ là “bạn của Fabert” rồi sau đó với tên thật của mình. Các người soát vé thường dành chỗ ngồi tốt cho anh để nhận lại ở anh sự cảm ơn bằng một nụ cười. Một vài người thư ký, rồi sau đó là tất cả, ghi tên anh vào danh sách những người được mời dự các buổi tổng duyệt.

- Cậu làm quách công việc phê bình nghệ thuật sân khấu, – Fabert nói với anh, – cậu làm việc đó rất tốt.

- Ồ, chắc chắn là như vậy, – Chalones trả lời, – nhưng mà, mỗi người một nghề, cậu hiểu không?

Vào cái năm cả “bộ Năm” cùng bước vào tuổi ba mươi tư, tôi đoạt giải Goncourt[39] với tác phẩm “Con gấu xanh” và Lambert-Leclerc được bầu làm nghị sĩ. Fabert và Beltara đã rất nổi tiếng từ trước đó ít lâu. Nhóm chúng tôi chẳng vì một lý do nào mà tan vỡ. Chúng tôi cứ thể thực hiện một cách thoải mái cái kịch bản đầy tính chất lãng mạn của thời học sinh. Dần dà chúng tôi vươn tới những thế giới khác biệt nhất, tạo nên những ảnh hưởng mạnh mẽ và khá bền chặt. Chúng tôi đã thật sự tỏ ra là một trong những nhóm có thể lực ở Paris và nhóm ấy lại càng có hiệu lực hơn khi nó không mang danh nghĩa chính thức.

Và chẳng một nhóm nghệ sĩ chính thức sẽ có thuận lợi trong việc làm nên danh tiếng. Tiếng tăm của một người, nếu người đó thật sự là ưu tú, có khả năng thu hút sự chú ý của mọi người, mặc nhiên được cộng thêm vào trong ý nghĩ của công chúng, tiếng tăm của nhóm và những người khác cùng nhóm. Một người có học vấn vào năm 1835 có thể được tha thứ, nếu anh ta không biết Sainte-Beuve[40] nhưng anh ta không có quyền không biết trường phái Lãng mạn. Tuy nhiên những điều bất lợi cũng chẳng phải không to lớn. Sự suy sụp là của chung và cũng như thế với sự trưởng thành. Các chủ nghĩa, các tuyên ngôn dựng nên những cái bia để ngắm bắn. Chiến đấu phân tán thường là đỡ thương vong.

Chúng tôi không làm cùng nghề, cho nên không một sự kiêu ngạo nào có thể chia rẽ mấy anh

em. Chúng tôi đã tạo lập một thứ phường hội mà các thành viên có thể dễ dàng ca ngợi lẫn nhau. Hễ có ai thâm nhập được vào một phòng khách mới, anh ta liền làm ngay một bài hùng hồn ca ngợi bốn người kia, đến nỗi người ta phải khấn khoản nhờ anh mời mấy người đó tới. Sự lười suy nghĩ số đông là lý do khiến họ luôn luôn chấp nhận một người thành thạo trong việc thẩm định các giá trị nghệ thuật. Fabert là nhà soạn kịch cỡ lớn, bởi vì tôi đã nói về anh như vậy và tôi là “người sâu sắc nhất trong các nhà văn viết tiểu thuyết”, bởi vì Fabert đã lặp đi lặp lại điều đó. Khi chúng tôi cho trình diễn ngay trong xưởng vẽ này vở “Hội lễ ở Venice thế kỷ thứ 18”, chúng tôi có thể hội tụ một cách dễ dàng tất cả những ai ở Paris đang được nổi tiếng. Một buổi tối thật lý thú. Thực chất là các cô gái cực kỳ xinh đẹp diễn một vở hài kịch ngắn của Fabert với sự bài trí của Beltara. Nhưng dưới con mắt của các vị khách, Chalonne mới là người chủ của ngôi nhà. Anh ung dung thư thái, rất có duyên, anh trở thành người chỉ huy việc giao tế của chúng tôi một cách hoàn toàn tự nhiên. Khi mọi người bảo chúng tôi “ông bạn tuyệt vời của các vị” ... chúng tôi biết rằng họ nói về anh.

Anh tiếp tục không làm gì cả và tôi không hề nghe, dù chỉ nghe nói bóng gió, rằng tiểu thuyết, kịch, triết học tư tưởng của anh không tiến được lấy một dòng; thực tế là anh không làm một việc gì. Chẳng những chưa bao giờ in một cuốn sách, anh cũng chưa bao giờ viết một bài báo, chưa bao giờ ghi nhật ký, chưa bao giờ nói một lời trước công chúng. Đâu phải anh gặp khó khăn trong việc in tác phẩm của mình; anh quen biết, có quan hệ tốt với các ông chủ nhà xuất bản, các chủ nhiệm báo thuộc loại ưu tú nhất. Cũng không phải anh mong muốn, bằng sự lựa chọn tự do và có cân nhắc, vẫn đứng ngoài cuộc để giữ vai trò của một khán giả.

Không, đúng ra là ở anh có một sự ham thích tự nhiên đối với danh vọng. Đây là kết quả của nhiều lý do khác nhau hội tụ lại, một sự uể oải tự nhiên, một sự hiếu kỳ thất thường, một sự bất lực về ước muốn. Một nghệ sĩ, xét về một mặt nào đó, là kẻ có tật, chính cái tật gỡ anh ta khỏi thực tại, cái lực làm phân biệt anh ta với cuộc đời và giúp anh ta có cái nhìn bao quát cuộc đời. Chalonne được cắm quá chắc vào cuộc đời, cuộc đời làm anh ta thỏa mãn hoàn toàn, ở anh, cái trọn vẹn của biếng nhác phản ánh cái trọn vẹn của hạnh phúc.

Đâu phải chỉ có việc một nhà văn đã gọi ông bạn chúng tôi là “đồng nghiệp thân mến” và gửi tặng anh những cuốn sách. Mấy anh em chúng tôi càng tiến tới trong bậc thang danh vọng của xã hội Paris, sự trẻ nải bề ngoài của Chalonne càng lộ rõ một cách chính xác. Anh cũng tự mình tiến lên, tự thấy cần phong cho mình thứ tước vị danh dự nào đó thuộc cấp bậc mà người này hay người nọ trong chúng tôi vừa đạt được. Để không làm tổn thương lòng tự ái của anh, chúng tôi rất chú ý săn sóc anh trong mọi hoàn cảnh. Cũng giống như một viên tướng mới được vinh thăng, và có phần ngượng vì e rằng sự lựa chọn hơi tùy tiện, hết lòng nâng đỡ người bạn cũ cùng học với mình ở trường võ bị Saint Cyr^[41].

Quanh chúng tôi đã bắt đầu có những người trẻ tuổi tìm đến nhờ giúp đỡ. Chả là những người đó thuộc một thế hệ tinh khôn, cho nên họ cũng coi Chalonne, một người trong đám chúng tôi là “thầy kính mến”. Trong số họ, làm gì mà chẳng có người tự hỏi: “Vậy chứ ông ta đã viết cái gì? Có ai đọc một cái gì của ông ta chưa?” Một đôi lần có anh chàng ngu ngơ nào đó nói trước mặt anh lời ca ngợi “Con gián xanh” hoặc “Caliban làm vua”, Chalonne liền nói to và với thứ giọng tỏ ra có phần nào bị xúc phạm:

- Xin lỗi, những tác phẩm đó rất hay, chỉ có điều là không phải của tôi.

Thực ra, trong năm anh em, anh là người duy nhất nhận đọc bản thảo một cách tự nguyện và cho những lời khuyên, vẫn là vô ích như hết thấy mọi lời khuyên, nhưng luôn luôn tinh tế và khôn ngoan.

Cái thứ danh vọng hão ấy được tạo lập dần dần và bằng một sự vận động tự nhiên đến nỗi chẳng làm chúng tôi ngạc nhiên. Chúng tôi sẽ cảm thấy sững sốt và bức mình, nếu có ai đó cầu thả quên mời ông bạn của chúng tôi đến dự một trong những cuộc họp long trọng chính thức của “giới văn học và nghệ thuật”. Thực ra, người ta chẳng quên anh bao giờ. Một đôi lần tình cờ phát hiện ra cảnh cô đơn và nghèo khổ của một nghệ sĩ lớn nào đó, vì chưa được biết đến, hoặc bị công chúng và chính quyền bỏ quên, chúng tôi không thể không bản khoản một lúc về sự ngược đời trong thành đạt của Chalonne. “Đúng, chúng tôi nghĩ, điều đó có thể là vô lý, nhưng biết làm sao được, sự thể hiện luôn là như vậy. Người kia đã có thiên tài, còn anh ấy thì được

phần may”.

Một buổi sáng, vẫn như thường lệ, tôi đến ăn sáng ở nhà anh. Tôi nhìn thấy ở góc buồng một thanh niên đang chọn lọc các tờ báo cũ. Chalannes giới thiệu: “Thư ký của mình”. Đây là một chàng trai rất lịch lãm, tốt nghiệp trường Cao đẳng thư viện.

Mấy hôm sau, Chalannes nói với chúng tôi rằng anh trả cho người thư ký mỗi tháng ba trăm đồng và thú thật là món tiền ấy gây cho anh ít nhiều lúng túng. “Nhưng mà”, anh nói thêm với vẻ cam chịu, “quả thật là khó khăn cho những người như bọn mình nếu không có thư ký”.

*

* *

Cuộc chiến tranh năm 1914 đã cắt ngang hết mọi hoạt động của đời sống. Beltara vào kỵ binh, Fabert – phi công ở Salonique, Lambert-Leclerc, sau khi bị thương, trở lại nghị viện và nhận chức trợ lý Bộ trưởng. Chalannes sau một thời gian là lính bộ binh ở một đơn vị đồn trú với cấp bậc binh nhì, được điều động về một đơn vị tuyên truyền và kết thúc chiến tranh tại đường phố François đệ Nhất. Khi giải ngũ, Fabert và tôi được anh giúp đỡ nhiều, bởi vì chúng tôi đã mất sự tiếp xúc với Paris trong suốt thời gian dài vắng mặt, trong khi anh, trái lại, đã xây dựng được thêm những tình bạn mới mẻ và có thể lực.

Beltara đã được huy chương chiến công, Fabert cũng có từ lâu. Nhờ Lambert-Leclerc vận động các đồng sự của anh ở Bộ Mỹ thuật, tôi được xếp vào lớp dân sự đầu tiên nhận huân chương ngay sau khi ngừng bắn. Năm anh em thết nhau một bữa ăn tối khá đặc sắc (trứng cá, cá chiên, rượu vodka) ở một trong những quán ăn của đám người Nga lưu vong. Các nhạc công mặc áo caftan bằng lụa, chơi nhạc Bohémien. Trong buổi tối hôm ấy, chúng tôi thấy hình như (có thể là hậu quả của các điệu hát buồn) Chalannes hơi buồn.

Tôi về cùng đường với Fabert, và trong khi đi ngược lên đại lộ Champs-Élysées, chắc vì vẻ đẹp của một đêm mùa đông, hai người chỉ nói về anh: “Chalannes rõ khổ! – Tôi nói. – Ở vào tuổi cậu ấy, dầu sao đi nữa, vẫn cực lòng khi nhìn lại phía sau mình thấy cả một quá khứ hoàn toàn trống rỗng”.

- Cậu tin rằng cậu ta thấy được điều đó à? – Fabert bảo tôi. – Cậu ta chẳng lo nghĩ gì đâu.
- Mình không biết. Mình nghĩ đúng hơn là ta nên nhìn cả hai mặt. Khi mọi việc đều tốt đẹp, khi cậu ta được mời mọc, được khoản đãi, cậu ta quên phắt đi rằng mình đã chẳng làm gì để được như vậy. Nhưng, tự đáy lòng, cậu ta không thể không biết điều đó. Đây là nỗi lo luôn canh cánh, ngay cả khi ngoài mặt có vẻ rất bình lặng. Trong một buổi tối như buổi tối này, khi mà cậu nhắc tới tác phẩm của mình với một tình cảm thương yêu, và mình cũng nói về tác phẩm của cậu, làm sao cậu ta lại không thấy chạnh lòng khi cậu ta chẳng có gì để mà nói về mình?

- Nhưng người ta có thể quan niệm về một con người hoàn toàn không có tham vọng, và vì thế cũng không có lòng ghen tỵ.

- Đúng vậy, nhưng mình không tin rằng mẫu người đó thuộc vào trường hợp của Chalannes. Phải như cậu vừa nói, hoặc giả hết sức khiêm tốn và tự nhủ: “Những thứ đó đâu phải thuộc về ta!”, hay vô cùng kiêu ngạo mà nghĩ: “Ta cóc thêm những thứ đó”. Chalannes cũng thêm muốn như hết thấy mọi người, nhưng ở cậu ấy lười nhắc mạnh hơn tham vọng. Mình đảm bảo với cậu, đó là một tình cảnh đau lòng.

Đề tài ấy làm mất của chúng tôi một khoảng thời gian dài; mỗi người trình bày vấn đề theo một sự thông cảm nào đó. Do sự tương phản giữa một bên là sự khô kiệt của Chalannes, một bên là sự sinh sôi nảy nở của mình, chúng tôi đi tới chỗ nhạy cảm hơn, và từ những tình cảm êm dịu đó, chúng tôi đâm ra thương hại anh.

Ngày hôm sau, Fabert và tôi cùng đến gặp Lambert-Leclerc tại nhiệm sở.

- Chúng mình muốn, – tôi bảo anh, – nói với cậu một ý vừa nảy ra vào tối hôm qua sau khi chia tay cậu. Thật là khổ sở đối với Chalannes khi cậu ấy nhìn thấy bốn chúng mình đều đã có huy chương, chúng mình ở trong cuộc, còn cậu ấy thì ở ngoài cuộc. Liệu cậu có nhận ra điều đó không nhỉ? Huy chương không quan trọng một chút nào ư? Tất nhiên. Nhưng vẫn có một điều quan trọng: nó là một biểu tượng. Và rồi thì, chắc chắn là như vậy, thiên hạ sẽ hỏi, nếu huy

chương chẳng có gì quan trọng, thì làm sao Chalennes lại không được như mọi người khác?

- Mình muốn có huy chương cho cậu ấy lắm chứ, - Lambert-Leclerc nói, - nhưng cần phải có công trạng...

- Thế nào? - Ngài bộ trưởng đang duỗi dài trên đi-văng liền nhồm dậy, - mình chưa bao giờ nói cái điều bậy bạ ấy đâu nhé.

-Ồ, xin lỗi. Có Fabert làm chứng đây này... Cậu vừa mới nói “cần phải có ít ra là cái vẻ của công trạng”.

- Có thể là như vậy, - Lambert-Leclerc nói. - Mình không ở bên Mỹ thuật, mình không thể làm được điều mình muốn, nhưng mình xin thừa với các cậu rằng nếu hồi ấy Chalennes muốn chuyển sang chỗ mình, trong đơn vị tiếp vận, việc thưởng huy chương sẽ rất dễ dàng.

- Rõ ngốc, - người kể chuyện nói tiếp. - Mình xin trả lại cho cậu cái lý mà cậu đã không đòi. Ở đợt Hégésippe Moreau^[42], Chalennes đáng ra đã được thưởng huy chương rồi. Khi bảo cậu ấy ký vào đơn, mình đã trả lời uể oải (bởi vì mình hơi khó chịu khi thấy cậu ta tỏ ra trân trọng đối với cái việc hiển nhiên như vậy) rằng không phải dễ mà xin được huy chương đâu.

- Thật ư? - Lambert-Leclerc nói, - trái lại, mình cho rằng việc đó hết sức đơn giản.

- Phải, đơn giản, nếu cậu có công trạng chứ gì...

Nhìn thấy vẻ ngạc nhiên quá rõ rệt trên mặt anh, tôi đành chuyển câu chuyện sang một hướng khác.

Quả thật con đường sự nghiệp của Chalennes đã từng mở ra tuyệt đẹp và thẳng băng như một con đường cái rộng thênh thang, trước những cặp mắt thỏa mãn của chúng tôi. Không một tí vết, không hề gặp thất bại; đây là đặc quyền của con số không về khả năng hoàn toàn không bị thương tổn. Đã có lúc chúng tôi tưởng như mình có thể nhìn thấy trước đệ nhị, đệ tam đảng bệch của anh, đã có lúc trong một số bạn bè, người ta nói về việc anh sẽ vào Viện Hàn lâm. Nữ công tước T., từng rút rề gợi ý về dự định ấy, với một viện sĩ, người được mệnh danh là cha đẻ các cuộc đầu phiếu, được ông ta trả lời: “Chúng tôi đã có nghĩ tới chuyện đó, nhưng ngay bây giờ có thể sẽ hơi sớm”. Khuôn mặt Chalennes tự nó hiện lên mỗi lúc một rõ hơn vẻ thanh thản, đẹp để biết bao, vẻ đẹp tỏa ra từ sự thông minh thuần khiết nhất, hoặc giả, từ sự lười nhác hoàn toàn, vả lại hai cái đó rất có thể lẫn lộn với nhau.

Chính lúc đó, bà Pecks bắt đầu quan tâm đến anh. Gladys Newton Pecks là một phụ nữ Hoa Kỳ giàu, đẹp, cũng như hầu hết các bà Hoa Kỳ giàu và đẹp khác, bà sống phần lớn thời gian ở Pháp. Bà có một ngôi nhà ở đường François Đệ nhất và một biệt thự ở miền Nam. Chồng bà, ông William Newton Pecks, là chủ tịch công ty *Cao su thông dụng* và nhiều công ty đường sắt, chỉ sang bên này vào dịp nghỉ hè.

Bọn chúng tôi đều đã biết Gladys Pecks từ lâu, con người luôn luôn tự hiển mình một cách nồng nhiệt cho văn chương, hội họa, âm nhạc hiện đại. Chính bà đã từng bao Beltara hồi anh mới vào nghề. Bà mua cho anh vải vẽ để anh vẽ chân dung mình, và giới thiệu anh với bà Jarvis để bà này phát anh lên. Suốt hai năm liền, bà chỉ nói với bạn bè về Beltara, mở tiệc tùng khoản đãi Beltara, tổ chức các cuộc triển lãm tranh Beltara và sau cùng, mời anh về nghỉ đông tại ngôi biệt thự ở Napoule, để anh có thể làm việc trong yên tĩnh.

Rồi sự thành đạt tới, và cái đó luôn luôn đánh dấu sự cáo chung của những mối tình bằng hữu lớn lao của bà Pecks. Bà đặc biệt thông minh, nhưng vẫn mang theo lòng ham chuộng nghệ thuật, thứ tình cảm của một số kẻ đầu cơ chứng khoán nào đó, những người vẫn sợ hãi các tác phẩm có giá trị vĩnh cửu, chỉ gắn bó với các hoạt động nho nhỏ, chưa nổi tiếng trong dư luận công chúng rộng rãi nhưng đã có trong đó những chỉ dẫn kín đáo và chắc chắn. Bà thích loại nhà văn chưa in sách của mình, loại soạn giả viết một cách tối tăm, mà kịch của họ chỉ mới diễn có vài ba tối trên sân khấu của nghệ thuật theo chủ nghĩa Tiền phong, thích âm nhạc kiểu Eric Satie^[43] trước khi ông này nổi tiếng, hoặc loại nhà bác học, chuyên gia nghiên cứu về những đề tài hóc hiểm, chẳng hạn như về tôn giáo của Ấn Độ hoặc nghệ thuật tạo hình nguyên thủy của Trung Quốc.

Thực ra, những người được bà bao, chẳng bao giờ là rỗng tuếch hoặc tầm thường. Bà khôn

ngoan và có ít nhiều năng khiếu. Nhưng sợ hãi cái thông tục, cái tầm thường vẫn có thể là cách biệt với cái cao quý. Tôi không thể hình dung được là Gladys Pecks tỏ ra yêu thích Tolstoy hoặc Balzac. Bà ăn mặc rất đẹp, quần áo may tại một tiệm may nổi tiếng nhất, nhưng bà sẵn sàng thải một chiếc áo dài, mặc dầu nó vẫn đẹp lộng lẫy và chính bà vẫn ưa thích, ngay khi biết rằng kiểu áo ấy đã bị người khác bắt chước. Các nhà văn và các họa sĩ bạn bè của bà cũng được đối xử theo một cung cách ấy. Bà đem cho người hầu phòng các tác phẩm được họ biếu tặng ngay khi biết rằng các bạn gái của mình cũng đã được biếu những thứ ấy.

Tôi nghĩ rằng mình có trách nhiệm đẩy người đàn bà này theo Chalennes. Một buổi tối, trong bữa ăn ở nhà bà Hélène de Thianges, tôi được xếp ngồi cạnh bà Pecks. Chẳng hiểu sao tôi lại nói: “Không, anh ấy chưa cho in sách bao giờ, nhưng anh ấy có những dự định lớn và cũng đã có một số phác thảo”.

- Ông nhìn thấy những phác thảo đó rồi chứ?

- Vâng, nhưng tôi không thể nói gì với bà được, chỉ mới là những ghi chép.

Tôi không cố ý, song điều tôi vừa nói ra đúng là cái có thể được coi như hấp dẫn nhất trên đời đối với cái bà Pecks này.

Ngay sau bữa ăn, bà giữ rịt Chalennes ở một góc phòng, và suốt cả buổi tối không chịu rời anh ta nửa bước, bắt chặp sở thích của Hélène muốn trong phòng khách của mình có các nhóm khác cứ tụ lại rồi tan ra. Tôi đứng nhìn hai người từ xa. “Đáng lý ra mình phải thấy trước điều này, – tôi tự nhủ... – Mà quả thật như vậy, Chalennes là tác giả lý tưởng đối với Gladys Pecks. Bà tìm cái mới, cái khó hiểu, mà liệu ta có thể hy vọng có cái gì kín mít đối với công chúng hơn là Chalennes khi anh chẳng có cái gì cả, cũng chẳng có gì mới mẻ hơn các tác phẩm của anh, khi mà các tác phẩm đó chưa bao giờ được viết ra?”

Nhà vật lý rút dần không khí chứa bên trong một quả cầu cho đến lúc còn lại chân không tuyệt đối. Gladys Pecks cũng đang rút ở những người bạn kế tiếp của bà chất liệu của tác phẩm, cứ người sau lại ít hơn người trước cho tới tận cái người không có gì cả. Với Chalennes, bà tìm được cái đó. Đây là cuộc đăng quang lý thú cho sự nghiệp của cả người này lẫn người kia, và tôi không nghi ngờ gì nữa, tôi đã làm cho cả hai cùng sung sướng”.

Quả thật, ngay ngày hôm sau đã bắt đầu giai đoạn Chalennes trong cuộc đời Gladys Pecks. Họ giao ước với nhau mỗi tuần anh sẽ đến nhà bà dự ba bữa cơm tối, còn bà sẽ đến nhà anh xem bản thảo. “Mùa đông tôi sẽ đưa anh về nghỉ ở Napoule để anh có thể làm việc trong yên tĩnh”. Trong một vài ngày, tôi cảm thấy hơi lo khi nghĩ đến cuộc tiếp xúc đầu tiên của Gladys Pecks với những bản thảo của Chalennes. Có vẻ như, cả đối với bà, những bản thảo ấy là quá mỏng. Thực ra, đấy chính là một sự yếu kém của tôi và một sai lầm trong nhận định. Gặp tôi ngay ngày hôm sau cuộc hò hẹn đầu tiên của hai người, bà tỏ vẻ hào hứng *Cái kia hơn cái này*^[44]..., bà bảo tôi “trong các đề cương của bạn ông còn có nhiều chất liệu hơn là trong tác phẩm dày cộp của Henry James”. Mọi việc thế là tốt đẹp.

Tuần trăng mật tinh thần ấy kéo dài chừng hai tháng, trong thời gian đó Gladys Pecks công bố trên khắp Paris rằng bà đảm nhiệm việc cho in những tác phẩm của một nhân vật cỡ lớn chưa được biết tới, người ấy chính là Chalennes của chúng tôi. Bà đã tìm được một nhà xuất bản, một người dịch để dịch các tác phẩm đó ra tiếng Anh. Bà giới thiệu Chalennes với tất cả các vị khách nổi tiếng người nước ngoài khi họ đi qua Paris, với George Moore^[45], với Pirandello^[46], với Hofmannsthal^[47], với Sinclair Lewis^[48]. Rồi sau đó, nhằm khai thác đến cùng mọi phương cách cổ động có thể được cho đối tượng của mình, bà đòi hỏi một bài viết của Chalennes.

Bà không cần gì lớn lao, chỉ một bài tùy bút, một cái tiểu phẩm, dăm ba trang. Chalennes vẫn quen thói, chẳng làm gì hơn trong suốt hai tháng đó, dĩ nhiên không thể có cái gì để đưa cho Gladys Pecks, và anh nói điều đó với một sự thanh thản chưa hề bị đụng chạm. Nhưng Gladys Pecks không phải là loại đàn bà chịu để cho một thiên tài thui chột. Trong đời bà, đã có tới mười lần bà vực dậy một trong số những con người nhỏ bé sống tối tăm, nghèo khổ, rụt rè, không ai biết đến tài năng còn ẩn giấu về viết, vẽ, soạn nhạc ra làm sao cả, và chỉ trong vòng dăm tháng, bà biến người đó thành một nhân vật lỗi lạc, được săn đón, ngợi ca. Bà tìm thấy

trong sự chuyển hóa đó những niềm vui mãnh liệt. Bà hoàn toàn có khả năng lựa chọn và đề cao một người bạn lớn và chính đáng. Bà đã có công dựng cho Chalannes, dầu muốn dầu không, Chalannes vẫn phải có tác phẩm.

Tôi không hiểu người phụ nữ ấy đã chinh phục anh như thế nào, ve vuốt là tất nhiên, có thể còn hứa hẹn (đồng đáng thật đấy, nhưng tôi không tin có chuyện gì khác, bởi vì tôi biết Gladys Pecks lạnh lùng và hoàn toàn trong sáng), nhưng một buổi sáng Chalannes đến thăm tôi với thái độ lúng túng.

- Mình cần có lời khuyên của cậu, - anh bảo tôi. - Gladys Pecks đề nghị mình thu xếp về nghỉ đông tại nhà bà ta ở Napoule để mình có thể làm việc một cách yên tĩnh. Mình thú thật với cậu là mình không muốn xa Paris. Vả lại, trong thời gian này mình cảm thấy không được khỏe. Nhưng mà việc đó sẽ làm bà ta thích thú. Bà ta tỏ ra rất hào hứng với cuốn tiểu thuyết của mình và kể ra cũng khá hấp dẫn nếu nghĩ rằng trong một vài tháng sống cách biệt, mình có thể làm xong cuốn sách ấy.

"Làm xong" cuốn tiểu thuyết của anh, những tiếng ấy tôi nghe có vẻ như một thứ uyển ngữ lạ lùng, bởi lẽ tôi không hề biết cuốn sách đã khởi công từ bao giờ; nhưng mà điều đó được anh nói một cách hoàn toàn nghiêm túc, cho nên tôi không dám động đến nữa.

- Nay, - tôi bảo anh, - mình rất mừng; bà Pecks rất có lý. Chắc chắn cậu có một tài năng lớn, trong các câu chuyện bình thường kể hàng ngày cậu đã tiêu phí đi từng chương nguyên vẹn của một cuốn sách xuất sắc. Nếu sự ân cần của một người phụ nữ, bầu không khí tin cậy, thân phục giúp cậu cuối cùng viết ra được hết thảy những gì chúng mình biết mà cũng hay như cậu đã nói, bọn chúng mình sẽ rất sung sướng... Hãy nhận lời đi, ông bạn thân mến ạ, cậu sẽ đưa lại niềm vui cho mình... Cậu sẽ đưa lại niềm vui cho tất cả bọn mình.

Anh cảm ơn tôi và, mấy hôm sau, đến báo cho tôi biết rằng anh sắp lên đường. Trong suốt mùa đông, chúng tôi chỉ nhận được của anh vài tấm bưu thiếp. Sang tháng hai, tôi đến thăm anh ở Napoule.

*

* * *

Ngôi nhà của ông bà Pecks rất đẹp, được tu tạo lại từ một lâu đài nhỏ mang nặng tính chất miền Nam, nằm ngay trên bờ vịnh. Sự tương phản giữa cái vẻ thô thiển của vùng phụ cận và cảnh trí bên ngoài với sự đầy đủ tiện nghi hầu như không thể tưởng tượng nổi của các căn buồng tạo nên một cảm giác thần tiên. Trong vườn có các bồn hoa được làm giả một cách hết sức khéo léo, bởi vì vườn nằm bên sườn một ngọn núi đá, muốn tạo nên các bồn đó, người ta phải mang từ xa tới các khối bê tông cực lớn. Ông bà Pecks với rất nhiều phí tổn đã đem từ Ý về đây các cây bách để bao quanh lấy cái khung cảnh giả tạo và gai mắt này. Khi tôi tới đây, người quản gia bảo tôi rằng Ngài đang làm việc và bắt tôi phải chờ đợi khá lâu.

- Ôi, bạn thân mến, - Chalannes nói khi cuối cùng anh tiếp tôi, - mình không còn biết đó là công việc nữa cậu ạ. Mình viết trong niềm vui, trong sự tràn đầy. Các ý tưởng bao bọc lấy mình, ám ảnh mình, làm mình choáng ngợp. Ngọn bút mình không đủ nhanh để ghi kịp các hình ảnh, các kỷ niệm, các suy nghĩ bật lên từ ký ức mình, cảnh đó có thể cậu cũng có chứ?

Tôi thú thật một cách khiêm nhường rằng các cơn khủng hoảng của sự quá tràn đầy như vậy ở tôi thật là hiếm. Tôi còn nói thêm rằng cứ như tôi nghĩ thì đúng ra là anh chứ không phải là tôi đã được chọn làm đối tượng cho một cuộc nhập thần, và rằng sự im lặng lâu dài cho phép anh tụ chất liệu, mà việc đó thì không một ai trong bọn chúng tôi có thể làm được.

Tôi ở lại với anh suốt cả buổi chiều (bà Pecks còn đang ở Paris). Tôi nhận ra ở anh có sự thay đổi thật lạ lùng. Một trong những khả năng quyến rũ lớn nhất ở anh là sự đa dạng cực kỳ trong cách nói chuyện. Với tôi, một người ít có thời gian để đọc, tôi nhận được ở Chalannes con người đọc đủ mọi thứ, biết bao là cái quý. Chính nhờ anh, tôi khám phá được những điều lý thú nhất ở lớp người trẻ. Hầu như tối nào anh cũng ra khỏi nhà, hoặc xem kịch, hoặc đi vào giới thượng lưu, không ai ở Paris biết hơn anh về các loại chuyện vặt, về các bí kịch sâu kín, về chuyện vui. Đặc biệt, Chalannes là một trong số những người bạn hiếm hoi mà ngay trước mặt anh, ta có thể tha hồ nói về ta, về công việc của ta mà vẫn có cảm giác rằng anh thực sự thích

thú, và trong khi ta nói, anh chẳng chút chạnh lòng. Những cái đó quả tình rất dễ chịu.

Nhưng mà cái anh chàng Chalonnès ở Napoule cứ như tôi nhận thấy, đã hoàn toàn đổi khác. Suốt hai tháng vừa qua anh không hề giở đến một cuốn sách. Anh không nhìn thấy bất cứ ai. Anh thực sự không nói gì hơn ngoài cuốn tiểu thuyết của mình. Tôi cho anh biết tin tức về các bạn bè. Anh nghe nói một lúc rồi lấy từ trong túi ra một cuốn sổ con và ghi chép.

- Cậu làm gì đấy? – Tôi hỏi.

- Ồ! Có gì đâu, một cái ý liên quan đến cuốn sách của mình vừa mới nảy ra, và mình không muốn để nó tuột mất.

Một lúc sau, tôi đang thuật lại với anh ta câu nói của một cô người mẫu của Beltara, cuốn sổ lại được lôi ra.

- Lại ghi nữa! Thế là thành tật rồi đấy.

- Cậu à, chả là mình có một nhân vật cũng giống cô người mẫu của Beltara ở một số mặt nào đó. Chỉ tiếc cậu vừa kể có thể rất có ích cho mình.

Lúc này trong người anh tràn đầy ý thức nghề nghiệp của loại người đang vào cuộc, thứ lòng nhiệt thành của những tín đồ mới nhập đạo.

Tôi có mang theo một vài chương của cuốn sách mới tôi đang viết, định đọc cho Chalonnès nghe và tranh thủ ý kiến của anh như trước kia tôi vẫn thường làm. Nhưng lúc này, anh chẳng đời nào chịu nghe tôi đọc, tôi nhận thấy anh đã trở nên buồn chán và không còn đủ sức chịu đựng. Cuối cùng, anh làm tôi nổi cáu bằng việc nêu lên những lời nhận xét có phần nào khinh thường đối với các bậc thầy mà chúng tôi vẫn luôn luôn kính trọng.

- Cậu có thấy không? – Anh hỏi tôi. – Cái tự nhiên của Stendhal^[49] ư? Phải rồi, chỉ là trộ nhau cả thôi, cậu biết không? Nói trắng ra nó chỉ là thứ tiểu thuyết để đăng từng kỳ trên báo, kể từ *Tu viện thành Parme* cho đến *Đỏ và Đen*. Mình tin rằng bọn ta có thể làm khá hơn nhiều.

Tôi từ giã anh, trong lòng hầu như vui sướng.

*

* *

Trở lại Paris, tôi công nhận ngay lập tức những đức tính đáng khâm phục của “bà bầu” Gladys Pecks. Thiên hạ đã nói nhiều về cuốn sách của Chalonnès và giờ đây họ vẫn đang nói về nó, coi như đó là một việc làm xứng đáng. Không một dấu vết nào của sự quảng cáo thô thiển và rùm beng ấy gạt bỏ được những con người tể nhị. Dường như người đàn bà đó đã tìm thấy bí mật của thuật quảng cáo đầy bí ẩn, và bà đã biết phóng ra một cái tên giống như rọi một tia sáng vào bóng tối. Paul Morand đã từng gọi bà là người biết mở những điều khó hiểu.

Khắp mọi phía, người ta đều hỏi tôi: “Ông đi miền Nam về đấy hả? Ông gặp Chalonnès chứ? Cuốn sách của ông ta xem chừng khá lắm đấy”.

Đến tháng Ba, Gladys Pecks có ghé qua Napoule, bà cho chúng tôi biết rằng: cuốn sách hầu như đã xong, nhưng Chalonnès không hề muốn giới thiệu với mọi người. Anh nói rằng tác phẩm của anh được cấu tạo trọn bộ, sự tươi nguyên của nó sẽ bị mất đi một cách nguy hiểm nếu đem đọc từng đoạn riêng biệt.

Cuối cùng, vào đầu tháng Tư, bà báo cho chúng tôi biết rằng Chalonnès đã trở về, theo yêu cầu của anh, bà mời chúng tôi đến nhà bà vào một buổi chiều thứ Sáu để nghe đọc tiểu thuyết.

Ôi cái buổi đọc ấy! Tôi tin rằng không một ai trong chúng tôi sẽ có thể quên được trong suốt cả cuộc đời. Phòng khách ở đường François Đệ nhất đã được bài trí với một nghệ thuật dàn cảnh hết sức hoàn hảo. Toàn bộ ánh sáng được tắt hết, trừ một ngọn đèn lớn kiểu Venice, rọi một thứ ánh sáng dịu, màu sữa, xuống người đọc, bản thảo và một cảnh mạn rất đẹp cắm trong một chiếc đũa bình kiểu Tàu, đặt phía sau Chalonnès. Điện thoại đã bị cắt. Kẻ ăn người ở trong nhà đã được lệnh không gây phiền hà cho chúng tôi dầu với bất cứ lý do gì. Chalonnès tỏ vẻ căng thẳng, vui gương và có phần hờn hĩnh, bà Pecks trái lại tươi tắn và hoan hỉ. Bà mời anh ngồi vào chỗ của mình, đưa cho anh một cốc nước, sửa lại cái chao đèn; anh đeo cặp kính lớn gọng đồi mồi, hắng giọng và bắt đầu đọc.

Chỉ mới được mười dòng, Fabert và tôi đã đưa mắt nhìn nhau. Trong các tác phẩm nghệ thuật sai sót vẫn có thể xảy ra, sự đổi mới về phong cách, về cách nhìn có thể làm ta ngạc nhiên, gây sai lạc trong xét đoán, nhưng chỉ mười từ thôi cũng đủ để một nhà văn tự bộc lộ mình. Thế mà ở đây, khốn thay chúng tôi lại phát hiện ra rằng Chalannes không biết viết, không biết một chút nào. Đến một đứa trẻ còn viết còn có thể có cái ngây thơ, cái tự nhiên của nó, còn Chalannes thì viết một cách nhặt nhẻo, ngớ ngẩn. Con người hằng ngày tinh tế đến như vậy, sành sỏi đến như vậy, chúng tôi đã tưởng rằng có thể anh sẽ viết quá phức tạp. Té ra tất cả đều ngược lại, chỉ là một cuốn tiểu thuyết loại ba xu[50], nông cạn, có phần nào giống sách giáo khoa, tẻ nhạt và hết sức trẻ con.

Sau hai chương, sự bất tài chẳng những bộc lộ trong hình thức, mà còn cả ở chủ đề. Chúng tôi nhìn nhau, thất vọng. Beltara nhún vai một cách kín đáo và nói với tôi qua ánh mắt: “Chẳng lẽ thế ư?”. Tôi nhìn Gladys Pecks. Liệu bà có nhận ra giá trị thực của cái mà chúng tôi vừa nghe hay không? Thoạt đầu, bà nghe một cách thích thú, nhưng chỉ một lúc sau bà cự quạ luôn với vẻ lo lắng và chốc chốc lại nhìn tôi như muốn hỏi: “Tai họa thật! Không phải thế đâu. Biết nói với anh ta thế nào đây?”.

Buổi đọc kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ và trong suốt khoảng thời gian đó, không một ai trong đám người nghe mở miệng nói một lời nào. Quả là một quyển sách tồi, tồi đến mức tai hại và hết sức rõ ràng.

Những ý định cao quý đã được thể hiện bằng một sự thô vụng, ấu trĩ đến thế là cùng. Qua tác phẩm, ta có thể khám phá một cách toàn diện tâm hồn ngây ngô của tác giả. Nghe Chalannes đọc, tôi cảm thấy kinh ngạc khi đột nhiên tìm ra ở anh cả một thế giới của những thất vọng, buồn thảm, của thói đa cảm được che giấu, kìm nén. Tôi tự bảo rằng sẽ rất vui nếu ta viết một cuốn sách mà nhân vật là chính tác giả của một cuốn tiểu thuyết tồi ấy, từ đó sẽ mở ra cho nhân vật những triển vọng mới mẻ và đáng ngạc nhiên. Cách Chalannes đọc và nổi xúc động của anh được thể hiện dưới một hình thức thô lậu đến mức đáng sợ, làm ta nghĩ tới thứ tình cảm mùi mẫn và nực cười của một con quái vật.

Khi Chalannes đã ngừng đọc, sự im lặng kéo dài thêm một lúc; chúng tôi hy vọng rằng Gladys Pecks sẽ cứu chúng tôi. Dù sao thì bà cũng đang ở tại nhà bà và chính bà mong muốn có cuộc đọc hôm nay. Nhưng trông bà hình như rầu rĩ và có thái độ đối nghịch. Beltara vốn dĩ có cái bình tĩnh của người miền Nam, cuối cùng tự thấy mình phải dấn thân, đã ứng khẩu ngay một tràng dài thích hợp. Anh cho rằng thái độ làm thinh của chúng tôi là biểu thị sự xúc động, một lần nữa anh cảm ơn bà Pecks, vì nếu không có bà, cuốn sách đẹp đẽ này sẽ không bao giờ được viết, và quay về phía tôi, anh nói: “Civrac nhất định sẽ lấy làm tự hào nếu được mang cuốn sách đến cho nhà xuất bản của anh”.

- Ô, – tôi nói, – của tôi hay một nhà xuất bản nào khác thì... Tôi nghĩ rằng nên để bà Pecks...
- Tại sao lại để một nhà xuất bản khác, – Chalannes nói một cách hăng hái. – Không, mình rất thích. Nếu cậu muốn nhận lo việc đó, mình sẽ hết sức vui lòng.
- Nhất định là như thế, anh bạn thân mến ạ, có gì khó lắm đâu.

Đã đến lúc sự im lặng của bà Pecks trở nên khó chịu. Bà kéo chuông, gọi người nhà mang nước cam và bánh ngọt lên. Chalannes tìm ngay được cơ hội quý giá để bày tỏ sự sung sướng của mình.

- Các cậu nghĩ thế nào về nhân vật Alice?
 - Tuyệt lắm. – Beltara nói.
 - Cảnh đoàn tụ thật đấy chứ?
 - Đấy là đoạn hay nhất, – Beltara lại nói.
 - Ô không! – Chalannes nói. – Mình không cho rằng đoạn đó hay nhất. Đoạn hay nhất có thể là ở chỗ cuộc gặp gỡ của Georgiana và Silvio.
 - Cậu nói đúng đấy, – Beltara nói cốt để dàn hòa, – đoạn đó có thể còn hay hơn thật.
- Bà Pecks kéo riêng tôi vào một góc.

- Tôi van ông, – bà bảo tôi, – xin hãy thành thật. Rõ là chuyện nực cười, có phải thế không? Rất nực cười.

Tôi tỏ vẻ khẳng định điều đó.

- Nhưng tại sao lại có thể như vậy hả ông? – Bà nói tiếp. – Giá mà tôi đã có thể suy nghĩ... Anh ta tỏ ra thông minh đến thế cơ mà.

- Thì anh ta rất thông minh chứ sao, bà Pecks thân mến ạ. Có điều sáng tạo và tài nói chuyện là hai lĩnh vực hoàn toàn khác nhau. Ta có thể bị nhầm đấy.

- *Không, không* – bà nói, – *không thể nào tha thứ được*^[51]. Trước hết là không nên in ấn gì cả. Sau tất cả những điều tôi đã thông báo... cần phải nói cho anh ta biết rằng như vậy là ngu xuẩn, là nhục nhã, ông hiểu chứ?

- Hãy hờm, tôi xin bà. Chính bà cũng không hiểu hết cái chuyện đau xót mà bà sẽ gây ra. Ngày mai, khi chỉ có hai người, tôi sẽ thử nói chuyện với anh ta xem. Lúc này, bà hãy rộng lượng cho anh ta. Tôi cam đoan với bà rằng việc đó là cần thiết.

Ngày hôm sau tôi thử lần đầu tiên bằng cách phê bình một điểm chi tiết của cuốn sách. Chalannes tiếp đón lời nhận xét yếu ớt, nhẹ nhàng của tôi bằng một cơn giận và một thái độ khinh miệt, tôi nhận ra ở anh sự mẫn cảm có tính chất bệnh hoạn, đến nỗi thấy mình mất hết can đảm. Kinh nghiệm sống ở đời đã dạy tôi về sự hão huyền của loại công việc này. Cơn có làm sao ta lại phải đi diễn lại một lần nữa cảnh 1 hồi II của vở kịch *Misanthrope*^[52]? Tôi biết rằng tôi bị ám ảnh bởi cái câu: “Và tôi quả quyết với anh rằng thơ tôi là hay nhất”, cho nên tôi đã không đủ sức táo tợn để đọc lại câu trả lời. Tốt hơn hết là rút lui. Tôi đi, với tập bản thảo của Chalannes ôm trong tay, tôi mang thẳng đến nhà xuất bản. Không cần dẫn giải lời thôi gì cả, tôi nói cụt lủn rằng cuốn sách là của Chalannes.

- Thật thế ư? – Ông giám đốc xuất bản nói với tôi. – Đây là sách của ông Chalannes à? Thật sung sướng cho tôi quá. Tôi đã được nghe người ta nói nhiều. Tôi rất biết ơn ông, ông bạn thân mến ạ, ông đã chiếu cố đến tôi. Làm gì mà ông chẳng biết rằng tôi cần phải ký ngay lập tức với ông ấy một hợp đồng có giá trị trong mười năm?

Tôi khuyên ông ta chờ cho ít lâu nữa. Tôi hy vọng rằng ông ta sẽ đọc cuốn sách và sẽ từ chối. Nhưng các anh đã biết loại việc ấy thường xảy ra như thế nào rồi. Cái tên của tôi và cái tên của Chalannes, với ông giám đốc nhà xuất bản, thế là đủ; ông ta gửi bản thảo đi in mà cũng chẳng cần đọc, và cái tin ấy làm khuây khỏa cho Chalannes trước thái độ bất bình của người bảo trợ.

Bà Pecks chờ đợi trong ba ngày để xem tôi chạy vạy ra làm sao. Khi biết kết quả, vốn là một tín đồ theo đạo Tin lành ngay thẳng và cứng rắn, bà nghiêm khắc trách cứ sự mềm yếu của tôi, và viết cho Chalannes một bức thư lạnh lùng mà ngay ngày hôm sau anh đưa cho chúng tôi xem với một sự căm phẫn đáng kinh ngạc. Từ lâu anh đã cố tìm có để mà quy tội một cách vô lý đến như vậy. Cuối cùng, Chalannes thỏa lòng nhờ một ý nghĩ tuy hết sức phi lý nhưng vẫn làm vợi bớt đi trong anh nỗi nhục nhằn: anh tưởng tượng ra rằng Gladys Pecks đã bị phát hiện qua một nhân vật phụ nữ người Anh hơi buồn cười mà anh miêu tả trong cuốn sách của mình. Nhờ thế, anh tìm lại được sự thanh thản của mình và thôi không nghĩ tới bà ta nữa.

*

* *

Ba tháng sau, cuốn sách ra đời.

Giới báo chí không tỏ ra có thái độ xấu. Họ rất có thiện cảm với Chalannes cho nên không nỡ gây cho anh điều phiền lụy vô ích. Các nhà phê bình thuộc cánh hủ nhắc tới cuốn sách một cách dè dặt, còn những người khác thì im lặng.

Tuy vậy, những lời bình phẩm bằng miệng thì rộ lên mau lẹ đến mức tàn tệ. Trong mấy ngày đó, không có ai gặp tôi mà lại không hỏi: “Chalannes à? Anh đọc cuốn sách đó rồi chứ? Không thể như thế được!”. Chỉ trong vòng một tháng, cả Paris dù chưa đọc, người ta cũng biết rằng chả đọc làm gì cho tốn công vô ích. Trong quầy các hiệu sách, những tấm bìa đẹp đẽ từ màu vàng chuyển sang màu vàng chanh nhạt nhợt, rồi dần dần đen xỉn lại. Đến cuối năm, toàn bộ sách in ra được trả lại nhà xuất bản, ông chủ đã mất toi một khoản tiền, lại còn bị Chalannes

giảng một cú nện thân.

Chưa hết đâu, trong thất bại còn lẫn nỗi chua cay. Bây giờ Chalannes chia thiên hạ ra làm hai dạng: “Những người có cảm tình với cuốn sách của ta” và “Những người không có cảm tình với cuốn sách của ta”. Cái kiểu phân chia đó thể hiện trong đời sống xã hội quả là hết sức khó khăn, chẳng hạn như khi ta có ý định tổ chức một bữa tiệc.

- Thôi tay đó đi, – Chalannes nói, – mình không thể chịu nổi hấn ta.

- Tại sao? – Fabert hỏi lại. – Anh ấy có tâm hồn và chẳng phải dữ tợn gì cho cam.

- Hấn ta ấy à? – Chalannes đáp lại. – Hấn chẳng viết gì về cuốn sách của mình.

Con người vốn khiêm nhường đến thế, dễ chịu đến thế, bỗng trở thành một kẻ hợm hĩnh không thể nào chịu nổi. Anh luôn luôn giữ trong túi một đoạn quảng cáo tác phẩm của mình in trên báo mà tôi đã phải chạy vạy, xin xỏ một cách khó khăn, và hễ gặp ai thì lại đọc cho người ấy nghe. Khi một nhà phê bình kể tên các nhà tiểu thuyết có tài đương đại, anh tỏ ra hết sức ngạc nhiên vì không thấy có tên mình. “Lão Bidou[53] ấy là một kẻ khốn nạn!” – anh bảo. Hoặc giả: “Mình không ngờ lão Jaloux[54] lại có thể như vậy”. Chẳng bao lâu giống như những người điên, sau khi đổ tội cho hàng phố hành hạ mình, đến lượt coi vợ con mình là kẻ thù, Chalannes cũng nhận ra rằng hội “Năm người” chẳng thực sự quý mến gì cuốn sách của mình, và anh dần dần xa chúng tôi.

Có thể, trong một môi trường mới, ít lượng thông tin hơn, anh sẽ còn tìm lại được sự tín nhiệm kính cẩn và vô tư mà chúng tôi đã dành cho anh trong một thời gian dài đến thế. Bà lần liên tiếp anh vắng mặt trong các cuộc gặp gỡ của chúng tôi. Beltara viết thư cho anh và không được trả lời. Cuối cùng, nhóm quyết định cử tôi đến gặp anh, coi như đại sứ của bốn người.

- Bởi vì... tóm lại thì anh chàng tội nghiệp ấy, – chúng tôi bảo nhau, – cũng chẳng có lỗi gì nếu như hấn ta bắt tài.

Tôi đến gặp anh tại nhà, anh vẫn đón tiếp tôi, nhưng hết sức lạnh lẽo.

- Không, không, – anh bảo tôi, – sự thật là tất cả mọi người đều là những kẻ tồi tệ, và các cậu thì cũng chẳng hơn gì. Với các cậu, mình đã từng là một cố vấn, một người khâm phục hết mức, các cậu là bạn của mình. Đến lúc mình muốn tự sáng tác, trước hết là cậu, cậu cảm thấy mình có thể là một đối thủ, thế là cậu làm thỉnh không nói gì đến tác phẩm của mình.

- Mình ấy à? – Tôi bảo anh. – Giá mà cậu hiểu ngược lại về những chạy chọt mà mình đã làm cho cậu.

- Phải, tôi còn lạ gì cái trò xông hương cho người chết trong khi chôn họ xuống mồ!

- Nhưng mà, lạy Chúa tôi, ôi Chalannes! Cậu thật bất công quá chừng. Cậu hãy nhớ lại cái hôm cậu đến và kể cho mình nghe rằng cậu sắp đi về Napoule, rằng cuối cùng cậu đã thấy thèm được làm việc. Cậu còn ngần ngại, cậu chưa thấy khoan khoái, nếu lúc đó mình gàn, cậu đã ở lại rồi. Nhưng ngược lại, mình đã khích lệ cậu, chúc mừng cậu...

- Đúng thế, – anh nói. – Và chính vì chuyện đó mà tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho các người, cho Gladys Pecks và cho cả cậu nữa.

Anh đứng dậy, đi về phía cửa, mở rộng cửa để báo cho tôi biết rằng phiên tòa đã chấm dứt, và tiễn tôi ra về bằng một câu nói kỳ lạ:

- Vì các anh mà tôi đã phá hỏng sự nghiệp của tôi.

- Và cái tệ hại nhất, – Beltara nói tiếp, – tệ hại nhất, lại chính là cái đúng nhất.

Hoa từng mùa

Etienne Carlut xuống tắc-xi trước cổng chính nghĩa địa Montparnasse. Anh ôm một bó cúc cháy rực đủ các sắc hoa mùa thu, từ đỏ sẫm đến vàng nhạt. Một trong hai người gác cổng chào anh khi anh đi ngang qua chỗ họ. Bị vướng bó hoa, anh chỉ gật đầu chào lại.

- Ngài quen ông ta đấy ă?

- Ừ, cũng sơ sơ. Ông ta là giáo sư. Bà vợ vừa mất dạo cuối tháng Chín, chôn ở khu số Bảy. Thứ Năm nào ông ta cũng đến... vì ngày đó ông ta không phải lên lớp... ông ta đã giải thích với tôi như vậy... ngay từ hồi đầu.

- Quá trẻ với một người đàn ông góa vợ... Chắc gì ông ta còn đến đây lâu.

- Biết đến bao giờ. Không, cũng chẳng biết. Cái đó còn tùy từng người.

Nếu họ hỏi người đàn ông có bộ râu ngắn mặc đồ tang đen, ôm bó hoa cúc một cách vụng về, lúc bế trong hai cánh tay như đứa trẻ, lúc cầm quạt ra phía sau lưng, anh ta sẽ trả lời là sẽ vẫn đến vào một thứ Năm hàng tuần, cho đến lúc chết, cái chết mà anh ta đang cầu mong đến cho nhanh.

Lucile mất đi với anh là tai họa khủng khiếp mà tâm trí anh không thể nào chấp nhận nổi. Anh cưới vợ năm năm về trước, vợ anh đã làm thay đổi cuộc đời anh. Trước khi có chị anh là một con người nghiêm nghị (và có phần hơi buồn tẻ, theo như một số phụ nữ nhận xét), chỉ biết chuyên tâm vào công việc. Anh thích lên lớp, chữa bài, soạn luận án tiến sĩ. Cuộc sống xung quanh hầu như không tồn tại trong con mắt anh.

Đột nhiên, tại một khách sạn miền núi mà anh đến nghỉ hè, anh đã gặp Lucile, một vẻ đẹp hiếm có với mái tóc vàng óng, mắt tím biếc, đôi vai tròn trĩnh, đến nỗi sau năm năm chung sống, anh vẫn khó tin là có thật. Ngay cả khi ôm vợ trong lòng, những khi ân ái, anh vẫn cảm thấy Lucile như một nhân vật huyền thoại hay của một câu chuyện thần tiên nào. Chị gọi anh nhớ đến những nhân vật kiều diễm của Shakespeare hay của Musset. Anh tự trách mình là một thầy giáo quen tịt, một anh chàng thông thái rỗng khi anh làm những so sánh như vậy cả trong tình yêu. Không, Lucile không phải là bản sao của những nhân vật tưởng tượng, mà là một người phụ nữ có nụ cười dịu dàng, nét mặt linh lợi, tấm thân mềm mại, tươi mát.

Với sự đom đàng của mình, Lucile cũng đôi lúc trêu tức, làm anh lo ngại. Anh chỉ còn nhớ đến vẻ quyến rũ không gì sánh được của chị.

- Mình đã mất nhiều hơn là cái mà mình có, - anh vừa than thở vừa đi về phía ngôi mộ mà đối với anh quả thật thiêng liêng.

Khu thứ Ba phía Nam, khu thứ Hai phía Tây. Những tuần đầu anh phải nhớ những chỉ dẫn ấy để tìm ra ngôi mộ. Bây giờ, anh cứ việc đi thẳng đến tấm đá cẩm thạch màu xám tro chỉ ghi có dòng chữ: "Lucile Carlut, nhũ danh Auban (1901 - 1928)". Đã có lúc anh nghĩ đến dòng khác bằng tiếng La tinh: "Conjugi, amicae" (Tưởng nhớ vợ, tưởng nhớ bạn), song anh lại nghĩ là vợ anh sẽ không đồng ý. Để đến được ngôi mộ của vợ, anh phải đi qua một dãy nhà mồ của những gia đình thân thế, những lâu đài xấu xí, cái thì theo kiểu gô-tích, cái thì theo kiểu Ai Cập, phô trương sự giàu có của mấy tay triệu phú sắt thép hay kinh doanh hàng bách hóa. Anh yêu thích biết bao tấm bia đá không trang trí ấy, quà tặng cuối cùng anh chọn cho vợ với tất cả tình yêu. Cuối cùng? Không hoàn toàn là như vậy, bởi vì còn có những bông hoa cúc này, những bông cúc màu sắc rực rỡ mà Lucile hẳn phải vừa lòng. Có thể nào nàng lại đang nằm dưới mộ này? Anh tưởng như nghe được giọng nói của chị:

- Anh lại mang hoa đến cho em đấy ư? Đẹp quá!

Anh vẫn còn nhớ là anh không tin, anh đã phản đối kịch liệt khi ông bác sĩ, sau khi nghe nhịp đập của tim Lucile, đã tuyên bố: "Chết rồi!". Có lẽ nào Lucile lại bỏ anh bơ vơ? Lucile của anh vẫn thường chăm chút, cẩn lo và không bao giờ nản chí kia mà.

Anh đặt nghiêng bó hoa dưới dòng chữ trên bia, và đứng đó mặc niệm. Tuần nào cũng vậy, anh gắng ôn lại những quãng đời hạnh phúc: đính hôn, tuần trăng mật, những đêm dài ân ái; hạnh phúc ngọt ngào biết bao khi tối tối, anh đang làm việc, bất chợt ngừng đầu và gặp ngay nư

cười kín đáo và thông cảm của chị; rồi xao xuyến mong đợi đứa con ra đời. Hai người hoàn toàn hợp ý nhau, từ việc trang trí buồng riêng đến những vở kịch mà họ muốn cùng đi xem. Chị còn đọc được và trả lời cả những câu hỏi mà anh chưa kịp nói ra. Bây giờ anh chẳng còn vợ, chẳng còn con.

- Tội nghiệp, Lucile. Những lời nói cuối cùng của em là để an ủi anh. Rồi, giữa chừng...

Suốt mùa đông, anh đến vào mỗi thứ Năm. Mỗi lần, một loại hoa khác nhau, chừng như với trí tưởng tượng phong phú của mình, anh muốn làm đẹp lòng người chết cũng như trước đây anh đã làm đẹp lòng người sống.

Vào dịp Nô-en, nhớ niềm vui hơn hờ như trẻ nhỏ của Lucile, trước cây thông Nô-en, cảnh nào cảnh nấy trĩu nặng các quà tặng, anh trang trí mộ vợ bằng lá xanh, bằng cây ô-rô, bằng các cành cây đại. Rồi ngày nối ngày, tuần nối tuần dài ra mãi. Anh bắt đầu trông thấy trên các xe bán hoa những loại hoa mới. Một ngày tháng Ba, anh mang đến một bó gồm hoa vi-ô-lét và hoa báo xuân. Bầu trời trong xanh, mặt trời rực rỡ, nắng đùa rơn trên những tấm đá. Anh chợt thấy trong lòng khoan khoái, và ngay lúc đó anh tự trách mình.

Vẫn như mọi ngày, anh bước vào nghĩa trang, như đi trong mơ. “Em yêu mùa xuân. Ngày đầu tiên có thể đi ra ngoài không mặc áo choàng với mấy bông hoa cài lên ve áo, em đầy vẻ hân hoan. Chẳng bao giờ anh còn có thể được ngắm dáng đi đẹp như nàng tiên nữ của em nữa...”. Anh bỗng quay đầu lại. Một người phụ nữ bận đồ đen vừa bước vào và dừng lại trước một ngôi mộ cách anh chừng chục mét. Chị ôm bó hoa, và đặt lên ngôi mộ một cách duyên dáng. Sau đó chị quỳ xuống.

Chiếc mũ che đi một phần khuôn mặt của chị. Etienne rình lúc chị quay đầu lại. Khi chị đứng lên, anh thấy chị đang khóc. Nét mặt chị nghiêm trang trong trắng. Mái tóc đen rủ xuống vầng trán rộng. Chiếc áo choàng may sát làm nổi rõ thân hình mảnh khảnh. Trước lúc ra đi, chị không hề nhìn ngó xung quanh. Đi qua giữa những ngôi mộ và những nhà mồ, chị ra lối cổng chính. Khi nghe bước chân chị đã đi xa, anh đến bên ngôi mộ mà chị vừa viếng. “Antoine Constant – 1891 – 1928”. Vậy là chị khóc chồng, chứ không phải cha, cũng không phải con. “Có thể là một người tình”. Anh nghĩ vậy, nhưng không tin.

Thứ Năm sau, anh đến vào đúng giờ ấy, cố quên đi việc mình đang mong gặp lại người ấy. Chị không đến. Anh chờ khá lâu và buổi mặc niệm của anh hôm đó buồn hơn thường lệ. Anh tự thấy thương mình. Cuộc đời anh hoàn toàn trống trải. Anh không có bạn thân. Lucile và anh đã cố giữ một cách nghiêm ngặt để gia đình mình được tách biệt ra, không cho một ai xâm phạm vào cuộc sống của mình, cuộc sống mà tự hai người cảm thấy người này đã là quá đủ với người kia.

“Thật một trời một vực, anh nghĩ, những buổi tối hạnh phúc xưa kia và cảnh cô đơn của ta bây giờ! Thật là buồn khi phải ăn vội vàng cho xong chuyện, chẳng thấy ngon lành gì, sau đó đến ngồi trong chiếc ghế bành, để đọc vài tờ báo buổi chiều, cố tìm hứng thú trong trang sách mà không nổi, rồi đợi chờ hàng giờ đằng đằng một giấc ngủ mà nó chẳng chịu đến cho”.

Công việc làm anh say mê khi có người vợ bên cạnh để cùng chia sẻ. Anh đọc cho chị nghe một câu rồi chờ câu trả lời của chị thường là nhay bén và thông minh. Rồi đến lúc, hai người cùng vào buồng ngủ. Em thật đáng yêu trong bộ đồ ngủ, với mái tóc buông xõa. Lẽ nào anh không bao giờ còn được hưởng cái khoái cảm vô biên ấy nữa?

Không bao giờ! Phải nói là không bao giờ nữa, anh được vuốt ve âu yếm, đến cả ý nghĩ tái giá, hay chỉ là tán tỉnh một người phụ nữ nào khác, cũng đủ làm anh cảm thấy tội lỗi rồi. Làm sao anh có thể lặp lại với một người khác những lời mà anh đã chỉ dành cho chị. Làm sao anh có thể đưa một người dưng vào ngôi nhà khi mà tất cả mọi đồ vật đều gợi nhớ về chị? Chị có mặt ở tất cả. Quần áo trong tủ chị treo thế nào thì nay vẫn nguyên như vậy. Bà Auban, mẹ vợ anh từ dưới tỉnh lên, đã gợi ý là anh nên đem quần áo của Lucile cho hội từ thiện.

- Đúng thế đấy... Con chẳng giữ nó làm gì... Nó chỉ làm con buồn khổ mà thôi.

Anh cảm thấy ý nghĩ ấy là tội lỗi và xấu xa.

Một bà già đi ngang qua gần anh, tay mang một cái bình sắt tây đựng đầy nước, chắc là để

tươi cho hoa tươi lâu... Một bóng mây che khuất mặt trời. Etienne rùng mình, ngấm lại một lần nữa ngôi mộ và bước ra. Tuy không cố ý nhưng đáng lẽ đi thẳng ra cổng thì anh lại rẽ vào ngôi mộ của Antoine Constant. Một bó hoa iris^[55] đặt trên ngôi mộ vẫn còn tươi. Người đàn bà chưa quen biết ấy đã đến đây vào hôm qua, có thể là sáng nay.

Thêm hai ngày thứ Năm nữa, anh vẫn không gặp chị. Lần thứ ba, khi anh đến thì chị đã ở đó rồi. Etienne có cảm giác là chị liếc trộm bó hoa anh cầm trên tay. Hoa tuy-líp màu vàng và màu đỏ. “Có sao đâu... Em thích loại hoa này. Em vẫn thường nói: Phải đánh thức căn phòng khắc khổ này... Trời! Lại chính là em mà anh muốn đánh thức, đôi má thơm tho của em, vầng trán ấm áp của em”. Sau đó, anh cũng liếc sang phía người phụ nữ bận đồ đen, xem hôm nay chị mang đến cái gì. Cũng như anh, chị chọn hoa màu sáng, nhưng không phải là hoa tuy-líp mà là hoa cẩm chướng.

Từ đó trở đi, thứ Năm nào anh cũng gặp chị. Chị đến nghĩa địa hoặc trước hoặc sau anh, nhưng luôn đúng vào ngày thứ Năm. “Có thể là vì mình”, anh nghĩ. Tuy vậy, anh cũng chỉ đợi chị với một niềm xúc động thoáng qua. Cả hai đều chọn hoa kỹ hơn và bây giờ họ quan sát có đỡ phần giấu giếm hơn, xem người kia mang đến cho người đã khuất loại hoa gì. Cả hai ngấm ngấm ganh đua với nhau, và hai ngôi mộ vì thế ngày càng đẹp hơn vì các bó hoa cũng ngày càng đẹp. Họ mang đến cùng lúc những bông hồng đầu mùa, chỉ khác là hoa của chị màu đỏ, còn của anh là hồng nhung. Rồi đến lúc cả hai đều mang đến những bó hoa lay-ơn màu sắc rực rỡ như pháo hoa.

Anh cố đợi chị đi xa rồi mới ra về, sợ làm chị bối rối, khi chị thấy anh có vẻ muốn đi theo hay muốn nói chuyện với mình. Còn chị thì rõ ràng không muốn, vì bao giờ chị cũng đi rất nhanh, không hề ngoái đầu lại.

Vào một ngày tháng Năm, khi anh đang băng qua khu nhà mồ để đi về phía mộ của Lucile, anh nghe tiếng ồn ào và nhìn thấy người gác cổng đang nắm cánh tay bà lão mang bình nước mà bao lần anh đã gặp trong nghĩa địa. Bà lão cố rút cánh tay ra. Người gác cổng có vẻ như muốn thiếu phụ mặc đồ đen đứng đó làm chứng, và khi trông thấy Etienne liền gọi:

- Thưa ông, việc này cũng có liên quan đến ông đấy ạ.

Etienne tay vẫn ôm bó hoa, đến gần họ:

- Có chuyện gì vậy?

Người gác cổng nói:

- Tôi đã bắt quả tang mẹ này ăn cắp hoa. Đúng vậy, thưa bà... mẹ đã lấy cả hoa trên mộ chồng bà và trên mộ vợ ông... Mấy tuần nay, tôi rình mẹ nhưng hôm nay mới bắt tận tay.

Thiếu phụ có vẻ bối rối.

- Thôi, ông buông bà ta ra. Việc ấy đối với tôi có quan trọng gì đâu. Hoa đã héo, và tôi đang đến để thay hoa khác đây mà.

- Héo à? – Người gác cổng nói lại. – Không phải đã héo hết đâu ạ. Mẹ ta khéo chọn lắm, chỉ nhặt hoa nào còn tươi thôi. Bà thử lại ngôi mộ 107 Khu số Tám mà xem. Trong bình mẹ ta còn cắm cả một bó hoa huệ mà chắc chẳng mất bao lắm tiền mua. Tôi nói chắc với bà như vậy. Mẹ ta đã cóp nhặt hoa ở các nấm mộ.

- Thế thì có gì xấu? Bà ta có nhặt để đem bán đâu. – Thiếu phụ lại tiếp.

- Tại sao bà lại làm thế? – Etienne hỏi bà lão.

Anh ngấm kỹ hơn. Bà có vẻ mặt không đến nỗi tầm thường. Bà lão cúi đầu.

- Tại sao bà lại làm như vậy? – Anh nhắc lại. – Bà không có tiền để mua hoa à, có phải vậy không?

Bà lão ngẩng đầu lên:

- Đúng, tôi không có tiền. Thế thì đã sao... Thưa bà, nếu như bà có đứa con trai nằm dưới mộ này, và chồng bà thì keo kiệt không cho bà lấy một xu để mua một nhánh huệ hay một cành vi-ô-lét thì bà sẽ làm thế nào?... Hả...? Bà sẽ làm thế nào?

- Tôi cũng sẽ làm như bà, bà lão ạ. – Thiếu phụ không ngần ngại trả lời.

- Thôi được, nhưng tôi thì tôi phải làm nhiệm vụ của tôi.

Người gác cổng vừa ngả mũ vừa buông tay bà lão và vợ lấy Etienne để biện bạch cho mình.

- Thưa ông, ông thấy thế nào...? Chắc trước kia ông cũng đã ở trong quân ngũ...? Mệnh lệnh là mệnh lệnh, phải không ông? Không phải là tôi riết róng người khác. Nhưng công vụ là công vụ.

- Thôi ông ạ, có ai kêu ca gì đâu. Bà đây và tôi tuần nào cũng đến để thay hoa. Nếu người nào đó tìm thấy trong bó hoa tuần trước những bông hoa còn tươi thì càng tốt chứ sao.

- Vâng... Vâng... – Người gác cổng nói. – Nếu ông bà vui lòng thì mọi người cũng vui lòng cả thôi ạ.

Rồi ông ta quay sang bà lão tội nghiệp.

- Thôi, bà đi được rồi đây.

Etienne cho bà lão ít tiền, và người đàn bà bận đồ đen cũng cho thêm chút ít. Etienne đứng mặc niệm bên mộ vợ như mọi lần. Nhưng cuộc giằng co hồi nãy còn xáo động tâm trí anh, làm anh không thể tĩnh tâm được đến mức sâu lắng như mọi khi. Những hình ảnh quen thuộc mà anh cố gắng nhớ cứ lảng xa đi.

Khi người đàn bà bận đồ đen ra về, anh quả quyết đi theo.

- Cám ơn ông, – chị nói. – May sao lúc nãy ông đến kịp. Dầu sao thì đàn ông cũng có uy tín hơn.

- Tội nghiệp bà lão. Tôi với bà, chúng ta hiểu rõ hơn ai hết lòng thiết tha muốn làm được một cái gì, dù là nhỏ bé, cho người thân yêu.

- Đúng như vậy. Vì người chết mà cũng vì bản thân mình.

- Để giữ mãi cho người chết sống trong mình.

Chị ngạc nhiên nhìn anh, ánh mắt thăm cảm ơn.

- Ông cũng có những cảm giác giống như tôi... vả lại cũng đã từ lâu tôi nhận thấy... lòng tha thiết của ông ở những bông hoa ông chọn. Chắc ông yêu vợ lắm, phải không ông Carlut.

- Bà biết tên tôi?

- Một hôm không có ông ở đây, tôi đã đọc... Bà nhà mất trẻ quá... mới 27 tuổi... Thật là kinh khủng.

- Kinh khủng lắm... Cô ấy thật là hoàn mỹ... đẹp, dịu dàng, và rất có trí thức.

- Thế thì ông cũng giống tôi. Tôi đã mất đi người chồng tốt nhất trên đời. Thật vậy, tôi chưa thấy có người phụ nữ nào lại được yêu nồng nàn và được che chở với cả tấm lòng nhân ái như tôi... Có phần hơi quá... Antoine đã làm tất cả vì tôi và anh ấy mất đi khiến tôi thấy chơi vơi, không nơi nương tựa.

- Ông nhà mất trẻ quá! Tôi thú thật với bà là tôi cũng vì... tò mò và... quý mến bà... nên đã đọc dòng chữ khắc trên mộ ông nhà: 1891-1928. Ông nhà làm sao mà mất đây ạ?

- Bị tai nạn ô tô... Người ta mang anh ấy về bất tỉnh nhân sự... Buổi sáng, khi từ biệt tôi, anh ấy còn tràn trề hạnh phúc... Anh ấy vừa được thăng chức chủ sự.

- Ông nhà là công chức?

- Không... ở một nhà máy hóa chất lớn. Mới 37 tuổi anh ấy đã là nhân vật số ba của xí nghiệp, cứ đà ấy, chả bao lâu nữa mà thành người đứng đầu.

- Ông bà được mấy cháu rồi ạ?

- Đến cả niềm an ủi ấy cũng không, ông ạ.

Họ đi qua cổng, người gác cổng chào họ, vẻ hóm hỉnh.

- Này – ông ta nói với người giúp việc... – Nhìn đôi này... Khéo lại hay đấy nhỉ? Còn gì nữa mà chẳng...

Thứ Năm sau, như đã có một ước định giữa hai người, sau khi viếng mộ, họ lại cùng nhau đi ra cổng. Etienne kể về mình. Anh là giáo sư hạng nhất ở một trường trung học lớn ở Paris. Và đôi khi anh cũng viết. Một tạp chí lớn nào đó đã mời anh làm chân phê bình văn học.

- Lúc vợ tôi mất, tôi đang viết dở một vở kịch. Bây giờ tôi chẳng còn tâm trí đâu mà viết tiếp.
- Ông nên viết. Bà nhà cũng mong như vậy đấy.

Anh như được khích lệ:

- Bà nói đúng, vợ tôi vẫn thường khuyên tôi tiến thân bằng con đường ấy.

Chị cũng nói là mình rất yêu sân khấu. Chị học khá nhiều về văn học. Hai bằng tú tài văn chương, ngoài ra một bằng cử nhân về tiếng Anh.

- Tốt quá! Thế bà không thấy chán khi sống giữa giới thương gia à?

- Không, chừng nào Antoine còn sống. Để vui lòng anh ấy, tôi có thể tiếp chuyện bất cứ ai... Tuy vậy, tôi vẫn thích được cùng anh ấy tiếp xúc với các nghệ sĩ, nhà văn hơn.

Anh hỏi chị đã thăm đài kỷ niệm nhà văn Sainte-Beuve và nhà thơ Baudelaire cũng ở trong nghĩa địa này chưa. Chị trả lời chưa biết và anh đã vui lòng dẫn chị đi thăm. Chị thấy rằng những đài kỷ niệm đó xấu ghê gớm.

- Do thời gian, – anh nói.

Họ cứ đi mãi, chuyện trò sôi nổi, đến nỗi không thấy bầu trời đã trở nên sầm uất và cũng không nghe thấy tiếng sấm ầm ầm báo hiệu cơn giông. Họ ra đến cổng thì mưa cũng bắt đầu nặng hạt.

- Tôi sẽ đi tắc-xi, – chị nói. – Bến xe cũng gần đây.

- Tôi cũng bắt chước bà vậy. Mùa này không chỉ là mưa rào đâu, cả một trận đại hồng thủy đấy.

Họ rảo bước, thế mà quần áo vẫn ướt sũng.

Cả bến chỉ có độc một chiếc tắc-xi.

- Bà lên ngay đi.

- Còn ông?

- Tôi đợi xe khác. Chắc cũng sắp có.

- Đợi trong mưa gió thế này à? Chắc gì đã có xe. Tôi nữ lòng nào bỏ ông lại dọc đường thế này?

- Bà về đâu?

- Nhà tôi. Đại lộ Mozart.

- Thật may! Tôi ở ngay kề bên. Phố La Pompe. Tôi sẽ đưa bà về nhà.

Người nọ nhường người kia, cuối cùng chị ghi cho anh địa chỉ. Nhìn thấy nhau trong cùng một chiếc xe, cả hai đều cảm thấy có gì hơi ngượng ngập. Mỗi người đều cố thu mình vào mỗi góc và không nói một lời nào.

Anh nhớ lại một buổi tối, anh đưa chân một chị bạn dạy cùng trường về nhà và bị Lucile bắt gặp. Chị giận dữ:

- Nếu em không nhìn thấy liệu anh có kể với em không?

- Có chứ... Chị ta bị mệt và cần đến anh. Anh không thể bỏ mặc chị ta được, vả lại chị ta hơn em những hai chục tuổi cơ mà.

- Điều đó chứng minh được cái gì nào? Chị ta trông còn được lắm!

“Em sẽ nói gì, hử Lucile?”, anh thầm nói chuyện với vợ khi xe đi qua ga Montparnasse. “Em sẽ nói gì khi em thấy anh ngồi trong xe với một người đàn bà trẻ, đẹp và... còn sống hẳn hoi?”. Rồi anh nghĩ miên man, “Anh tưởng như em đang ngồi với anh trong xe, ngực em phồng căng làn áo... Anh cảm thấy thật là ngượng khi mọi tình cảm lại trở dậy nơi anh!... Anh cần có em”. Anh thở dài. Người đàn bà mặc đồ đen nhìn anh buồn rầu và cũng thấu hiểu tâm trạng anh.

- Ông thật bất hạnh. Chúng ta là những kẻ bất hạnh!

- Bà sống một mình à?

- Vâng... Không hẳn thế, vì tôi sống với Amélie, bà giúp việc. Bà ấy tốt lắm. Chính bà đã nuôi chồng tôi. Mọi việc trong nhà, bà ấy quán xuyến hết. Còn ông?

- Tôi cũng vậy, một mình. Sáng sáng bà giúp việc của tôi đến và năm giờ chiều đã lại ra đi, để lại cho tôi bữa ăn chiều nguội ngắt.

Anh nói chuyện khó khăn, cố giấu đi những ý nghĩ thực, những tình cảm thực đang trỗi dậy trong con người anh bởi sự có mặt gần gũi đến như vậy của một thân thể phụ nữ. Mưa đã tạnh và ngọn thắp mạ vàng của điện Invalides lại lấp lánh dưới ánh mặt trời.

- Trời đẹp quá! – Anh thốt lên. – Liệu bà có như tôi cũng cảm thấy tủi thân, bởi vì cuộc sống xung quanh thì đẹp vậy, mà...

Chị đáp lại một cách nhiệt thành:

- Tôi không diễn tả nổi, nhưng tôi cảm thấy điều đó.

Anh hỏi:

- Phải chăng lần nào đến nghĩa địa, bà cũng đi tắc-xi?

- Vâng, vì còn bó hoa. Chúng tôi trước cũng có xe riêng, nhưng chỉ có nhà tôi lái thôi.

- Tôi cũng đi tắc-xi, cũng vì một lý do ấy.

Anh lưỡng lự hồi lâu rồi vẫn với giọng rụt rè ấy, anh hỏi nhỏ chị:

- Liệu... Chẳng biết bà có thấy là kỳ quặc không... Tôi và bà đi cùng một đường, lại cùng ngày, tại sao chúng ta lại không thể cùng đi chung một tắc-xi. Tôi sẽ đến đón bà.

- Ông tốt quá... Nhưng tôi không muốn để Amélie... Có trời mà biết được bà ấy sẽ nghĩ gì khi thấy tôi đi với ông.

- Hay là ta làm ngược lại. Bà sẽ đi tắc-xi, và qua đón tôi. Tôi đứng đợi sẵn ở cổng.

- Có lẽ như vậy tốt hơn. Nhưng còn họ... ông nghĩ là hai người sẽ chấp thuận?

- Sao lại không? Chúng ta cùng đi để trang trải cùng một nghĩa vụ của tình thương và tình yêu...

- Ông để tôi suy nghĩ đã. Dù thế nào tôi cũng không để ông phải trả cả tiền xe đâu.

- Chuyện đó chẳng có gì là khó khăn cả. Nếu bà muốn chúng ta sẽ cùng trả.

- Tôi sẽ suy nghĩ thêm nhé. Nhà tôi đây rồi.

Chị tháo găng và đưa tay cho anh bắt. Bàn tay đeo nhẫn với những ngón dài trắng muốt.

Thứ Năm sau, vẫn mỗi người đi một đường nhưng dù không hẹn, khi họ về lại cùng nhau ra bến và cùng lên một tắc-xi. Trên đường đi, chị bảo anh: “Tôi đã nghĩ đến lời mời đầy thiện cảm của ông. Tôi thấy có thể chấp thuận được. Thật vô lý khi hàng tuần mình phải trả tiền hai xe. Và lại có ông ở bên tôi yên tâm hơn. Thứ Năm tới tôi sẽ qua đón ông”.

Và điều đó đã trở thành lệ. Thứ Năm nào cũng vậy, chị ôm hoa đi đến phố La Pompe đón anh, anh đã đứng đợi ở hiên, cũng một bó hoa trên tay.

Xe đỗ lại, và anh lên xe. Hai người quyết định không đi thẳng đến nghĩa địa để mấy người gác không nhìn thấy họ sóng đôi. Xe đỗ trước chỗ rẽ, họ xuống xe và người trước người sau cách nhau một quãng dài, đi vào nghĩa địa, sau khi đã mỉm cười thay lời hò hẹn: “Lát nữa lại gặp nhau”.

Khi đã cùng chung một quãng đường dài, họ tâm sự với nhau đủ điều. Hoa là một trong những chủ đề đầu tiên, cả hai đều thích hoa mùa hè và những bó hoa đồng nội có cắm xen cả những bông lúa mạch. Từ nay họ chăm chú chọn hoa, vì những người xấu số nằm dưới mộ tất nhiên, nhưng cũng vì cả người ngồi bên cạnh.

Do công việc, Etienne phải đọc rất nhiều. Anh cho chị mượn sách và hướng dẫn chị đọc. Khi chị trả sách, anh ngạc nhiên thấy những lập luận của chị rất chuẩn mực. Có lẽ chị có nhận thức

sâu sắc hơn cả Lucile. Ngay lúc nảy sinh ra ý nghĩ đó, anh lại lập tức tự trách mình.

Như ngầm thỏa thuận với nhau, họ ở lại Paris trong dịp hè, họa hoằn mới rời Paris để đi thăm bà con một vài ngày. Ngày giỗ đầu của Lucile được tổ chức vào tháng Bảy. Anh cảm động thấy Gabrielle Constant, nay anh đã được biết tên chị, ngồi ở ngay hàng ghế đầu tiên trong nhà thờ.

- Tôi không thích kiểu giỗ chạp thế này, – chị nói với anh, – nhưng đây là một truyền thống gia đình.

Tháng Tám nóng bức, chị tự cho phép mình mặc đồ tang hai màu trắng và đen.

- Anh Antoine không thích tôi mặc đồ đen. – Chị nói như thể thanh minh.

Một buổi tối, anh mời chị đi ăn ngoài trời ở vùng ngoại ô Paris. Ngồi quanh một chiếc bàn con bị che khuất, họ tâm sự với nhau, lãng quên đi tất cả.

- Anh Antoine rất thích ăn trong rừng Boulogne. Quả thật là rất thú vị. Rừng và Paris xen vào nhau. Thường là đi làm về, anh ấy bất ngờ nói với tôi: “Em cùng vào rừng với anh đi”. Anh ấy quả là một người chồng tuyệt diệu.

- Đối với một phụ nữ như bà thì ông chồng như thế chẳng phải là điều quá khó.

- Tại sao?

- Vì bà có tất cả, sắc đẹp, tâm hồn và một tính cách cao quý.

- Ông đừng quá khen. Ông còn chưa hiểu hết tôi đâu. Nhiều khi tôi cũng làm cho anh Antoine phải khổ sở.

- Thật vậy ư? Tôi không tin.

Chị cười và nói tiếp, nhưng gương mặt lại thoáng vẻ u buồn.

- Có đấy. Tôi nghiệp cho Antoine... Anh ấy có tật hay ghen. Cũng có một đôi khi do tin vào lòng chung thủy của mình, tôi đã chơi với lửa... Anh ấy cầu, tôi cãi lại. Bây giờ tôi ân hận là đã làm anh ấy bức... Nhưng thường là tại anh ấy.

Đột nhiên, lòng đầy ân hận, chị nhìn anh, vừa sợ hãi, vừa tha thiết, van lơn:

- Trời đất, tôi vừa nói gì với ông vậy? Ông hãy quên đi! Đêm nay trời đẹp quá, làm người ta dễ thổ lộ tâm tình, nói cả những điều không nên nói ra... Một buổi tối như thế này... – chị nói với một giọng đầy thất vọng – tôi cần có anh ấy bên tôi biết bao...

Chị quay đi, lấy khăn thấm hai hàng nước mắt giàn giụa.

- Tôi còn trẻ quá, trẻ quá nhưng đời tôi thế là hết rồi. Không một phụ nữ nào lại khổ khổ như tôi.

Anh đặt bàn tay lên vai chị.

- Không, – anh nói, – không phải tất cả đã hết đối với bà... Cuộc đời không hẳn như vậy. Mùa này hết thì mùa kia lại tiếp đến, với những sắc hoa riêng của nó... Buông thả vào những ám ảnh của quá khứ là không khôn ngoan và cũng chẳng tốt lành. Làm như vậy là làm mất đi tính nhân ái của nó. Đúng vậy, những kỷ niệm đẹp để giúp mình sống chứ không cản trở cuộc sống của mình. Kỷ niệm cho ta thêm sức mạnh, chứ không phải làm ta mềm yếu. Bởi vì bà và tôi đều đã trải qua cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, chúng ta biết là có thể có những cuộc hôn nhân hòa hợp... Bà không tin như vậy sao?

Chị để yên tay mình trong tay anh, dõi nhìn anh qua làn nước mắt, rồi chị lắc đầu.

- Không, tôi không tin... Điều buồn nhất không phải là nỗi buồn, mà chính là ta không còn cảm thấy được nó nữa... Tôi đã thề sẽ thủy chung...

- Tôi cũng vậy! – Anh trả lời hơi lên cao giọng. – Còn đau khổ là vẫn còn có tình yêu.

Người phục vụ mang đến bảng các món ăn tráng miệng. Chị chọn dâu ngâm đường và lái câu chuyện về những vấn đề bớt riêng tư hơn.

Hôm sau như thường lệ, khi ra nghĩa trang chị lại qua đón anh. Nhưng suốt dọc đường cả hai đều cảm thấy có chút gì ngượng ngập, e lệ. Ông lái xe không ngớt cầu nhàu về khách qua

đường, về cảnh sát, về thời tiết. Buổi mặc niệm cô đơn của họ dài hơn mọi lần. Khi ra cổng, họ phải đi qua biết bao nấm mộ hoang tàn. Đây đó vương vãi vài mảnh bia mà họ còn đọc được những dòng chữ: *"Tuông nhớ..."*, *"Đời đời nhớ..."*. Chị dừng lại.

- Đây là những nấm mộ không còn ai chăm chút, - anh nói - Khi một nấm mộ không còn gì chăm chút, sau vài năm nó sẽ đổ nát, họ phá đi để lấy chỗ.

- Etienne, - chị nói, lần đầu tiên chị gọi thẳng tên anh - tôi thấy cảnh này buồn lắm. Những kẻ xấu số này chẳng còn ai, chẳng còn ai nhớ đến họ nữa, và một lần nữa họ lại chết.

Anh khoác tay chị, chị nép vào người anh.

Trên xe tắc-xi trở về nhà, họ nói với nhau về quyển sách anh hứa cho chị mượn, và anh ngỏ ý mời chị rẽ qua nhà anh để lấy. Đây là lần đầu tiên kể từ khi quen nhau, chị lên nhà anh. Trên tường, trên bàn làm việc, khắp mọi nơi, chỗ nào cũng thấy ảnh của Lucile.

- Em có thấy cái nhà âm u này bừng sáng lên khi em bước vào không? - Anh hỏi.

Chị đoán là anh sẽ cầu hôn, nhưng chị không muốn điều đó lại xảy ra trong ngôi nhà dành riêng cho kỷ niệm về một người khác.

- Tối nay anh sẽ làm gì? - Chị hỏi.

- Chưa định làm gì. Hay ta cùng đi ăn tối nhé?

Chị gạt đầu, đưa tay cho anh hôn rồi vội vã ra khỏi nhà.

Một mình, chị lang thang ngoài phố mãi mới về nhà.

Bàng hoàng nhưng sung sướng, chị thấy ngạc nhiên vì thấy mình lại thiết tha với cuộc sống.

- Anh Antoine chắc chắn không muốn mình từ bỏ tình yêu ở vào độ tuổi này, - chị nghĩ. - Chắc anh sẽ mong cho mình đi bước nữa... Nếu mình chết trước, mình cũng muốn anh như thế.

Tất cả những điều đó là hoàn toàn đúng. Nhưng vì trước đây chị cứ nhất định ở vậy, nên bây giờ thật là khó mà báo với gia đình, bè bạn một quyết định hoàn toàn trái ngược lại; thời gian chưa phải quá lâu. Rồi Amélie sẽ nói gì? Chắc bà ấy sẽ trách mình. Nhưng mình sống cho mình hay cho người khác? Mình sẽ tổ chức đám cưới thật đơn giản, không âm ỉ, chỉ làm những thủ tục không thể thiếu được. Chị tưởng tượng ra cái áo mình sẽ mặc hôm đó, một cái áo màu xanh cổ trắng cao và một chiếc thắt lưng màu trắng thật hài hòa.

Myrrhine

Các nhà văn ưu tú nhất của thế hệ chúng ta đều hâm mộ Christian Ménétrier. Ông có nhiều kẻ thù, bởi vì sự thành công bao giờ cũng gây ra lắm kẻ ganh ghét, và cũng bởi vì Ménétrier thành công quá muộn màng, vào lúc mà cánh đồng sự và giới phê bình đã quen coi ông như một thi sĩ của trường phái thần bí, đáng kính nhưng không làm ta vừa lòng, điều đó làm cho lòng hâm mộ sự nghiệp của ông trở thành một tình cảm cao thượng và vô hại. Vợ ông, Claire Ménétrier, một người đàn bà đầy tham vọng, sôi nổi và hoạt bát, năm 1927 đã “lãng-xê” ông bằng cách quyết định cho nhạc sĩ Jean-François Montel dựng một vở kịch trữ tình chuyển thể từ tác phẩm “Merlin và Viviane”, nhưng phải nói là chính nhờ nghệ sĩ Léon Laurent mà Christian đổi đời thành một kịch tác gia viết những vở kịch có thể diễn được và thực tế đã diễn được. Câu chuyện này ít người được biết đến và có lẽ sẽ rất thú vị, nếu tôi kể lại bởi nó sẽ soi sáng một số mặt nào đó còn ít được nghiên cứu, của trí tưởng tượng sáng tạo.

Léon Laurent có một vai trò rất xứng đáng trong cuộc hồi sinh của nền sân khấu Pháp giữa hai cuộc chiến. Mới gặp lần đầu, trông ông không có vẻ “nghệ sĩ” một chút nào. Không bao giờ tự thỏa mãn, luôn sẵn sàng đặt hết tâm trí vào một kiệt tác, ông hiến mình cho sân khấu y như một con chiên hiến mình cho đạo. Ông có vốn kiến thức đáng kinh ngạc. Không những ông nắm chắc tất cả những gì mình yêu thích, mà còn hiểu biết được cả những gì khó khăn nhất, ít gặp nhất. Lần đầu tiên lãnh đạo nhóm của mình, ông đã dũng cảm dàn dựng vở “*Prometheus bị xiềng*” của Aeschylus[56], “*Những người tế thần rượu*” của Euripide[57] và vở “*Bão táp*” của Shakespeare. Vai Prospero của ông và vai Ariel của Hélène Messière trong vở “*Bão táp*” là một trong những kỷ niệm tươi sáng nhất của nhiều người trong chúng ta. Vào cái thời mà sân khấu hài kịch Pháp vẫn đang còn mê ngủ để chờ được Edouard Bourdet[58] đánh thức, thì ông bằng cả tài diễn xuất lẫn tài đạo diễn, đã làm sống dậy Molière, Musset, Marivaux[59]. Và giữa các nhà văn của thời chúng ta, ông đã phát hiện được những người xứng đáng kế tục truyền thống tốt đẹp của nền kịch thơ. Ông đã đóng góp cho nền văn học bi kịch Pháp một trường phái và một đội ngũ diễn viên riêng của mình.

Tôi đã nói ở trên là mới gặp lần đầu, người ta không cho ông là nghệ sĩ sân khấu. Đúng vậy, giọng nói, kiểu cách, ngôn ngữ của ông khiến ta có cảm giác ông là một giáo sư trẻ, hoặc giả là một bác sĩ. Nhưng ấn tượng này rất ngắn ngủi. Chỉ cần xem ông diễn trong năm phút cũng đủ để nhận thấy ở ông một kịch sĩ lớn, có khả năng thủ nhiều vai đến mức không thể tin được, trang trọng trong vai Auguste của vở *Cinna*, hết sức vui nhộn trong vai mục sư của “*Không nên phán xét điều gì*” và nửa bi nửa hài trong vai Basile của vở “*Ảnh thợ cạo của thành Séville*”.

Christian Ménétrier rất hâm mộ Léon Laurent và đã xem tất cả các vai ông đóng, nhưng nếu Claire Ménétrier không xen vào thì có lẽ hai người không bao giờ tiếp xúc được với nhau, bởi cả hai đều rụt rè, Claire cũng ngưỡng mộ như chồng đối với nghệ thuật của Léon Laurent. Bà muốn Christian làm kịch, và đã suy nghĩ một cách rất đúng rằng chỉ có một nghệ sĩ thực sự có kiến thức mới thúc đẩy được Christian đi vào con đường ấy. Thế là bà ráo riết tìm cách kết thân với Léon Laurent và đã thành công. Với nước da trắng xanh, đôi mắt màu lam thạch, Claire trông rất đẹp, mà với Léon Laurent, vẻ đẹp phụ nữ bao giờ cũng làm ông rung động, vả lại, vừa mới quen nhau, hai người đàn ông đã có thể “dàm đạo về sân khấu” không biết chán, về khoản này thì Christian có rất nhiều ý kiến, mà hầu hết là trùng hợp với ý kiến của nhà diễn viên kiêm đạo diễn kia.

- Cái nhằm lẫn lộn của các nhà hiện thực, – Christian tuyên bố, – là ở chỗ họ muốn sử dụng trên sân khấu ngôn ngữ hàng ngày. Công chúng đến nhà hát không phải là để nghe cái đó... Đừng bao giờ quên rằng bởi nguồn kịch là một nghi lễ, mà trong đó, đám tùy tùng, lối ra vào, dàn đồng ca chiếm một vị trí không nhỏ... Và ngay cả trong hài kịch cũng vậy... Người ta nói là Molière đã từng quan sát ngôn ngữ của phu khuân vác ở cảng Pont-au-Change[60]. Cũng có thể, mà thậm chí chắc chắn là như vậy, song Molière quan sát thứ ngôn ngữ ấy là để cách điệu nó.

- Đồng ý, – Léon Laurent đáp. – Hoàn toàn đồng ý. Và chính vì lẽ đó, anh Ménétrier ạ, tôi muốn anh làm kịch. Các ca khúc trữ tình của anh, những hình tượng hiếm có... Tất cả những cái ấy, bất kể bề ngoài thế nào, đối với người nghệ sĩ, là một chất liệu cực kỳ. Anh hãy tạo cho

chúng tôi những bức tượng, chúng tôi sẽ làm cho chúng sống dậy.

Léon Laurent nói những câu ngắn gọn, bằng một giọng rất vang:

- Tôi mà diễn kịch à? – Christian nói.

- Không, ông bạn ơi, không... Anh chỉ viết các bài thơ ở dạng đối thoại thôi, anh chỉ đóng kịch trong chiếc ghế bành[61] của anh thôi, chứ không phải đối với công chúng đâu.

- Là hỏi vì các anh có diễn của tôi bao giờ đâu.

- Nói cho đúng hơn là anh chẳng bao giờ tìm cách để được diễn... Đến bây giờ mà anh chẳng để ý gì đến sự cần thiết của sân khấu. Vậy mà kịch lại chính là chỗ đó... Anh cứ viết cho tôi một vở... Đúng vậy, viết cho tôi, anh bạn thân mến à, cho chính tôi đây này... Rồi anh sẽ được xem những buổi diễn tập... Đây là một trường học... Ở trong anh vẫn còn (mà theo ý tôi đó là khiếm khuyết duy nhất của anh) một dạng quá khích của chủ nghĩa tượng trưng... Rồi xem, khi một tác phẩm của anh được công diễn, chính anh sẽ thấy khác hẳn. Sân khấu đối với tác giả cũng như đĩa hát đối với diễn giả vậy, nó sẽ cho anh nghe lại chính giọng của anh. Họ sẽ thấy những chỗ sai sót để chữa lại.

- Tôi vẫn nhắc đi nhắc lại với anh ấy, như thế đấy. – Claire xen vào. – Anh ấy sinh ra là để cho sân khấu.

- Tôi cũng chẳng biết nữa. – Christian đáp.

- Thì ít nhất anh cứ thử một lần. Tôi nói lại với anh một lần nữa nhé: Anh hãy viết cho tôi một vở.

- Nhưng về đề tài gì?

- Anh có hàng trăm đề tài. – Léon Laurent trả lời. – Có phải không nào? Lần nào tôi ngồi nói với anh, anh cũng kể cho tôi nghe một hồi, mà hầu như lần nào cũng rất tuyệt. Đề tài à, anh chỉ cần ngồi vào bàn, cầm bút viết tất cả những gì anh đã kể cho tôi... Vả lại, cũng đơn giản thôi... Tôi hứa sẽ diễn bất cứ cái gì anh đem cho tôi, không so kè gì cả.

Christian thoáng một chút mơ màng.

- Được thôi, tôi có thể có một cái ý. Anh đã biết trong lúc này, sự đe dọa chiến tranh làm cho tôi xáo động thế nào, tôi đã cố gắng một cách vô ích bao nhiêu để làm cho người Pháp chú ý đến những âm mưu quá rõ ràng của lũ điên đang cai trị tại nước Đức...

- Tôi đã đọc các bài của anh trên báo Le Figaro. – Léon Laurent nói. – Tôi thấy rất hay và bổ ích... Chỉ có điều sân khấu đã quá thời sự, anh biết đấy.

-Ồ, không! Tôi không định viết kịch thời sự đâu. Tôi nghĩ đến một sự chuyển đổi. Anh có nhớ thái độ của người dân Athens[62] khi Philip, vua xứ Macedonia[63] lên tiếng đòi khoảng không gian sinh tồn của ông ta và rồi lần lượt chiếm các thành trì của Hy Lạp không? Lúc bấy giờ Demosthenes[64] đã cảnh cáo họ: “Hãy coi chừng, nếu các anh không đến cứu nước Tiệp, thì rồi sẽ đến lượt các anh sẽ bị ăn sống nuốt tươi. Nhưng người Athens vốn nhẹ dạ quá, mà Philip thì đã có sẵn cả đội quân thứ Năm... Demosthenes thất bại... Rồi một ngày kia đến lượt thành Athens. Đó sẽ là hồi hai...

- Tuyệt vời! – Léon Laurent phấn khởi thốt lên. – Có thể chứ! Đó là đề tài của chúng ta. Vào việc ngay lập tức đi thôi.

- Khoan đã nào, – Christian ngăn lại. – Tôi còn cần phải xem lại một số điều. Song tôi thấy anh mà đóng Demosthenes thì tuyệt. Chắc là anh sẽ thủ vai này chứ?

- Tất nhiên.

Claire say mê ngồi nghe hai người thảo luận đến tận năm giờ sáng. Khi họ chia tay nhau, các màn chính của vở kịch đã được sắp đặt đâu vào đấy. Thậm chí Christian đã nghĩ ra cả đoạn kết của vở kịch. Sau một loạt tình tiết bất ngờ, cái chết của Philip như một phép lạ đã cứu sống người Athens. Nhưng Demosthenes không tin vào phép lạ đó có thể dài lâu và cũng không tin rằng Athens có thể được cứu thoát bằng một cái gì khác ngoài ý chí, lòng dũng cảm và tính kiên định của người dân. “Phải... – ông ta thốt lên. – Ta biết rõ... Philip đã chết... Nhưng con trai của

Philip tên là gì nhỉ?”. Có tiếng trả lời: Alexander.

- Hay lắm, thật là tuyệt diệu! – Léon Laurent kêu lên. – Tôi đã thấy rõ là tôi phải nói như thế nào... Ménétrier, nếu anh không hoàn thành vở kịch này trong vòng một tháng thì anh không xứng đáng với sân khấu đâu.

Một tháng sau, vở kịch đã hoàn tất. Ngày nay chúng ta đều biết là vở kịch đã minh chứng cho những hy vọng của Claire và Laurent. Tuy nhiên, khi Laurent sau khi đã đắc thắng đọc xong bản thảo, đến tìm gặp Ménétrier để thống nhất việc phân vai, ngày tháng và cách thức tập dượt, ông ta có vẻ buồn phiền và ngần ngại. Christian vốn rất nhạy cảm như mọi nghệ sĩ khác đối với tác phẩm của mình, nhận thấy rằng nhà nghệ sĩ không hoàn toàn thỏa mãn.

Sau khi Léon Laurent ra về, Ménétrier nói với Claire:

- Anh ấy có thể không vui... Tại sao vậy? Anh ấy không nói điều đó với anh. Quả thực là anh ấy không nói với anh một điều gì... Những cái đó thật khó lường... Không phải là anh ấy không thích vở kịch. Anh ấy đã nói với anh về vai của anh ấy và cảnh ở Hội đồng một cách hào hứng, không thể nhầm lẫn được... Nhưng hình như vẫn còn có điều gì uẩn khúc... Điều gì vậy? Anh không thể hiểu nổi.

Claire cười:

- Christian, – bà nói, – anh là một thiên tài mà em hết lòng ngưỡng mộ. Nhưng về những quan hệ sơ đẳng giữa người với người thì anh lại còn ngây thơ một cách thú vị... Chẳng cần nhìn mặt Laurent, em cũng bảo đảm với anh là em biết chắc có chuyện gì xảy ra.

- Chuyện gì vậy?

- Đúng hơn là nên nói: “Không có chuyện gì vậy?... Còn thiếu gì?... Cái mà trong vở kịch của anh còn thiếu, anh thân yêu ạ, đó là một vai cho Hélène Messière...”. Anh có công nhận là em đã nói trước với anh về điều đó rồi không?

Christian tỏ vẻ sốt ruột:

- Làm thế nào để có thể có vai cho Messière được? Cô ta là một diễn viên hài kịch rất đáng khâm phục, rất tuyệt trong những vở của Musset hay của Marivaux, nhưng cô ta sẽ làm gì được trong một vở bi kịch chính trị?

- Ôi, anh thân yêu! Anh đi quá xa rồi đấy! Vấn đề là không cần biết Hélène sẽ làm gì trong một vở bi kịch chính trị, mà chỉ đơn giản cần biết xem Léon Laurent sẽ làm thế nào để được yên lành với người yêu của anh ta.

- Hélène Messière là người yêu của Léon Laurent?

- Anh từ trên cung trăng xuống sao? Họ đã chung sống với nhau bốn năm nay rồi.

- Làm sao mà anh biết được? Mà chuyện ấy thì có liên quan gì đến vở kịch của anh? Em nghĩ là Laurent muốn...

- Em không nghĩ, mà em tin chắc, – Claire nói, – là Laurent muốn và sẽ đòi, khi cần thiết, một vai cho Messière. Em xin nói thêm là muốn làm anh ta hài lòng cũng chẳng có gì khó... Nếu anh thêm một nhân vật...

- Không đòi nào... Như thế sẽ phá hủy hoàn toàn sự cân đối trong vở kịch của anh!

- Thôi được rồi, chúng ta sẽ bàn lại sau...

Mà quả thật, họ đã phải bàn lại chuyện đó khi Laurent ngày càng tỏ ra ngại ngùng và khó chịu, đưa ra hàng loạt khó khăn về diễn xuất, về giao kèo, về các đợt đi biểu diễn sắp tới.

Bây giờ vở kịch đã viết xong, đến lượt Christian sốt ruột muốn xem trình diễn, cũng trở nên lo ngại và cáu gắt.

- Anh thân yêu! Anh hãy nghe em! – Claire bảo Christian. – Hôm nào anh hãy để em một mình với Laurent. Với em, anh ấy mới dám nói những gì đang giằng vò trong lòng và em hứa với anh là em sẽ dàn xếp ổn thỏa... Tất nhiên với điều kiện là anh sẽ viết thêm một vai nữa.

- Nhưng bằng cách nào? Anh không thể làm thay đổi một công trình đang trên đường trở thành một tác phẩm nghệ thuật, chỉ vì...

- Ô, Christian... dễ thôi mà, vì anh rất giàu trí tưởng tượng... Chẳng hạn như ở hồi người Macedonia tổ chức đội quân thứ Năm, tại sao họ lại không sử dụng một người đàn bà thông minh, bạn của những người Athens có thể lực, các chủ nhà băng, các nhà chính khách... Nhân vật của anh đó chứ đâu... và rất dễ dàng được chấp thuận.

- Cũng có thể... Và thậm chí còn có thể... Đúng rồi... em nói có lý đấy, sẽ rất thú vị khi ta nêu lên rằng các thủ đoạn tuyên truyền rở tai cũng lâu đời như xã hội loài người...

Claire biết rõ rằng những hạt giống gieo trong đầu Christian đã nảy mầm. Bà đến gặp Laurent, và buổi nói chuyện đã kết thúc thắng lợi.

- Chà, ý đó thật là tuyệt, – Laurent thở phào nói. – Chị biết đấy, tôi không dám nói điều đó với chồng chị, người rất nghiêm túc với các tác phẩm của mình, nhưng một vở kịch không có vai phụ nữ thì công chúng khó có thể chấp nhận được... Ngay cả Shakespeare trong vở *Julius Caesar* cũng vậy... Corneille^[65] đã viết thêm vai Sabine cho vở *Horace* và Racine^[66] thì thêm vai Aricie, vào thần thoại *Phèdre*... Và tôi cũng phải thú nhận với chị tất cả sự thực là tôi không muốn dựng một vở kịch mà trong đó không có Hélène... Không... Cô ta còn rất trẻ. Cô ta quyến rũ; nhưng cô ta thích nhảy, cô ta sợ hãi khi phải ở một mình... Nếu tôi để cô ta một mình vào tất cả các buổi tối, cô ta sẽ đi với những người đàn ông khác và tôi xin thú thực là điều đó làm tôi lo ngại... Nhưng nếu chồng chị chịu viết thêm cho cô ấy một vai phụ thôi, tất cả sẽ được thay đổi. Chỉ tám ngày sau đó vở kịch sẽ được đưa vào tập dượt.

Và thế là nhân vật Myrrhine ra đời. Khi viết vai này Christian luôn nghĩ đến các nhân vật nữ của Aristophanes, trắng trợn nhưng thông thái và các bà đa tình của Marivaux một thuở đã đem lại thành công cho Hélène Messière trong những buổi trình diễn đầu tiên của cô.

Sản phẩm của sự pha trộn trái ngược này, bản thân tác giả cũng không ngờ tới, lại rất độc đáo và hấp dẫn. “Một nhân vật vàng!” – Laurent trầm trồ. Claire mời Hélène tới dự bữa cơm tối tại nhà họ, để Ménétrier có dịp đọc cho cô ta nghe vai mới. Đây là một phụ nữ đầy vẻ quyến rũ, người nhỏ nhắn với hàng mi dài sụp xuống, thận trọng khôn khéo như một con mèo cái, nói ít và không bao giờ nói điều gì sơ suất. Christian rất vừa lòng.

- Được đấy, – ông nói, – cái nhân vật ngây thơ mà chẳng ngây thơ này sẽ làm nên cả một đội quân thứ Năm nguy hiểm và có vẻ như thật đấy.

- Cô ta không làm anh quá vừa lòng đấy chứ?

- Ô không, vả lại, cô ta chẳng đã yêu Laurent rồi đó sao? Anh ấy không những là người yêu của cô ta mà còn là người đã sáng tạo ra cô ta. Anh ấy làm nên cô ta. Không có anh ấy thì cô ta chẳng là gì cả.

- Christian, anh có cho rằng do ý thức được món nợ mà cô ta sẽ tỏ ra ân yếm hơn không? Em, một người vốn ghét đàn bà, em chờ đợi một cái khác, một thứ cảm hờn vô ý thức... Nhưng điều đó có gì quan trọng với anh đâu? Messière thích vai này. Mọi việc rồi sẽ ổn.

Quả thực, mọi việc trôi chảy trong tám ngày đầu.

Nhưng rồi Laurent lại trở nên lảm lì.

- Có chuyện gì nữa đấy? – Christian băn khoăn.

- Lần này em cũng chịu... Nhưng rồi em sẽ biết... – Claire quả quyết.

Quả thật Laurent đã không đợi người ta mời mới nói rõ về cái khó khăn mới này.

- Thế này nhé. Vai này tuyệt lắm. Hélène rất mê. Có điều... Anh chị hiểu rồi đấy, chúng tôi sống cùng nhau, cùng đi một tắc-xi đến nhà hát, nếu trái lại thì rất vô lý... Nếu Hélène chỉ xuất hiện ở hồi hai, thì cô ta sẽ làm gì ở lô của mình, trong cả một tiếng đồng hồ... Hoặc cô ta sẽ buồn chán, như thế cô ta chẳng bao giờ chịu đựng được lâu, hoặc cô ta sẽ kéo đến hàng lô khách, lúc ấy, tôi biết rõ tôi lắm... Vai của tôi sẽ bị ảnh hưởng. Chưa kể trái tim tôi... Nhưng trái tim thì chẳng liên quan gì đến Ménétrier trong khi vai của tôi...

- Tóm lại, – Claire cắt lời... – Anh muốn rằng Myrrhine phải xuất hiện ngay từ đầu chứ gì?

- Không ai có thể giấu được chị điều gì, chị Claire ạ.

Khi nghe vợ truyền đạt lại kết quả của cuộc điều tra mới này, Ménétrier thoát đầu kêu lên: “Chưa bao giờ lại có việc ép buộc nhà văn làm việc theo kiểu này”, Claire hiểu rõ cơ chế tinh thần của chồng mình, trước hết là phải làm ông bình tâm trở lại.

- Nhưng Christian này, tất cả các kịch tác gia khác đều làm việc như thế đấy chứ! Anh biết rõ rằng Shakespeare bao giờ cũng căn cứ vào hình thể của diễn viên, còn Racine thì sáng tác cho Champmeslé^[67]. Chính bà Sévigné^[68] đã nói như thế.

- Bà ấy ghét Racine.

- Bà ấy hiểu Racine rất rõ.

Myrrhine lại được đưa lên hồi nhất. Không cần phải nói cũng biết là vấn đề xe tắc-xi, nếu đã rất quan trọng đối với việc đến nhà hát của cặp tình nhân, thì cũng không kém phần quan trọng với việc trở về của họ, và như thế trong bản thảo cuối cùng, Myrrhine cũng phải có mặt trong hồi ba. Đến đây, một lần nữa, Claire phải can thiệp.

- Christian, tại sao sau khi thất bại, Myrrhine lại không trở thành đức hạnh và yêu nước. Anh hãy đặt cô ta vào giữa những người kháng chiến. Và biến cô ta thành người yêu của Demosthenes.

- Claire ạ, anh nói thật nhé, nếu cứ nghe em, anh sẽ rơi vào thói đa cảm kiểu Hollywood mất! ... Thôi đủ rồi, anh sẽ không viết thêm một dòng nào nữa.

- Sao anh lại nghĩ rằng việc một người đàn bà hư hỏng cũng là một người yêu nước là tầm thường và không có thực. Chuyện đó thường hay xảy ra trong cuộc sống. Nàng Castiglione đã chinh phục Napoléon đệ tam vì tình yêu của mình đối với sự thống nhất nước Ý... Chỉ cần viết đoạn Myrrhine đổi thay tính cách sao cho tinh tế và thật bất ngờ... Anh có thể làm được việc ấy hơn ai hết... Dĩ nhiên, nói biến cô ta thành nhân tình của Demosthenes chỉ là đùa cho vui thôi.

- Sao lại đùa? Em xem một số nhân vật thời kỳ cách mạng Pháp đấy.

Hoàn toàn yên tâm, Claire đã dàn hòa được với Laurent và nhân vật Myrrhine viết thêm trở thành một trong những vai quan trọng nhất của vở kịch. Rồi ngày tổng duyệt đã đến. Vở kịch thành công rực rỡ. Cả Paris ngưỡng mộ Hélène Messière như Laurent đang ngưỡng mộ cô. Công chúng ngẫm chia sẻ những lo âu chính trị với Ménétrier, và vô tình cũng mong muốn một nền sân khấu dân tộc theo đường hướng mà trước kia Aeschylus viết vở “Những người Ba Tư”, và nhiệt liệt hoan nghênh tác giả. Cánh phê bình tán tụng sự khéo léo trong việc chuyển một đề tài cổ đại sang đề tài hiện đại mà không bị rơi vào sự suy diễn thô thiển. Ngay cả Fabert, một người luôn luôn khắt khe với đồng nghiệp, cũng phải khen với Claire.

- Hẳn là chị đã có nhúng tay vào cái cô Myrrhine này rồi, – ông ta nói với một vẻ duyên dáng không ngờ. – Bởi vì còn có thể nói vào đâu được nữa. Đó là một người đàn bà, một người đàn bà thực thụ... Trí tưởng tượng của ông chồng khắt khổ của chị không bao giờ tạo ra được nhân vật này... Chị hãy thẳng thắn mà nói đi xem nào, ông Christian của chị vốn có biết gì nhiều về phụ nữ đâu.

- Tôi rất sung sướng thấy anh yêu thích vai đó, – Claire trả lời. – Nhưng tôi không dự gì vào đấy.

Ngày hôm sau, trên bài báo chuyên mục của mình Robert Kemp chỉ viết về Myrrhine. Ông viết: “Từ nay về sau, người ta sẽ nói tới Myrrhine như nói tới Agnès hay Célimène^[69]”. Claire hạnh phúc khôn xiết khi đọc bài báo qua vai chồng, đã phải khe khẽ thốt lên:

- Và phải nói thêm rằng không có chuyện xe tắc-xi thì cũng chẳng bao giờ có Myrrhine.

Phần còn lại thuộc về lịch sử văn học. Người ta biết rằng vở Philip đã được dịch ra tất cả các thứ tiếng, và được dùng như một mẫu mực cho nền sân khấu mới của Pháp. Điều mà dân chúng không được biết, đó là năm ngoái, Hélène Messière đã bỏ Léon Laurent để lấy một đạo diễn Hollywood, và Léon Laurent đã gợi ý cho Claire, lúc ấy vẫn trông coi các tác phẩm của Ménétrier từ khi ông mất, là xóa bỏ nhân vật Myrrhine. Ông ta nói với bà:

- Rốt cuộc, chị và tôi, chúng ta đều biết rằng vai này không phải vai chủ chốt của vở kịch, và không xuất hiện từ lần soạn thảo đầu tiên, tại sao lại không lấy lại bản thảo này nhỉ?... Điều đó

sẽ làm cho vai Demosthenes có một vẻ sắt đá, như thế tôi thích hơn... Và tôi không phải mất công tìm kiếm một Myrrhine mới... Và rồi chúng ta sẽ tiết kiệm được một diễn viên trẻ cùng với dấu ấn của cô ta.

Nhưng Claire phản đối, nhẹ nhàng nhưng cương quyết:

- Kìa Laurent, anh sẽ tạo ra một Myrrhine mới chẳng khó khăn gì... Anh biết cách làm việc đó... Còn về tôi, tôi không cho phép ai được đụng đến vở kịch của chồng tôi... Không nên chia tách cái gì mà Christian đã liên kết lại.

Và thế là Myrrhine, con đẻ của thiên tài và sự cần thiết, vẫn tiếp tục sự tồn tại oanh liệt của mình.

Danh dự

- Những người đàn ông, - bà ấy nói, - có một thứ ý thức về danh dự mà tôi rất coi trọng, nhưng đôi khi cũng thật khó hiểu.

Hồi mới lấy nhau, Jacques giới thiệu với tôi Bernard, coi như một người bạn tốt nhất của anh. Thoạt đầu tôi thấy anh thô bạo, hay gây gổ, và vì thế tôi chẳng thích. Phải nhiều tuần lễ sau tôi mới quen được với con người ấy. Từ đó, chúng tôi trở nên thân tình và tôi coi anh như một người anh. Một buổi tối, ba người cùng đi chơi trên một chiếc xe hơi, anh ngồi ép sát vào tôi khá lâu, và tôi hiểu rằng trong việc đó, cả hai chúng tôi đều cảm thấy dễ chịu. Từ đó trở đi, thái độ của anh đối với tôi thay đổi hẳn. Anh tỏ ra âu yếm, ân cần, rồi tiếp đó là sự cầu xin.

Tôi không làm gì, nói gì để anh có thể nghĩ rằng tôi yêu anh. Chừng nào còn có thể được, tôi còn giả vờ coi như một sự âu yếm có tính chất bạn bè, đối với những tình cảm nồng nhiệt được anh bày tỏ hết sức mạnh mẽ. Rồi một lần chồng tôi đi vắng, tối nào anh cũng đến thăm tôi. Anh nói rằng anh đau khổ biết bao, rằng tôi là người đàn bà đầu tiên anh thực sự yêu, rằng anh luôn luôn nghĩ đến chuyện tự tử, mà có thể một hôm nào đấy ra khỏi nhà tôi, anh sẽ đâm đầu xuống sông Seine. Vẻ buồn bã và nghiêm túc của anh làm tôi đâm thương hại. Thế là tôi trở thành người tình của anh. Cho tới lúc đó, tôi vẫn chưa yêu anh. Nhưng từ khi trở thành người tình, tôi gắn bó với anh.

Nửa tháng sau chồng tôi trở về. Chính tôi cũng cảm thấy ngạc nhiên cho sự táo toan của mình, khi tôi bình thản nói với anh về cuộc sống của mình trong những ngày anh đi vắng. Chồng tôi không hề nghi ngờ về mọi chuyện có thể vẫn tốt đẹp, nếu vào lúc đó Bernard không tỏ ra ngần ngại. Anh bảo tôi rằng anh tự thấy ghê tởm mình, rằng anh đã phản bội, rằng anh không thể cứ sống như vậy, và sau hết là danh dự của anh không cho phép anh bắt tay chồng tôi, chừng nào anh vẫn còn là người tình của tôi. Tôi bảo anh đừng gặp chồng tôi nữa; anh trả lời rằng anh không thể làm như vậy được, rằng sự tan vỡ trong quan hệ giữa hai người sẽ chứng tỏ rõ ràng nhất về sự dạn dít của chúng tôi, và hơn nữa, danh dự của anh sẽ chẳng thể nào yên ổn nhờ có một mưu gian. Anh nói với tôi rằng anh mong muốn lại được là bạn của tôi như ngày trước và quên đi những gì đã có giữa hai người. Tôi khâm phục thái độ của anh và trong một vài ngày sau đó, tôi cảm thấy dễ chịu khi nghĩ rằng người tình của mình là một con người cao thượng, một anh hùng trong tình bạn. Tôi không mấy may nghĩ rằng sự ngần ngại của anh lại sẽ có thể kéo dài. Tôi tưởng rằng một khi có dịp nào đó mà hai người được gần nhau, anh sẽ không thể nào cưỡng nổi sự thèm muốn được ôm tôi vào lòng, và về phía mình, tôi quyết định cứ tiếp tục mối quan hệ ấy. Nhưng nhiều tuần lễ trôi qua, tôi đã nhận ra rằng Bernard vẫn trung thành với quyết định của mình và anh tránh không đến nhà tôi khi anh chưa hoàn toàn tin chắc là chồng tôi đã có mặt ở nhà.

Có vẻ như lương tâm anh sẽ bớt cắn rứt nếu tự tôi sắp xếp một cuộc gặp gỡ. Jacques, vốn rất tin tôi, đồng ý để tôi một mình đi nghỉ vài hôm ngoài bãi biển, và tôi đã yêu cầu Bernard đến đó gặp tôi. Anh viết cho tôi một bức thư cao thượng nhưng đầy giọng trách cứ. Anh nói rằng chớ nên làm mất đi lòng can đảm. Sự hy sinh là quá nặng nề, cho nên đến lượt anh, anh đòi hỏi tôi phải can đảm và giữ gìn.

Tôi trở về nhà khổ sở đến mức chồng tôi chỉ nhìn vẻ mặt thảm hại của tôi, cũng đã hiểu ngay lập tức rằng đã có một sự đau buồn đang vò xé lòng tôi. Tôi khóc suốt ngày đêm, tôi phát ốm, tôi đòi mua cho tôi một khẩu súng lục. Jacques rất khôn khéo, cho nên cuối cùng tôi đã thú nhận với anh tất cả và xin anh cho tôi được ly dị.

Thoạt đầu, cơn giận dữ và nỗi tuyệt vọng của anh ấy thật là khủng khiếp. Nhưng sau khi đã tìm mọi cách để can vãn tôi và biết chắc rằng Bernard không còn gặp tôi nữa, anh ấy tự chế ngự được nỗi đau của mình để chỉ còn nghĩ đến tôi. Anh ấy bảo tôi rằng anh ấy sẽ nói chuyện với Bernard, nếu Bernard muốn được chung sống với tôi, anh ấy sẽ lánh đi, rằng anh ấy không phải là hạng đàn ông khư khư níu lấy một người đàn bà bất chấp ý muốn của họ. Tóm lại, cách đối xử và lời lẽ của anh ấy là hết thảy những gì cần có của những tâm hồn tinh tế và khắt khe nhất.

Dĩ nhiên tôi không có mặt trong cuộc trò chuyện giữa hai người, nhưng qua lời Jacques kể lại và qua một bức thư của Bernard, tôi biết rằng cuộc nói chuyện diễn ra rất đẹp và hoàn toàn xuôi lọt, đúng như chồng tôi nói: “dựa trên một lập trường cao cả”, cả hai đều xin được hy sinh và ra đi, không phải đi tự tử, bởi vì họ đều nghĩ rằng một người đàn ông, dù tuyệt vọng đến đâu đi nữa, vẫn có thể hiến dâng cuộc đời mình cho một sự nghiệp cao cả và có ích, mà họ ra đi để rời xa nước Pháp một thời gian, lâu mau là tùy theo mức độ cần thiết. Sau một cuộc đấu tranh vô tư khá dài, họ đi đến nhất trí rằng tốt nhất là tôi cứ ở lại với chồng tôi. Vậy là Bernard phải ra đi.

Sau đó tôi được biết rằng, do thỏa thuận với Jacques, Bernard đã từ bỏ việc đi khỏi Paris. Chỉ có điều là anh luôn luôn tránh mặt tôi. Cho dù có lòng tốt của Jacques, tôi vẫn cảm thấy mình bất hạnh, và đôi khi tôi nghĩ rằng thà mình gặp được những người đàn ông chẳng phải là hảo hán mà lại thích hơn. Lại có lúc tôi tự bảo: kể cũng thật là bất công. Bởi vì chính Bernard đã đẩy tôi đi từ tình bạn đến tình yêu trong khi mà tâm hồn tôi đang bình lặng. Tôi biết rõ ràng người đàn ông không phải bất cứ lúc nào cũng nhớ tới danh dự nhưng khi họ nhớ tới quá muộn, hoặc giả họ chỉ nhớ từng lúc, thì quả thật đáng buồn cho người đàn bà.

Hội chợ Neuilly[70]

Bonnivet hơn tôi chừng năm hoặc sáu tuổi, – Maufras nói, – nhưng ông ta thành đạt rất nhanh chóng và chói lọi trên con đường công danh, nên tôi coi ông ta như một người chủ hơn là một người bạn. Tôi chịu ơn ông ta nhiều lắm. Ông là người đã gọi tôi đến làm việc tại văn phòng của mình khi ông ta trở thành Bộ trưởng Bộ Công chính, rồi cũng chính ông ta, khi mà Bộ Công chính giải thể đã khéo léo “xếp” tôi vào tòa Thị chính.

Khi trở lại chính quyền, ông ấy sang nắm chức Bộ trưởng Bộ Pháp quốc Hải ngoại. Hồi đó tôi đã có một chỗ để chịu ở Paris rồi, nên cứ xin ông ấy để cho tôi được ở lại đó. Chúng tôi vẫn quan hệ rất thân thiện và hai gia đình thường vẫn mời nhau đến ăn cơm. Nelly Bonnavet là một phụ nữ trạc tuổi bốn mươi, còn xinh đẹp, được chồng hết lòng sủng ái và là một Bộ trưởng phụ nhân thật không chê vào đâu được. Tôi đã lấy vợ được mười năm nay, và ông biết đấy, Madeleine và tôi sống với nhau thật hạnh phúc.

Đầu tháng Năm; nhà Bonnavet mời chúng tôi đi ăn bữa tối tại một khách sạn trong Rừng[71]. Chúng tôi có sáu người, buổi tối đó thật là vui vẻ. Mãi đến nửa đêm vẫn chưa muốn chia tay. Bonnavet ngỏ ý nên đi xem hội chợ Neuilly. Khi còn nắm quyền, ông ấy vẫn thường thích đóng vai quốc trưởng Harun al-Rashid[72] để được nghe dân chúng thì thảo khi ông ấy đi qua: “Này, ngài Bonnavet đấy”.

Ba cặp vợ chồng đã quá xuân cố tìm mà tìm không nổi cái phong vị trẻ trung trong những trò chơi con trẻ, cảnh tượng trông thật chẳng vui vẻ gì. Ở nhiều trò chơi, chúng tôi đã được giải những chiếc bánh, những con thuyền bằng thủy tinh và những con vật nặn bằng bột mì. Bà đức ông chồng thì đã bắn trúng những chiếc tàu quay, những vỏ trứng trôi lơ dờ trên mặt nước. Sau đó chúng tôi đến trước một chiếc tàu hỏa chạy vòng tròn, khi lộ ra ngoài trời, khi chui vào những hầm bạt lớn như chui vào trong những đường hầm. Nelly đề nghị lên tàu chơi. Madeleine cảm thấy trò chơi này chẳng có gì ngộ lắm nhưng cô ta lại không muốn làm mọi người mất vui, và thế là chúng tôi mua vé. Trong lúc chen chúc để lên tàu, nhóm của chúng tôi bị cắt làm hai. Chỉ có mình tôi ở lại cùng toa tàu với Nelly Bonnavet.

Chiếc tàu chạy rất nhanh và vòng tròn thì lại quá nhỏ nên những người trên xe cứ ngã vào nhau. Ngay từ vòng quay đầu tiên, bà Bonnavet đã suýt ngã vào lòng tôi. Đúng lúc đó tấm vải bạt dìm tất cả chúng tôi vào bóng tối và tôi hoàn toàn không thể giải thích cho anh những gì đã xảy ra một vài giây sau đó. Đôi khi con người ta có những hành động mà ý thức không giám sát nổi. Tôi chỉ có thể nói được rằng tôi cảm thấy Nelly gần như nằm trên đùi tôi, và tôi đã vuốt ve bà ấy như một anh lính hai mươi tuổi vuốt ve người tình mà anh ta rủ được ở phiên chợ làng quê. Vẫn không biết mình làm gì, tôi tìm kiếm đôi môi bà ấy, và không bị bà ấy cưỡng lại. Đúng lúc hai đôi môi gặp nhau, thì con tàu lại đi ra vùng ánh sáng. Như có một sự thỏa thuận chung, chúng tôi cùng vội vã buông nhau ra và nhìn nhau choáng váng, sững sờ.

Tôi còn nhớ là lúc đó tôi đã cố tìm hiểu xem Nelly Bonnavet tỏ thái độ thế nào. Bà vuốt lại tóc, chăm chú nhìn tôi và không nói một lời. Giây phút sượng sùng này quá nhanh. Tàu dừng lại và chỉ một lát sau chúng tôi đã gặp lại Bonnavet, Madeleine và hai người cùng đi nữa.

- Trò chơi này quá trẻ con đối với chúng ta, – Bonnavet nói về mặt mỗi, – tôi nghĩ đã đến lúc chúng ta về đi ngủ.

Madeleine cũng đồng ý. Chúng tôi quay lại cửa Rừng và từ biệt nhau. Khi hôn tay Nelly, tôi nhìn vào mắt bà. Bà vẫn nói cười vui vẻ với Madeleine và ra đi, không để lộ một dấu hiệu nào.

Tôi không tài nào ngủ được. Việc không ngờ xảy đến này làm xáo động cuộc sống hoàn toàn bình lặng của tôi. Tôi vốn không phải là kẻ hám gái và càng không, kể từ khi có vợ. Tôi hết lòng yêu vợ tôi và chúng tôi hoàn toàn tin nhau. Tôi cũng yêu mến và biết ơn Bonnavet. Vậy mà ma xui quỷ dắt thế nào, tôi vẫn cứ nóng lòng muốn gặp lại Nelly, muốn được biết cái nhìn của bà ấy lúc chúng tôi rời nhau có ý nghĩa gì? Sững sốt? Hận thù? Anh đã biết, con người ta dù khiếm tốn nhất cũng vẫn giấu trong lòng đôi chút kiêu ngạo. Điều ngẫu nhiên bỗng thức dậy trong tôi lòng ham muốn. Cạnh giường tôi, Madeleine vẫn thở đều một cách nhẹ nhõm.

Sáng hôm sau, tôi quá bận, không còn nghĩ đến câu chuyện ấy nữa. Ngày hôm sau nữa, người

ta gọi tôi qua điện thoại.

- Bộ Pháp quốc Hải ngoại gọi ông... ông chờ nhé, Ngài Bộ trưởng muốn nói chuyện với ông. Đừng bỏ máy nhé.

Tôi chợt thấy ớn sùng. Không bao giờ đích thân Bonnavet gọi điện thoại. Mời họp hay trả lời ai, cũng đều thông qua hai bà phụ tá, chắc lại chỉ chuyện ngu ngốc bữa trước.

- Alô, – giọng Bonnavet bỗng vang lên trong máy. – Maufras đây à?... Anh có thể đến ngay chỗ tôi được không?... Ừ, cần lắm... Tôi sẽ giải thích cho anh căn kẽ sau... Lên ngay nhé! Cảm ơn!

Tôi treo ống nghe... Như vậy là Nelly thuộc hạng đàn bà đáng phỉ nhổ, đã đi cám dỗ đàn ông (rõ ràng là chính bà ta, tôi xin thề là như vậy, đã tự nguyện ngã vào lòng tôi tối hôm đó) rồi sau đó lại than thở với chồng mình: “Anh này, anh tin tưởng Bernard là nhầm... Hắn không phải là bạn như anh tưởng đâu... Sao mà đáng ghét!”.

Vừa tìm kiếm một chiếc tắc-xi để đi đến chỗ Bonnavet, tôi vừa tự hỏi điều gì sẽ đến. Đâu kiếm? Tôi cũng muốn như vậy, vì đó là biện pháp giải quyết đơn giản nhất, nhưng từ khi có chiến tranh đến giờ, người ta đã bỏ trò đánh nhau đó rồi. Không, chắc là Bonnavet mắng tôi không tiếc lời và tuyên bố rằng mọi quan hệ giữa chúng tôi thế là hết. Thế là kết thúc một tình bạn cao quý, sự nghiệp của tôi cũng sẽ đi đời vì Bonnavet có quyền hành. Ai cũng nói là Bonnavet sắp lên làm Thủ tướng. Và tôi biết giải thích cho Madeleine thế nào về sự cắt đứt có vẻ như vô cớ này.

Những ý nghĩ đó và nhiều ý nghĩ khác bi thảm hơn cứ đè chặt lấy tôi khi tôi đi tới nhà ông Bộ trưởng.

Đến lúc ấy, tôi hiểu rằng tự sát là lối thoát cho tất cả những ai bị đặt vào tình huống quá khó khăn đòi hỏi lòng dũng cảm của họ.

Tôi phải chờ lâu ở phòng đợi đầy người đến cầu cạnh và người đưa công văn giấy tờ. Tim tôi đập khi nhanh khi chậm. Tôi ngắm nhìn một bức tranh có cảnh những người Việt Nam vào mùa thu hoạch. Cuối cùng người gác gọi tên tôi và tôi đứng lên. Cửa phòng Bonnavet đã mở ra ngay trước mặt tôi. Có nên để ông ta nói trước? Hay ngược lại, mình nên tính trước bằng cách tự thú hết tội lỗi?

Chính ông ta đã đứng lên và bắt chặt tay tôi. Tôi rất ngạc nhiên vì được đón tiếp rất nồng hậu. Hay là ông ta đã quá thông minh để có thể hiểu được rằng sự việc là do ngẫu nhiên và vô tình.

- Trước hết, – ông ta nói, – tôi xin lỗi vì đã gọi anh đến vội vã như vậy, nhưng anh sẽ thấy là có một việc cần phải được quyết định ngay. Nó là thế này... Anh đã biết đấy, Nelly và tôi sẽ phải đi sang Tây Phi vào tháng tới... Với tôi, đó là chuyến đi làm việc, còn đối với Nelly thì đó là một chuyến đi du lịch bổ ích... Tôi đã quyết định là ngoài những nhân viên của Bộ ra, còn đưa theo một vài nhà báo, bởi vì họ cũng phải biết. Cho đến nay, tôi vẫn chưa nghĩ đến việc nói với anh chương trình này vì anh không phải là một viên chức của Bộ Pháp quốc Hải ngoại, cũng không phải là nhà báo và hơn nữa, anh cũng còn công việc của anh, nhưng tối qua Nelly đã nói với tôi là chuyến viễn du của chúng tôi cũng gần trùng với thời gian nghỉ hè của anh, anh và vợ anh sẽ là những người bạn đường thân thiết và dễ chịu đối với vợ tôi hơn là đoàn tùy tùng của tôi; với lại có thể chuyến đi thăm châu Phi trong những hoàn cảnh có một không hai này làm anh thích thú chẳng... Vậy, nếu anh đồng ý, gia đình anh cũng sẽ cùng đi với chúng tôi... Chỉ có điều là tôi cần phải biết ngay quyết định của anh, vì văn phòng của tôi ngay bây giờ phải hoàn thành danh sách và chương trình chuyến đi.

Tôi cảm ơn ông và xin ông một vài giờ để hỏi ý kiến vợ tôi. Đầu tiên tôi cũng thấy thích thú. Nhưng ngay khi còn lại một mình, tôi đã thấy hết những điều phiền toái và tồi tệ, một âm mưu tình yêu trước con mắt đầy cảnh giác của Madeleine. Phải nói là Nelly đẹp, nhưng tôi đã phân xét bà ta một cách nghiêm khắc. Trong bữa ăn trưa, tôi đã thuật lại lời mời, và tất nhiên là không nói rõ vì đâu mà có lời mời ấy, và cùng với cô ấy tìm cách từ chối sao cho khỏi bất lịch sự. Cô ấy tưởng tượng ra cũng không có gì khó khăn lắm những lời hẹn trước với người nào khác và vì thế chúng tôi không thể đi sang châu Phi được.

Tôi biết là từ đó, Nelly Bonnavet nói về tôi không bằng những lời giấu cợt mà còn đầy thù ghét. Một lần, ông bạn tôi là Lambert-Leclerc trước mặt bà đã nhắc đến tôi như một người có triển vọng sung chức quận trưởng Quận Seine. Bà đã bĩu môi: “Maufras ấy à? Ông nghĩ gì mà la vậy! Anh ta dễ thương đấy, nhưng chẳng có một chút nghị lực nào. Đó là một con người chẳng biết mình muốn gì”.

Bonnivet trả lời: “Nelly nói đúng đấy!”, và tôi đã không được thăng chức.

Khi người tù trở về

Câu chuyện tôi kể đây là chuyện có thật, xảy ra tại một làng ở nước Pháp – chúng tôi gọi là làng Chardeuil, mặc dù đó không phải tên của làng đó, lý do vì sao thì chắc các bạn đã hiểu rõ rồi. Câu chuyện bắt đầu trên một chuyến tàu chở những người tù Pháp từ nước Đức trở về. Họ có mười hai người trong một toa tàu thường chỉ chở mười người, vô cùng chật chội và mệt mỏi, nhưng rất phấn khởi và hạnh phúc, vì thế là cuối cùng, sau năm năm xa cách, họ sắp được trở về với đất nước, quê hương, được đoàn tụ với gia đình.

Hình ảnh lớn nhất ngự trị trong tâm trí của hầu hết mọi người là hình ảnh một người phụ nữ. Tất cả nghĩ đến người đó với lòng tràn ngập tình yêu và hy vọng; nhưng có người không khỏi lo lắng. Người ấy có thủy chung không? Người ấy đã tiếp ai? Người ấy đã làm gì trong thời gian cô đơn dang dăng ấy? Cuộc sống chung đôi trở lại có được chẳng? Những người có con phần nào có đỡ lo lắng hơn. Người mẹ đã phải dành nhiều thời gian chăm sóc con cái, và có chúng, có niềm vui của con trẻ, những ngày đầu chung sống lại sẽ dễ dàng hơn.

Ngồi tận trong góc toa tàu là một người đàn ông cao lớn, gầy, gương mặt xúc động, đôi mắt long lanh, trông giống một người Tây Ban Nha hơn là một người Pháp. Anh ta tên là Renaud Leymarie, người vùng Chardeuil. Con tàu vẫn chạy nhanh trong màn đêm, anh ta nói với người bên cạnh:

- Anh lấy vợ chưa, Saturnin?

- Tất nhiên, tôi đã lấy vợ, hai năm trước khi chiến tranh xảy ra, đã có hai con... cô ấy là Marthe. Anh muốn xem mặt không?

Saturnin, người nhỏ nhắn, vui vẻ, khuôn mặt đầy sẹo, lấy từ túi áo trong ra một chiếc ví đã cáu bẩn, kiêu hãnh giơ ra một tấm ảnh đã bị rách.

- Cô ấy đẹp một cách đáng sợ, – Leymarie nói. – Thế anh không lo ngại gì cho cuộc trở về này à?

- Lo ngại?... Tôi vui đến phát điên lên. Tại sao lại lo ngại?

- Vì cô ấy xinh, vì cô ấy sống một mình, vì có biết bao người đàn ông khác..

- Anh buồn cười thật! Với Marthe, không có người đàn ông nào khác. Chúng tôi đã sống với nhau rất hạnh phúc... Và nếu tôi cho anh xem những bức thư cô ấy gửi cho tôi từ năm năm nay...

- Ôi! Thư à? Thư thì có nghĩa lý gì... Tôi cũng vậy, tôi cũng nhận được vô khối thư rất tình cảm, ấy thế mà tôi vẫn lo ngại.

- Anh không tin vợ sao?

- Đó là một vấn đề rất tự nhiên, anh bạn thân mến ạ. Tôi thuộc trong số những người không bao giờ dám tin vào hạnh phúc. Tôi luôn luôn tự nhủ rằng Hélène quá tốt với tôi, quá xinh đẹp, quá thông minh... Đó là một người đàn bà có học thức, có thể làm được tất cả. Cô ấy chạm tay vào một mảnh giẻ rách, thế là nó trở thành một chiếc váy xinh đẹp... Cô ấy đến ở một ngôi nhà nông dân tồi tàn, ngôi nhà lập tức trở thành thiên đường... Thế là, tôi nghĩ rằng trong chiến tranh, có biết bao nhiêu là những người đến ở nhờ nhà chúng tôi, trong số ấy thế nào chả có khối người hơn tôi nhiều... Có thể là cả những người nước ngoài, những người thuộc quân đồng minh... Người đàn bà xinh đẹp nhất làng thế nào mà chẳng làm chúng tôi mất lại.

- Và rồi sao nữa? Nếu như cô ấy vẫn yêu anh...

- Vâng, anh bạn thân mến ạ, nhưng anh thử tưởng tượng sống một mình trong năm năm trời?... Chardeuil không phải là quê hương của cô ấy. Chardeuil là quê hương của tôi. Ở đó cô ta không có người thân. Như thế cô ta dễ bị cám dỗ hơn.

- Anh buồn cười thật! Tâm trí anh thế nào ấy... Ồ thôi thì cứ giả sử như là có chuyện gì đi... Thế thì sao, nếu như cô ấy đã quên nó đi rồi? Nếu chỉ có mình anh là có ý nghĩa thôi?... Anh ạ, nếu tôi ở vào trường hợp anh, nếu người ta có nói với tôi là Marthe... Có sao đâu, tôi sẽ trả lời họ: “Không có gì phải nói thêm nữa... Cô ấy là vợ tôi; chiến tranh? Cô ấy sống một mình; Bây

giờ là thời bình... Chúng tôi bắt đầu lại từ đầu”.

- Tôi không thể như thế được, – Leymarie nói. – Nếu khi trở về, tôi biết chỉ có một điều rất nhỏ xảy ra thôi...

- Thì anh sẽ làm gì? Anh sẽ giết cô ấy chẳng? Anh không quá khích đấy chứ?...

- Không, tôi sẽ không làm gì cô ấy. Một lời trách móc cũng không. Nhưng tôi sẽ ra đi. Tôi sẽ đi sống ở một nơi nào khác, dưới một cái tên khác. Tôi sẽ để lại cho cô ấy tiền của, nhà cửa... tôi chẳng cần gì cả, tôi có nghề nghiệp. Tôi sẽ làm lại cuộc đời... Có thể như vậy là ngu ngốc, nhưng tôi là như vậy: tất cả hoặc không có gì...

Còi tàu vang lên; đoàn tàu đi vào ga. Hai người đàn ông không nói gì nữa.

Ông xã trưởng làng Chardeuil là một ông giáo, một con người tốt, giàu tình cảm và cẩn thận. Vào một buổi sáng, ông đã nhận được một bức điện thông báo là Renaud Leymarie sẽ trở về trên một chiếc tàu chạy về hướng tây-nam, ông đã quyết định tự mình đến báo cho vợ của Leymarie. Ông đến khi vợ Leymarie đang làm vườn: một mảnh vườn đẹp nhất làng, với những cây hồng leo hai bên thành cửa.

- Chị Leymarie ạ, tôi biết là chị không thuộc những người đàn bà cần phải báo trước ngày chồng trở về, để tránh nguy hiểm vì quá đột ngột... Không, và hơn nữa, xin lỗi chị cách cư xử, thái độ giữ mình của chị đã làm mọi người ở đây khâm phục... Ngay cả những người đàn bà lắm mồm, thường chẳng mấy khi dịu dàng với những người đàn bà khác cũng không có gì để nói xấu chị được.

- Người ta vẫn còn tìm ra điều gì đó đấy ông xã trưởng ạ. – Chị vừa cười vừa nói.

- Nhưng chị thật chẳng có gì đáng chê trách... Không, lý do tôi muốn đến báo trước cho chị, trước hết là để được nhìn thấy chị sung sướng... và điều đó làm tôi cũng vui thích và cũng vì tôi nghĩ rằng có lẽ chị cũng muốn làm một bữa tiệc thịnh soạn để đón đức ông chồng chẳng... Cũng như chúng tôi, hằng ngày ăn uống chẳng ra gì, một dịp vui như thế này...

- Ông nói thật đúng, ông xã trưởng ạ. Tôi sẽ chuẩn bị đón anh ấy thật ra trò... Ông nói là ngày hai mươi ạ? Liệu khoảng mấy giờ tàu sẽ đến ga, ông nhỉ?

- Ông thị trưởng nói: “Đoàn tàu tới Paris lúc 23 giờ”. Tàu loại ấy chạy chậm thôi. Anh ấy sẽ xuống ga Thiviers, như vậy là anh ấy phải đi bộ bốn cây số nữa. Sớm nhất là giữa trưa, anh ấy mới có mặt ở đây.

- Tôi hứa với ông là anh ấy sẽ được ăn một bữa trưa thật ngon lành, ông xã trưởng ạ... Và tôi tin rằng ông sẽ hiểu vì sao tôi lại không mời ông đến để cùng dự... Nhưng dù sao thì tôi cũng rất cảm ơn ông đã đến báo trước cho chúng tôi.

- Tất cả mọi người ở xứ Chardeuil này đều rất yêu mến chị, chị Leymarie ạ... Chị không phải người xứ này, đúng thế, nhưng mọi người đã coi chị như người nhà vậy.

Sáng ngày 20, Hélène Leymarie dậy từ lúc sáu giờ. Suốt đêm chị không ngủ được. Chị quét dọn nhà cửa, lau các ô cửa kính, lau sàn nhà đến bóng loáng lên, thay những diêm cũ trên những bức rèm treo trên cửa sổ. Sau đó chị đến ông thợ uốn tóc, khi đi ngủ, chị vẫn đeo trên đầu một chiếc mạng tóc để giữ cho tóc thành làn sóng. Chị chọn trong số những chiếc áo lót của mình, âu yếm lấy ra một chiếc bằng lụa mà suốt trong thời gian dài sống xa chồng, chị không hề mặc. Còn áo dài? Chiếc áo ngày xưa anh ấy thích là chiếc màu xanh có ô trắng. Nhưng chị đã thử mặc và đau đớn nhận thấy rằng chiếc áo quá rộng so với thân hình đã gầy mòn. Thôi, chị đành mặc một chiếc áo tự tay chị may lấy, và để trông bớt vẻ buồn thảm hơn, chị sẽ dùng thêm một chiếc cổ và một chiếc thắt lưng màu.

Trước khi vào chuẩn bị bữa trưa, chị nhớ lại tất cả những gì trước đây chồng thích... ở nước Pháp năm 45 ấy, thiếu biết bao nhiêu thứ. Sô-cô-la tráng miệng? Đúng rồi, anh ấy vẫn thích, nhưng đào đâu ra sô-cô-la... May quá, chị vẫn còn mấy quả trứng tươi, trước đây anh ấy vẫn thường nói là chị làm món ốp-lếp ngon nhất trần đời... Anh ấy thích thịt tươi, khoai tây rán, nhưng ông hàng thịt lợn đã đóng cửa hàng từ hai ngày nay rồi... Chị vẫn còn một con gà giết từ hôm trước: sẽ mang quay. Vì có người hàng xóm cả quyết là trên phố có bán sô-cô-la “chui”, thế là chị quyết định lên tìm mua.

“Ta đi lúc tám giờ, chín giờ là ta có thể trở về... giờ ta phải chuẩn bị tất cả trước khi đi, sao cho khi anh ấy trở về, ta không phải bận bịu về bếp núc nữa”.

Rất hồi hộp, tuy vậy chị vẫn tỏ ra rất vui. Trời đẹp quá. Chưa bao giờ mặt trời buổi sáng trong thung lũng lại rực rỡ như vậy. Chị vừa trải giường vừa hát: “Khăn trải bàn trắng đỏ, khăn ta dùng trong bữa cơm đầu... Những chiếc đĩa màu hồng có hình chàng rất thích... Một chai nước khoáng... và nhất là hoa... Anh thích có hoa trên bàn lắm, anh còn nói là ta cắm hoa đẹp nhất trên đời”.

Chị chuẩn bị một bó hoa màu sắc rực rỡ: cúc trắng, anh túc đỏ, cúc lam và thêm vài bông mạch [\[73\]](#). Cuối cùng, trước khi ra đi, tựa trên yên xe đạp, chị ngắm lại ngôi nhà, qua cửa sổ để mở. Tất cả hầu như là hoàn mỹ. Sau bao nhiêu gian truân, Renaud sẽ ngạc nhiên biết bao khi gặp lại người vợ cùng ngôi nhà hầu như không có gì thay đổi... Qua cửa sổ, chị soi lại mình trong gương. Hơi gầy, có lẽ là như vậy, nhưng vẫn trắng trẻo, trẻ trung, và nhất là vẫn rất tình. Chị cảm thấy như mình đang vỡ tan ra vì hạnh phúc.

“Thôi, đi thôi... – chị tự nhủ, – nhưng mấy giờ rồi? Trời! đã chín giờ rồi kia à? Ta đã mất nhiều thời gian chuẩn bị hơn là ta tưởng... Nhưng ông xã trưởng nói là đoàn tàu sẽ đến vào lúc mười hai giờ... Ta sẽ trở về trước lúc đó, chắc chắn là như vậy”.

*

* *

Ngôi nhà nhỏ của Leymarie ở cách biệt với các nhà khác, mãi tới tận cuối làng, cho nên không ai trông thấy một người lính gầy gò có đôi mắt rực lửa lên vào trong vườn. Anh ta đứng đó một lát, lóa mắt vì ánh sáng và hạnh phúc, say sưa với những bông hoa đẹp đẽ, nghe tiếng thầm thì của đàn ong. Lát sau, anh khẽ gọi:

- Hélène!

Không có tiếng trả lời. Anh lại tiếp tục gọi:

- Hélène!... Hélène!...

Im lặng khiến anh lo ngại, anh lại sát ngôi nhà, và qua cửa sổ, anh nhìn chiếc bàn ăn chuẩn bị sẵn sàng cho hai người, những bông hoa, chai nước khoáng. Anh cảm thấy như có ai đâm vào tim mình, phải tựa lưng vào tường:

- Trời! Cô ấy không còn sống một mình.

Khi Hélène trở lại, một giờ sau đó, bà hàng xóm nói lại:

- Tôi đã trông thấy anh ấy, anh Renaud của chị ấy; anh ấy chạy trên đường; tôi đã gọi, nhưng anh ấy cũng chẳng hề ngoái đầu lại.

- Anh ấy chạy?... Nhưng về hướng nào?

- Về hướng thôn Thiviers.

Chị chạy xộc đến nhà ông xã trưởng, nhưng ông cũng chẳng biết gì hơn.

- Tôi sợ, ông thôn trưởng ơi, tôi sợ quá, Renaud, anh ấy vẫn nóng tính, cả ghen, hay xúc động... Anh ấy đã nhìn thấy hai chiếc khăn trên bàn... Nhất định anh ấy không thể hiểu là tôi đang đợi anh ấy... Phải tìm anh ấy ngay, ông xã trưởng ơi... Phải... Có thể là anh ấy không bao giờ quay trở lại nữa... Mà tôi lại yêu anh ấy!

Ông xã trưởng phái ngay một người đạp xe ra ga Thiviers, báo cho cảnh sát, nhưng Renaud đã biến mất. Hélène ngồi suốt đêm bên chiếc bàn, những bông hoa đã héo đi. Chị không thể nào ăn được.

Một ngày trôi qua, rồi một tuần, rồi một tháng.

Đến nay đã hai năm trôi qua, kể từ ngày đau buồn ấy. Chị vẫn không nhận được tin tức gì của người chồng. Tôi viết câu chuyện này, hy vọng rằng anh ấy sẽ đọc và sẽ quay lại.

Tai họa của vàng

Ngay từ lúc mới đặt chân vào cái nhà hàng ở thành phố New York ấy, tôi đã để ý một ông già bé nhỏ, ngồi ở bàn đầu, đang ăn miếng thịt bò bít-tết rất dày. Miếng thịt màu đỏ thu hút sự chú ý của tôi, bởi vì lúc này thịt bò đang là của hiếm, đồng thời cũng vì cả khuôn mặt thanh nhả đượm buồn của người đó nữa. Chắc chắn trước kia tôi đã từng quen biết ông già, ở Paris hoặc ở đâu đó. Vừa ngồi vào chỗ, tôi liền gọi Périgourdin, tay chủ cửa hàng khôn ngoan và tháo vát đã biết cách biến cái hũm này thành nơi hang động của những kẻ sành ăn.

- Ông Robert này, ông khách ngồi ăn ở bên phải cửa ra vào kia là người Pháp có phải không?

- Ai kia? Cái ông ngồi một mình ấy à?... À, đấy là ông Bordacq. Ngày nào mà ông lão chả tới đây.

- Bordacq? Nhà công nghiệp? Phải rồi, tôi nhớ ra ngay bây giờ đây mà... Mà tôi có bao giờ trông thấy ông ta ở đây đâu?

- Chả là vì ông lão có thói quen đến trước tất cả mọi người. Đây là một con người thích sống cô độc.

Tay chủ khách sạn cúi thấp xuống và nói khẽ:

- Kỳ quái lắm ông ạ, cả hai vợ chồng nhà ấy, ông biết không... kỳ quái hết chỗ nói... Bây giờ ông thấy ông lão ăn sáng một mình, tối nay nếu ông tới đây vào lúc bảy giờ, ông sẽ lại thấy bà vợ cũng đang ăn tối một mình. Mọi người nghĩ rằng họ không muốn gặp nhau. Nhưng không phải thế đâu, quan hệ giữa hai người tốt lắm, họ sống chung với nhau ở khách sạn Delmonico... Cứ như tôi nghĩ, đôi vợ chồng này có một cái gì bí ẩn đây.

- Thưa ông chủ, tính tiền cho vị khách ở bàn số 15 ạ, – một người hầu bàn nói.

Robert bỏ đi, tôi vẫn tiếp tục suy nghĩ về đôi vợ chồng nhà Bordacq... Đúng rồi, tôi đã từng quen biết ông ta ở Paris. Vào khoảng thời gian giữa hai cuộc đại chiến, mọi người thường hay gặp ông ta ở chỗ Fabert, kịch tác gia, con người tuy không hên mà tỏ ra có cùng một sở thích riêng với Bordacq, cả hai đều thích đặt tiền một cách chắc chắn, đều kinh hãi vì sợ mất của. Bordacq... Ông ta năm nay cũng phải đến ngót tám mươi. Tôi nhớ vào khoảng năm 1923, ông ta vừa rút khỏi công cuộc kinh doanh, đang có trong tay một khoản tiền đáng kể, phải tính đến hàng triệu. Lúc đó ông ta đang cuống cuồng lên vì đồng frăng sụt giá...

- Thật kỳ cục! – Ông ta nói – Tôi đã làm việc trong suốt bốn chục năm trời để bây giờ thấy mình vẫn khổ rách áo ôm. Đâu phải chỉ có chuyện lợi tức của tôi và trái phiếu của tôi không còn chút giá trị nào nữa, mà cả những hoạt động công nghiệp cũng chẳng tăng tiến gì hơn. Tiền bạc đang tan chảy qua kẽ tay. Chẳng biết rồi vợ chồng tôi sẽ trải qua những năm tháng già nua như thế nào đây?

- Ông hãy làm như tôi ấy, – Fabert nói với ông ta. – Tôi chuyển mọi thứ mà tôi có thành đồng sterling^[74] tất... Đó là một đồng tiền rất ổn định.

Khi tôi gặp lại họ vào ba hoặc bốn năm sau, cả hai đều đang ỉu xiu xiu. Bordacq đã làm theo lời khuyên của Fabert, đúng vào lúc chính phủ Poincaré đưa ra những biện pháp nhằm nâng giá trị đồng frăng và đồng livre đang mất giá nghiêm trọng. Ý định của Bordacq lúc bấy giờ là làm sao trốn được khoản thuế thu nhập vừa mới nâng lên.

- Ông rõ thật trẻ con, – Fabert lại nói với ông ta. – Hãy làm như tôi đây này... Có một thứ có giá trị vững vàng, và chỉ một mà thôi: ấy là vàng. Nếu như từ năm 1918 ông mua vàng, nhìn bề ngoài ông chẳng có khoản thu nhập nào sất, ông sẽ không bao giờ phải đóng thuế, và bây giờ ông đã giàu có... Hãy chuyển tất cả những gì ông có thành vàng và cứ việc ăn ngon ngủ yên.

Vợ chồng Bordacq nghe lời. Họ mua vàng, thuê tủ sắt trong ngân hàng để cất vàng, và cảm thấy vô cùng thích thú khi họ thỉnh thoảng đi đến đấy, hé mở cánh cửa thiêng liêng để bày tỏ lòng sùng kính đối với đấng chúa tể của mình. Mười năm liền, tôi mất hút vợ chồng Bordacq. Thế rồi một hôm, vào năm 1937, tôi gặp lại cả hai người tại một cửa hàng bán tranh ở vùng ngoại ô Saint-Honoré, ông chồng vẫn lịch lãm nhưng hơi buồn, bà vợ thì có vẻ sung mãn và

hồn nhiên, với cái dáng của một bà già nhỏ nhắn trong chiếc áo dài bằng lụa đen có gấu viền đăng-ten.

Về rụt rè, ông Bordacq hỏi tôi:

- Ông là một nghệ sĩ, thưa ông, ông có tin rằng các họa sĩ thuộc trường phái Ấn tượng vẫn còn có cơ lên giá không?... Ông không biết à?... Người ta nói với tôi rằng còn có đấy, nhưng mà giá mua họ thì đã lên quá cao rồi. Cần phải tự đặt mình vào thị trường của những năm đầu thế kỷ này... Dĩ nhiên là rất lý tưởng nếu ta biết trường phái mới nào sẽ thừa kế trường phái Ấn tượng và mua ngay lúc đó thì chẳng mất bao nhiêu. Chỉ tội là thế này thôi, chẳng ma nào có thể cho mình một sự bảo đảm. Thời đại lạ lùng thật! Đến các chuyên gia cũng chẳng biết cóc gì. Tóm lại, ông sẽ phải thừa nhận với tôi rằng quả thật là khó tin. Tôi hỏi họ: "Thế họa sĩ nào đang lên giá bây giờ?". Họ ngần ngại ông ạ, họ lúng ba lúng búng. Người này thì nói là Utrillo, người khác lại là Picasso. Nhưng mà các họa sĩ đó thì đã nổi tiếng lắm rồi.

- Thế còn các thỏi vàng của ông? – Tôi nói với ông ta.

- Tôi vẫn luôn luôn có vàng... Luôn luôn có... Và còn nhiều thứ khác nữa... Nhưng mà Chính phủ đang nói tới việc trưng thu vàng, nói tới việc mở các tủ sắt... Thật kinh khủng... Ông sẽ bảo tôi rằng: người khôn ngoan phải lo chuyển mọi thứ ra nước ngoài... Tất nhiên..., thưa ông, tất nhiên là thế... Nhưng chuyển đi đâu? Chính phủ nước Anh thì cũng cứng rắn như chính phủ nước ta, nước Hà Lan và nước Thụy Sĩ có nguy cơ bị đẩy vào vòng chiến... Chỉ còn có nước Mỹ, nhưng từ ngày Roosevelt lên làm Tổng thống, đến đồng đô-la cũng... Rồi thì chúng tôi cũng sẽ phải đến sống ở nước Mỹ thôi, để tránh cái nguy cơ bị cắt mất con đường rút ông ạ.

Tôi không nhớ lúc đó mình đã trả lời như thế nào. Vợ chồng nhà Bordacq bắt đầu làm tôi khó chịu, họ cứ khư khư ôm lấy bọc tiền giữa cái thời mà một nền văn minh đang sụp đổ. Ra khỏi phòng tranh, tôi chào từ biệt hai người và nhìn họ đi xa dần với những bước nặng nề, cả hai bận đồ đen, đứng đắn nhưng trông có cái gì tang tóc. Và giờ đây tôi đang gặp lại họ ở nhà hàng *Còn rấn vàng* trên đại lộ Lexington. Họ làm gì trong những năm chiến tranh? Họ trôi dạt đến New York như thế nào? Tôi cảm thấy tò mò muốn biết những điều đó, và khi ông già Bordacq đứng lên, tôi bước đến và tự giới thiệu.

- À, tôi vẫn còn nhớ rõ lắm, – ông già nói. – Thật vui sướng được gặp lại ông. Tôi hy vọng rằng ông cho vợ chồng tôi vinh dự được hầu ông một chén trà. Chúng tôi ở tại khách sạn Delmonico. Được ông đến, bà nhà tôi thật là sung sướng... Cuộc sống của chúng tôi đơn điệu lắm ông ạ, cả hai người đều không biết tiếng Anh...

- Thế ông bà sống thường xuyên ở Mỹ sao?

- Cần phải thế, ông ạ, – ông già nói. – Rồi tôi sẽ nói rõ với ông. Hẹn ông ngày mai, vào lúc năm giờ.

Tôi nhận lời và đến đúng hẹn. Bà Bordacq vẫn mặc chiếc áo dài màu đen có viền đăng-ten như hồi năm 1923, cổ đeo chuỗi hạt ngọc. Trông bà có vẻ rầu rĩ.

- Tôi chán lắm, ông ạ, – bà ta nói. – Chúng tôi chỉ quanh quẩn trong hai căn buồng, không hề có bè bạn. Ôi! Tôi không nghĩ rằng mình sẽ chấm dứt cuộc đời trong cảnh đất khách quê người thế này đâu.

- Nhưng mà thưa bà, nào có ai bắt buộc bà phải đem thân đến chốn này? Cứ như tôi biết thì ông bà chẳng có lý do đặc biệt nào để phải sợ bọn Đức cả. Tất nhiên, tôi hiểu rằng ông bà muốn không phải sống cạnh chúng nó, thế nhưng từ chuyện đó rồi ông bà tự nguyện lưu vong đến một đất nước mà cả hai người đều không nói được tiếng của họ...

- Ồ, – bà ta nói, – bọn Đức không liên quan gì đến chuyện này cả. Chúng tôi sang đây từ lâu, trước khi nổ ra chiến tranh.

Ông chồng đứng dậy, đến mở cửa thông ra hành lang để biết chắc rằng không có ai nghe trộm, cài chốt cẩn thận rồi trở lại chỗ ngồi và nói khẽ:

- Để tôi nói rõ hết mọi chuyện với ông. Chúng tôi biết rằng ông là người kín đáo và chúng tôi sẽ không hề phật ý, nếu có được một lời khuyên của ông. Chúng tôi có hẳn một luật sư người Mỹ. Nhưng ông hiểu chúng tôi hơn... Chuyện nó là thế này, ông ạ... Tôi không biết là ông có còn

nhớ cái lần sau khi chính phủ Mặt trận Bình dân lên cầm quyền hay không, lúc đó chúng tôi cho rằng gửi vàng ở một ngân hàng Pháp là hết sức nguy hiểm. Chúng tôi liền tìm cách chuyển vàng sang Mỹ, chuyển bằng con đường bí mật nhưng chắc chắn. Tất nhiên chúng tôi cũng quyết định đi luôn sang đó. Không thể có chuyện người xa vàng được... Tất nhiên là như thế. Tuy vậy đến New York, từ dạo năm 1938 chúng tôi đã chuyển vàng thành đô-la, bởi vì chúng tôi không nghĩ (và chúng tôi có lý) rằng nước Mỹ sẽ làm một cuộc đình giá mới, và bởi vì có những người chúng tôi biết là nắm được nhiều thông tin, nói với chúng tôi rằng theo các cuộc thăm dò mới nhất của họ thì nước Nga sắp hạ giá vàng... Nhưng vấn đề chính là ở chỗ cần phải cất trữ đô-la ở dạng nào? Mở tài khoản tại ngân hàng? Giữ đô-la giấy? Hoạt động kinh doanh?... Nếu mua cổ phiếu, chúng tôi sẽ phải đóng thuế thu nhập cho người Mỹ, một khoản thuế rất cao. Cuối cùng chúng tôi đành giữ tiền đô-la giấy.

Tôi không thể không ngắt lời ông ta:

- Nói cách khác là để khỏi phải chịu khoản thuế năm chục phần trăm, ông bà đã tự nguyện đóng khoản thuế một trăm phần trăm?

- Còn có một lý do khác nữa, - ông ta nói với tôi, mỗi lúc một bí mật hơn. - Chúng tôi nhìn thấy chiến tranh đang tới gần và nghĩ rằng lúc đó có thể các tài khoản gửi ở ngân hàng sẽ bị kẹt, các tủ sắt bỏ ngõ và thế kẹt ấy càng chắc chắn hơn khi chúng tôi không phải là công dân Mỹ... Chính vì vậy mà chúng tôi quyết định luôn luôn giữ tiền bạc bên người.

- Giữ bên người, - tôi kêu lên, - ông muốn nói cái gì vậy? Giữ ở đây à, tại khách sạn?

Hai vợ chồng cùng quay đầu lại với một nét cười thoáng qua, rồi tiếp đó là một cái nhìn hóm hỉnh và kiêu hãnh.

- Đúng thế đấy ạ, - ông ta tiếp tục nói bằng thứ giọng hơi khó nghe. - Vâng, tại đây, tại khách sạn. Chúng tôi để tất cả, một ít vàng và đô-la, trong một chiếc hòm lớn. Chiếc hòm ở ngay đấy, trong phòng ngủ của vợ chồng tôi.

Ông ta đứng dậy, mở cánh cửa thông sang buồng bên và chỉ cho tôi thấy một chiếc hòm màu đen trông hết sức bình thường.

- Nó đấy, - ông ta thì thầm và khép cánh cửa với một kiểu cách có vẻ như quy lụy.

- Thế ông bà không sợ là câu chuyện về cái hòm giữ của này sẽ bị tiết lộ ra ngoài à? - Tôi hỏi. - Quả thật chuyện đó hấp dẫn vô cùng đối với bọn trộm đấy!

- Không sợ, - ông ta nói. - Trước hết vì không một ai trên thế giới này biết cái hòm, ngoài luật sư của chúng tôi... Và ông, những người chúng tôi hoàn toàn tin tưởng... Mọi việc đã được tính toán đầu vào đấy, tôi đoán chắc với ông như vậy. Cái hòm không thu hút sự chú ý như là một cái tủ sắt. Sẽ không có ai nghĩ rằng trong căn buồng này có cả một gia tài. Và nhất là chúng tôi canh giữ ở đây suốt ngày đêm.

- Ông bà không lúc nào đi ra ngoài sao?

- Không bao giờ cả hai vợ chồng tôi cùng đi ra ngoài. Chúng tôi có một khẩu súng ngắn, để trong ngăn kéo bên cạnh cái hòm và luôn luôn có một trong hai người ở nhà. Tôi đến ăn trưa ở cái nhà hàng kiểu Pháp mà ông vừa gặp đấy. Bà nhà tôi thì đến đó để ăn tối. Như vậy là cái hòm không bao giờ phải ở nhà một mình. Ông hiểu chứ?

- Tôi chịu đấy, ông Bordacq thân mến ạ, tôi không hiểu tại sao ông bà lại phải tự giam mình trong một cuộc sống tù hãm, khổ khổ này...! Thuế à? Này, tội quái gì mà phải lo! Ông bà chả đã có đủ mọi thứ cần thiết để sống đến trọn đời rồi đó sao?

- Thuế không thành vấn đề, - ông ta nói. - Tôi chỉ không muốn cho họ đồng bạc mà tôi đã kiếm được với biết bao khó nhọc.

Tôi cố lái câu chuyện sang một chủ đề khác. Bordacq là người có học, ông ta biết lịch sử. Tôi cố gọi ông ta nói về bộ sưu tập các thủ bút mà ông ta đã có từ ngày xưa, nhưng bà vợ lại còn bị ám ảnh về chuyện tiền nong hơn cả ông chồng nên đã đưa chúng tôi quay trở lại với đề tài duy nhất mà bà quan tâm:

- Có một người làm tôi sợ, - bà nói khẽ. - Đấy là tay chủ khách sạn người Đức vẫn đưa quà

sáng đến cho vợ chồng tôi. Đôi khi hẳn ta phóng vào cánh cửa này những cái nhìn mà tôi chẳng thích một chút nào. Nhưng vào lúc này, cả hai vợ chồng tôi đang cùng có mặt. Tôi không tin rằng hẳn ta có thể gây ra một điều gì nguy hiểm.

Lại còn một vấn đề khác nữa là chuyện con chó. Hai vợ chồng có một con chó bông khá đẹp, con vật khôn ngoan đến lạ lùng, luôn luôn nằm ở một góc trong phòng khách, nhưng cần phải cho nó ra ngoài đi dạo chơi mỗi ngày ba lần. Để làm việc đó, hai vợ chồng luân phiên nhau.

Từ biệt họ, tôi cảm thấy vừa bức mình vì sự gần gũi điên cuồng của họ, lại vừa bị quyến rũ bởi những con người không bình thường ấy.

Sau chuyến viếng thăm đó, tôi thường cố gắng rời văn phòng sớm hơn để đến ăn tối ở nhà hàng *Con rắn vàng* đúng vào lúc bảy giờ. Như vậy tôi có thể ngồi cùng bàn với bà Bordacq. Còn cởi mở hơn cả ông chồng, bà nói tuốt ra với tôi một cách hồn nhiên mọi lo lắng và dự định của mình:

- Eugène là một con người thông minh tuyệt vời, – một buổi tối bà nói với tôi. – Ông ấy nghĩ đến tất cả. Đêm vừa rồi, ông ấy nảy ra ý nghĩ là một khi muốn ngăn chặn việc tích trữ tiền giấy, có thể người ta sẽ thu hồi toàn bộ tiền về và đổi sang một thứ tiền khác. Trong trường hợp ấy, chúng tôi bắt buộc phải khai báo số tiền của mình.

- Đúng thế. – Tôi nói. – Nhưng khai báo thì có gì bất tiện đâu nhỉ?

- Sẽ hết sức nghiêm trọng, ông ạ, – bà ta nói. – Chúng tôi sẽ không khai báo gì khi sở Ngân khố Mỹ tiến hành kiểm kê tài sản của người nước ngoài tị nạn hồi năm 1943... Thật chán kinh khủng... Nhưng mà Eugène đã có một kế hoạch mới. Nghe đâu ở một số nước Cộng hòa thuộc Nam Mỹ, không còn khoản thuế thu nhập nữa. Nếu như chúng tôi có thể chuyển vốn liếng của mình đến đó...

- Làm thế nào để có thể chuyển được tiền mà lại không phải khai báo với cơ quan thuế vụ?

- Eugène đã nghĩ cả rồi, – bà ta nói, – trước hết cần phải trở thành công dân của cái nhà nước mà chúng tôi chọn. Chẳng hạn, nếu chúng tôi là người Uruguay, chúng tôi sẽ có quyền chuyển tiền.

Thấy chuyện có vẻ lý thú, ngay hôm sau tôi đến ăn trưa cùng với ông già Bordacq. Ông ta lúc nào cũng đón tiếp tôi một cách vui vẻ:

- A, – ông ta nói, – được gặp ông thế này tôi thật vừa lòng, đang có một việc định hỏi ông đây. Ông có biết các thể thức phải làm để trở thành công dân nước Venezuela không?

- Quả tình tôi không biết, – tôi trả lời.

- Thế còn nước Colombia?

- Tôi cũng có biết gì hơn đâu. Ông phải nêu các câu hỏi ra với tòa lãnh sự các nước đó.

- Với các tòa lãnh sự? Ông điên rồi sao?... Để cho họ chú ý à!

Ông ta đẩy con gà quay của mình ra với vẻ chán chường và thở dài:

- Thôi với thế! Giá mà tôi có thể sinh ra từ năm 1830 để suốt đời không có chuyện thuế má, không lo sợ bị trấn lột. Ngày nay trên khắp mọi xứ sở đều có bọn cướp đường... Nước Anh cũng thế thôi... Tôi có cất giấu ở đây một số bức tranh và các tấm thảm, bây giờ đang định đem sang đây. Ông có biết họ bắt tôi phải làm gì không? Một điều luật xuất khẩu quy định phải chịu thuế một trăm phần trăm, như vậy thì cũng có khác gì là bị tịch thu... Chúng tôi bị trấn lột như trong một góc rừng, ông ạ, như một góc rừng.

Sau chuyến đó, vì công việc kinh doanh tôi phải chuyển đến California và không biết vợ chồng nhà Bordacq đã trở thành người Uruguay, người Venezuela hay người Colombia? Một năm sau trở lại New York, tôi hỏi Robert, chủ nhà hàng *Con rắn vàng* về hai người đó.

- Vợ chồng ông già Bordacq thế nào rồi? Ông vẫn thường xuyên gặp họ đấy chứ?

- Thừa không ạ! – Ông chủ nhà hàng nói với tôi. – Thế nào? Ông không biết gì sao? Bà vợ vừa mất tháng trước, vì bệnh tim và từ đó tôi không còn gặp lại ông chồng nữa. Tôi cho rằng việc bà lão mất đi làm ông lão choáng váng và phát ốm.

Riêng về tôi, tôi cắt nghĩa việc đó hoàn toàn khác. Tôi gửi một bức thư chia buồn đến ông Bordacq và hỏi xem liệu tôi có thể đến thăm ông ta được không.

Ngay ngày hôm sau ông ta gọi điện mời tôi tới. Tôi thấy ông ta xanh, gầy, đôi môi trắng nhợt, giọng nói phều phào.

- Mỗi tới hôm qua tôi mới biết ông gặp chuyện buồn, – tôi nói, – và lập tức tôi muốn đến để xem có giúp được gì ông không, bởi vì ngoài nỗi đau buồn ông phải chịu do mất mát lớn lao đến như vậy, tôi nghĩ rằng cuộc sống của ông lúc này phải khó khăn lắm.

- Không có gì đâu, – ông ta nói, – không có gì đâu... Cũng phải tập cho quen... Tôi nhìn qua cửa sổ cảnh người đi, xe chạy... Và rồi để tôi nói ông nghe: cách sống này rất cuộc đã đưa lại cho tôi một cảm giác an toàn kỳ lạ. Trước kia, cứ mỗi lần ra khỏi khách sạn để đi ăn trưa, là y như tôi phải trải qua một tiếng đồng hồ cực nhọc, tôi cứ tự hỏi chẳng biết có chuyện gì xảy ra trong lúc mình vắng mặt không... Tôi biết rõ là vẫn còn có bà vợ tội nghiệp của mình ở đó, nhưng bà ấy làm sao sử dụng nổi khẩu súng ngắn, nhất là với một trái tim đang ở trong tình trạng như thế... Giờ đây, ngay cả khi ra ngoài cửa, tôi vẫn có thể luôn luôn để mắt tới cái hòm... Tôi có luôn bên cạnh tất cả mọi thứ của mình... Điều đó làm dịu đi nỗi khó nhọc... Chỉ còn một khó khăn duy nhất, ấy là con Ferdinand tội nghiệp.

Con chó bỗng nghe nhắc đến tên mình liền đứng dậy và vừa đến ngồi bên chân chủ, vừa ngược nhìn ông lão với vẻ dò hỏi.

- Vâng, tất nhiên là như vậy, tôi không thể tự mình đưa nó đi dạo chơi được, nhưng tôi tìm được một trong số những người hầu, một gã bồi chuông[75] như ở đấy họ thường gọi... Tôi xin được hỏi ông một chút, là tại sao họ lại không nói người hầu như tất cả mọi người vẫn nói?... Ôi! Tôi đến chết cười với cái tiếng Anh của họ. Tóm lại là tôi đã tìm được một gã trai trẻ, cậu ta nhận làm với một khoản thù lao vừa phải cho việc đưa Ferdinand ra ngoài đi dạo và giúp nó về những nhu cầu vật vãn. Như vậy là coi như không còn có bất cứ một vấn đề nghiêm trọng nào phải giải quyết. Ông thật là người tốt bụng khi ông có ý định cho tôi được nhờ cậy, nhưng thưa ông, mọi việc đều ổn thỏa, tôi cam đoan với ông là ổn thỏa.

- Thế ông không còn muốn được đến sống ở Nam Mỹ nữa à?

- Thôi, ông ạ, thôi... Tôi đi sang đó để làm gì? Ở Washington không thấy nói đến việc đổi tiền nữa, và vào tuổi tôi...

Quả thật ông ta đã già đi ghê gớm, và cái cách mà ông ta tự buộc mình phải phô bày đã không còn hợp với ông ta nữa. Chút hồng hào trên khuôn mặt đã biến mất, và ông ta nói một cách khó khăn.

“Có thể nào lại gọi đó là sống?” – Tôi nghĩ.

Thấy mình chẳng giúp được chút gì cho ông ta, tôi đành cáo lui. Tôi vẫn còn đang có ý định thỉnh thoảng đến thăm ông ta, nhưng chỉ mấy hôm sau vừa mở tờ *New York Thời báo*, một hàng tít đã lập tức thu hút sự chú ý của tôi. *Người Pháp lưu vong chết. Hòm đầy đô-la*. Tôi đọc hết bài báo nhỏ: đúng là họ nói về ông già Bordacq của tôi. Sáng hôm đó, người ta thấy ông già đã chết, nằm trên chiếc hòm đen và cuộn mình trong một tấm chăn. Cái chết bình thường, hòm tiền vẫn nguyên vẹn. Tôi đến khách sạn Delmonico để hỏi xem người ta định chôn cất ông già vào lúc nào và ở đâu. Cũng nhân thế, tôi hỏi người gác cửa tin tức về con chó Ferdinand.

- Thế còn con chó của ông Bordacq thì thế nào rồi ạ?

- Chẳng có ai xin cả, – người gác cửa nói. – Chúng tôi đã đưa cho phòng gửi đồ của sở cảnh sát.

- Còn tiền nong?

- Nếu không có người thừa kế, khoản tiền đó sẽ thuộc về Chính phủ Hoa Kỳ.

- Quả là một kết thúc đẹp, – tôi nói.

Duy kết thúc câu chuyện là điều tôi vẫn còn đang suy nghĩ.

Khách sạn Thanatos[76]

- Bao nhiêu, cái công ty Thép ấy? – Jean Monnier hỏi.

- Năm mươi chín một phần tư, – một trong số mười hai cô thư ký đánh máy trả lời.

Tiếng lạch tách của những chiếc máy chữ nghe giống như một điệu nhạc jazz. Qua cửa sổ, ta có thể nhìn thấy các khối nhà khổng lồ của khu Manhattan[77]. Máy điện thoại đổ chuông và các cuộn băng giấy được nhả ra với một tốc độ nhanh ghê gớm, chất đồng khắp phòng, trông như những con rắn quái dị bao bọc bằng chữ và các con số.

- Công ty Thép, bao nhiêu? – Jean Monnier lại hỏi.

- Năm mươi chín, – Gertrude Owen trả lời.

Cô ta ngừng việc một lúc để nhìn anh chàng trẻ tuổi người Pháp. Ngồi rũ rượi trong ghế bành, hai tay ôm đầu, anh ta có vẻ đã kiệt sức.

“Lại một tên nữa thua cuộc” cô ta nghĩ. “Thôi thì mặc xác hắn, và mặc xác Fanny...”.

Chả là hai năm về trước, Jean Monnier, trợ lý tại văn phòng New York của ngân hàng Holmann đã cưới cô thư ký người Mỹ của mình.

- Bao nhiêu, công ty Kennecott ấy? – Jean Monnier lại hỏi nữa.

- Hai mươi tám, – Gertrude Owen trả lời.

Một tiếng nói vang lên sau cánh cửa. Harry Cooper bước vào, Jean Monnier đứng dậy.

- Hẹn với hành! – Harry Cooper nói. – Sút giá hai mươi phần trăm toàn bộ thị trường chứng khoán. Chỉ có những thằng ngốc mới nói rằng đây không phải là một cuộc khủng hoảng.

- Thì khủng hoảng chứ còn gì nữa. – Jean Monnier nói và bước ra ngoài.

- Hắn ta bị rồi. – Harry Cooper lên tiếng.

- Vâng, – Gertrude Owen nói, – cậu chàng thua cháy túi. Fanny vừa nói với tôi. Tối nay cô ả sẽ bỏ hắn.

- Biết làm thế nào được? – Harry Cooper nói. – Khủng hoảng mà lỵ.

*

* *

Hai cánh cửa bằng đồng đẹp đẽ của thang máy được đẩy ra.

- Xuống. – Jean Monnier bảo.

- Công ty Thép bao nhiêu ạ? – Người giữ thang máy hỏi.

- Năm mươi chín, – Jean Monnier trả lời.

Anh đã mua với giá 112. Mỗi cổ phiếu lỗ mất năm mươi ba đô-la. Và các loại cổ phiếu khác cũng chẳng hơn gì. Tất cả cái gia tài nhỏ nhoi ngày nào anh kiếm được ở Arizona[78] đã ném hết vào canh bạc này rồi. Fanny chẳng bao giờ được lấy một xu. Thế là hết. Trên đường phố, trong lúc đi nhanh cho kịp tàu, anh đã thử hình dung tới tương lai. Làm lại từ đầu ư? Nếu Fanny tỏ ra can đảm, điều đó không phải không làm được. Anh nhớ lại những cuộc vật lộn ban đầu, những đàn súc vật chặn giữ trong sa mạc, hồi mà anh phất lên khá là mau lẹ. Dù sao, anh cũng chỉ mới có ba mươi tuổi. Nhưng anh biết rằng Fanny sẽ chẳng động lòng.

Cô ta là thế mà.

Sáng hôm sau, Jean Monnier thức dậy một mình, anh tự thấy mất hết can đảm. Cho dầu Fanny bạc bẽo, anh đã từng yêu cô ta. Chị giúp việc người da đen dọn cho anh món dưa gang, cháo ngũ cốc và hời tiền công.

- Thừa ông, bà chủ đâu ạ?

- Đi chơi rồi.

Anh đưa chị mười lăm đô-la rồi kiểm lại tiền nong. Chỉ còn lại chưa đầy sáu trăm đô-la. Đấy

là tất cả những gì để anh sống trong hai tháng, có thể là ba tháng. Rồi sau đó? Anh nhìn qua cửa sổ. Đã một tuần nay, hầu như ngày nào cũng vậy, người ta đều đọc thấy trên mặt báo những câu chuyện về các vụ tự tử. Chủ ngân hàng, thư ký hãng buôn, các tay đầu cơ, đã chọn cái chết sau một cuộc đấu tranh thất bại. Đám nhào từ tầng gác thứ hai mươi xuống? Mất bao nhiêu giây? Ba? Bốn? Sau đó là nát nhừ... Nếu nhào xuống mà không chết thì sao? Anh hình dung ra nỗi đau ghê gớm, với những chân tay dập gãy, những mảng thịt bị huỷ hoại. Anh thở dài rồi sau đó, cặp một tờ báo đi đến tiệm ăn, và anh ngạc nhiên khi thấy mình vẫn ăn ngon miệng món bánh cò-rếp tắm nước đường thơm mùi nhựa cây phong.

- "*Khách sạn Thanatos, New Mexico*"^[79]... Ai viết thư cho mình ở cái địa chỉ kỳ quái này nhỉ? Cũng còn một lá thư nữa của Harry Cooper mà anh chọn đọc trước. Ông chủ hỏi tại sao anh không trở lại văn phòng. Khoản tiền anh còn nợ ngân hàng là tám trăm chín mươi đô-la. Anh trừ tính làm sao về khoản đó?... Câu hỏi độc ác hay ngây thơ? Nhưng mà sự ngây thơ xưa nay chưa hề có trong những tật xấu của Harry Cooper.

Đến lượt lá thư kia. Bên dưới hình vẽ ba cây bách, lá thư viết:

"Khách sạn Thanatos.

Giám đốc: Henry Boerstecher.

Ông Monnier thân mến!

Sở dĩ chúng tôi gửi thư cho ông hôm nay, chẳng phải tình cờ, mà bởi vì chúng tôi đã có được những chỉ dẫn về ông, cho phép chúng tôi hy vọng rằng công việc của chúng tôi có thể sẽ có ích đối với ông.

Không hẳn ông đã không để ý rằng trong cuộc đời của một con người dũng cảm nhất, vẫn có thể xảy ra những cảnh ngộ hoàn toàn đối nghịch, đến nỗi sự phấn đấu trở thành bất lực và lúc đó ý tưởng về cái chết hiện ra như một sự giải thoát.

Nhắm mắt, ngủ thiếp đi, không còn nghe nữa những câu hỏi, những lời trách cứ... Nhiều người trong chúng ta có ước mơ ấy, bày tỏ nguyện vọng ấy. Tuy nhiên, trừ một vài trường hợp hiếm hoi, con người ta không ai dám tự giải thoát khỏi nỗi bất hạnh của mình, và điều đó cũng dễ hiểu khi ta quan sát một số trường hợp của những người đã thử làm việc ấy. Bởi vì phần lớn các vụ tự tử đều thất bại thảm hại. Người này muốn tự bắn một phát đạn vào sọ, kết cục lại làm đứt dây thần kinh thị giác và chịu cảnh mù loà. Người khác định tự đầu độc bằng thuốc ngủ có hợp chất Barbituric, đã dùng nhầm liều lượng để rồi sau ba hôm thức dậy, đầu óc u mê, trí nhớ không còn, chân tay bại liệt. Tự tử là một nghệ thuật, nó không chấp nhận tính tầm thường cũng như thói tài tử, và tuy vậy, cũng do bản chất của nó, nó không cho ta được phép có kinh nghiệm.

Kinh nghiệm ấy, thưa ông Monnier thân mến, như chúng tôi nghĩ, nếu ông cần, chúng tôi đã sẵn sàng để hầu ông. Làm chủ một khách sạn trên biên giới Hoa Kỳ và Mexico, thoát ra ngoài mọi sự kiểm soát phiền phức do tính chất xa xôi, hoang vắng của vùng này, chúng tôi nghĩ rằng nhiệm vụ của mình là cung cấp cho những anh chị em đồng loại nào vì những lý do nghiêm túc và xác đáng, mong muốn được rời bỏ cõi đời này, những phương tiện để làm việc đó mà không hề đau đớn và chúng tôi còn dám nói rằng, không hề nguy hiểm.

Ở khách sạn Thanatos cái chết sẽ đến với ông trong giấc ngủ và dưới một hình thức êm dịu nhất. Trình độ kỹ thuật tinh xảo thu thập được sau mười lăm năm hoạt động liên tục có kết quả (năm vừa rồi chúng tôi đã tiếp nhận hơn hai nghìn khách hàng), cho phép chúng tôi đảm bảo một liều lượng chính xác và đạt hiệu quả ngay lập tức. Cũng cần nói thêm rằng với những vị khách có đạo thường cho rằng tự tử là một tội lỗi, bằng một phương pháp khéo léo, chúng tôi sẽ giúp những người đó gạt bỏ mọi trách nhiệm thuộc về đạo đức.

Chúng tôi biết rất rõ rằng phần đông khách hàng của chúng tôi có ít tiền, và tần số tự tử là tỷ lệ nghịch với số dư của những khoản tiền gửi ở ngân hàng. Chính vì thế, chúng tôi đã cố gắng hạ thấp giá tiền ở khách sạn Thanatos đến mức có thể hạ được, mà không hề làm giảm các tiện nghi. Đến đó, khách hàng chỉ cần đặt trước ba trăm đô-la. Khoản tiền ấy sẽ trang trải cho ông tất cả mọi phí tổn trong thời gian ông lưu lại ở chỗ chúng tôi, lưu lại bao nhiêu lâu, ông chẳng cần biết, sẽ thanh toán cho các phương tiện dùng vào việc tự tử, việc chôn cất, và cuối cùng là việc trông coi phần mộ. Bởi những lý do hiển nhiên, khoản thù lao cho người phục vụ cũng đã tính

gập vào sổ tiền đặt trước đó, và sẽ không có ai đòi ở ông bất cứ một khoản tiền thưởng nào.

Cũng cần phải nói thêm rằng khách sạn Thanatos nằm tại một vùng có cảnh trí tự nhiên rất đẹp, có bốn sân quần vợt, một sân golf 18 lỗ^[80] và một bể bơi cỡ thể vận. Khách hàng chúng tôi gồm những người thuộc cả hai giới, và hầu hết họ xuất thân từ môi trường xã hội thanh lịch, do tình thế lạ lùng như vậy, cho nên về phương tiện giao tiếp, ở đây đặc biệt hấp dẫn, không một nơi nào sánh nổi. Hành khách được mời xuống xe lửa ở ga Deeming, tại đó sẽ có xe ca của khách sạn tới đón. Chỉ xin quý khách cho biết trước ít nhất là hai ngày, bằng thư hoặc điện. Địa chỉ để đánh điện như sau: "Thanatos, Coronado, New Mexico".

Jean Monnier lấy một cỗ bài và thử bói xem kết quả ra làm sao, theo cách Fanny đã dạy anh.

*

* *

Cuộc hành trình khá là dài. Hết giờ này sang giờ khác, xe lửa chạy qua những cánh đồng bông có những người da đen đang làm việc nổi lên giữa một biển bông trắng xốp. Rồi những khoảng ngắt quãng vì giấc ngủ và những giờ đọc sách, đọc báo đã lấp đủ hai ngày hai đêm. Sau cùng là một vùng phong cảnh núi non hùng vĩ và thần tiên. Con tàu chạy qua một lũng hẹp, nằm giữa các ngọn núi đá cao ngất. Những vật lớn màu tím, màu đỏ rạch ngang qua các ngọn núi. Ngang sườn núi một dải mây trôi lơ lửng. Đọc các ga xếp tàu đổ lại, người ta thoáng thấy những người đàn ông Mexico đội mũ dạ rộng vành, mặc áo da có các đường thêu.

- Ga tới đã là ga Deeming rồi đấy ạ, xin quý ông đi giày cho, – người da đen phục vụ trên toa tàu hạng sang nói với Jean Monnier.

Anh chàng người Pháp sắp xếp sách vở, và đóng va-li lại. Sự đơn giản của cuộc hành trình vừa qua làm anh ngạc nhiên. Anh nhận ra tiếng nước chảy ào ào của một dòng thác. Tiếng phanh nghiền rít lên. Con tàu dừng lại.

- Khách sạn Thanatos, thưa ngài? – Người Anh-điêng^[81] làm công việc khuân vác vừa chạy dọc các toa vừa hỏi anh.

Trên chiếc xe đẩy của anh ta đã thấy có hành lý của hai cô gái tóc hung đi theo phía sau. "Chẳng lẽ, – Jean Monnier nghĩ, – những cô gái xinh đẹp thế kia mà lại tới đây để chết ư?".

Hai cô gái cũng nhìn anh, những cái nhìn rất nghiêm trang, và họ thì thầm với nhau những tiếng gì, anh không nghe được.

Xe chở khách không có cái vẻ gì của một chiếc xe đám ma để có thể làm ta sợ hãi. Với nước sơn màu xanh thẫm, đệm màu xanh và màu da cam, chiếc xe bóng loáng lên dưới ánh mặt trời, giữa đám xe cũ kỹ với những người Tây Ban Nha và người Anh-điêng đang cãi cọ nhau tạo cho bãi đỗ xe này cái vẻ của một khu chợ mua bán đồ đồng nát. Các ngọn núi đá hai bên đường phủ đầy rêu, như được trùm một tấm khăn mỏng màu xám xanh. Phía trên cao lấp lánh những màu sắc sáng chói của những tảng đá có ánh kim. Lái xe là một tay to lớn, có cặp mắt lồi, bận đồng phục màu xám. Jean Monnier ngồi cạnh tay này, rất giữ ý và để cho hai người nữ đồng hành được ngồi với nhau; rồi trong khi do các đoạn đường vòng gập, xe phải leo trên đường núi, anh chàng người Pháp đã thử bắt chuyện với người ngồi bên cạnh mình.

- Ông làm lái xe cho khách sạn Thanatos bao lâu rồi?

- Ba năm, – anh kia trả lời lầu bầu.

- Kể cũng là một công việc lạ lùng.

- Lạ lùng? – Người lái xe nói. – Tại sao lại là lạ lùng? Tôi lái xe của tôi. Có gì lạ lùng ở đây nào?

- Những người khách ông đưa lên có bao giờ quay xuống không?

- Ít khi lắm, – người này trả lời có vẻ hơi khó chịu, – ít khi lắm... Nhưng cũng có. Như tôi đây chẳng hạn.

- Ông à? Thật chứ? Ông đã từng đến đây như... khách hàng?

- Thưa ông, – người lái xe nói, – tôi nhận làm nghề này cốt để không bao giờ nói về tôi nữa, và những đoạn đường vòng gập này, khá là nguy hiểm. Hẳn là ông cũng không muốn để tôi giết

cả mấy người chú, ông và hai cô gái kia nữa?

- Tất nhiên là không, – Jean Monnier trả lời.

Rồi sau đó nghĩ rằng câu trả lời của mình có vẻ khô khan, anh mỉm cười.

Hai tiếng đồng hồ sau, người lái xe không nói không rằng, đưa tay chỉ cho anh hình khối mờ mờ của khách sạn Thanatos trên cao nguyên.

*

* *

Khách sạn được xây theo kiểu nửa Tây Ban Nha, nửa Anh-điêng, rất thấp, với những mái bằng và những bức tường trát xi măng màu đỏ, giả làm đất sét một cách thô vụng. Các căn buồng đều mở cửa về hướng nam, trông ra những cổng vòm chói chang ánh mặt trời.

Một gã gác cổng người Ý đón các vị khách. Bộ mặt cao nhẵn của anh ta chợt làm Jean Monnier nghĩ đến một xứ sở khác, với những con đường của một thành phố lớn, những đại lộ đầy hoa.

- Quái, tôi đã từng thấy anh ở đâu rồi hay sao nhỉ, – anh hỏi gã gác cổng khi một người bồi phòng đến đem va-li của anh đi.

- Ở khách sạn Ritz của thành phố Barcelona, thưa ngài... Tôi tên là Sarconi... Tôi rời đây từ hồi cách mạng.

- Từ Barcelona đến New Mexico, anh đi ghê thật.

- Ồ thưa ngài, nghề gác cổng thì ở đâu cũng thế cả thôi ạ... Chỉ có những giấy tờ mà tôi phải yêu cầu ngài điền vào cho thì ở đây khá phức tạp hơn là những nơi khác... Xin ngài thứ lỗi cho.

Các bản khai in sẵn mà gã gác cổng đưa cho ba người khách mới đến, quả thật như vậy, đầy những ô để trống những câu hỏi và những bản thuyết minh. Họ được lưu ý là phải khai thật chính xác ngày và nơi sinh, những người để báo tin trong trường hợp xảy ra tai nạn.

“Xin cho biết ít nhất hai địa chỉ của cha mẹ hoặc người thân, và nhất là, phải tự viết bằng tay, bằng thứ ngôn ngữ thường dùng theo mẫu A sau đây:

“Tôi ký tên dưới đây, thân thể và trí óc lạnh lạnh, cam đoan rằng tôi hoàn toàn tự nguyện từ bỏ cuộc sống, và ban giám đốc cũng như các nhân viên khách sạn Thanatos được miễn trừ mọi trách nhiệm trong trường hợp xảy ra tai nạn”.

Ngồi đối mặt với nhau ở chiếc bàn bên cạnh, hai cô gái xinh đẹp chép một cách cẩn thận bản mẫu A, và Jean Monnier để ý thấy họ dùng tiếng Đức.

*

* *

Henry M. Boerstecher, giám đốc khách sạn là một con người trầm tĩnh, đeo kính gọng vàng, tỏ ra rất tự hào về cơ ngơi của mình.

- Khách sạn là của ông à? – Jean Monnier hỏi.

- Thưa ông, không ạ, khách sạn thuộc về một Công ty vô danh, nhưng tôi là người nghĩ ra, và vì thế, tôi làm giám đốc suốt đời.

- Làm thế nào mà ông lại không gặp phải những rắc rối nghiêm trọng với các nhà chức trách địa phương nhỉ?

- Những rắc rối à? – Boerstecher nói, vẻ sững sốt và khó chịu. – Mà chúng tôi có làm gì đâu, thưa ông, không làm gì trái với trách nhiệm chủ khách sạn của chúng tôi cả. Chúng tôi cung cấp cho khách hàng của chúng tôi cái mà họ muốn. Tất cả mọi cái mà họ muốn, không có gì hơn nữa... Vả lại, thưa ông, ở đây không có nhà chức trách địa phương. Vùng đất này khó phân ranh giới đến nỗi không ai biết đích thực là có thuộc phần của Mexico hay của Hoa Kỳ. Từ lâu cao nguyên này có tiếng là nơi không thể đặt chân tới được. Một truyền thuyết nói rằng cách đây vài trăm năm, có một bộ lạc người Anh-điêng đến tụ tập ở đây, cùng chết với nhau để tránh cái họa người Âu, và người dân vùng này cho rằng hồn người chết cấm không cho bất cứ ai đặt

chân lên núi. Chính vì thế mà chúng tôi có thể giành được chỗ đất này với giá cả hết sức phải chăng và thực hiện ở đây một sự tồn tại độc lập.

- Và không bao giờ gia đình của khách hàng kiện ông à?

- Kiện chúng tôi? – Boerstecher kêu lên, vẻ tức tối. – Lạy Chúa, tại sao lại kiện? Kiện trước tòa án nào? Gia đình của các khách hàng rất lấy làm sung sướng, chính thế đấy ông ạ, khi họ thấy đã giải quyết được một cách êm thấm những việc hết sức tế nhị, thậm chí còn khó khăn nữa là đằng khác... Không, không, thưa ông, mọi việc ở đây đều diễn ra một cách tử tế, đúng đắn, và khách hàng với chúng tôi là bè bạn... Ông có thích xem qua buồng của mình không? Buồng số 113, nếu ông thấy ưng ý. Ông không phải là người mê tín đấy chứ?

- Hoàn toàn không, – Jean Monnier trả lời, – nhưng tôi là người có đạo, thú thật với ông, ý nghĩ về tự tử làm tôi áy náy...

- Nhưng thưa ông đây không phải và cũng sẽ không bao giờ là vấn đề tự tử, – Boerstecher nói một cách quả quyết đến nỗi người đối thoại với ông ta không gặng thêm nữa. – Sarconi, anh chỉ cho ông Monnier đây buồng số 113. Còn về khoản ba trăm đô-la, thưa ông, xin ông làm ơn giao thẳng cho thủ quỹ, phòng làm việc của ông ấy ở ngay cạnh phòng tôi đây thôi.

Trong phòng số 113, sáng bừng ánh sáng rực rỡ của mặt trời sắp lặn. Jean Monnier cố tìm nhưng vô ích, vì anh không hề thấy có dấu vết nào của một khí cụ giết người.

*

* *

- Ăn tối vào lúc mấy giờ?

- Tám giờ rưỡi, thưa ngài, – người hầu phòng trả lời.

- Có cần phải ăn mặc chỉnh tề không?

- Dạ, thưa ngài, phần đông các quý ngài đều làm thế ạ.

- Được! Tôi sẽ ăn mặc chỉnh tề... anh chuẩn bị cho tôi một cà-vạt đen và một áo sơ mi trắng.

Khi xuống phòng khách, quả thật anh thấy các bà, các cô đều mặc áo hở cổ, còn cánh đàn ông mặc áo đuôi tôm. Boerstecher chạy đến đón anh, lễ phép và ân cần.

- À! Ông Monnier... Tôi đang tìm ông... Chả là ông có một mình, cho nên tôi mới nghĩ rằng có thể ông sẽ vui lòng ngồi cùng bàn với một trong những khách hàng thuộc giới nữ của chúng tôi, bà Kirby-Shaw.

Monnier làm một cử chỉ tỏ vẻ chán chường.

- Tôi không đến đây, – anh nói, – để theo đuổi một cuộc sống xã giao... Tuy vậy, liệu ông có thể cho tôi biết bà ấy mà chẳng cần phải giới thiệu tôi không?

- Được thôi, ông Monnier... Bà Kirby-Shaw là người đàn bà trẻ mặc áo dài bằng vải crêpe láng màu trắng, ngồi cạnh đàn pi-a-nô và đang giở tờ đặc san đó. Tôi không tin rằng nhan sắc bà ấy có thể làm ông phật ý. Còn lâu mới như vậy... Đây là một người đàn bà rất dễ chịu, cốt cách thượng lưu, thông minh, nghệ sĩ nữa, ông ạ.

Bà Kirby-Shaw là một người phụ nữ rất đẹp. Bộ tóc nâu, được uốn thành từng búp nhỏ rủ xuống tận gáy và để lộ ra một vầng trán cao, khỏe khoắn. Đôi mắt dịu dàng, hóm hỉnh. Một con người đáng yêu như vậy lại muốn chết được hay sao?

- Chẳng lẽ bà Kirby-Shaw...? Cuối cùng té ra bà ấy cũng là một trong những khách hàng của ông, cũng cùng hoàn cảnh, cũng cùng một lý do như tôi à?

- Chắc chắn là như vậy, – Boerstecher nói, dường như có ý nhấn mạnh để làm tăng sức nặng cho ý nghĩa của giới từ ấy. – Chả...c ch...ă...n.

- Vậy thì xin ông hãy giới thiệu tôi đi.

Khi bữa ăn tối, đơn giản nhưng hết sức ngon lành và được phục vụ tốt, chấm dứt, Jean Monnier đã biết, ít ra là ở những nét chủ yếu, cuộc đời của Clara Kirby-Shaw. Đã kết hôn với một người đàn ông giàu có, rất tốt, nhưng chưa bao giờ yêu, sáu tháng trước đây nàng bỏ

chồng để đi sang châu Âu cùng với một nhà văn trẻ, đẹp, quyến rũ và trâng tráo mà nàng gặp ở New York. Gã trai trẻ mà nàng nghĩ là sắp tới trở thành chồng mình, ngay từ lúc đặt chân đến nước Anh, nàng đã biết rằng hắn có ý định xua đuổi nàng càng nhanh càng tốt. Sừng sốt và đau khổ vì sự tàn nhẫn của người tình, nàng đã tìm cách làm cho hắn hiểu rằng vì hắn, nàng đã phải vứt bỏ những gì, và cả tình cảnh thê thảm mà nàng đang phải chịu nữa. Hắn cười sảng sặc:

- Clara, anh nói thực đấy, - hắn bảo nàng, - em quả là một con người của một thời đại khác!... Nếu anh biết trước là em cố hủ đến thế này, anh đã để em lại với chồng em, với con em. Hãy trở về với chồng con đi em ạ. Em sinh ra là để chăm sóc một gia đình con cháu đầy đàn.

Lúc bấy giờ nàng chỉ còn một hy vọng cuối cùng là xin với chồng, Norman Kirby-Shaw cho được trở lại.

Nàng tin chắc rằng, nếu có thể gặp riêng ông, nàng sẽ chiếm lại được ông. Nhưng ông sống giữa vòng vây của gia đình, của bạn bè cùng một công ty, những người luôn luôn gây sức ép buộc ông ghét bỏ Clara. Norman đành phải tỏ ra không nhân nhượng. Sau nhiều toan tính nhọc nhằn và vô ích, một buổi sáng, nàng tìm thấy trong đồng thư từ của mình tờ quảng cáo của khách sạn Thanatos và hiểu rằng đây là giải pháp duy nhất, mau lẹ và dễ dàng, cho nỗi đau của mình.

- Thế bà không sợ chết à? - Jean Monnier hỏi.

- Có chứ, sợ là cái chắc... Nhưng vẫn chưa bằng sợ sống.

- Một câu trả lời hay tuyệt, - Jean Monnier nói.

- Tôi không muốn tìm một câu trả lời hay, - Clara nói. - Và bây giờ ông hãy kể cho tôi nghe tại sao ông lại ở đây?

Nghe xong câu chuyện của Jean Monnier, nàng trách móc anh một cách nặng nề.

- Hầu như không thể tưởng tượng nổi! - Nàng nói. - Như thế nào...? Ông muốn chết bởi vì cổ phiếu của ông sụt giá?... Ông không thấy rằng trong một năm, hai năm, ba năm hoặc hơn nữa, nếu ông có can đảm để sống, ông sẽ có thể lấy lại những gì ông đã mất ư?

- Mất tiền chẳng qua là cái có. Tiền nông, quả thực, có là cái gì đâu, nếu như tôi còn có lý do để sống. Nhưng tôi cũng xin nói với bà rằng vợ tôi đã bỏ tôi. Ở bên Pháp, tôi chẳng còn ai là người thân thích, tôi cũng không để lại bên đó một người bạn gái nào... Và rồi thì, nói hoàn toàn thành thực, tôi đã rời bỏ quê hương sau một nỗi thất vọng về tình... Còn bây giờ, tôi sẽ phấn đấu để cho ai?

- Cho chính ông... Cho những người sẽ yêu ông... và rồi ông sẽ gặp. Trong cảnh ngộ khó khăn ông đã gặp phải một người phụ nữ không xứng đáng. Xin ông đừng vì thế mà lên án một cách bất công tất cả những người phụ nữ khác...

- Bà tin một cách thành thật rằng vẫn còn có những người phụ nữ. Tôi muốn nói những người phụ nữ mà tôi có thể yêu... và họ có khả năng chấp nhận, ít nhất là trong vài ba năm, một cuộc sống nghèo khổ, vật lộn...?

- Tôi dám chắc là có, - nàng nói. - Có những người phụ nữ thích phấn đấu và họ tìm thấy trong cảnh nghèo khổ một cái gì hấp dẫn có tính chất tiêu thuyết... Như tôi đây chẳng hạn.

- Bà ư?

- Ồ, tôi chỉ muốn nói rằng... Nàng dừng lại, ngập ngừng, rồi nói tiếp: Tôi nghĩ rằng chúng ta nên trở lại phòng khách... Chỉ còn có tôi với ông ngồi lại trong phòng ăn, và ông chủ khách sạn đang đi đi lại lại quanh chúng ta với vẻ lo lắng.

- Bà không nghĩ, - anh vừa nói vừa khoác vào vai Clara Kirby-Shaw một tấm áo choàng bằng lông chồn, - bà không nghĩ rằng... ngay trong đêm nay...?

- Ồ, không đâu! Ông vừa đến xong mà...

- Thế còn bà?

- Tôi ở đây đã hai hôm.

Khi chia tay, họ hẹn nhau sáng hôm sau cùng đi chơi núi.

*
* *

Mặt trời buổi sáng rọi xiên, phủ lên vòm cổng khách sạn một lượt ánh sáng ấm áp. Jean Monnier vừa tắm nước lạnh xong, đang ngạc nhiên thấy mình nghĩ: “Sống kể ra cũng khoái thật!”. Sau đó anh tự nghĩ rằng mình chỉ còn lại vài đô-la và vài ngày sống thôi. Anh thở dài: “Muộn giờ rồi!... Clara đang đợi mình”. Anh vội vàng mặc quần áo và cảm thấy nhẹ nhõm trong bộ đồ bằng vải lanh trắng. Khi anh gặp lại Clara ở cạnh sân quần vợt, nàng cũng mặc quần áo trắng, và đang đi dạo cùng với hai cô gái người Áo ôm quàng lấy hai bên, các cô này vừa nhận ra anh chàng người Pháp liền bỏ đi:

- Tôi làm các cô ấy sợ à?
- Ông làm các cô ấy ngượng... Hai chị em vừa kể cho tôi nghe chuyện của họ.
- Chuyện hay chứ? Lát nữa bà kể cho tôi nghe với nhé... Bà có ngủ được chút nào không?
- Có, tôi ngủ ngon lành. Tôi ngờ rằng lão Boerstecher đáng sợ kia đã pha thuốc ngủ vào nước uống của chúng ta.
- Tôi không tin thế, – anh nói, – tôi ngủ say như chết, nhưng đây là giấc ngủ tự nhiên, sáng nay tôi cảm thấy hoàn toàn tỉnh táo.

Một lúc sau, anh nói thêm:

- Và hoàn toàn sung sướng.

Nàng nhìn anh, mỉm cười và không trả lời.

- Ta đi theo lối này, – anh nói, – và bà kể cho tôi nghe chuyện về hai cô bé người Áo đi... Ở đây, bà sẽ là nàng Scheherazade^[82] của tôi.

- Nhưng đêm của chúng ta sẽ không là một nghìn lẻ một...
- Chà!... Đêm của chúng ta...?

Nàng ngắt lời anh:

- Hai cô bé này là hai chị em sinh đôi. Họ cùng được nuôi dạy, thoát đầu ở Vienna, sau đó là Budapest, và ngoài hai người, không có ai là bạn bè thân thiết. Đến năm mười tám tuổi, họ gặp một chàng trai người Hung, thuộc dòng dõi quý phái lâu đời, đẹp như một thiên thần, say mê âm nhạc như một gã Tzigan và cả hai chị em, cùng trong một ngày, yêu anh chàng đến phát điên phát cuồng lên. Vài tháng sau, anh chàng đến cầu hôn với một trong hai cô. Cô kia thất vọng đã toan tự vẫn nhưng không thành. Lúc đó, cô đã được chọn liền quyết định từ hôn với bá tước Nicky và họ có ý định cả hai cùng chết. Chính vào lúc đó, cũng như tôi và ông, họ nhận được tờ quảng cáo của khách sạn Thanatos.

- Diên thật! – Jean Monnier nói. – Hai chị em cùng trẻ và đẹp mê hồn... Sao họ không sang Mỹ, ở đó thiếu gì những người khác sẽ yêu họ?... Chỉ một vài tuần lễ kiên trì...

- Chính là vì luôn luôn thiếu kiên trì cho nên họ mới đến đây... – nàng nói một cách buồn rầu, – khốn nỗi chúng ta lại chỉ khôn ngoan về chuyện của người khác... Vậy cho nên mới có một ai đó nói rằng người ta luôn luôn có đủ can đảm để gánh chịu mọi đau khổ của người khác đó sao...?

Cả ngày hôm đó, khách hàng của khách sạn Thanatos thấy một đôi mặc trắng tuyền, dạo chơi nhàn nhã trong các lối đi của vườn hoa khách sạn, trên sườn núi, dọc thung lũng. Hai người bàn luận say sưa. Khi đêm xuống, họ trở về khách sạn, và lão làm vườn người Mexico trông thấy họ ôm hôn nhau, liền quay mặt đi.

*
* *

Sau bữa ăn, Jean Monnier ngồi cạnh Clara Kirby-Shaw suốt cả buổi tối trong một phòng khách nhỏ vắng vẻ, thì thầm những câu gì đó làm nàng có vẻ xúc động. Sau đó trước khi về buồng mình, anh đi tìm Boerstecher. Anh thấy viên giám đốc ngồi trước một cuốn sổ lớn màu đen, đang soát lại các con tính cộng và thỉnh thoảng, bằng một nét bút chì đỏ, gạch xóa đi một

dòng.

- Chà, ông Monnier!... Tôi có thể giúp được ông việc gì đây?...

- Có đấy ông Boerstecher ạ... Ít ra tôi cũng hy vọng ông... Điều tôi sắp nói ra sẽ làm ông ngạc nhiên... Một sự thay đổi khá là đường đột... Nhưng cuộc đời là thế... Nói tóm lại, tôi đến để báo cho ông biết rằng tôi đã thay đổi ý định... Tôi không muốn chết nữa.

Boerstecher ngạc nhiên, mở to đôi mắt:

- Ông nói nghiêm túc đấy chứ, ông Monnier?

- Tôi biết chắc, – anh chàng người Pháp nói, – rằng ông sẽ coi tôi là một kẻ tiền hậu bất nhất, không kiên định... Nhưng mà, khi hoàn cảnh đã đổi khác, ý muốn của chúng ta cũng đổi khác, đó là điều tự nhiên, có phải thế không ông?... Tám hôm trước đây, khi nhận được thư ông, tôi cảm thấy tuyệt vọng, tuyệt vọng nhất trên thế gian này... Tôi không nghĩ rằng sự phấn đấu còn có một chút giá trị nào đáng để làm nữa... Hôm nay tất cả đều đã đổi thay... và thực chất, chính là nhờ ông đấy, ông Boerstecher ạ.

- Nhờ tôi à, ông Monnier?

- Đúng đấy ạ, bởi vì chính người thiếu phụ mà ông giới thiệu ngồi cùng bàn với tôi đã làm nên chuyện thần kỳ đó... Bà Kirby-Shaw là một người phụ nữ tuyệt vời, ông Boerstecher ạ.

- Tôi đã nói mà, ông Monnier.

- Tuyệt vời và dũng cảm... Được tôi nói cho biết tình cảnh khốn cùng của tôi, bà ấy muốn được cùng tôi chia sẻ... Nghe thế hẳn ông ngạc nhiên?

- Không hề ngạc nhiên một chút nào. Chúng tôi ở đây đã quen với những chuyện có tính kịch như vậy. Và tôi lấy làm vui sướng, ông Monnier ạ... ông hãy còn trẻ, rất trẻ...

- Vậy thì, nếu ông không thấy có trở ngại gì nữa, chúng tôi xin được sẽ lên đường vào ngày mai, bà Kirby-Shaw và tôi nữa, chúng tôi sẽ ra ga Deeming.

- Như vậy là cả bà Kirby-Shaw, cũng như ông, đều thôi...

- Vâng, tất nhiên... Để rồi ngay sau đây bà ấy sẽ thừa lại với ông... Cũng còn một vấn đề khá tế nhị cần được giải quyết... Khoản 300 đô-la tôi đã nộp ông, liệu nó là thuộc hoàn toàn về khách sạn Thanatos hay tôi có thể xin lại một phần nào để mua vé xe lửa ạ?

- Chúng tôi là những người đứng đắn, ông Monnier ạ. Chúng tôi không bao giờ để khách hàng phải trả tiền cho những công việc mà thực tế chúng tôi không làm cho họ. Đến sáng ngày mai, thủ quỹ sẽ thanh toán với ông, cứ mỗi ngày lưu trú mất hai chục đô-la, kể cả tiền thù lao cho người phục vụ, số còn thừa sẽ xin hoàn lại ông.

- Ông là một con người hết sức nhã nhặn và hào hiệp... Ôi! Ông Boerstecher ạ, tôi mang ơn ông quá nhiều! Một niềm hạnh phúc đã tìm lại được... Một cuộc đời mới...

- Xin sẵn lòng phục vụ ông, – Boerstecher nói.

Lão nhìn Jean Monnier bước ra và đi xa dần. Sau đó lão ấn một cái nút và gọi:

- Bảo Sarconi lên gặp tôi.

Vài phút sau, người gác cổng bước vào.

- Ngài cho gọi tôi ạ, thưa ngài giám đốc.

- Phải, này Sarconi... ngay đêm nay, cần phải cho hơi ngạt vào buồng 113, vào lúc hai giờ sáng.

- Thưa ngài giám đốc, có cần phải cho hơi mê trước hơi ngạt không ạ?

- Tôi nghĩ là không cần... Hẳn ta ngủ rất ngon. Công việc của ông hôm nay chỉ thế thôi, Sarconi ạ... và tối mai hai con bé ở buồng số 11, cứ thế mà làm.

Ngay khi người gác cổng đi ra thì Kirby-Shaw xuất hiện ở cửa phòng làm việc.

- Vào đi, – Boerstecher nói. – Đúng lúc tôi sắp gọi cô. Khách hàng của cô vừa đến đây báo cho tôi biết về cuộc lên đường của hẳn.

- Hình như, – ả nói, – em đáng được thưởng. Công việc đã chu tất.

- Rất nhanh... Tôi sẽ tính cho cô khoản đó.

- Vậy là ngay đêm nay à?

- Đêm nay.

- Tội nghiệp anh ta! – ả nói. – Anh ta tử tế, mơ mộng.

- Tất cả chúng nó đều mơ mộng, – Boerstecher nói.

- Ông kể cũng thật độc ác, – ả nói. – Đúng vào lúc người ta lấy lại được lòng yêu cuộc sống thì ông bắt người ta phải lìa đời.

- Độc ác! Ngược hẳn lại thì có, phương pháp của chúng ta hoàn toàn nhân đạo... Tay này cứ ngại ngùng vì tín ngưỡng của hẳn... Tôi đã dẹp yên cho hẳn những ngại ngùng.

Lão xem lại sổ sách:

- Ngày mai được nghỉ... Nhưng ngày kia, tôi sẽ có cho cô một khách hàng mới đến. Cũng chủ ngân hàng nhưng lần này là người Thụy Điển... Và gã không còn trẻ lắm nữa đâu.

- Em rất thích cậu bé người Pháp ấy, – ả nói, vẻ mơ màng.

- Không thể chọn việc theo ý thích của mình được, – lão giám đốc nói một cách nghiêm khắc.

- Nay, cầm lấy, đây là mười đô-la của cô, cộng thêm mười đô-la tiền thưởng.

- Cảm ơn, – Clara Kirby-Shaw nói.

Và cùng lúc với việc bỏ giấy bạc vào túi, ả thở dài.

Khi ả đã đi ra, Boerstecher tìm bút chì đỏ, rồi sau đó, hết sức cẩn thận, lão dùng một chiếc thước kẻ bằng kim loại, gạch đi trong cuốn sổ của lão một cái tên người.

HẾT

[1] You are just wonderful! (Tiếng Anh trong nguyên bản).

[2] Percy Bysshe Shelley (1792 – 1822): nhà thơ trữ tình của nước Anh.

[3] Johann Sebastian Bach (1685 – 1750): nhạc sĩ thiên tài người Đức.

[4] Versailles: một cung điện lớn ở vùng ven đô Paris, xưa kia là Hoàng cung, nổi tiếng có các khu vườn và các đài phun nước đẹp.

[5] Tên truyện mượn từ một câu nói của nhân vật chính trong vở kịch *Phèdre* của Jean Racine.

[6] Nhân vật chính của một truyện thần thoại, người đã giết chết tất cả các bà vợ của mình.

[7] Alfred Dreyfus (1859 – 1935): sĩ quan Pháp gốc Do Thái, bị tình nghi là gián điệp năm 1894, bị kết án chung thân, năm 1906 mới được minh oan. Vụ án kéo dài trong nhiều năm. Nhiều nhà trí thức tiên bộ của nước Pháp đã đấu tranh bảo vệ Dreyfus.

[8] Marie Stuart (tiếng Anh: Mary Stuart, 1542 – 1587): nữ hoàng xứ Scotland, bị xử trảm năm 1587 theo lệnh của Nữ hoàng Anh Elizabeth I. Bothwell (James) là chồng thứ ba của Marie Stuart.

[9] Martinique: một hòn đảo trong quần đảo Antilles ở Trung Mỹ.

[10] Frédérik Lemaître (1800 – 1876): diễn viên Pháp nổi tiếng.

[11] David Garrik (1717 – 1778): diễn viên Anh nổi tiếng, chuyên diễn kịch Shakespeare.

[12] *Trà hoa nữ*, *La Dame aux Camélias*, tên cuốn tiểu thuyết, sau được chuyển thành kịch của Alexandre Dumas con (1824 – 1895). *La Dame aux Camélias* là biệt danh của nhân vật chính có tên là Marguerite Gautier.

[13] Nguyên văn: “Tête à X”, biệt danh để gọi các học viên trường sĩ quan pháo binh và công binh.

[14] Quảng trường Hoàng cung, một lâu đài ở Paris. Ngày trước cứ vào giờ Ngọ, người ta lại bắn một phát đại bác ở đây.

[15] Không thể bốn cột với tình yêu và Người bán nến là hai vở kịch của Alfred de Musset.

[16] Kịch của Marivaux.

[17] Chartres: một thành phố của nước Pháp, gần Paris.

Eduard Manet (1833 – 1883): họa sĩ Pháp, một trong những người thủ xướng của trường phái Ấn tượng.

[18] Marcel Proust (1871 – 1922): nhà văn Pháp.

[19] Lev Tolstoy (1828 – 1910): nhà văn Nga.

[20] Gustave Flaubert (1821 – 1888): nhà văn Pháp.

[21] Panthéon: Một nhà thờ cổ ở Paris, nơi để hài cốt các nhân vật nổi tiếng của nước Pháp, nằm trong khu Latin, quanh đây có nhiều trường cao đẳng và đại học.

[22] Hyppolite Taine (1828 – 1883): nhà sử học, nhà phê bình Pháp.

[23] Lucien-Anatole Prévost-Paradol (1829 – 1870): chính khách và nhà báo Pháp.

[24] Francisque Sarcey (1827 – 1899): nhà phê bình sân khấu và nhà văn Pháp.

[25] Edmond About (1828 – 1885): nhà văn Pháp.

[26] Prosper Mérimée (1803 – 1870): nhà văn Pháp.

[27] Maurice Barrès (1862 – 1923): nhà văn Pháp.

[28] Wolfgang Goethe (1749 – 1832): nhà văn lớn của nước Đức. *Wilhelm Meister* là tiểu thuyết bộ đôi của ông: *Những năm tập rèn của Wilhelm Meister* (1796) và *Những năm du lịch của Wilhelm Meister* (1821).

[29] Bắt chước đại tiểu thuyết “Tấn trò đời” của Honoré de Balzac (1799 – 1850), nhà văn lớn

của nước Pháp.

[30] William Shakespeare (1564 – 1616): nhà soạn kịch lớn nhất của nước Anh.

[31] Molière (1623 – 1673): tác giả hài kịch Pháp.

[32] Alfred de Musset (1810 – 1857): nhà thơ, nhà soạn kịch Pháp.

[33] Henri Bergson (1859 – 1941): nhà triết học Pháp.

[34] Hans Holbein (1497 – 1543): họa sĩ Đức.

[35] Jean-Honoré Fragonard (1732 – 1806): họa sĩ Pháp.

[36] Paul Verlaine (1844 – 1896): nhà thơ Pháp.

[37] James Whistler (1834 – 1903): họa sĩ theo trường phái Ấn tượng, người Mỹ.

[38] *Dominique*, tiểu thuyết của Eugène Fromentin (1820 – 1876): nhà văn Pháp. Dominique là tên nhân vật chính.

[39] Giải Goncourt: giải thưởng văn chương hàng năm của Pháp do sáng kiến của nhà văn Edmond de Goncourt (1822 – 1896).

[40] Charles Augustin de Sainte-Beuve (1804 – 1896): nhà văn Pháp thuộc trường phái Lãng mạn.

[41] Saint Cyr: Trường Cao đẳng quân sự Pháp.

[42] Hégésippe Moreau: tên của một nhà thơ Pháp (1810 – 1835).

[43] Eric Satie (1866 – 1925): nhạc sĩ Pháp, một trong những thủ lĩnh của trường phái Cấu trúc.

[44] Nguyên văn tiếng Anh: There is more in this.

[45] George Moore (1852 – 1933): nhà văn Ireland.

[46] Luigi Pirandello (1867 – 1936): nhà văn Ý.

[47] Hugo von Hofmannsthal (1874 – 1929): nhà văn Áo.

[48] Sinclair Lewis (1885 – 1950): nhà văn Mỹ.

[49] Stendhal (1783 – 1842): nhà văn Pháp. *Tu viện thành Parme* và *Đỏ và Đen* là hai cuốn tiểu thuyết của ông.

[50] Nguyên văn: Cuốn sách dành cho cô thợ khâu.

[51] Nguyên văn tiếng Anh: No, no, it's unforgivable.

[52] Tên một vở kịch của Molière.

[53] Henri Bidou (1873 – 1943): nhà văn, nhà phê bình Pháp.

[54] Edmond Jaloux (1876 – 1949): nhà văn, nhà phê bình Pháp.

[55] Hoa diên vĩ (Caruri).

[56] Nhà soạn kịch Hy Lạp (525 – 456 trước Công nguyên).

[57] Nhà soạn kịch Hy Lạp (480 – 406 trước Công nguyên).

[58] Nhà soạn kịch Pháp (1857 – 1945).

[59] Pierre de Marivaux (1688 – 1763): Nhà soạn kịch Pháp.

[60] Cầu trên sông Seine, Paris.

[61] Nguyên văn: *du théâtre dans un fauteuil*, có nghĩa là loại kịch bản để đọc chứ không diễn. Câu đó cũng là tên một bài viết về sân khấu của Alfred de Musset.

[62] Thủ đô nước Hy Lạp.

[63] Một vương quốc nằm về phía tây Hy Lạp, tồn tại trước Công nguyên.

[64] Chính khách, nhà hùng biện Hy Lạp (384 – 332 trước CN).

[65] Pierre Corneille (1606 – 1684): nhà soạn kịch Pháp.

[66] Jean Racine (1639 – 1699): nhà soạn kịch Pháp.

[67] Marie Champmeslé, nữ danh Desmares (1642 – 1698): diễn viên Pháp, người yêu của Racine.

[68] Bà De Sévigné tức Marie de Rabutin-Chantal (1626 – 1696): nhà văn Pháp.

[69] Những nhân vật trong các vở kịch của Molière (Caruri).

[70] Còn gọi là Neuilly-sur-Seine: Neuilly trên sông Seine, một vùng thuộc Paris, gần rừng Boulogne, hàng năm vào dịp hè có hội chợ ở đó.

[71] Rừng Boulogne, ở vùng ngoại ô Paris.

[72] Vua của vương quốc Bagdad, Iraq ngày nay, thường vi hành để lắng nghe dư luận nhân dân.

[73] Câu văn này tôi sửa lại vì bản dịch không chính xác với nguyên bản (Caruri).

[74] Livre sterling: đồng tiền nước Anh.

[75] Bellboy: tiếng Anh trong nguyên bản.

[76] Thanatos: Tiếng Hy Lạp có nghĩa là chết.

[77] Khu trung tâm của thành phố New York.

[78] Arizona: một bang thuộc miền nam nước Mỹ.

[79] New Mexico: một bang của nước Mỹ.

[80] Golf: môn thể thao đánh bóng vào hố có nguồn gốc từ nước Anh. Có hai loại sân golf loại 18 hố và loại 9 hố.

[81] Anh-điêng (Indien): người da đỏ, thổ dân châu Mỹ.

[82] Cô gái kể chuyện cho vua nghe trong truyện “Nghìn lẻ một đêm”.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>